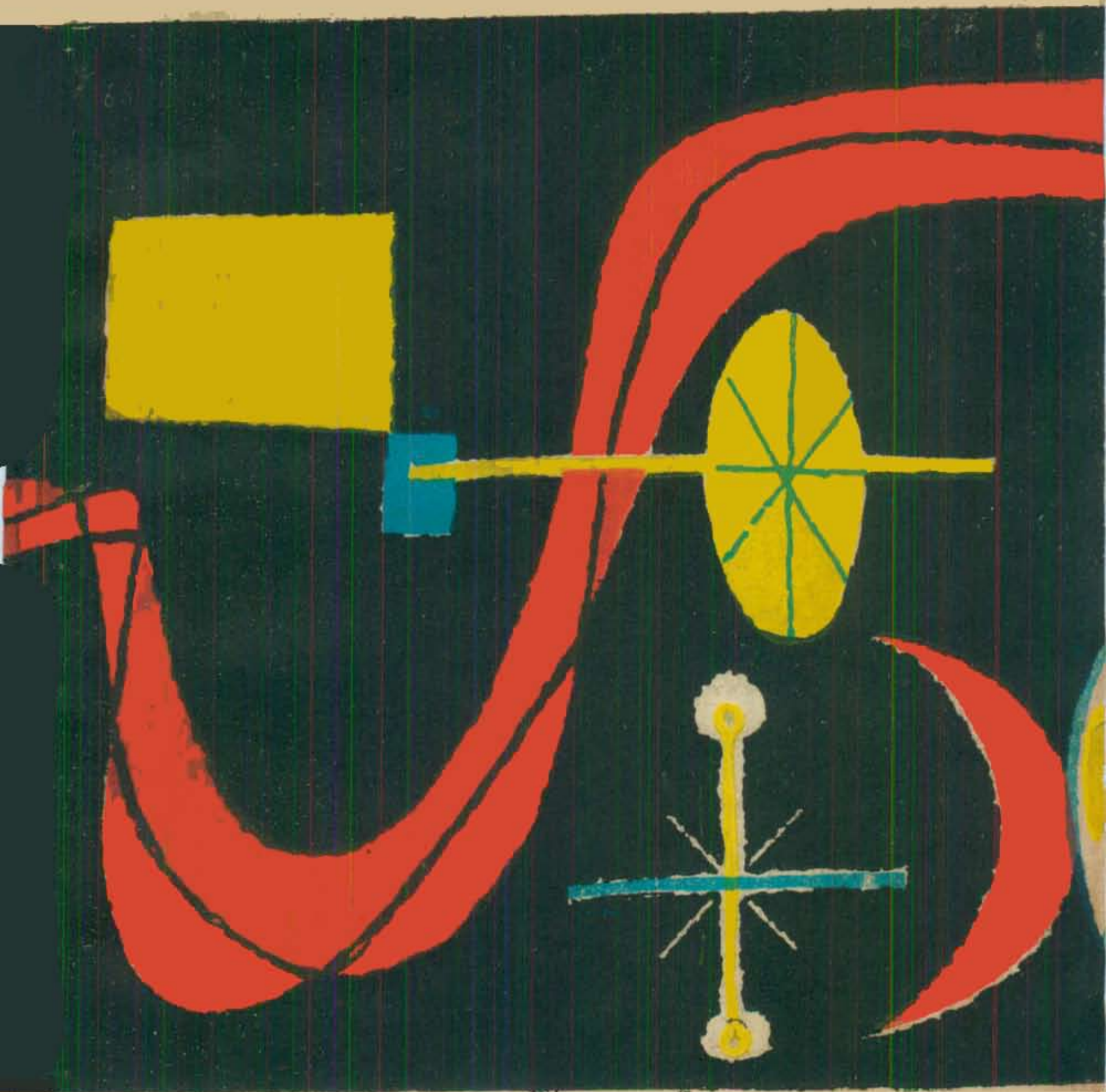


241

242

BACH KHOA

THỜI ĐẠI



SO KÝ NIỆM

mười năm



SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associé :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 cc.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai lô Nguyễn-Huê - SAIGON



Distributeur : **UFFARMA Công Ty** 20/A, Bèn Bach-Dang, Saigon

Số kỷ - niệm mười năm

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 241-242 tháng 1 - 1967

BÁCH KHOA T.Đ. 10 năm Bách-Khoa	3
NGUYỄN NGU Í 10 năm (thơ)	6
TỪ TRÌ một năm khủng hoảng chính trị	7
những biến cố trên thế giới trong 10 năm qua	8
VÕ QUANG YẾN 10 năm phát triển khoa học	18
BÙI HỮU SÙNG vài nhận xét về 10 năm giáo dục	27
DUY 10 năm kinh tế	33
NGỌC VÂN 10 năm khoa học không gian	41
VÕ PHIẾN 10 năm cầm bút	47
NGUYỄN HIẾN LÊ trên 10 năm cầm bút và xuất bản	52
ĐOÀN THÊM buồn vui của người viết	58
HỒ HỮU TƯỜNG dự tri	65
LÊ VĂN HẢO, VINH PHỐI tìm về tranh dân gian Việt-Nam	70
TRẦN HƯƠNG TỬ ngày xuân con én đưa thoi	78
ĐÔNG HỒ gửi lòng Nguyên-dân (thơ)	86
BÙI KHÁNH ĐẢN thi hội tân niên, gửi bạn (thơ)	88
ĐOÀN THÊM thơ	89

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

Đ.T. 25.539

H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ: 50\$ - Cộng sở : Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

VU ĐOÀI <i>xuân về ấp chị (truyện ngắn)</i>	90
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện ngắn)</i>	98
VÕ PHIẾN <i>người chồng bất thường (truyện ngắn)</i>	109
THẾ UYÊN <i>tiền đồn (truyện dài)</i>	120
XUÂN HIẾN <i>đôi mắt (thơ)</i>	125
PHỒ ĐỨC <i>hồi sinh (thơ)</i>	126
VŨ HẠNH <i>10 năm cầm bút</i>	127
TRÙNG DƯƠNG <i>mưa không ướt đất (truyện ngắn)</i>	138
HUY LỰC <i>vở về mùa xuân (thơ)</i>	150
LÊ PHƯƠNG CHI <i>tâm sự Phạm Duy (phỏng vấn)</i>	151
THIỆN Ý <i>ngày xuân bàn chuyện trường sinh</i>	159
THANH THIÊN <i>nhận xét về dự án Hiến pháp</i>	171
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn-nghệ</i>	172
TRẦN TRIỆU LUẬT <i>giáo sư đại-học với vấn đề chuyên ngữ</i>	179
THẾ NHÂN <i>hội thảo về phê-bình văn-nghệ</i>	181
HOÀNG HUYỀN THOẠI <i>đường lên (thơ)</i>	183
BÌA do họa sĩ TẠ TỶ minh họa và trình bày	

**SỐ TÂN NIÊN 243, KẾ TIẾP SỐ NÀY, SẼ PHÁT HÀNH VÀO
NGÀY 15 - 2 - 1967**

NHÂN DỊP TẾT ĐINH-MÙI

Kính chúc quý vị độc-giả một năm mới

vui vẻ, may mắn và hạnh phúc

NHÓM CHỦ TRƯỞNG BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

10 NĂM BÁCH-KHOA

«Xây dựng nước nhà về toàn diện là nhiệm vụ chung của mọi người, trong đó việc góp phần sáng kiến cá nhân, dù đúng, dù sai, đều có ích lợi, miễn là tư tưởng ấy xuất phát từ một ý muốn tốt và thành thực.

«... Xây dựng nước Việt-Nam hẳn là xây dựng đủ các ngành, các khoa, các phương diện.

«Với quan niệm như thế, tạp chí Bách-Khoa ra đời».

Đó là những câu thay lời phi lộ, trên Bách Khoa số ra mắt, cách đây đúng 10 năm.

Hồi ấy, chiến tranh chấm dứt từ lâu, tiếng súng bình-dịnh ở một vài địa-phương cũng không còn nữa, Quốc-hội lập-hiến được bầu, Hiến-pháp đương soạn thảo, những người có nhiệt tâm, thiện chí, ai cũng náo nức muốn đem trí óc, sức lực của mình cố gắng làm cho miền Nam tự do thực giàu mạnh, phương sách hiệu quả nhất để ngăn ngừa cộng sản nảy nở và xâm nhập. Một nhóm anh em gồm một số trí thức, nhà văn, nhà báo, nhà giáo, công tư chức, trong trào lưu hăng say đó, cũng muốn có một diễn-đàn độc lập để góp ý với chính quyền, bày tỏ nhận xét, cảm nghĩ của mình trong công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh và phục-hưng xứ sở. Diễn đàn ấy, tạp chí với ý hướng ấy, xin xuất bản trong nửa năm trời mà vẫn không được phép. Về sau, đành phải mượn lại giấy phép một nội-san của Hội Văn-Hóa Bình-Dân—tờ Bách-Khoa bình-dân—nên vì vậy tờ báo của quý bạn mới mang danh-hiệu Bách Khoa và mãi tới ngày 15-1-57 mới ra mắt bạn đọc được.

Trong những năm đầu, chủ trương trên đây của Bách-Khoa được bộc lộ rõ rệt qua những bài góp ý về đủ các vấn-đề : chính-trị, kinh-tế,

văn-hóa, xã-hội, quân-sự... Và lúc nào tờ báo cũng nêu lên tôn - chỉ của mình là một diễn-dàn chung của mọi ý-kiến xây dựng. Nhưng rồi chính quyền thời đó càng ngày càng đi sâu vào con đường độc tài thì những lời nói thẳng, nói thật, càng bị bóp nghẹt. Niềm lạc quan, lòng tin tưởng, bàng bạc ở những số kỷ-niệm đệ-nhất, đệ nhị chu-niên, nhật dần khi càng đụng chạm với thực tế. Từ năm thứ ba trở đi, nhiều ý tình đã phải gửi gắm qua những «danh ngôn», «truyện xưa tích cũ», trong những loạt bài «Thắc mắc», «Dòng tư tưởng», «Nhận định» v.v... Do đó tạp-chí Bách-Khoa, nếu mới đầu, phần biên-khảo nghị-luận nặng về góp ý, thì càng về sau lại càng nghiêng về phổ biến kiến-thức.

Sau 5 năm, chủ trương của Bách-Khoa tuy vẫn là tiếp nhận những ý-kiến xây dựng về mọi mặt, nhưng chú trọng nhiều hơn về «trình bày những vấn đề thời sự, phổ biến những kiến thức mới mẻ, giới thiệu những trào lưu tư tưởng hiện đại...» đồng thời «cống hiến các bạn yêu văn-nghệ những sáng-tác và dịch-phẩm chọn lọc, cố gắng phản ảnh được thực nhiều xu - hướng dị-biệt». Chủ trương trên đây, Bách - Khoa vẫn giữ vững cho tới ngày nay — dù đã đổi thành Bách-Khoa Thời-Đại để hoàn lại giấy phép cũ cho Hội Văn-Hóa Bình-Dân — phần văn-nghệ cũng như phần khảo-luận, cố gắng «phản ảnh được cuộc sống thực của xã hội, nói lên được những đòi hỏi và yêu cầu chính-đáng của thời-đại».

Khởi đầu ban biên-tập cùng những anh em cộng tác thường xuyên, nhiều người chưa có kinh-nghiệm viết báo, nên lắm bài trên Bách-Khoa trong những số đầu, tuy nội dung súc tích nhưng diễn-đạt vụng về, khó hiểu, hoặc khô khan, dài dòng, dễ làm nản lòng người đọc. Khuyết-điểm ấy làm cho rất nhiều bạn đọc sau này vẫn còn yên trí rằng Bách-Khoa là một loại «báo nghiên-cứu», viết «cao», «khô», xem mặt óc... Thực ra điểm đặc biệt của Bách-Khoa chính là đã khuyến khích, thúc dẩy được một số người, có khi trụ ớc đây dè dặt, hứng hờ với sự viết lách mà nay dẫn mình vào nghiệp cầm bút rất hăng say. Biết bao bài biên-khảo, nghị-luận đã làm bạn đọc thích thú, chính chỉ do những người viết, mà bài ra mắt trên Bách-Khoa là bài đăng báo đầu tiên. Biết bao nhà văn, bước đầu chỉ

làm quen với bạn đọc Bách-Khoa, mà nay đã có một địa vị vững vàng trong văn giới. Thời gian qua, những cây bút do Bách-Khoa giới thiệu, đều được bạn đọc sẵn lòng tin yêu, qua những lá thư thăm hỏi gửi về tòa soạn. Bởi vậy số người cộng-tác, xây dựng nên tạp chí Bách-Khoa ngày nay, kiêm điếm lại, có đến hàng trăm và cứ mỗi năm bạn đọc lại gặp thêm một số cây bút mới. Trong khi đó, những người viết cũ, nhiều anh em hiện nay vẫn là trụ cột của Bách-Khoa, nhiều anh em đã mở mang cơ sở khác, có người ở nước ngoài, có người đã đi xa, có người không còn nữa...

Đối-tượng của Bách-Khoa là những học sinh, sinh viên, tiểu công chức, quân nhân, nhà giáo... đông đảo lớp người có trình-độ văn-hóa trung bình trong xã-hội Việt-Nam hiện nay, đương cần tăng thêm vốn hiểu biết của mình bằng những kiến-thức mới mẻ về nhiều mặt, đề khởi bờ ngõ trước những vấn-đề thời-sự mỗi ngày một nhiều, một phức tạp. Ước-vọng của Bách-Khoa là càng ngày càng lợi ích thiết thực hơn đối với bạn đọc về cả phương-diện tìm hiểu, lẫn phương-diện thưởng-thức văn-ngệ.

Điều khích-lệ quan trọng nhất đối với nỗ lực liên tục của Bách-Khoa chính là sự hưởng ứng, ủng hộ liên tục của bạn đọc trong suốt 10 năm qua. Cũng có những thời kỳ khó khăn, Bách-Khoa phải đòi hỏi, phải tăng giá, việc ấn-loát có lúc thực nhiều sơ sót, có thời-gian thiên tai hoặc biến-cổ trùm lên một số địa-phương, nhưng số báo tiêu thụ vẫn không vì những lý do trên mà giảm sút. Nhiệt tình của người đọc cũng như niềm mê say của kẻ viết làm cho tờ báo đứng vững và xuất hiện đều đặn giữa những sóng gió của thời cuộc và cam go của hoàn cảnh.

«Mười năm. Nhè nhẹ bước hoa...» (Thơ Ngu-Í)

Đáng lẽ trong số kỷ niệm 10 năm này, phải nhắc lại những ngày đầu của một tòa-soạn không có báo quán, phải đặt nhờ ở phòng khách một văn-hữu này ít lâu, rồi lại rời đến nhà một anh em khác trong mấy tháng..., phải ôn lại những buổi đầu gặp gỡ với Nguyễn Ngu-Í, Võ Phiến, Vũ Hạnh, Đoàn-Thêm, Nguyễn Văn-Trung, Trần-Hương-Tử... phải ghi lại

những tâm tình và hoài bão của các tác-giả *Cơn suối mùa Xuân*, *Cái bong bóng lợn*, *Đêm dài cuộc đời*, *Tượng đá sườn non*, *Vòng lay học trò*, *Thở dài v.v...* nhưng bạn Nguyễn - Ngu - Í, người cộng tác với Bách-Khoa từ những số đầu, được phân công viết bài này, chẳng may bệnh và chưa khỏi hẳn nên đành phải đành để-tài trên đây cho một dịp khác. Thay vào đó, một loạt bài về 10 năm cầm bút của một số anh em sẽ giải-bày những vui buồn của người viết trong một giai-đoạn đặc biệt của đất nước, từ lúc thanh-bình nhất đến khi khói lửa đau thương tang tóc nhất..

Mười năm đã để lại vết-tích thời-cuộc trên 240 số Bách-Khoa, mà ngày nay, lần giở các trang, bạn đọc không những gặp ở đó những tài-liệu cần thiết về các lãnh-vực tìm hiểu của mình, mà còn thấy sống lại với những diễn-biến chính-trị trong nước hay trên thế - giới, với những bước tiến của khoa-học, với những trào-lưu tư - tưởng, văn-học, nghệ-thuật, với những chặng đường sáng tác của các nhà văn, nhà thơ, thuộc nhiều thế-hệ, theo nhiều xu hướng khác nhau.

Với số kỷ-niệm mười năm này, Bách-Khoa đánh dấu một khoảng đường dài đã qua và cũng khởi đầu một cuộc hành-trình sắp tới, một cuộc hành-trình hào hứng, vì người nhập cuộc vững tin ở các bạn bốn phương sẽ hết lòng ủng hộ mình như đã tán thưởng những bước đi của mình trong những năm qua.

BÁCH - KHOA THỜI - ĐẠI

Mười năm

NGUYỄN - NGU - Í

Mười năm. Nhè nhẹ bước hoa,
Bao nhiêu trách nhiệm về ta, về mình...
Mười năm. Có mấy bất bình?
Góp thâu bao ý, bao tình, những ai...
Mười năm. Bóng ngả bao dài?
Ai còn, ai mất, ai người về đâu...
Mười năm. Mấy cuộc biển dâu?
« Cửa Tin » còn lại chút nào được chẳng?

Một năm khủng-hoảng chính-trị

TỪ - TRÌ

Thế giới trong năm 1966 vừa qua đã phải chứng kiến nhiều cuộc khủng hoảng chính trị lớn. Sau một năm 1965 hết sức gây căng, tình hình chính trị quốc tế năm 1966 đã như lắng dịu xuống, người ta không còn thấy những cuộc đảo chính đẫm máu hay những đe dọa trầm trọng cho hòa bình thế giới nữa. Năm 1966 là năm mà người ta thương thuyết, người ta vận động, người ta tìm cách dung hòa các lập trường, các quan điểm trái ngược nhau.

Nhưng dù sao năm 1966 vừa qua cũng vẫn là một năm khủng hoảng chính trị, mà các biến cố nói chung đều bắt nguồn từ ý hướng độc lập của các quốc gia trên thế giới và đều mang một đặc điểm là khuynh hướng ôn-hòa của những người lãnh đạo.

Phi-Châu : tiếp tục đảo-chính.

Từ năm 1965 người ta luôn luôn chứng kiến những cuộc đảo chính quân-sự liên-miền tại Phi-Châu, năm 1966 những cuộc đảo chính vẫn tiếp tục : Ngay chiều hôm 31 tháng 12-65 chính phủ Cộng Hòa Trung Phi bị lật đổ, ngày 4 tháng 1 năm 1966 đến lượt Haute-Volta, ngày 14-1-66 nước Nigeria, và ngày 24 tháng 2-66 nước Ghana. Chính phủ dân sự các nước này lần lượt bị hạ và được các chính quyền quân nhân thay thế.

Ghana dưới quyền lãnh đạo của nhà độc tài Nkrumah từ năm 1955 đã thực hiện được một nền kinh tế trù phú với sự trợ giúp của các nước cộng sản và nhất là các nước Tây Phương. Nhưng Nkrumah người tự coi là lãnh đạo phong trào cách mạng Phi Châu lại không thực hiện nổi một cuộc cách mạng xã hội của chính xứ xở mình. Tuy chính thể "xã hội" thân cộng của Nkrumah đã đã phá và loại trừ những giai-cấp địa-chủ được ưu đãi trong xã hội Ghana cũ, nhưng vì cần có sự ủng hộ của các nghiệp-đoàn nên một giai cấp mới lại được xuất hiện. Các lãnh tụ nghiệp đoàn được Nkrumah o bế và trở nên một giai cấp thượng lưu mới, với một đời sống xa hoa, trong khi giới lao động tiếp tục chịu cuộc đời khó khăn khổ cực.

Dân Ghana càng ngày càng chán sự tôn thờ cá nhân Nkrumah, họ cũng không thích khuynh hướng thân cộng của ông. Tuy giao thương với các nước tự do chiếm 85% của ngoại-thương Ghana, tuy các nước Anh, Pháp, Mỹ, Tây-Đức cấp cho Ghana những số vốn khổng lồ, Nkrumah vẫn hướng về phía Nga. Nkrumah cùng với Tổng thống Guinée là Sekou Touré lập ra một «Liên hiệp Ghana-Guinée» có khuynh-hướng thân Cộng.

Cuộc đảo chánh ngày 24 tháng 2/66 lật đổ Nkrumah đã phá vỡ «Liên hiệp Ghana-Guinée» và, như vậy Nga-Sô và Trung-Cộng đã mất điềm tựa tại Phi-Châu.

NHỮNG BIẾN CỐ TRÊN THẾ GIỚI TRONG 10 NĂM QUA

1957

Tháng III — Hiệp ước La Mã lập thị trường chung giữa sáu nước Tây Âu: Pháp, Đức, Ý, Hòa Lan, Bỉ và Lục Xâm Bảo.

Tháng V — Anh thí nghiệm quả bom khinh khí đầu tiên tại Thái bình Dương.

Tháng VII — Molotov, Malenkov và Kaganovitch bị thanh trừng, Boulganine và Khrouchtchev lên thay thế.

Tháng VIII — Nga sơ tuyên bố đã thành công trong cuộc thí nghiệm một hỏa-tiên liên-lục địa.

Tháng IX — Nổi loạn ở Little Rock, Mỹ trắng không cho Mỹ đen đi học. Eisenhower phải gửi quân đội liên bang tới Little Rock để bảo vệ trật tự.

Tháng X — Vệ tinh nhân tạo Sputnik I được phóng lên không gian.

Tháng XI — Vệ tinh nhân tạo Sputnik II mang chó Laika được phóng lên không gian.

— Mỹ thành công trong cuộc thí nghiệm một hỏa-tiên liên-lục-địa tại Cap Canaveral.

1958

Tháng I — Hoa Kỳ phóng được lên không gian một vệ tinh nhân tạo đầu tiên Explorer I.

Tháng II — Hai nước Ai-Cập và Syrie hợp với nhau thành một quốc gia

Tại Guinée, từ khi Nkrumah bị lật đổ, Sekou-Touré mất một bạn đồng-minh duy nhất. Sekou-Touré, ngoài ra còn gặp nhiều trở ngại khó khăn trong nội-bộ nhất là về vấn-đề kinh-tế. Dân chúng hết tin tưởng vào lý-tưởng cách-mạng của Sekou Touré nữa. Và phái trí-thức trở thành một đối-lập mạnh mẽ. Các công chức cao cấp, các Tổng-trưởng, các cán-bộ nòng cốt của đảng Dân-chủ Guinée (P.D.G.), hoà nghi sự vững chắc của chế độ Sékou-Touré, đã thi nhau chuyển-ngân ra ngoại quốc khiến cho Sekou Touré đ lúng túng về vấn đề kinh tế lại thêm rắc rối về vấn-đề tài chánh.

Với sự lu mờ của Nkrumah và Sekou-Touré, những phần tử quá khích Phi-Châu cũng lần lần mất uy tín, và lần lần các nhân vật ôn hoà lên cầm quyền. Nếu tại Ghana thân cộng, Nkrumah bị lật đổ, thì tại Nigéria, thân Tây-phương và ôn hoà, Thủ tướng Sir A Tafewa Balewa lại bị lật đổ và bị ám sát.

Những nước Phi Châu tuy có khuynh-hướng chính-trị khác nhau vẫn lần lần bị đảo chính vì những phần-tử trẻ muốn loại trừ các nhà lãnh-đạo mà họ coi là « lãng mạn », quá nhiều tham vọng. Những nhà lãnh đạo mới này thường là quân-nhân vì ở những nước chậm tiến, các chính đảng chưa đủ mạnh để cầm quyền. Chỉ có quân-đội là một lực lượng được tổ-chức chặt chẽ mới có đủ khả năng nắm giữ quyền chính.

Hơn nữa các vị lãnh đạo mới tỏ ra ôn-hoà nhưng độc lập đối với ngoại bang. Vì vậy mà sau khi đảo chính, tân chính phủ Ghana đã loại bỏ những viên-chức Nga và Trung-Cộng tại xứ đó.

Trong khi ấy các nước thuộc-địa của

của Pháp ý thức được rằng tình hình thế giới hiện tại không cho phép một nước nào, dù đã độc lập, được bề-quan toả cảng. Vì vậy họ tổ-chức sự liên-kết giữa các nước nói tiếng Pháp thành một hệ-thống mệnh-danh là « Francophonie ». Hệ-thống này sẽ gồm có Pháp và các quốc gia Phi-Châu, cựu thuộc-địa của Pháp và Bỉ, để cho các nước này có thể hợp tác dễ dàng với nhau về mọi phương-diện : văn-hoá, xã-hội cũng như chính-trị, kinh-tế. Franco-phonie giờ đây chỉ mới là một dự-án chưa được thực-hiện tượng-trưng cho lòng mong muốn hợp-nhưng văn tác quốc-tế của Phi-châu.

Các quốc-gia ôn-hoà Phi-Châu ngày nay đang thành công rất nhiều. Tại tổ chức Phi-Châu thống-nhất (O.U.A) nhóm họp vào tháng 2-66 các phần tử « cách mạng » quá khích đã trở nên thiểu số. Các quốc-gia hội viên ôn hoà đã nắm được đa số.

Tuy nhiên các quốc-gia Phi-Châu đang muốn đoàn-kết thì lại bị chia rẽ về vấn đề kỳ-thị chủng tộc tại Rhodésie và Nam-Phi là nơi mà một thiểu số da trắng cầm quyền thi-hành chính sách kỳ-thị chủng-tộc đè áp bức đa-số da đen. Các quốc-gia Phi-Châu hoàn toàn chia rẽ về thái độ đối với hai nước này. Có nước muốn đoạn giao với Anh để Anh làm áp lực bắt Rhodésie phải bỏ chính sách kỳ-thị. Có nước lại muốn giúp các phong trào nổi dậy ở Rhodésie và Nam-Phi để lật đổ các chính phủ da trắng. Tháng 9 năm 1966 Thủ-trưởng Nam-Phi Vervoerd bị ám sát, nhưng không những cái chết của ông Vervoerd không gây ra một cuộc khủng-hoảng nội-bộ nào, mà dân da đen ở Nam-Phi cũng không dám nổi loạn. Trước chính thế Nam-Phi vững chắc, các quốc-gia Phi-Châu cũng trở nên

lúng túng.

Nhược điểm của Phi Châu là bàn tay ngoại bang vẫn tiếp tục gây chia rẽ và rối loạn. Bởi vậy mà tháng 11 vừa qua Tổng Trưởng Ngoại-giao Guinée lại bị Ghana bắt bỏ tù. Tình trạng này cho ta rõ rằng còn lâu Phi-châu mới có thể trở thành một lực lượng đáng kể trên bình diện quốc-tế.

Á-châu : thất bại liên tiếp của Cộng sản Trung-Hoa.

Bên Á-Châu nhiều khủng hoảng không kém. Nam 1966 mở đầu bằng hội nghị Tachkent do Nga chủ xướng để hoà giải hai nước Ấn, Hồi. Khi hai nước đi tới thoả-hiệp thì Thủ Trưởng Ấn Shastri đột ngột qua đời. Cái chết bất ngờ đó của ông Shastri góp phần không nhỏ cho cuộc hòa giải Ấn-Hồi, vì bà Gandhi lên thế ông, đã tỏ ra hết sức mềm mỏng đối với vấn đề Cachemire. Âm mưu chia rẽ Ấn Hồi của Trung-Cộng bị hoàn toàn phá vỡ.

Một sự kiện đáng chú ý là tiến triển của tình hình chính trị Nam Dương. Sau cuộc nổi loạn của sinh viên, học sinh, tổng thống Soekarno, ngày 11 tháng 3-66, đã phải giao toàn quyền cho tướng Suharto. Giờ đây Suharto chỉ ngồi làm vị, bao nhiêu quyền hành do bộ ba Suharto, Adam Malik, và ông hoàng Hamengku Buwonno IX. Với những nhà lãnh đạo mới, tình hình Nam Dương trở nên ổn định. Trong khi ông hoàng Hamengku Buwonno IX chinh đốn lại nền kinh tế bị lũng đoạn từ vài năm nay, ông Adam Malik, trong chức vụ ngoại trưởng cố gắng giải quyết những khủng hoảng trong cuộc bang giao giữa Nam Dương và các quốc gia khác. Trước hết, ông Malik nối lại bang giao với các nước Âu Mỹ hầu được hưởng viện trợ kinh tế. Ông còn

duy nhất lấy tên là Cộng-Hòa Á-Rập thống nhất.

— Ba quốc gia Bỉ, Hòa-Lan và Luxembourg hợp với nhau thành một liên-hiệp kinh tế.

Tháng III — Yémen gia nhập Cộng Hòa Á-Rập thống-nhất.

— Khrouchtchev lên chức vụ Thủ tướng Nga Sô.

Tháng VI — De Gaulle trở lại chính quyền, giữ chức Thủ tướng và soạn thảo hiến-pháp mới.

Tháng VII — Đảo chính tại Irak, quốc vương Fayçal II và Thủ tướng Nouri Said. Irak trở thành một nước Cộng Hòa.

Tháng X Đức Giáo-hoàng Pie XII từ trần. Hồng Y Giáo chủ Roncalli được bầu lên thay với giáo hiệu là Giáo Hoàng Jean XXIII.

1959

Tháng I — Fidel Castro cướp chính quyền ở Cuba-Nga phóng lên không gian Lunik I, lần đầu tiên một hành tinh nhân tạo chạy quanh mặt trời.

Tháng III — Tây Tạng nổi loạn chống Trung Cộng-Đức Phật sống Đại la Lạt-ma trốn sang Ấn-Độ.

Tháng VIII — Phó Tổng Thống Mỹ Nixon sang thăm Nga-Sô - Hawaii trở thành tiểu bang thứ 50 của Hoa Kỳ.

Tháng IX — Lunik II được Nga Sô phóng lên đã tới được mặt trăng - Thủ tướng Nga Khrouchtchev, lần đầu tiên trong lịch sử bang giao Nga-Mỹ, sang viếng thăm Hoa-Kỳ.

giải quyết xong mọi sự tranh chấp giữa Nam Dương, Mã Lai Á và Phi Luật Tân. Chính sách chống Mã Lai Á của Sukarno đã là nguyên nhân của sự khủng hoảng kinh tế Nam Dương, vì đã chiếm hàng năm tới 70% ngân sách quốc gia. Tân chánh phủ Nam Dương với những phần tử ôn hòa đã là một yếu tố cho sự ổn định miền Đông Nam Á. Thật vậy, hiện nay bang giao giữa Nam Dương và các quốc gia lân cận đã trở nên bình thường. Nam Dương đã quyết định trở lại Liên Hiệp Quốc. Với sự lu mờ của một Sukarno thân cộng, trục «Djakarta - Hà-nội - Bình nhưỡng» bị dập gãy, phe cộng sản do đó đã thất bại tại Á châu.

Song song với sự thất bại của cộng sản, Mỹ đã lấy lại được uy tín tại các nước Á châu. Hội nghị Panille vào cuối tháng 10 là dấu hiệu sự ủng hộ của một số nước Á châu đối với chính sách tại Việt Nam của Hoa kỳ.

Trong hai cuộc bầu cử tại Úc và Tân-tây-Lan, các đảng chủ trương tham chiến tại Việt Nam, do hai ông Holt (Úc) và Holyoake (Tân-tây-Lan) cầm đầu đã thắng lợi lớn. Như vậy tại Á châu, Hoa-kỳ đã củng cố được lập trường của mình rất nhiều.

Mỹ-châu : Hoa-kỳ lúng túng.

Nhưng về mặt đối ngoại nếu ở Á-châu Mỹ đã đạt được nhiều thành quả ngoại - giao, thì tại Âu - châu và Mỹ-châu, Hoa-kỳ lại gặp nhiều khó khăn. Các nước đồng minh Âu-châu tại khối Bắc Đại-tây-Dương đang tỏ ý-chí độc-lập, không chịu sự lãnh đạo của Mỹ nữa. Tại các quốc gia Nam Mỹ, đàn em của Hoa kỳ, ý chí độc lập này lại càng mạnh mẽ hơn. Các nước

hội viên của tổ chức các Quốc gia Mỹ-châu (O.A.S.), không được tham khảo ý kiến khi Hoa-kỳ đơn phương can thiệp ở Cộng Hòa Saint-Domingue năm 1965, tỏ ra bất bình và không muốn Mỹ hành động một mình như vậy nữa. Vì thế họ muốn sửa đổi lại bản Hiến-chương của tổ-chức để từ nay không giao-quyền cho Mỹ tự ý hành động. Họ dự trù một khóa họp của tổ-chức vào tháng 7 năm 1966 để sửa đổi Hiến-chương nhưng tới nay tổ-chức vẫn chưa nhóm họp.

Vào tháng 6/66 một cuộc đảo-chánh quân sự đã lật đổ chính phủ hợp hiến Argentine, do Tổng-thống Illia lãnh đạo, và đưa ông Ongania lên thay thế. Với một nước Brésil và một nước Argentine khuynh hữu, các nước Dân-chủ tại Nam-Mỹ như Chili, Colombie và Vénézuela hết sức lo ngại. Họ cho rằng chính-thề của họ bị đe dọa ở phía cực hữu chứ không phải ở phía tả. Tổng - thống của ba nước này là các ông Frei (Chili), Lleras Restreps (Colombie) và Leoni (Venezuela) đã họp nhau tại Bogota vào đầu tháng 8-66. Cuộc gặp gỡ của ba vị Tổng Thống này đã biểu dương sự xuất hiện của những lãnh tụ ôn hòa muốn loại bỏ mọi phần tử quá khích về phía tả cũng như về phía hữu. Về phía tả, những quốc gia này bác bỏ chủ nghĩa của Fidel Castro ở Cuba, về phía hữu họ bác bỏ những chính thề độc tài quân phiệt và những nhóm áp lực kinh tế Hoa Kỳ tại Nam Mỹ.

Nhưng chính phủ Hoa Kỳ cũng có một điều hài lòng là Cuba của Fidel Castro và Trung Cộng sau bao năm thăm thiết nay đã trở nên thù nghịch.

Như vậy đe dọa cộng sản tại Mỹ châu đã giảm bớt.

Để tăng cường uy tín của Hoa Kỳ và nhất là của đảng Dân chủ, Tổng thống Johnson đã đi công du gần khắp Á châu, từ Úc tới Đại-Hàn, ghé thăm Việt Nam. Tuy vậy những thành quả ngoại giao không đủ để đảng của ông thắng lợi trong cuộc bầu cử tháng 11 vừa qua.

Trung Đông : thần tượng Nasser xuống dốc

Tổng thống Ai Cập Nasser đã dần dần mất uy tín trong các quốc gia Ả rập. Nasser giờ không còn được coi là một người hùng, một lãnh tụ của các quốc gia Ả rập nữa. Thật vậy, nhiều vấn đề làm các nhà lãnh đạo Ả rập lo ngại. Đầu tiên là việc Do thái lấy nước sông Jourdain. Quốc gia này còn sửa soạn chế bom nguyên tử. Để vậy Mỹ và Tây Đức lại còn bán vũ khí cho Do thái. Ngoài ra các nước Ả-rập bị chia rẽ vì vấn đề Yémen. Tại đây quân đội Ai Cập đang chiến đấu để bảo vệ nền Cộng Hòa Yémen trong lúc quân nước Arabie Séoudite lại tràn sang để phục hưng chế độ quân chủ. Các nước Ả-Rập yêu cầu Nasser chinh phạt Do thái nếu ông muốn còn là lãnh tụ của họ. Nhưng Nasser không đủ mạnh để tấn công Do thái. với Ben Bella bị lật đổ ở Algérie, với Sukarno bị lu mờ ở Nam-Dương, Nasser giờ đây thiếu hẳn hậu thuẫn. Quốc vương Arabie Seoudite là Fayçal lại luôn luôn tìm cách phá Nasser: không những Fayçal không phản đối Hoa Kỳ đã bán vũ khí cho Do Thái, mà lại còn sang viếng thăm Hoa-Kỳ và mua súng đạn của Mỹ. Không những không phản đối chính sách bảo hộ của

Tháng V — Các nhà bác học Nga đã thành công trong việc phóng Lunik III đi vòng quanh mặt trăng để chụp hình mặt trái của chị Hằng.

Tháng XI — Cuộc đình công lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ của công nhân luyện thép (116 ngày).

Tháng XII — Tổng Thống Eisenhower sang viếng thăm 11 quốc gia Âu, Á, Phi.

1960

Tháng I — 7 nước: Áo, Anh, Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển, Bồ Đào Nha và Thụy Sĩ ký hiệp ước liên kết với nhau thành một vùng tự do thương mại.
— Khởi công xây đập Assouan trên sông Nil ở Ai Cập.

Tháng II — Pháp cho nổ quả bom nguyên-tử đầu tiên ở Sa mạc Sahara.

Tháng IV — Tổng thống Đại-Hàn Lý-thừa-Văn từ chức trước sự nổi dậy của sinh-viên.

Tháng V — Vụ phi-cơ gián-điệp Mỹ U-2 bị Nga bắn rơi.

— Adolf Eichman, cựu Đại-tá của Đức quốc-xã, bị Do Thái bắt cóc tại Argentine để đem về xử ở Jérusalem về tội đã tàn sát hàng triệu người Do Thái trong đệ nhị thế chiến.

— Đảo chính tại Thổ-nhĩ-Kỳ, Thủ tướng Menderès bị lật đổ.

Tháng VI: Nước Congo, thuộc-địa Bỉ, được độc lập.

Tháng VII: Mỹ bắt đầu có thể phóng hỏa tiễn Polaris từ một tàu ngầm dưới nước lên.

Anh tại Aden và các tiểu-vương-quốc tại vịnh Persique, Fayçal lại còn hợp tác với chánh phủ Luân Đôn để tái lập nền quân chủ ở Yémen. Vua Jordanie, Hussein, bắt bỏ tù những phe cánh của Nasser ở Jordanie. Vua Jordanie, Hussein, bắt đầu bỏ tù những phe cánh của Nasser ở Jordanie. Syrie không chịu lập bang giao với Nasser. Tunisie, Maroc, Libye không chịu đoạn giao với Tây Đức, mặc dầu nước này bán vũ khí cho Do Thái.

Đây cũng vậy, ta thấy các quốc gia đều biểu dương ý chí độc lập và gạt bỏ mọi ràng buộc vào bất cứ một cơ-cấu tổ-chức nào.

Âu Châu: các Liên-minh phòng thủ rạn nứt.

Tại Âu châu người ta cũng chứng kiến cảnh chia rẽ. Tổng thống Pháp De Gaulle, muốn đóng một vai trò lịch sử, đã đơn phương rút khỏi khối Bắc Đại-tây-dương và luôn luôn đả phá Hoa Kỳ. Sự ra đi của nước Pháp là một vết rạn nứt về tinh thần đoàn-kết của khối Tây phương tự do trước đe dọa Cộng sản. Tháng 11 vừa qua, Tây Đức lại thay đổi chính phủ. Với sự tham gia nội các của ông Brandt và đảng Xã-hội, có lẽ Liên minh phòng thủ Bắc Đại Tây Dương sẽ rạn nứt trầm trọng thêm.

Nhưng cùng một lúc, ta thấy Minh-Uớc Varsovie do khối cộng sản lập nên để đối phó với Minh Ước Bắc Đại Tây Dương, cũng trở nên nứt rạn vì Nga và Trung-cộng bất hòa, các nước cộng sản Đông Âu thừa cơ trở nên bướng bỉnh đối với Nga. Trong hội nghị Mạc-tư-Khoa vào tháng 11 vừa qua, các nước Đông Âu bề ngoài tuy ủng hộ việc Nga gửi viện trợ quân trang cho Bắc Việt, nhưng trong lòng thăm mừng trước sự

bất hòa giữa Nga Tàu; bị rắc rối với Trung cộng, Nga sẽ không thể kiểm soát lỵ chặt chẽ được nữa.

Như vậy bên Âu châu ngày nay, các quốc gia tự do hay cộng sản đều có ý chí muốn độc lập. Người ta tự hỏi, những minh-ước phòng thủ có đi tới chỗ tan rã không, vì giờ đây những minh-ước này không còn đáp ứng nhu cầu quân sự của các quốc-gia nữa.

Song song với sự rạn nứt của các liên-minh phòng-thủ ở Âu-châu, một phong trào nhằm thống nhất Âu-châu, tổ chức lực địa này thành một khối độc nhất, một lực lượng mạnh mẽ đề đương đầu với Nga, Mỹ và Trung cộng. Người chủ trương nồng nhiệt Âu-châu thống nhất là Tổng thống Pháp De Gaulle. Tuy vậy không phải nước nào cũng theo chủ trương này. Anh quốc giờ đây còn ngần ngại không gia nhập phong trào thống nhất Âu châu vì như vậy tức là xa lánh Liên Hiệp Anh mà các quốc gia Liên Hiệp Anh hiện còn dành cho Anh nhiều quyền lợi. Giờ đây người ta thấy khối Liên Hiệp Anh bứt đoàn kết và gặp nhiều lúng túng nội bộ. Trong phiên hội đồng thường niên của các thủ tướng Liên Hiệp Anh họp hồi tháng 9 vừa qua, nhiều quốc gia hội viên, nhất là các quốc gia Bắc Phi, dọa nếu thủ tướng Anh Wilson không trừng phạt Rhodésie áp bức dân da đen thì họ sẽ rút khỏi Liên Hiệp Anh. Nhưng Anh Quốc không thể dùng một biện pháp nào trừng trị Rhodésie mà không bị thiệt, vì kinh tế Anh rất cần đến Rhodésie.

Ngoài ra, vì tình hình kinh tế suy sụp, Anh quốc đã gần như từ bỏ vai trò đại cường quốc của mình để ngoan ngoãn

Tháng VIII : Chypre được độc lập và trở thành một nước Cộng Hòa.

Tháng XI : John Fitzgerald Kennedy được bầu làm Tổng-Thống Hoa-kỳ.

1961

Tháng I : Hoa-kỳ đoạn giao với Cuba.

— John F. Kennedy nhậm chức Tổng Thống.

— Con khỉ Ham, do Mỹ phóng lên khoảng ngoài khí quyển, được trở về bình yên vô sự.

Tháng II : Từ một vệ tinh Sputnik đang bay, Nga phóng hỏa-tiến lên Venus.

— Thủ tướng Congo Léopoldville, Patrice Lumumba, bị giết tại Katanga.

— Liên Hiệp Quốc quyết định gửi quân đội sang Congo để giữa nội chiến.

Tháng III :

— Nam Phi rời Liên Hiệp Anh.

Tháng IV :

— Gargarine, người đầu tiên lên không gian và bay quanh trái đất một vòng.

Tháng V — Castro tuyên bố Cuba từ nay trở thành một nước « xã hội »

— Đình chiến tại Lào.

— Alan Shepard, người Mỹ đầu tiên được phóng lên không gian.

— Quân nhân nắm chính quyền tại Nam Cao-Ly.

— Pháp thương thuyết với Algérie tại Evians

Tháng VII—*Văn hào Hemingway từ trần.*

Tháng IX — *Nga thử bom nguyên tử trên mặt đất.*

— *Nehru kêu gọi Đông-Tây thương thuyết cấm thi-nghiệm nguyên tử.*

Dag Hammarskjöld tử nạn tại Rhodésie.

1962

Tháng II : — *Nga thi nghiệm bom nguyên tử ngầm dưới đất.*

— *Cuba bị loại ra khỏi Tổ chức các Quốc gia Nam Mỹ.*

Tháng III — *Hội nghị tái binh tại Genève gồm 17 quốc gia.*

— *Đảo chính quân sự tại Argentine*

Tháng IV — *Thỏa hiệp Nga-Mỹ về qui chế của các phái bộ quân sự tại Bá Linh*

— *Sau cuộc trưng cầu dân ý, Pháp chấp thuận cho Algérie độc lập*

— *Hỏa tiễn Ranger IV lên tới mặt trăng.*

— *Phi hành gia Mỹ Carpenter đi 3 vòng quanh trái đất*

Tháng VI — *De Gaulle tuyên bố không muốn cho Anh gia nhập Thị-trường-Chung Âu-châu.*

Tháng VII — *W. Faulkner từ trần.*

— *Vệ tinh nhân tạo Telstar của Mỹ được dùng cho vô tuyến truyền hình.*

Tháng X — *Đức Giáo Hoàng Jean 23 khai mạc Cộng đồng Vatican II*

— *Khủng hoảng Nga-Mỹ về vụ Nga đem hỏa tiễn tới Cuba. Mỹ quyết liệt và Nga nhượng bộ.*

theo Hoa Kỳ. Anh không đủ phương tiện để đóng thêm những chiến hạm tối tân, nên tháng 2 vừa qua Anh đã bãi bỏ mọi chương trình chế tạo hàng không mẫu hạm. Tuy nhiên Anh còn quyền lợi trên cả hoàn cầu từ Aden tới Antilles, từ đảo Malte tới Mã-lai-Á, Hồng Kông, vì vậy Anh phải giao phó cho hải quân Mỹ việc bảo vệ quyền lợi cho mình. Do đó Anh càng ngày càng trở nên lệ thuộc Mỹ.

Tình trạng chia rẽ của thế giới hiện thời còn được phản ảnh bởi những khủng hoảng trầm trọng tại Liên Hiệp Quốc.

Tại Liên-Hiệp-Quốc : các khối bắt đầu tan rã.

Khóa họp thứ 21 của Liên Hiệp Quốc đã diễn ra trong một bầu không khí hết sức thất vọng và bi quan. Chiến cuộc tại Việt-Nam, vấn đề kỳ thị chủng tộc ở Nam Phi và Rhodésie, việc Trung Cộng xin gia nhập Liên Hiệp Quốc, món nợ Liên Hiệp Quốc, là bốn vấn đề nan giải. Ông U Thant dọa ra đi trước sự chia rẽ của các quốc gia hội viên. Các quốc gia hội viên cố nấn nỉ ông và cùng tỏ ra hết sức ôn hòa để ông Thant chịu khó ở lại vài năm nữa. Sau cùng ông bằng lòng ở lại, tuy các vấn đề khó khăn vẫn chưa được giải quyết. Riêng có Trung Cộng năm nay bị thất bại vì đa số ở Đại Hội-đồng Liên Hiệp Quốc đã biểu quyết không cho Bắc-Kinh gia nhập tổ chức.

Giờ đây thế giới hết chia làm ba khối như trước nữa, vì khối nào cũng bị lung củng nội bộ và đe dọa bị tan rã.

Khối tự do Âu Mỹ, xưa đoàn kết trước đe dọa của cộng sản, giờ trở nên rời rạc. Các quốc gia Âu châu bắt đầu

tỏ ý chi độc lập: nhờ Hoa Kỳ viện trợ trong bao nhiêu năm nay các quốc gia này hiện đã trở nên phồn thịnh và hùng mạnh nên họ không muốn chịu quyền lãnh đạo của Hoa Kỳ nữa. Sự bang giao giữa Hoa kỳ và các quốc gia Âu châu giờ đây chỉ là sự giao thiệp giữa các quốc gia bình đẳng, độc lập, cùng phụng sự những quyền lợi và mục tiêu chung mà thôi. Hoa kỳ đã không còn giữ vai trò thủ lãnh của khối Tây phương nữa. Vì vậy mà mỗi khi cần sự ủng hộ của các quốc gia cùng phe, Hoa kỳ cũng phải cố gắng lắm mới thuyết phục nổi họ. Bằng chứng là tổng thống Johnson đã phải luôn luôn gửi sứ giả Golberg hay Harriman đi giải thích chánh sách của mình ở Việt Nam để mong có được sự trợ giúp của các nước đồng minh. Trong khi đó, tổng thống Pháp, De Gaulle, đi chu du thiên hạ để phá sự tham chiến của Mỹ ở Việt Nam.

Trong khi lục đục nội bộ, Hoa kỳ lại gặp được sự ủng hộ bất ngờ tuy thầm kín của đối thủ Nga xô. Nga xô trở nên hòa hoãn với Mỹ vì hiện nay với các vũ khí nguyên tử tối tân, một cuộc chiến tranh giữa Nga và Mỹ chỉ là một sự tự tiêu diệt của hai bên. Trừ khi Hoa kỳ xâm phạm vào vùng ảnh hưởng của mình. Nga đề mặc cho Hoa kỳ hành động trong vùng của Hoa kỳ. Hoa kỳ cũng biết vậy, nên hai nước giờ đây đề mặc cho mỗi bên tự do hành động trong lãnh vực của mình, miễn là không phạm tới quyền lợi của nhau.

Sự hòa hoãn Mỹ-Nga làm cho Trung-cộng hết sức lo ngại. Chính phủ Bắc-kinh sợ rằng Nga một ngày kia sẽ đề cho Mỹ tấn công Hoa lục. Vì vậy những cuộc tranh chấp Nga Hoa

1963

Tháng II — Đảo chính tại Irak, tổng thống Kassem bị giết.

Tháng V — Phi hành gia Mỹ Cooper bay 22 vòng quanh trái đất.

Tháng VI — Ngày Phật Đản, xung đột giữa Phật-giáo và chính phủ Ngô-Đình-Diệm—Đức Giáo hoàng Jean 23 từ trần. Đức Hồng Y Montini được bầu thay thế với giáo hiệu là Paul 6.

Tháng VII — Chính phủ Bắc Kinh phản đối hiệp ước Mạc Tư Khoa cấm thử nghiệm nguyên tử.

Tháng VIII — Hiệp ước Mạc Tư Khoa cấm thí-nghiệm nguyên-tử được ký kết tại Moscou.

Tháng IX — Nga Xô tố cáo Trung-Cộng chế bom nguyên tử và vi phạm biên giới Nga trên 5.000 lần năm 1962.

Tháng X — Thủ-tướng Anh MacMillan từ chức, Lord Home lên thay thế.

Tháng XI — Chính Phủ Diệm bị lật đổ ở Saigon.

— Cam-bốt khước từ viện trợ Mỹ.

— Tổng Thống Kennedy bị ám sát.

1964

Tháng I — Đức Giáo - Hoàng Paul VI di hành hương ở Thánh-địa.

— Pháp công nhận Trung Cộng.

— Tướng Nguyễn Khánh chính lý.

— De Gaulle đề nghị trung - lập hóa Đông-Nam-Á.

Tháng V — Thủ tướng Nehru từ trần.

Tháng XIII — Chiến hạm Maddox của Mỹ bị tấn công, Mỹ trả đũa oanh tạc các tàu Bắc-Việt.

Tháng X — Thế-vận-hội tại Đông-kinh khai mạc.

— Nga phóng hỏa tiễn Voskhod trong có 3 người.

— Khrouchtchev bị cắt chức. Brejnev lên thay thế.

Tháng XI — Johnson trúng cử Tổng-thống Hoa kỳ.

Tháng XII — Đức Giáo-hoàng Paul 6 viếng thăm Bombay.

1965

Tháng I — Nam Dương rút lui khỏi Liên hiệp Quốc.

— Wilston Churchill từ trần.

Tháng III — Khai mạc hội nghị các Đảng cộng sản tại Mạc-tư-Khoa

— Phi hành gia Nga Leonov ra khỏi vệ tinh Voskhod II trong khi vệ tinh đang bay.

— Mỹ oanh tạc Bắc Việt.

Tháng IV — Nga gửi sang Bắc-Việt hỏa tiễn địa không

Tháng V — Cambốt đoạn giao với Mỹ.

Tháng VI — Trung-cộng cho nổ quả bom nguyên tử thứ hai.

— Tổng thống Algérie, Ben Bella bị lật đổ

Tháng IX — Ấn-độ đem quân tấn công Hồi quốc.

Tháng X Đức Giáo Hoàng Paul VI tới thăm trụ sở Liên-hiệp-Quốc tại Nữu Ước.

Tháng XI — Rhodésie đơn-phương tuyên bố độc lập.

Trước kin đảo nay bùng nổ dữ dội. Trung cộng luôn trách Nga đã phản bội chủ nghĩa cộng sản, đề mặc cho Mỹ hoạt động ở Việt Nam mà không can thiệp. Đề sửa soạn tương lai, Trung cộng ra sức chế bom nguyên tử, áp dụng chính sách « bước nhảy vọt mới », thả vệ binh đỏ đi sách động quần chúng, loại bỏ đối lập, xóa bỏ quá khứ và đá phá mọi ảnh hưởng ngoại lai.

Trước sự cải thiện của bang giao Nga-Mỹ, trước sự xung đột Nga-Hoa, khối đệ-tam thế giới chủ trương chính sách « không liên kết » (non-alignment) đã đi tới hoàn toàn thất bại. Ngày trước khi thế giới còn bị chia làm hai khối một cách rõ rệt, đệ tam thế giới (Tiers-Monde) giữ một vai trò quan trọng. Các quốc gia của khối này lợi dụng vị trí trung điểm của họ để bắt bí hai bên cộng sản và tự do. Nghiêng về bên cộng sản để bắt phe tự do phải nhượng bộ, ngã về phía tự do để bên cộng sản phải thỏa mãn những đòi hỏi của mình ; chính sách này giờ đây hết hiệu lực vì hiện nay Nga và Mỹ đã bắt đầu hợp tác với nhau. Hơn nữa vị trí địa dư của Nga số và Trung cộng đã liệt các quốc gia này vào loại Á Phi, vì hai nước này muốn dùng khối đệ tam quốc gia làm dụng cụ để mở rộng ảnh hưởng của mình tại các quốc gia mới độc lập. Nhưng năm ngoái tại hội nghị Á Phi định mở tại Alger để kỷ niệm đệ thập chu niên hội nghị Bandoung đã không thành vì Nga và Trung cộng tranh nhau vai trò lãnh tụ. Khối không liên kết định vớt vát bằng hội nghị « tam lục địa » « tricontinental » tại La Havane, thủ đô Cuba. Nhưng hội nghị này nhóm họp vào tháng 1 năm 1966 đã hoàn toàn thất bại vì tham dự hội nghị chỉ có những phần tử cuồng tín, những phong trào nổi dậy

của các nước Á, Phi và Nam Mỹ, như Việt cộng, phong trào nổi loạn ở Thái-Lan, ở các nước như Venezuela, âm mưu lật đổ các chính phủ hợp pháp. Phần lớn các phong trào này muốn lấy cuộc chiến tranh tại Việt Nam làm thí nghiệm. Nhưng Việt Cộng giờ đây không còn hy vọng chiến thắng nên hội nghị La Havane đã hoàn toàn thất bại.

Sự lu mờ và thất bại của khối «không liên kết» đã được nhận định rõ rệt tại hội nghị Tân-đề-Li ngày 7-11-1966 giữa ba nước «không liên kết» tương đối đứng đắn và ôn hòa là Ấn độ, Cộng Hòa Ả Rập thống nhất (Ai Cập) và Nam tư. Trong hội nghị này bà Gandhi, hai ông Nasser và Tito, đã phải xác nhận rằng khối «không liên kết» đã tới lúc cáo chung.

Người ta hy vọng rằng sự tan rã của các khối trên thế giới sẽ trả lại cho Liên Hiệp Quốc một đời sống lành mạnh hơn vì từ nay các quốc gia sẽ không còn kéo bè kết đảng để phá hoại hòa bình quốc tế nữa.

oOo

Năm 1966 đã là một năm tương đối thanh bình. Hoà bình thế giới không bị đe dọa trầm trọng như trong mấy năm trước. Tuy nổi thuốc súng ở Nam Việt Nam chưa được dập tắt, nhưng các quốc gia trên thế giới đã tỏ ra hết sức hòa hoãn. Ngay một nước gây hấn như Trung Cộng cũng chỉ mới dẫu võ mồm mà thôi. Năm 1966 cũng còn được coi là một năm lũng củng nội bộ, lũng củng trong nội bộ một quốc gia, lũng củng nội bộ trong một Minh ước, một khối, một lục địa. Nhưng những sự lũng củng này đưa các phần tử ôn hoà lên nắm chính quyền để tranh thủ độc lập cho các quốc gia trước mọi can thiệp của ngoại bang. Ôn hoà và độc lập là hai đặc tính của tình hình chính trị quốc tế năm 1966 vừa qua.

TỪ TRÌ

1966

Tháng I — Hội nghị Ấn-Hồi tại Tachkent,

— Hội nghị tam lục-địa tại La Havane.

Tháng II — Đảo chính tại Ghana.

Tháng III — De Gaulle rút lui khỏi khối Bắc Đại-Tây-Dương.

— Bất hòa Cuba và Trung-Cộng,

— Hội nghị Le Caire giữa các quốc gia Ả-Rập

— Soekarno nhường quyền cho Suharto sau cuộc biến động.

Tháng VI — De Gaulle sang Nga.

— Đảo chính tại Argentine

Tháng VII — Vệ-binh đỏ tại Trung Cộng thành lập bắt đầu hoạt động

Tháng VIII — De Gaulle công du sang Ethiopie, Cambốt...

Tháng IX — Vervoerd bị ám sát.

— U Thant tỏ ý muốn rút lui

Tháng X — Tổng thống Johnson đi công du bên Á Châu.

— Hội nghị Manille về chiến cuộc Việt Nam

— Hội nghị Mạc tư Khoa về việc giúp Bắc Việt

Tháng XI — Hội nghị Tân-Đề-Li giữa Ấn-Độ, Nam Tư và Ai-Cập.

Tháng XII — Thay đổi nội các tại Tây Đức.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trú

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE :

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West. Central district :* *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*

10 năm phát triển khoa học

VÕ - QUANG - YẾN

Một đứa trẻ hôm nay được 10 tuổi có thể hãnh diện đã ra đời vào một kỷ nguyên mới, một kỷ nguyên mà chỉ cách đây ít lâu thôi chẳng ai dám nghĩ đến: kỷ nguyên không gian. Thật vậy, ngày 4-10-1957, những tiếng «bip bip» đầu tiên từ ngoài quả đất gửi về là những tiếng báo hiệu một thành công rực rỡ của loài người, một cuộc chinh phục không gian bắt đầu chớm nở. Vệ tinh nhân tạo: bốn tiếng giã dĩa ấy ngày nay đối với ta quá thông thường cho đến nỗi ta chẳng còn biết bao nhiêu chiếc đã được phóng ra khỏi quả đất, chiếc nào còn chạy, chiếc nào đã rơi, chiếc nào của ai, chiếc nào dùng để làm gì, ... Nhưng làm cho ra được một chiếc vệ-tinh rồi phóng nó cho lên được một quỹ đạo vòng quanh quả đất hay vòng quanh mặt trời, thật tiền của tiêu vào đấy làm sao tinh tiết, chưa kể công lao khó nhọc của biết bao nhà khoa học, chuyên môn.

Vệ tinh Sputnik ra đời vào một lúc ít ai chờ đợi, đấy là vì phát triển khoa học đã tiến với tốc độ lớn, lan đến nỗi trí óc người ngoài cuộc không theo dõi được. Với đà ấy, ta hiểu ngay vì sao trong 10 năm nay công cuộc tiến bước ra vũ trụ cũng chóng vô chừng. Không đầy ba năm sau chiếc vệ tinh nhân tạo đầu tiên ra đi mà chẳng hạn ngày về, người ta đã biết thấu hỏi nó (Discoverer) (2). Qua năm 1961, phi hành gia đầu tiên (Gagarin) đáp vệ tinh thẳng trọng lực ra khỏi quả đất (6) đại diện loài người chào mừng vũ trụ,

đồng thời cũng hiện một mối hy vọng mà đến nay ta đâu dám hằng mong: con người hết còn bị giam tù trong quả đất và nay mai sẽ có thể du hành ra xa. Và tiến triển vẫn lan chóng tiếp tục ba năm sau phi hành gia đầu tiên, những phi thuyền mang theo nhiều người (Voskhod, Gemini) được phóng lên. Rồi sau đó, năm 1965, hai thành tích vô cùng rực rỡ: một đằng là phi hành gia bắt đầu rời vệ tinh bay ra lượn trong không trống. (Leonov), một đằng là cuộc hội ngộ thành công giữa hai phi thuyền trong không gian (Gemini). Với đà ấy, chẳng có ai lấy làm lạ khi nghe tuyên bố rước 1970 con người sẽ hiện ngang lên đập đất chị Hằng, tự do dạo chơi trên cung quảng (Surveyor, Lunik) ngay cả phía bên kia mà ta phải đợi đến thời buổi vệ tinh mới biết mặt mũi ra sao, qua những tấm hình chụp và gửi từ trên ấy về (Luna) (1)

Vệ tinh nhân tạo. Bốn tiếng tuy thông thường ấy ngày nay đã gợi cho ta biết bao cảm phục và hy vọng nếu ta chịu khó suy nghĩ ít nhiều. Tuy nhiên thỉnh thoảng đây đó vẫn còn lảng vảng những lời chỉ trích thốt ra trước một thực tại rõ ràng: con người còn đói, còn lạnh, tiền của nên để giúp nhân loại còn hơn phung phí vào những chuyện mơ ước trắng sao. Ta thông cảm người dân quê trước những lời than vãn này nhưng ta không thể hiểu được phản-ứng của

những ông nghị sĩ một nước tân tiến cũng kêu la gào thét. Có lẽ các ông ấy chỉ nghĩ đến những cuộc chụp hình sao Kim, sao Hỏa, những cuộc đổ bộ lên cung trăng,... mà quên những ứng dụng thực tiễn : những vệ tinh khí tượng, những vệ tinh thông tin.

Từ hằng ngàn năm nay, con người đã biết quan sát những điều kiện khí tượng ghi chú những biến chuyển nhưng bất lực trước những thay đổi bất thường, những tai biến nguy hại. Cách đây hơn một thế-kỷ, các nhà khí tượng học đã hằng góp công thử giảng những định luật lý học chế ngự thời tiết, khí hậu. Họ đã hiểu cần phải động viên cả thế giới, ghi chú những chi tiết từng vùng một của quả đất mới mong đạt được kết quả tốt nhưng họ đã phải đợi đến vệ tinh khí tượng (4) mới nhìn được một cách bao quát toàn thể mặt đất. Từ năm 1960, với chiếc Tiros đầu tiên (đến nay đã có đến 10 chiếc được phóng lên), sau này có những chiếc Nimbus, Essa và Cosmos lại giúp sức, hằng ngàn chiếc ảnh chụp những lớp mây từ thượng tầng khí quyển, hằng ngàn phép đo cường độ bức xạ mặt trời có ảnh hưởng lên khí quyển và thời tiết-đã được gửi về quả đất, hiến cho các chuyên gia một tài liệu quý báu để đoán trước những trận giông cơn bão, những ngày khô hạn hay mưa dầm tuyết băng. Trung bình mỗi một ba phút, một vệ tinh có 32 chiếc ảnh gửi về, bất cứ đài khí tượng nào có đủ máy móc cũng nhận được, dùng máy tính điện tử xác định vị trí rồi truyền khắp các nước qua ba trung tâm tập trung mọi tin tức : Melbourne, Matscova và Whashington. Công cuộc này đã thực hành được dễ dàng nhờ Tổ chức

Quốc tế Khí tượng từ năm 1961 đã thiết lập một chương trình "tìm dùng tất cả các kỹ thuật tối tân để đẩy tiến kiến thức con người về những lý lực căn bản đã chế ngự thời tiết và đề thay đổi những điều kiện khí quyển." Mặc dầu 8000 trạm khí tượng đặt quanh mặt đất, 3000 chiếc máy bay, thêm vào 4000 chiếc tàu thủy, người ta cũng phải nhờ vệ tinh mới mở rộng được vùng khảo sát ra khắp mặt đất, nghĩa là thêm vào 80% so với diện tích trước kia. Với đà tiến triển này, khí tượng ngày mai không còn chỉ là dò thám mà là dự đoán thời tiết, chẳng hạn như khi người ta muốn đưa lệch ngọn nước Gulf Stream hay đóng eo biển Behring (7). Những kế hoạch đồ dầu hỏa lên mặt biển để ngăn cản nước bốc hơi, do đấy tránh được mưa lớn bão to ở những vùng nhiệt đới hay bời đen vùng nước đá Bắc cực để tránh phản chiếu bức xạ, do đó tránh hao mòn năng lượng và ta có thể lại ở vùng ấy, đều phải nhờ vệ tinh dự đoán sự thay đổi sẽ diễn ra thế nào. Thời tiết mỗi một khi được điều hòa thì hết còn nguy hại, mà trái lại có thể đem lại tiện nghi và thịnh vượng cho ta.

Bàn đến những vệ tinh nhân tạo, ta không thể quên những vệ tinh thông tin. Từ ngày những vệ tinh Telstar (1962), Relay (1963) rồi sau đấy Syncom, Early Bird (1964) Molniya (1965) ra đời, thế giới xem như nhỏ lại, tin tức từ lục địa này được chuyển qua lục địa khác trong những khoảng thời gian vô cùng ngắn ngủi. Chúng tôi còn nhớ rõ buổi truyền hình đầu tiên qua Đại tây dương, rùng mình trước máy thu hình mà cảm phục đầu óc của con người. Rồi sau đấy, cuộc truyền hình của Thế giới Vận động hội ở Tokyo ra khắp các nước gần xa chứng minh cuộc thông

tin qua vệ tinh là một giải pháp tiện lợi và nhanh chóng. Tuy nhiên, vệ tinh thông tin đang còn ở buổi ban đầu, kỹ thuật còn đang non nớt, Rồi đây những vệ tinh đồng bộ (Syncom) hay quỹ đạo hình thuẩn (Molniya) sẽ được phóng lên, nối liền hơn nữa những quốc gia xa xăm trong một cuộc trao đổi văn hóa và kinh tế có ích cho tất cả mọi người. Rồi đây, không những chỉ những cuộc phát thanh, truyền hình giữa các lục địa trở thành dễ dàng mà cả những cuộc điện thoại công, tư, những báo chí, bưu điện sẽ nhờ vệ tinh thông tin mà bao trùm khắp mặt đất. Trong tương lai, nạn mù chữ sẽ nhờ đây mà mau được trừ khử, xa hơn, đầu óc con người sẽ đi lại nhanh chóng : khắp đó đây, những bảo tàng, những thư viện chỉ ở ngoài ngưỡng cửa thì làm sao kiến-thức con người không mau rộng lớn !

Dù sao, từ thuở nào, con người vẫn luôn tỏ ra tò mò, hiếu học. Con người luôn muốn hiểu biết thêm, một phần để thỏa tính hiếu kỳ, một phần cũng để cho đời sống thêm tiện nghi, dễ dãi. Tò mò thì thật tò mò, vì luôn muốn biết xa, biết gần, biết trong, biết ngoài. Sau cung trăng, thiên thể gần ta nhất mà những hình chụp vừa rồi đã hiển cho ta một bộ mặt khá rõ ràng, con người đã phóng tầm mắt ra xa hơn : sao Kim, sao Hỏa, mặt trời. Venusik, Mariner tương đối chỉ đang còn là những dụng cụ tầm thường thăm dò những hành tinh gần ta nhất trong Thái dương hệ. Rồi đây cả những phi thuyền hay đoàn phi thuyền sẽ rời quả đất khảo sát vũ trụ. Trong lúc chờ đợi, những nhà thiên văn học đã đua nhau hướng kính lên trời, những nhà toán học cặm cụi lo tính để

đoán biết trước những điều một mai kia những phi hành gia sẽ gặp gỡ. Trên trời có gì lạ ? (24) Cách xa ta khoảng 10 tỷ năm ánh sáng, những sao hay chòm sao quasar, tìm thấy lần đầu tiên năm 1963, với những năng lượng vô cùng lớn, những tốc độ vô cùng nhanh, đã đặt cho các nhà thiên văn học một mối thắc mắc khó giải nhưng cũng đã giúp nhiều nhà bác học chứng minh học thuyết vũ trụ bành trướng và dùng làm một trang sách quan trọng trong bộ sử vũ trụ từ nguyên tử sơ khai cho tới những chòm sao ngày nay ở xa nhau nhiều tỷ năm ánh sáng.

Tuy luôn tìm hiểu vũ trụ xa xăm, khoa học ngày nay vẫn không quên học biết quả đất, thiên thể tuy của ta mà thật còn chứa biết bao bí mật. Năm Địa cầu Vật lý học Quốc tế 1957-1958, tình cờ nằm vào năm thứ nhất kỷ-nguyên không gian, nhưng đã được xác định đúng vào lúc hoạt động tối cực của những vết mặt trời, đã giúp các nhà bác học khảo cứu một cách có hệ thống, phương pháp, quả đất khí quyển cùng ảnh hưởng của vũ trụ. Hơn 70 nước đã tham dự, góp chung một vạn chuyên gia, 2500 đài khoa học cùng hằng ngàn trạm quan sát. Năm Địa cầu Vật lý học Quốc tế bao gồm mọi ngành khoa học, mọi tổ chức có liên quan đến vật giới của con người và hoàn cảnh vật lý của nhân sinh. Tài liệu thu lượm được nhiều đến nỗi, mặc dầu có nhiều máy tính điện tử tiếp sức, cũng phải nhiều năm mới khai thác hết.

Trong Năm Địa cầu Vật lý học quốc tế, môn khảo cứu bề mặt đất nhất là môn chấn - động - học. Nhưng môn này chỉ có những phương pháp khảo sát cách trang trải nhiệt độ và áp lực trên mặt đất cùng nghe ngóng những

cuộc động đất mà thôi. Vì vậy, muốn biết hiểu những vùng ở sâu, những luồng nhiệt động mà người ta tin đã gây ra động đất, núi lửa cùng những thể đất trầm trội, cần phải đào xuống đất sâu : năm 1960, kế hoạch UMP (Upper Mantle Project) ra đời, dự định khảo cứu lớp trên bao đất, động viên nhiều môn từ địa lý qua địa chất và địa hóa học (25). Người ta cần biết vỏ quả đất cấu tạo ra sao và kế hoạch Mohole dự định đào một hố sâu ở dưới đáy biển để đạt cho được đến lớp Moho, giới hạn giữa vỏ và bao đất.

Tìm hiểu đất đai cũng chưa đủ vì nước cũng là một vấn đề cần phải giải quyết gấp rút. Biết bao vùng đất đã bị khô hạn cho nên vô dụng, cần phải kiếm cách tưới bón. Vì vậy, từ năm 1957 đến năm 1962, một chương trình khảo cứu những vùng khô khan gồm có 27 môn khoa học đã được thực hiện. Kết quả khả quan và những chuyên gia mới về sa mạc đã lạc quan tưởng tượng đến những cánh đồng phì nhiêu trên các bãi sa mạc Sahara và Ai-cập hiện nay. Bắt đầu từ năm 1955, một kế hoạch khác, rộng lớn hơn : Thập niên Thủy học Quốc tế lại được đưa ra, hầu mong giải quyết được vấn đề thiếu nước cho nhiều quốc gia như Do-thái, Thổ-nhĩ-Kỳ, Ấn-độ, Ai-cập... Đại dương cũng được các nhà bác học đề ý đến : như các chương trình, kế hoạch đã thấy ở trên, một số Hội đồng quốc tế cũng đã được Tổ chức Quốc tế Giáo dục Văn hóa và Khoa học UNESCO đặt ra để khảo cứu Ấn-độ dương (1959-1965), miền nam Đại-tây-Dương (1963-1964) cùng những luồng nước Gulf Stream, Kouro-Shivo (1965). Trong khoảng vài năm, 250 chuyên thám hiểm

đã được tổ chức khắp các mặt biển trên hoàn cầu. Khảo sát đại dương sẽ dẫn lại cho ta khai thác thêm 7/10 diện tích quả đất hầu mong lấp bù phần lương thực đang bị thiếu vì nhân số ngày càng tăng. Trước khi rời khỏi địa hạt những tổ chức quốc tế này, tưởng nên cần nghiêng mình trước cơ quan UNESCO mà năm nay là năm kỷ niệm đệ nhị thập chu niên.

Khi nói đến lương thực bị thiếu, hai giải pháp thường được đề nghị : khai khẩn thêm đất đai trồng trọt và phát triển thêm chăn nuôi. Rau quả tuy cần, tương đối còn rẻ hơn thịt. Vì vậy các nhà bác học không bỏ quên vấn đề sản xuất prôtêin. Từ lâu các nhà thực vật học đã dùng các loại rong nước ngọt cloren trong những cuộc khảo cứu về tổng hợp quang học. Gần đây người ta tìm ra được trong các loại rong ấy những giai đoạn cấu tạo ra prôtêin. Vì vậy cuộc khảo cứu được thúc đẩy mạnh hầu mong mau đem lại giải pháp cứu nguy. Sau này, các loại rong ấy còn có thể đem trồng trong những phi thuyền đi xa... Cuộc chế tạo prôtêin tình cờ lại còn được phát giác trong một địa hạt khác : kỹ nghệ dầu hỏa (11). Nhân kiếm cách khử parafin trong dầu hôi với vi trùng, người ta nhận thấy nhiều vi sinh dùng cơ chế sinh vật tổng-hợp cho gần dưỡng khí vào hydrocacbua như trong vật chất tế bào và làm thành prôtêin-vitamin. Đáng đề ý hơn là tốc độ vô cùng lớn của phản ứng : nếu một con bò 500 kilô mỗi ngày đem tổng hợp 0,5 kilô prôtêin, 500 tế bào sống vi sinh cũng thời gian ấy có thể tác dụng lên hydrocacbua để chế tạo ra 1250 ki lô prôtêin ! Nếu công cuộc tổng hợp

này phát triển như ý muốn, rồi đây nạn đói hết còn nguy khảm cho nhân loại.

Nhưng ăn no mặc ấm chưa phải là sống ! Con người, như đã thấy, rất tò mò, muốn luôn luôn tìm hiểu mọi hiện tượng, mọi vật chất. Các giải Nobel khoa học những năm gần đây đã thưởng cho biết bao các nhà bác học khảo cứu về thành phần tí hon mà cho đến trước đệ nhị thế chiến ai cũng cho là chẳng phân cắt ra được : nguyên tử. Các nhà bác học không những đã tìm hiểu cách nối liền các nguyên tử với nhau (Moliken) (26) mà còn khảo sát hạt nhân (Mossbauer) (9) cùng những nguyên-thể sơ cấp chạy ở trong hay xung quanh hạt nhân ấy (Hofstadter) (9) (Wigner, Goepperi-Mayer, Jensen) (17) làm cho nguyên tử tuy trống rỗng thành ra một khối cứng rắn và đầy năng lượng, làm rường cột cho mọi vật chất. Trong số những nguyên thể sơ cấp, có một vi-thể chịu ảnh hưởng của từ trường và di chuyển với tốc độ 300.000 cây số mỗi giây đồng hồ, có đặc tính phát ra ánh sáng nên được gọi là quang tử hay pho ton (Tomonaga, Feynman, Schwinger) (23). Còn có một nguyên thể sơ cấp khác, một trong những nguyên thể đã tìm ra được trước nhất cùng với dương-tử hay proton, trung-hòa-tử hay neutron là điện tử hay electron, cũng đã được khảo sát cặn kẽ. Những điện tử chạy xung quanh hạt nhân trên những quỹ đạo xác định tùy theo năng lượng của chúng. Kiếm cách thêm cho chúng năng lượng, «bơm hút» chúng lên những quỹ-đạo năng lượng lớn hơn để rồi lại cho chúng sụt xuống quỹ đạo cũ, đồng thời phát ra năng lượng (Kastler) (26), người ta đã sáng chế ra được một luồng sáng vô

cùng mãnh liệt : tia Laser (Townes, Prokhorov, Basov) (20) mà ứng dụng càng ngày càng nhiều trong mọi lãnh vực từ kỹ nghệ qua y khoa (18). Có khi điện tử rời khỏi hạt nhân, biến vật chất thành một trạng thái chẳng đặc, chẳng lỏng, chẳng khí, mà là một trạng thái thứ tư gọi là Plasma (14) mà người ta đã tìm thấy quanh quả đất và ứng dụng cũng đầy hứa hẹn, từ cách chế biến nhiệt ra điện đến những phương pháp sản xuất năng lượng trong những phi thuyền tương lai. Điện tử tuy đã được nói đến nhiều, rồi đây còn sẽ đi sâu vào nhiều hơn trong đời sống chúng ta vì cử động, tính chất của nó đã là căn bản một số máy móc nay mai sẽ thay thế con người điều khiển mọi việc : máy móc điện tử (15). Óc não con người sẽ nhờ chúng mà được mở rộng, tư tưởng cũng theo chúng mà càng gia tốc. Không những điện tử mà chính ngay toàn nguyên tử cũng có những tính chất kỳ lạ: đấy là những nguyên tử phóng xạ tự nhiên dần dần biến ra một nguyên tử khác. Tính chất này đã được đem ứng dụng để đo thời gian (Libby) (3). Một nguyên tử như nguyên tử khí hêli đưa xuống nhiệt độ thấp, khoảng gần số không tuyệt đối hay -273°C thì cũng có những tính chất khác thường (Landau) (10) mà đề nghị ứng dụng đã làm rung động thế giới một vài năm trước đây là dùng để tích trữ cơ thể người qua nhiều năm, tháng hay hằng thế-kỷ !

Người ta đã nghĩ như vậy vì cho rằng cơ thể khi ở nhiệt độ thấp thì dừng lại, không sống nữa nhưng cũng chẳng chết. Thật ra người ta không ngớt bỏ công học hỏi về tế bào, từ cách sinh sản cho đến những vật chất đã cấu tạo ra nó. Tuy kết quả chưa được sâu rộng,

các nhà bác học cũng đã bắt đầu chớm thấy hình thức của những axit nucleic, rường cột của mọi tế bào (Crick, Wilkins, Watson) (10) cùng cách chế tạo những axit ấy (Lwoff, Monod, Jacob) (23). Sách vở sinh vật học, sinh lý học từ nay đầy rẫy những danh từ phức tạp mà những tên viết tắt bắt đầu được phổ biến ra quần chúng: ADN, ARN, .. đều là những loại của những axit nucleic. Nhiều bác sĩ khác thì chuyên khảo cứu về huyết-cầu-tổ hay cơ-cầu-tổ (Kendrew, Perutz) (10), hay những tế bào thần kinh (Hodgkins, Huxley, Eccles) (17). Khảo cứu căn bản chưa đủ, các bác sĩ không quên bổn phận của họ còn là cứu đau. Vì vậy, một đảng họ kiếm cách chế biến thêm thuốc men (Crowfoot-Hodgkins) (20), nhất là những thuốc kháng sinh (8), một đảng trực tiếp chữa ngay trên cơ thể bệnh nhân. Những phương pháp chấp ghép các bộ phận lành mạnh vào cơ thể đau yếu (Medewar, Brunet) (3), những phương pháp mổ xẻ cùng những kỹ thuật kế cận (16) được khai thác sâu xa. Chứng bệnh tủy trời chưa khai triệt được là ung thư cũng được các bác sĩ lưu ý tới. Tuy công tác học hỏi về mặt này rất nhiều và đã từ lâu, năm nay lần đầu tiên Hội đồng thưởng giải Nobel sinh lý và y học đề nghị hai người trong hai lãnh vực khác nhau: Rous ở địa phận cực trùng và Huggins dùng hóa chất và chuyên viên của bệnh-viện (26). Còn đáng đề ý là năm 1961, một nhà vật lý học, Bekesy, được giải sinh lý y học vì đã xác định được vai trò biến thể năng lượng của ốc tai, đưa ra ánh sáng một hiện tượng vô cùng phức tạp của âm học có ảnh hưởng lớn lao trên môn bệnh lý bệnh điếc (9). Thế đủ biết những môn khoa học không phải rời rạc mà luôn cùng nhau đồng tiến. Trước khi rời

khỏi địa hạt y khoa, tưởng cũng nên nhắc qua vấn đề đến nay vẫn còn được bàn tán nhiều và chưa được giải quyết xong mặc dầu rất cấp bách là câu chuyện giảm hạ sinh sản hay thụ thai theo ý muốn. Biết bao phương pháp đã ra đời, hoặc cơ học hoặc dùng hóa chất, hoặc dựa lên những hiện tượng sinh lý của cơ thể, nhưng thuốc tiên, phép thần chưa thấy hiện ra. Cách đây vài năm, vụ «thai nhân tạo» cũng đã được báo chí nhắc nhở đến nhiều (5).

Đấy, 10 năm qua đã đem lại biết bao kết quả hữu ích nhưng cũng đặt thêm biết bao vấn đề cần phải giải quyết. Con người đã biết nhìn thêm xa, ước lượng được những ngàn hà năm cách xa ta đến 10^{22} cây số (nghĩa là 10 ngàn tỷ tỷ cây số), nhưng cũng đo lường được những tác dụng giữa những nguyên-thể trong nhân nguyên tử nằm cách nhau không quá 10^{22} cm (nghĩa là 1 phần 10 ngàn tỷ tỷ phân). Con người biết đo thời gian, những hiện tượng xảy ra trên những vì sao xa xăm cách đây 10^{10} năm (nghĩa là 10 tỷ năm), nhưng cũng biết đưa ra ánh sáng những nguyên thể chỉ sống có 10^{10} giây (nghĩa là 1 phần 10 tỷ giây đồng hồ). Trong 10 năm qua, cuộc phát triển khoa học đã được lớn mạnh nhờ kỹ nguyên không gian đã mở đầu, thúc đẩy các cuộc khảo cứu trong mọi lãnh vực, từ những phương pháp sản xuất kim loại nhẹ hay chế biến kim cương cứng (21), từ những cuộc chế tạo những máy móc tí hon, những nguồn năng lượng mới đến mọi tiến triển trong các ngành vật lý, hóa học cũng như y-khoa toán học.

Kỹ nguyên không gian với những ảnh

hường trên kỹ-nghệ, kinh tế, đã thay đổi cách sống của chúng ta. Kỹ thuật tiến nhanh như tốc độ vĩa thạch, làm sao toàn thể hệ thống kỹ nghệ và kinh tế không đổi mới và từ đây đời sống chúng ta không hướng theo một chiều khác được. Ngày mai chúng ta sẽ sống, sẽ chứng kiến những điều mới lạ hơn: nước biển biến thành nước ngọt, con cái sinh ra như ta muốn, đời sống kéo dài bao nhiêu cũng được,... (22). Những môn khảo cứu của ngày mai sẽ dựa lên nền tâm lý học, toán học và vũ trụ sinh vật học mà bước đầu đã thấy chớm nở (13, 19).

Nhưng thời sự gần gũi nhất mà mọi người đã thao thức chờ đợi có lẽ là cuộc đổ bộ nay mai lên cung trăng. Bên

lề cuộc thành công kỹ thuật, người ta có thể chờ đợi một cuộc hợp tác giữa các cường quốc trong hòa bình như đã hằng mong mỏi các nhà bác học đã bắt đầu gặp nhau bàn bạc từ năm 1957 tại một địa điểm ngày nay luôn được nhắc nhở đến: làng Pugwash. Sau này, những hội nghị ứng dụng hòa bình nguyên-tử lực ở Vienna cũng như ở Genève là một sự tiếp tục hiền nhiên tinh thần chống chiến tranh của những nhà khoa học phần lớn khảo cứu trong mục đích giúp ích nhân loại.

Sputnik và Pugwash tình cờ đã ra đời cùng một năm. Kỷ nguyên không gian đã bắt đầu với dấu hiệu hòa bình, nó phải tiếp tục trong tinh thần ấy.

VÕ-QUANG-YẾN

VÀI BÀI CÙNG TÁC GIẢ ĐÃ ĐĂNG TRONG BÁCH KHOA,
BẢN RỘNG VỀ VẤN-ĐỀ :

- | | |
|---|--|
| (1) Cung trăng đôi mặt, số 78 | (15) Óc não điện tử, số 162. |
| (2) Vấn đề thâu hồi vệ tinh, số 94. | (16) Tiến triển trong khoa mổ xẻ, số 166. |
| (3) Nobel khoa học 1960, số 97. | (17) Nobel khoa học 1963, số 167. |
| (4) Vệ tinh khí tượng, số 98 | (18) Laser, cuộc cách mạng thứ nhì trong ngành điện-tử-học, số 181 |
| (5) Nuôi thai trong ống, số 101 | (19) Vũ trụ sinh vật học, số 186. |
| (6) Kỷ nguyên không gian, năm thứ nhất, số 105. | (20) Nobel khoa học 1964, số 192. |
| (7) Câu chuyện biển nước, số 109 | (21) Kim cương nhân tạo, số 195. |
| (8) Những loại thuốc kháng sinh mới, số 117. | (22) Đời sống ngày mai, số 199. |
| (9) Nobel khoa học 1961, số 121. | (23) Nobel khoa học 1965, số 213. |
| (10) Nobel khoa học 1962, số 145. | (24) Trên trời có gì lạ, số 214 |
| (11) Miếng thịt nhân tạo, số 150. | (25) Dưới đất có gì hay, số 219. |
| (12) Khảo cứu không gian và đời sống con người, số 153. | (26) Nobel khoa học 1966, số 240. |
| (13) Vũ trụ và sinh vật, số 158. | |
| (14) Plasma, trạng thái thứ tư của vật chất, số 160 | |

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Dạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24 37 et 24 38

B.P. N° 122

SUCCURSALE DE HONCKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 93 — 2171 (8 lignes)

P O Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

vài nhận xét về mười năm giáo-dục

BÙI - HỮU - SÙNG

Truyền-thống Việt Nam thường lấy khoảng mười năm làm đơn vị để kiểm điểm kinh-nghiệm : Vị anh-hùng Lê Lợi đã thành công sau mười năm kháng Minh. Trồng cây, tồ tiên ta đã nghiệm rằng : sau mười năm, mới tính chuyện hưởng hoa lợi. Về việc học, xưa đã có câu : mười năm đèn sách.

Mười năm qua (1956-1966) ! Nước ta chịu nhiều biến-cổ đau thương ; nền giáo dục cũng bộc lộ ra nhiều ưu và khuyết điểm. Dưới đây, tôi xin nêu ra vài nhận xét theo cái nhìn chủ quan trong một phạm vi nhỏ hẹp, ở một số trường Trung-học thành-thị.

Ý - thức chính-trị đã trưởng thành mau lẹ trong giới học-sinh.

So với các nước tự-do và so với các thể-hệ học sinh nước ta trước năm 1945, thì qua chục năm gần đây, ý-thức chính-trị đã phát triển mau lẹ tại một số trường Trung-học. Trước kia, học sinh chỉ biết chuyên cần bài vở để mau mau chiếm một địa-vị ông tham, ông bác-sĩ. . . Họ coi môn « chính-trị » như một thứ « quốc-cấm », ít khi bàn tán công khai. Tuy có « ghét Tây » hay « tẩy chay Tàu », tuy đôi khi có nghe văng vẳng phong trào ái-quốc của các Cụ Phan, của Quốc-dân-đảng v.v... nhưng rồi cũng lại lãng quên đi vì còn phải vùi đầu vào sách vở. Khoảng mấy năm 1926, 1927,

nhờ mấy vụ bãi khóa, lễ truy-diệu, ý-thức tranh đấu đã bùng lên nhưng cũng bị dập tắt. Sau những năm chết đói (1944), kháng chiến và tản cư, học sinh phân tán về các vùng quê. Mãi tới 1953, 1954, họ mới hồi-cư và rồi lũ lượt kéo nhau di-cư, đi tìm tự-do chính-trị. Từ đấy hàng vạn thanh thiếu niên bắt đầu thức tỉnh. Họ nhận rõ sự lựa chọn con đường Quốc-gia (hay Cộng-sản) gắn liền với bản thân mình, với sự sống của gia-đình, của dân-tộc mình. Vào tới châu thành Sài-gon, họ tập-hợp lại trong các trường công, tư lớn, làm lại « cuộc đời học-sinh », nhiệt liệt ủng hộ chính-nghĩa quốc-gia, tồ chức biểu-tình trước khách-sạn Majestic, đuổi cán bộ Cộng-sản về Bắc, nổi dậy lật đổ chế-độ gia đình-trị của nhà Ngô, tranh đấu cho đạo-pháp, « xuống đường », tranh đấu chống độc-tài v.v. . . Tất cả những biến-cổ trên — thêm vào đấy, những cuộc hội thảo, « đêm không ngủ » — rồn rập lôi cuốn học-sinh vào đường đấu tranh và cũng từ đấy, ý-thức chính-trị nảy nở, trưởng thành mau lẹ trong máu, trong lửa, trong thất bại cũng như trong thành công. Hiện nay, có thể nói là một số trường đã có đôi chút « thành tích », có nền nếp « chính trị », có kinh nghiệm tranh đấu. Cảnh giác của họ cũng khá cao : họ biết phân biệt giáo sư nào « lừng khừng », giáo-sư nào là « mặt vụ », những ai là bọn « đầu cơ chính trị »

những kẻ nào trà trộn vào hàng ngũ đề hồng lèo lái họ sang mục-tiêu khác.

Không phải không có nhiều sơ hở, nhiều cử chỉ «yêng hùng», «quá chớn», những cái mà lý-thuyết-gia chính-trị gọi là bệnh ấu trĩ. Có những cái lãng mạn: đi mượn máy in ronéo về in hàng trăm truyền đơn, rồi sợ, đốt đi hết; sau lại thức mấy đêm liền và in ra hàng nghìn, tự tay đi phát. Có em bị tù, nhưng nhất định không tố cáo bạn bè. Tình tương-thân tương-ái rất cụ thể và tràn ngập trong những giây phút sóng gió. Tranh đấu thành công, các em không hề đưa ra yêu sách hay chương trình gì hết: Lại đâu đấy trở về học hành, đùa nghịch «tểu», trêu ghẹo giám thị và nữ sinh. Sức vũ bão lại im bất như mặt biển ngày tốt trời, đề lúc nào cần sẽ lại nổi dậy như sóng cồn. Nói như Albert Camus nói về bệnh dịch hạch: bệnh có rút lui, nhưng vi trùng đi ngủ, chưa chết hẳn; nó sẽ có ngày chỗi dậy. Cái tiềm lực ấy lại cũng không được liên tục nuôi dưỡng bởi tuyên truyền, bởi học tập, bởi lãnh tụ huấn luyện. Gặp lúc hữu sự, sẽ tự nhiên xuất hiện những tay cầm đầu khôn ngoan, táo bạo, hùng biện, danh thép. Đường lối tranh đấu cũng hiện rõ như ban ngày.

Điều đáng chú ý: tinh thần và kinh nghiệm tranh đấu, các em không học ở thầy, ở sách «Công dân», mà ở trong lòng dân chúng, ở trong thất bại hay thành công của bản thân.

Dư luận đối với các em cũng theo thời gian mà thay đổi. Lúc đầu người ta cho rằng «bọn con nít a-dua, biết gì về chánh trị». Dần dần người ta tấm

tắc khen: «À, hậu-sinh khả úy!» Một số giáo sư, trước những hoạt động tranh đấu ấy, đến trường với mặc-cảm tự ti. Một vị cựu Bộ trưởng đã gọi học sinh là «kiêu sinh».

Theo tôi, đây không phải là một vấn đề khen hay chê. Đây là một ý-thức chính trị đang lớn lên. Trước sự đổ vỡ của các đảng phái chính trị và tôn-giáo, trước bọn «hoạt đầu» bọn buôn dân bán nước, thanh thiếu niên không tin ở phe nào hay theo một chủ trương nào, họ vững tin ở nguyện vọng của dân tộc và họ tin ở sức lực họ. nếu họ có bị bỏ rơi hay đàn áp, ý thức chính trị vẫn tiềm tàng nhưng sẽ lệch lạc, lợi cho đối phương, hại cho chính nghĩa.

Vậy tốt hơn là phụ huynh và Bộ Giáo dục kịp thời cung cấp thức ăn đề bồi bổ cho ý-thức chính-trị trên. Trước hết người ta không thể nào quan niệm việc dạy môn «Công dân» một cách «sơ đẳng» và trừu tượng như hiện nay. Đã nói chính trị, tức là nói tới «thời sự». Mà các em học sinh rất thích thú với thời cuộc, với biến cố của ngày hôm nay. Bộ Giáo dục nên lập ra một ban sưu tầm tài liệu, tranh ảnh, rồi theo thời-sự mang ra mổ xẻ, hàng tuần, gửi về cho các giáo sư phụ trách môn Công dân. Ví dụ: cuộc tranh-cử vừa đây tại Mỹ, vụ cách mạng văn hoá của vệ-binh đỏ; phong tục, ngôn ngữ, địa lý, của các đội binh đồng minh như Tân-tây-Lan, Úc v.v

Nếu ở các lớp dưới đã học thời sự, tất nhiên tại các lớp trên, (Đệ Nhị, đệ Nhất), phải hướng sang tâm-lý-học xã-hội (psychologie-sociale, chú trọng về phần tâm-lý quần chúng, biểu tình), hướng sang triết-lý chính-trị (Philosophie

politique). Những chương trình "Công dân", tuy có thay đổi trong mấy năm gần đây, vẫn chưa theo kịp đà phát triển ý-thức chánh-trị của học sinh. Nhất là môn Triết-lý, phỏng chép ngây ngô chương trình cũ của Pháp (hiện Pháp đã thay đổi rồi). Chương trình cũ ấy (gồm có: tâm lý, luân lý, đạo đức, siêu-hình) là cái di hại của triết học kinh-viện (Philosophie scholastique) từ thời Trung cổ, nay chỉ còn giảng dạy ở một vài nước như Pháp, Bỉ và trong một số chủng-viện. Không hiểu tại sao các nhà thảo chương-trình lại đưa học-sinh Việt-Nam lạc vào cái thế - giới u-minh, trù-tượng ấy: mồ cha không khóc, đi khóc đồng mối!

Trình-độ văn-hoá kém sút đi nhiều

Nhà văn Goethe đã nói: «Sự hoạt-động làm tê-liệt tư-tưởng.» Các em học-sinh, 16,17 tuổi, vào cái tuổi đang «hiếu-động» lại gặp thời thế đề trò tài, «lầy le», thành ra các em say mê tranh đấu, «rõn đùa» với nhân viên công lực - các em còn thì giờ đâu làm bài, đọc sách. Ngay ngồi trong lớp, cũng chỉ nghĩ đến mặt lệnh, biểu ngữ v.v., các em không thể nào nghe lời giảng. Do đó trình độ văn-hoá kém sút so với các thế - hệ trước. Các thế hệ học sinh trước kia thuộc về thế-hệ dồn ép (génération de refoulement), họ dễ lĩnh hội các ý-niệm trù-tượng, dễ bắt gặp hình ảnh của họ trong thi ca, nghệ-thuật. Thế hệ trẻ ngày nay thuộc về thế-hệ giải-ức (génération de défoulement), các em không thể nào ngồi suy-luận suông hay ngâm nga thơ phú. Các em thích hợp bạn, lập các C. T. Y, đuổi theo hình ảnh, âm thanh, phóng xe máy trên xa lộ, a-dua đề bộ tóc beatles mặc quần áo sặc

sỡ kiểu Pop-Art. Thần-tượng của các em không phải là Nguyễn-Du, Lý-Thái Bạch hay Pascal mà là James Dean, J. Bond, B. B...

Thế-hệ xưa có giọng tư-tưởng liên-tục (continu), ngày nay giọng tư-tưởng đứt khúc (discontinu), nhày vọt từ cảm-giác này sang cảm-giác khác như các «scènes» trên màn ảnh. Nếu có đọc sách, thì cũng chỉ ngón các trang tiểu-thuyết, thả óc tưởng-tượng chạy theo các «pha» trong kiếm hiệp.

Do đó, nảy ra những «quái thai» về:

— a) *Chinh tả*: con rao (dao); la marie (la mairie)

— b) *Ngôn ngữ*: quê ba cục, lấy «e», sức mấy, bỏ đi Tám v.v.

— c) Đầu tháng 12-1966, tôi được chứng kiến một nam học-sinh lớp đệ Tứ ngồi hai mươi phút không làm nổi cái tính chia: 100 chia cho 25.

Kỳ-quái hơn nữa: ở lớp đệ-Thất, giáo-sư viết một đoạn văn xuôi lên bảng. Học sinh chép vào vở. Thấy thầy hết bảng xuống dòng, các em cũng cứ xuống dòng, mặc dầu còn giấy và chưa hết câu. Kiểm soát lại, bài chép không còn là một bài văn xuôi hay văn vần nữa. Có lẽ là lối thơ tân thời, một quái thai của thế-hệ 1966.

— d) *Luận*: về luận quốc văn: đầu Ngô, mình Sở. Không biết đâu là nhập-đề, đâu là kết luận. Cả đến chấm câu, chấm xuống dòng, cũng không rõ ràng minh bạch. Thiệt là «văn chương phản-ảnh thời loạn»!

Nhưng lạ thay! Vào những buổi liên-hoan, trong trường, các bài chúc-từ lời

lẽ lại gọn gàng khúc chiết, văn vẻ. Những câu giới thiệu qua máy vi-âm thực là duyên dáng, lễ độ và đôi khi điềm những câu châm-biểu nhẹ nhàng, ý nhị. Còn về tổ chức, chương trình, trang trí, ca vũ, thể-hệ mới vượt rất xa thể-hệ xưa : Rất nhiều tài hoa và sáng kiến hay.

Tại sao lại có hiện tượng như vậy ?

Theo thiên-ý, có hai nguyên-nhân chính :

Một là các em nhân các buổi liên-hoan thử tung ra tài-hoa của mình, nếu thành công (như có giọng hay, bộ điệu tự nhiên) là đi lập ban ca nhạc, đến hát tại các phòng trà, các rạp chiếu bóng, kiếm tiền sinh sống độc lập với gia đình. Nói khác, các học sinh bây giờ sống một cách thiết thực, « ăn ngay ». Trái lại, các thể-hệ trước đặt mục đích ở tương lai, ở nền văn hóa nhân-bản dân-tộc, đuổi theo cái bóng con người muôn thủa.

Lý do thứ hai : Văn-nghệ của các em là thứ văn-hóa đại-chúng (culture de masse) cần vui nhộn, cần lượng, hơn phẩm, cần nhiều cảm giác hơn ý-nghĩa cao siêu. Do đó hệ cái gì tổ chức cùng với bạn bè, nhất là với bạn gái thì thực hăng say, kết quả rực rỡ. Nhưng trả về phó mặc cho mỗi cá nhân, thì cá-nhân như mất hồn, mất hết nghị-lực, rã rời như một viên cát vụn.

Vậy mà vấn-đề then chốt cần đặt ra : làm thế nào nắm chặt lại những viên cát vụn ấy thành một sức mạnh, như người thợ hồ đã biết nhào nặn những hòn cát nhỏ để xây nên những tòa cao-ốc (building) đồ sộ ? Nền văn-hóa xưa cũng

như nền đại-học hiện nay là một thứ văn-hóa học-giả (culture savante) đòi hỏi nhiều công tu-đương cá-nhân, nhiều năm vận dụng trí óc để tự biết phân-tích, tổng-hợp, suy-luận. Bây giờ phải làm thế nào để hướng một số các em từ cái văn-hóa đại-chúng, ở ạt kia, tiến dần dần sang văn-hóa học-giả, tới óc nghiên-cứu, trầm-tư trong các ngành đại-học. Các vị Bộ trưởng, các phụ huynh và giáo-sư đã ý-thức và hình dung ra những sai biệt giữa hai nền văn-học nói trên chưa ? Nếu không sẽ tới nguy, thậm nguy ! Nước Việt-Nam tương lai sẽ « thiếu hẳn cái đầu » (la nation décapitée), nghĩa là thiếu những bộ óc chỉ-huy, những người mà Mỹ gọi là manager, mà Pháp gọi là (thượng lưu) élite : Kiểu người như Churchill, Nehru. Con thuyền quốc-gia sẽ được giao phó — không phải vào tay các chuyên-viên kinh-tế, chính-trị hay quân-sự, các chuyên-viên này chỉ đóng vai cố-vấn hay

SÁCH MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

— **Những dây vô hình** tập truyện của Selma Lagerlöf, giải Nobel năm 1909 do Xuân-Tước dịch, Ngày Mai xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 170 trang gồm 7 truyện và « Giới thiệu nữ văn hào Selma Lagerlöf ». Giá 70đ.

Ca tụng thân xác của Nguyễn văn Trung, do Nam Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 300 trang gồm 5 chương : Thân xác, vật xa lạ ấy ; Biện chứng đầu mở ; Cái xác ; Xác tôi ; Thân xác như một giá-trị. Giá 90đ.

nhân-viên thừa hành—mà nó sẽ giao phó vào những tay tháo vát, quán xuyến, biết sử-dụng các tài-năng đúng chỗ, biết đặt kế hoạch cho tương-lai quốc-gia. (Ví dụ : các bộ óc ấy bao giờ cũng sẽ trù tính từ mấy năm về trước, chứ không hề « nước đến chân mới nhảy » như vụ « trường ta, trường tây » hiện nay.)

Các nhà ngôn-ngữ-học thường nói : chữ khủng-hoảng (la crise) gốc ở một chữ Hy-lạp nghĩa là thử-thách. Hiện giờ nền giáo dục của ta đang qua một sự khủng-hoảng khốc-liệt. Nếu mỗi người cha, mỗi vị giáo-sư, mỗi vị Bộ trưởng ý-thức được trọng trách của mình, cố tìm hiểu con em của mình, tôi tin một ngày gần đây, chúng ta sẽ vượt được mọi thử thách và sẽ vạch ra những hướng mới hợp với các sức đang vươn lên của dân-tộc.

Trong bài này tôi không nói đến kỷ-luật học-đường, mặc dầu từ mấy năm

gần đây, kỷ-luật ấy rất lỏng lẻo. Vì, sống với thanh thiếu-niên Việt-Nam qua các buổi giao-thời (từ thời Pháp đến thời Nhật, sang thời Độc-lập) tôi thấy hễ những người cầm vận-mệnh quốc gia trong sạch và đoàn-kết thực-sự (đừng nhằm sát hại nhau), hễ những bọn hại dân một nước bị trừng phạt công bằng, hễ những giáo sư tận tâm, hễ những cha mẹ săn sóc, thương các con, hễ trật-tự-xã-hội tạo lập mau lẹ, thì tức khắc học-sinh sẽ lại ngoan ngoãn, chăm học ngay. Bọn người lớn chúng ta đừng vì lười biếng vội đổ tất cả những tội lỗi cho chiến tranh, cho thời cuộc. Chúng ta hãy can đảm nhận lấy một phần trách-nhiệm trong việc dạy bảo đàn con em mình. Vì giáo-dục là gì, nếu không phải là một cuộc chạy đua giữa một bên là những thử thách lịch-sử và bên kia là nền văn-hóa cổ-truyền cần phải bảo tồn và canh tân bằng những nguồn sinh-lực mới phát sinh.

BUI-HỮU-SÙNG

Những sách mới ra của NGUYỄN-HIỂN LÊ

● **ĐẠI-CƯƠNG RIẾT-HỌC TRUNG-QUỐC**

Soạn chung với GIẢN-CHI. Một bộ hai cuốn. Nhà CÀO-THƠM

● **CỔ VĂN TRUNG-QUỐC**

101 bài tuyển trích, phiên-âm, dịch và chú-thích. Nhà TAO-ĐÀN.

● **MỘT NIẾM TIN**

● **TÌM HIỂU CON CHÚNG TA**

● **GƯƠNG CHIẾN ĐẤU**

TRONG ĐÔNG-NAM Á

V
i
ệ
t,
N
a
m
H
à
n
g
K
h
ô
n
g



A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGOẠI**



băng *Caravelle*
của ĐƯƠNG BAY

Hasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÉM-ÁI, MÁT-MỀ, ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÀN, ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các hãng du lịch hay

VIỆT-NAM HANG-KHÔNG
16, NGUYỄN-HUYE SAIGON. 21.624-625-626

10 năm kinh - tế

Mười năm trước đây, nền kinh-tế Việt-Nam đã khởi hành trong những điều kiện và hoàn cảnh thuận lợi nhất. Với ý chí quật cường của dân-tộc, với đầu óc thông minh, chân tay khéo léo, tinh nết cần cù nhẫn nại của người dân, với sự đồng-tâm hiệp lực kiến thiết quốc gia với hàng vạn bàn tay lao động, cuồn cuộn chạy từ Bắc vào Nam, đem theo nguồn sinh lực vô biên thắm nhuần vào những đất đai phì nhiêu của những vùng hoang vu nhất trên núi rừng Cao-nguyên, Đồng-tháp-mười, rừng U-Minh nhất định chúng ta phải thành công, phải nâng cao mức sống của toàn dân, phải tiến-tới một nền thịnh-vượng kinh-tế không thua gì Đài-Loan, Nhật-Bản.

Tại sao chúng ta chỉ thấy dư vị đắng cay khi nghĩ đến nền kinh-tế? Tại sao những sự khó khăn của đời sống vật chất hàng ngày, vẫn bao trùm khắp các tầng lớp cần cù lao động như một giấc mơ hãi hùng ám ảnh liên miên?

Thiếu vốn đầu tư

Phương ngôn có câu "có bột mới gột nên hồ". Muốn cho nền kinh-tế phát triển, trước hết phải có vốn liếng đầu tư vào các ngành canh nông, kỹ nghệ.

Mà người dân Việt, kiệt xác nghèo sơ, đào đâu cho ra tiền để kinh-doanh? Còn giới tư bản ngoại kiều mất hết ưu thế chính trị, mất độc quyền, cũng chỉ là chuyền lậu tiền ra ngoại-quốc, nói gì đến hoạt động trong những ngành mới mẻ? Trong hoàn cảnh đó, các nhà cầm quyền cũng như chuyên viên chỉ hy vọng vào vốn liếng mới của các quốc-gia tự do. Nhiều đặc quyền về đầu tư được ban hành với mục đích lôi cuốn tư-bản quốc-tế chiếu cố đến mảnh đất phì nhiêu Việt-Nam. Hy vọng mỏng manh biết bao, vì ngoài kiều-dân Mỹ, còn nước nào bên Âu-Châu chú trọng đến Quốc-gia nhỏ bé này.

Xuyên qua các cuộc tiếp xúc với các giới lý tài Mỹ, kể cả phe Dân-chủ lẫn phe Cộng-hòa, người dân có thể thâu tóm ý kiến chung như sau :

— 1 / Lý do an-ninh. — Ở những nơi ít an-ninh như Việt-Nam, muốn «thuê» tư bản thì phải trả tiền lời rất cao. Vốn liếng khai thác ở Việt-Nam, chắc chắn không thể đem lại một mức lời xứng đáng và nếu có lời nhiều, luật lệ hối-đoái cũng không cho phép chuyền hết nên không lời cuốn được ai.

— 2 / Lý do thị-trường nhỏ hẹp. — So với nước Mỹ, thị trường Việt-Nam vừa nhỏ bé, mãi lực của dân chung lại hầu như không có. Nếu có phát triển ngành kỹ-nghệ nào, cũng không hy vọng bán được nhiều cho hạ giá chế tạo xuống và cũng không thể khuếch-trương thêm, không có tương lai tốt đẹp. Điều này dễ làm nản chí các doanh thương đứng đắn.

— 3 / Lý do chính-trị. — Nước Việt-Nam ở sát nách khối Trung-Cộng không lẽ nên dễ bị Xã-hội chủ-nghĩa uy hiếp. Chính-phủ Mỹ tuy đã cam-kết sẽ hoàn lại cho công-dân Mỹ các vốn liếng đầu-tư tại Việt-Nam trong trường-hợp bị tịch-thâu, nhưng cũng không thể dền bù lại công-lao xây-dựng một xí-nghiệp, huấn-luyện các cán-bộ, và bồi thường cho họ khi hồi-hương. Cũng vì sự bấp bênh đó, nên doanh thương Mỹ không muốn hoạt-động tại Việt-Nam.

Đầu tư chính-trị.

Người dân Việt-Nam mong mỗi người Mỹ xuất vốn đầu-tư tại Việt-Nam, nhưng tư-bản Mỹ thờ-ơ lãnh đạm không muốn phiêu-lưu vào những ngành hoạt động thiết yếu cho đời sống kinh-tế của người dân Việt. Nền tảng kinh-tế dân-chủ tự-do, phải đặt trên sự hoạt động của tư nhân. Nhưng nếu tư-nhân không chịu khuếch-trương công kỹ-nghệ thì chỉ còn trông mong vào sự đầu tư chính-trị, nghĩa là những người bỏ tiền ra đầu-tư, không có mục đích kinh-tế, thủ lợi, mà nặng về mục đích chính trị, cốt gây một tiếng vang đối

đối và đối ngoại: Đó là Chính-phủ Việt-Nam, các Chính-phủ bạn, các nhóm lý tài quốc-tế, buôn bán nhiều với Việt-Nam, thủ được nhiều lợi rồi nên bỏ ra một số vốn đầu tư

Tất nhiên đầu tư chính trị phải nặng về tuyên truyền mà nhẹ về thực tế. Trong thế giới tự do dân chủ, Chính phủ không thể can thiệp vào đời sống kinh-tế quốc gia, mà chỉ làm tượng trưng. Mười năm trời số vốn đầu-tư cũng chỉ lên tới 6 tỷ bạc, nghĩa là 60 triệu Mỹ kim, một số tiền quá khiêm tốn so với nhu cầu của một quốc-gia trẻ trung, khao khát vốn liếng mở mang xứ sở như đại hạn mong mưa rào.

Hơn nữa các xí nghiệp kỹ nghệ lại đem giao cho các bậc công chức cao cấp làm Chủ tịch Ủy ban Quản-trị, làm Quản-trị viên, vv... thời chắc chắn không tài nào hoạt động có lợi cho nền kinh tế quốc gia được Bình thường các vị đó đã giữ một nhiệm vụ quan trọng khác trong Chính phủ nên không thể nào có thời giờ mà chú trọng đến công việc thương mại.

Mặt khác, mang nặng tinh thần công chức, sợ trách nhiệm — được thì không ấu giải gì mà sợ xuất thời bị tai tiếng, bị thuyên chuyển, có khi tan vỡ cả sự nghiệp «sáng vác ô đi, tối vác về» — lại không phải là sở hữu-chủ các phần hùn, không lâm vào tình trạng «của đau con xót» nên các vị quản trị viên này rất dè dặt, không muốn có sáng kiến, không thích «đẩy dứa» vào hoạt động thương mại của xí-nghiệp, và luôn luôn phòng thủ một chiếc «dù» lớn, để khi hữu sự, có chuyện

gi trực trặc, không hay, thì giương lên che cho khỏi hại đến cá nhân mình, còn xí nghiệp «sống chết mặc bay».

Công-quản «gỗ» Tân-Mai, lỗ lên lỗ xuống, phải đem bán tổng táng đi, nhưng khi vào tay tư nhân, lại lời nhiều quá đến nỗi Chính-phủ phải xit xoa tiếc rẻ. Cờ mờ than Nông-Sơn chỉ gây được tiếng vang trong dư-luận, không phải vì làm hay, làm nhiều, làm tốt, mà do ông Tổng-Giám-đốc đã có thái độ oanh liệt chống trả dũng mãnh Việt-Cộng trong một cuộc chúng công phá nhà máy.

Lúc nào nông-dân cũng được đề cao, và Chính-phủ thiết lập đủ mọi cơ quan để giúp vốn liếng cho nông dân cải thiện canh tác. Nguyên-tắc thì thật là hay. Nhưng trong 10 năm, Nông-tín-cuộc đã có một số vốn là 800 triệu đồng để cho vay canh tác 2.500.000 mẫu ruộng. Nghĩa là, nông dân được «vay» để khai thác, cứ một ngàn mét vuông là 34\$50, trị giá của bốn bó rau muống.

Người dân đau đớn ghi nhận, sau độc-lập chính-trị, còn phải trải qua đoạn đường cực kỳ chông gai mới tiến đến được độc-lập kinh-tế và sự thiếu xót vốn liếng đầu tư trên lãnh-vực canh-nông cũng như công-kỹ-nghệ, là trở ngại lớn lao nhất.

Khâu hiệu «ruộng cấy cho dân cấy» sẽ trở thành vô nghĩa, nếu quanh năm đầu tắt mặt tối canh tác một mẫu ruộng chỉ đem lại được từ 1 tấn 2, đến 2 tấn thóc, thay vì 15 tấn, như ở các nước tiến bộ. Những sách vở, cổ vấn, nha sở khuyến bảo đủ điều, lựa hạt giống, cấy sâu cước bằm, bón phân tát nước, bắt sâu làm cỏ, thực tế giúp ích gì cho nông dân, khi cấy cấy một sào ruộng chỉ được trợ giúp có bốn bó rau muống?

Dân nghèo được làm chủ ruộng, lại càng cần đến vốn liếng đầu tư, và cần cho đầy đủ đề cách-mạng-hóa lẽ lối canh-tác, và đem mùa màng Việt-Nam từ 5 triệu, lên 50 triệu tấn thóc mỗi năm.

Muốn biết chương trình xây dựng nông thôn có đem lại được kết quả thực tiễn gì không, chỉ cần hỏi nông dân được vay bao nhiêu đề canh tác 10.000 mét vuông ruộng. Sản xuất 10 tấn thóc, trị giá 50.000đ, cũng đòi hỏi phải xuất vốn lưu động là 20.000đ. Dân cấy mà không được vay số tiền này thời chương trình tốt đẹp đến mấy cũng chỉ là giấy tờ suông, vô bổ.

Dù có ông Ủy viên nào, mỗi sáng vác khúc bánh mì to tồ bố đến bộ và hùng hục làm việc suốt trưa chiều cho đến tối, cũng chỉ chứng tỏ được thiện chí và tinh siêng năng của cá nhân ông, chứ không thể nào làm cho đời sống nông dân sung túc hơn — điều kiện tất yếu để tranh thủ lòng người và cải tạo nông thôn.

Thiếu cán bộ

Đối với một quốc gia chậm tiến, ngành nào cũng thiếu cán bộ hết. Riêng đối với Việt-Nam ngành kinh-tế lại càng thiếu thốn cán bộ hơn nữa. Cái học khoa bảng từ ngàn xưa, vốn dĩ chỉ nhằm đào tạo các bề tôi trung thành, thay mặt Vua để cai trị đám dân đen. Rồi đến nền giáo dục thuộc địa cũng chỉ lo sản-xuất một đám thuộc-viên thắm nhuần tinh-thần công-chức gương mẫu, gọi dạ bảo vâng. Trên thang giá trị xã-hội, thương gia chỉ chiếm được nấc chót. Thi cử không đỗ đạt, không làm được công-chức, không làm được nghề tự do, mới phải phá ngang quay sang buôn

bán. Bị tư-bản Pháp và ngoại-quốc kiểm chế từ phía, doanh-nhân Việt-Nam chỉ đóng được vai trò phụ thuộc, không thể làm lợi gì cho quốc-gia, cho xã-hội.

Lúc chủ-quyền được thâu hồi, nước nhà cần xây-dựng một nền kinh-tế độc-lập và dân-chủ, lúc chúng ta cần đến những bàn tay kiến thiết để đặt các nền tảng căn yếu cho công cuộc kỹ-nghệ-hóa, chúng ta mới cảm thấy khoảng trống rỗng đến chóng mặt vì thiếu cán bộ, kể cả cán bộ trong khu vực chính-quyền lẫn khu vực tư-nhân.

Chúng ta không thiếu những công chức, kỹ-sư, chuyên về hành chánh, và có thể điều khiển nội cơ-sở của Bộ Kinh-tế, của các Tổng Nha Hầm Mỏ, Công kỹ nghệ, Nội-Ngoại thương. Nhưng, nếu phải giúp đỡ kiểm soát sự thiết-lập một nhà máy mới là các ngài đành chịu thua. Nói gì đến kế-hoạch kỹ nghệ-hóa, đến sự phối hợp giữa canh-nông và kỹ-nghệ, giữa chính quyền và tư nhân trong những khu-vực hoạt-động rộng lớn liên quan đến sự sống còn của cả một quốc-gia non nớt. Nhất là các vấn-đề kinh-tế lại thường đi đôi chặt chẽ với vấn đề tài-chánh, và một sự sai lầm về hối-đoái về ngân-hàng, tín dụng, về thuế-khoá, có thể làm tan vỡ dễ dàng mọi kế-hoạch phát-triển kinh-tế. Mà chúng ta chỉ có những vị vira tốt nghiệp ở các trường thương-mại Pháp và Âu-Châu, chỉ từng ngồi ở các ghi-xê chi-nhánh các Ngân-Hàng nhỏ, hoặc nếu có làm ở các cơ-sở thương-mại khác, lương cũng không quá năm ngàn một tháng. Nhưng trở về Việt-Nam, các vị đó tha hồ nói rỗng nói phượng và nắm toàn những địa vị, then chốt về tài-chánh, kinh-tế. Trong hoàn cảnh đó, nếu chính sách thay ngược đời xuôi, nền canh-nông kỹ-

nghệ không sao tiến triển được, người dân có đáng ngạc nhiên không ?

Có những vị Tổng-Giám-đốc nói rất hăng trong bất cứ phiên họp nào của Hội-đồng nội-các về bất cứ vấn-đề gì, nói xui bọt mép, nói cả tiếng Pháp lẫn tiếng Mỹ, thao thao bất tuyệt, làm cho mọi người phải thán phục, luôn cả chuyên viên ngoại-quốc. Nhưng, nếu bảo vị ấy xuất ra 10 triệu bạc vốn để mở một xí-nghiệp kỹ-nghệ nho nhỏ, có ích lợi cho nền kinh-tế chung, chắc hẳn vị ấy sẽ lúng túng, không biết là nên làm gì và làm ra sao, và nhất định là phải thua xa bất cứ chú ba tầu nào điều khiển dăm ba cái máy nhỏ ở Chợ-lớn.

Cán-bộ trong khu-vực công đã chán, mà trong khu-vực tư tình trạng còn thảm thương hơn. Các nhân tài, các chuyên viên vira tốt-nghiệp ra khỏi trường đã bị thâu hút vào các công-sở hoặc Quân-đội. Dành lại cho khu vực tư, họa chăng chỉ còn những nhà kinh-tế « mạo hiểm », lao mình vào thương-trường với mục đích làm áp-phe và kiếm thật nhiều tiền dầu là bất chính, trong thời gian kỷ lục để còn rút « dù » lánh đi nơi khác.

Không những cán bộ điều-khiển thiếu thốn mà thiếu luôn cả cán bộ trung cấp, các đốc công, các thợ chuyên môn. Trong nhiều ngành kỹ-nghệ, không thể kiếm được một người thợ giỏi Việt-Nam. Chỉ có người Tàu, ít ham làm việc với xí nghiệp Việt-Nam và nếu có làm cũng giấu nghề kỹ-luỡng, không bao giờ chịu truyền lại cho công-nhân Việt.

Thiếu kinh-nghiệm chế-tạo

Sữa Ghi-gô, sữa con chim, nếu đem phân chất, thời có khác gì mấy loại sữa chế tạo bên Mỹ đâu. Nhưng mấy bà mẹ

Việt nhiều khi sữa hiếm phải khổ sở tìm tòi mua chợ đen cho con bú. Phải chăng, vì thành kiến vì thói quen, vì quá giàu sang ? không phải. Người dân không hiểu « bí mật chế tạo » nào đã khiến cho thứ sữa đó thích hợp với cơ thể yếu của trẻ Việt-Nam nhưng phải công nhận con nít ẻo ọt dùng sữa Ghi-gô không bị mụn mẩy, không bị táo bón, tháo tả. Nếu con mình cũng khỏe như con Mỹ, thì sữa gì mà chả tốt, SMA, Babillac, Similac thơm ngon có thua gì đâu.

Mỗi một sản phẩm, dầu là thuốc men thực phẩm, vật dụng hằng ngày, đều có những « bí mật chế-tạo » riêng, đem lại một sắc thái đặc-biệt và lôi cuốn được khách hàng trên thị trường cạnh tranh quốc tế. Len nước Anh, lụa nước Ý, bánh kẹo, dầu thơm Pháp, là những hàng hóa lừng danh vì chế tạo khó khăn đặc biệt. Bởi vậy cùng là thịt bò, mà có những thứ bí-tết ba sao, hai sao, một sao, và có cả những món « thực-bất-tri kỳ-vị » như bí-tết theo kiểu « Mỹ ».

Nước Việt chúng ta, kỹ-nghệ sinh sau đẻ muộn mà muốn cạnh tranh được với sản-phẩm quốc-tế là chuyện ngàn sông lấp biển. Chúng ta có chế tạo bao giờ đâu mà biết bí-mật chế-tạo ?

Dầu nhập cảng được máy móc tối tân, dầu có cổ vấn kỹ-thuật quốc tế, chúng ta vẫn thiếu kinh-nghiệm chế tạo, khiến cho sản phẩm công-kỹ-nghệ thua kém và khó lòng cạnh tranh được với hàng ngoại quốc.

Thiếu kinh-nghiệm sản-xuất, từ kinh-nghiệm tổ chức xí nghiệp, quản trị hành chánh, xử dụng nhân công, làm sao cho hợp lý, hữu hiệu, giảm bớt được tổn phí và hạ giá thành của hàng hóa, đến kinh nghiệm chế tạo, tổ chức thương

trường, quảng cáo, phân phối và chuyên chở hàng hóa đến tay người tiêu thụ, tìm kiếm thị-trường ngoại-quốc. Thiếu cán bộ kiểm soát, thúc đẩy và thực hiện việc khuyếch-trương canh-nông kỹ nghệ, thiếu vốn liếng, người dân Việt Nam đã bỏ lỡ thời cơ, phí phạm mười năm trời không nâng cao được mức sống xã-hội, không đem lại được thịnh vượng cho nước nhà.

Ba trở ngại trên đây không đến nỗi không thể khắc-phục được. Nhưng phải thay đổi những biện pháp lưng chừng, nửa mùa, mô phỏng theo kiểu tổ-chức kinh-tế Âu-Mỹ, rồi áp dụng một cách máy móc vào nước Việt-Nam chậm tiến, tư bản ở trong tay ngoại kiều, này.

Trong mười năm nay, nền kinh-tế Việt-Nam đã biến chuyển ra sao ?



Năm năm yên tĩnh.

Năm năm đầu, an ninh tương đối còn vững chãi. Với sự thành-tâm thiện chí của Viện trợ Mỹ, với nỗ lực của toàn dân, trong khắp lãnh vực chúng ta cũng đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Hai bàn tay nông dân đã hàn gắn lại được các vết thương chiến tranh. Từ những vùng hẻo lánh nhất của Đồng-Tháp-Mười, Miền Tây, cũng vang lên tiếng động-cơ sinh sịch của máy bơm nước và máy cày xẻ những đường thẳng tắp, phơi bày những luống đất phì nhiêu, mịn màng, ngon lành như một món ăn thanh đạm.

Tuy chưa xuất cảng được cả triệu tấn lúa như thời tiền chiến, Việt-Nam cũng đã dư được ba trăm ngàn tấn gạo mỗi năm. Diện-tích cao-su phát triển mau lẹ vượt luôn cả thời đại hoàng-kim chế-độ thuộc-địa. Chuyên-viên Mỹ tận tình giúp đỡ, nông dân trồng cấy thêm hoa màu phụ,

cải tiến kỹ-thuật canh tác trừ sâu bón phân. Ngành chăn nuôi cũng tiến bộ. Dần dà chúng ta khỏi cần mua trâu bò, heo của Cám-bốt, mà còn xuất-cảng được heo sống, vịt khô của Hồng-Kông.

Trong ngành ngư-nghiệp, thuyền chài khỏi sự được gắn động cơ. Vai công-ty Việt-Nam được giúp đỡ để mua tàu đánh cá có trang bị máy ra-đa tìm các luồng cá, có thể ra khơi một tháng vài ba chuyến, mỗi chuyến chứa trong phòng lạnh từ ba đến năm chục tấn cá tươi. Nói chung, nhu cầu nhỏ bé của dân tộc Việt-Nam về cá và nước mắm cũng được thỏa mãn. Ngoài ra, còn xuất-cảng được ít cá-gộc miền Rạch-giá qua Thái-Lan.

Người dân nhận thấy ngư-nghiệp lúc nào cũng chỉ giữ một địa vị khiêm tốn, đăm bạc như nếp sống thanh bần giữa trời, mây, nước của dân chài Việt-Nam. Con yêu của Chánh-Phủ phải là kỹ-nghệ. Kỹ-nghệ luôn luôn được "quan trên trông xuống người ta trông vào", vì trình độ tiến bộ của Quốc-gia chỉ đo lường nơi kỹ-nghệ. Người ta cố sức xây dựng những nhà máy mới, trị giá mấy trăm triệu đồng — một số vốn lớn lao đối với tình trạng nghèo nàn của xứ sở — Mỏ than Nông-sơn, điện Đa-nhim, xi-măng Hà-Tiên, dệt Vinatexco, Vimytex, đường Hiệp-Hòa, đều là những công trình kinh-tế tuyệt tác. Tuy nhiên những cơ sở trên đây đem lại lợi ích gì   Hay là chỉ thấy thông cáo rời của rời nhà dành chỗ cho đường dây cao thế, mà chẳng thấy ai vô ngực tự hào đã được "xài" điện "Đa-nhim". Than Nông Sơn thì tiền chuyên chở đắt gấp mấy lần giá bán. Còn xi-

măng, vải, đường, chỉ toàn là sản phẩm của chợ âm-phủ.

Tại một nước nông nghiệp, lẽ ra hướng chính của kỹ-nghệ phải là biến chế các nông-phẩm, mới thúc đẩy cho canh-nông tiến tới và nâng cao mức sống của nông-dân, nghĩa là 90% dân số.

Nhưng, dùng toàn nguyên-liệu ở trong nước, thời làm kỹ-nghệ còn ăn giải gì, khi mà vốn liếng trong kỹ-nghệ la-de, nước ngọt, thủy tinh, dệt vải, sữa đặc v.v... hầu hết là của ngoại kiều?

Khi ngoại-tệ khan hiếm, hàng-nhập-cảng bị hạn-chế, phát-triển kỹ-nghệ trong các ngành phải dùng nguyên-liệu mua ở ngoại quốc có ba điều lợi.

Lợi thứ nhất : Hàng năm mua nguyên liệu là được hưởng huê-hồng bằng ngoại-tệ từ 5% đến 40% tùy theo loại nguyên-liệu. Bình thường thuốc men được nhiều huê-hồng nhất. Ngoài ra còn được hưởng giá sai-biệt, có thể lên tới 25%. Giả-ti mua 100 Mỹ-kim mà khai 125 Mỹ-kim, đã là lương thiện lắm rồi. Một triệu Mỹ kim cấp phát, có thể đem lại cho kỹ-nghệ gia từ 150.000 Mỹ-kim tới 500.000 Mỹ-kim. Theo thời giá bây giờ là 80 triệu bạc lời.

Lợi thứ hai : Hàng-hóa sản-xuất vì khan hiếm nên luôn luôn bán được theo giá chợ đen. Tỷ dụ : đường, vải, sữa, xe gắn máy v.v... Dĩ nhiên kỹ-nghệ gia sản xuất, cũng được chia một phần lời chợ đen với những đại-lý bán hàng.

Lợi thứ ba : Nhờ đường lối kỹ-nghệ này, các chủ-nhân ngoại-kiểu có thể chuyển tiền dễ dàng về nước bằng đủ mọi cách, (chuyển ngoại-tệ huê-hồng; chuyển tiền lời của vốn liếng, chuyển tiền tiết-kiệm của chuyên-viên v.v...)

Vì những điều lợi trên đây, người dân chỉ thấy kỹ-nghệ Việt-Nam phát-triển mạnh mẽ trong các ngành : Nhà máy ráp xe máy, xe gắn máy, xe lam, đồ ng hồ, vô-tuyến truyền-thanh ; Nhà máy bào chế bột trụ-sinh thành viên thuốc trụ-sinh, và

thuộc Pháp, Đức, Mỹ khác ; Nhà máy sữa, đem sữa bột vô hộp thành sữa đặc ; nhà máy đường, biến chế đường ngoại-quốc thành đường Việt Nam ; nhà máy dệt, biến sợi-bông ngoại quốc thành sợi-vải Việt-Nam v.v...

Nói là kỹ-nghệ hóa cũng được, vì có nồi súp-de, có ống khói đen sì, có máy lớn máy nhỏ. Mà nói là nhập-cảng tránh hình thời cũng chẳng sai sự thật là bao nhiêu.

Nếu các vì khuếch-trương kỹ-nghệ có la lối phản đối rằng Trung-tâm cũng bảo vệ quyền lợi quốc-gia và bắt các nhà kỹ-nghệ phải thay lần lần tới 50% phụ-tùng Việt-Nam người dân vẫn xin lỗi các cụ vì chuyện đó, chẳng qua là dán bùa vào mèo.

Chúng ta phải can đảm nhìn thẳng vào sự thật : Sau 10 năm khuếch-trương kinh-tế, nông dân vẫn còn chân lấm tay bùn, sinh sống trong nhà tranh vách đất, và sự kiện đó chứng tỏ hùng hồn, kỹ nghệ đã đi sai đường và không phục vụ đúng mức quyền lợi nông-thôn.

Năm năm biến loạn.

1961 Việt-cộng khởi sự công khai xâm lăng miền Nam, đem quân chính-quy từ Bắc xâm nhập bằng đường Lào, đánh phá các trục giao thông, triệt để phá hoại kinh-tế nông-thôn. Chiến-sự diễn ra với những hình-thái ác liệt nhất giữa một triệu quân Quốc-gia, bao gồm 400 000 quân đội Đồng-Minh — những đạo quân thiện-chiến và trang bị khí-giới tối-tân nhất hoàn-cầu — và vài trăm ngàn quân du-kích Việt-cộng.

Dầu muốn, dầu không, kinh-tế nông-thôn cũng phải xuy sụp. Gạo không đủ tiếp-tế cho thành-thị, phải nhập-

cảng mấy trăm ngàn tấn. Hoa màu phụ, rau cỏ chăn nuôi, ngư nghiệp, ngành nào cũng chịu ảnh hưởng không hay của chiến-tranh và thực phẩm, đời sống nhân dân mỗi ngày một khó khăn, đắt đỏ.

Kỹ-nghệ cũng lâm vào tình trạng đen tối. Nhiều nhà máy phải đóng cửa, như xưởng chế-tạ dầu cám. Mỏ than Nông-Sơn với khu kỹ-nghệ An-Hòa gồm một nhà máy điện 25.000 ki-lo-oát với năm nhà máy, khí-hóa than, phân chưng không-khí, lưu-toan, ammoniac, niếu tố và phân diêm, cũng đành ngưng hoạt động để chờ đợi một ngày mai sáng sủa hơn.

Tất cả mọi người đều nhìn thấy tình hình kinh-tế bế tắc. Giá thực-phẩm, từ từ lên cao hình như không còn một phép mầu nào có thể ngăn cản lại được. Trong cuộc hành-quân vào sào huyệt Việt-cộng quân-đội phải phá hủy cả 250.000 tấn gạo, khi mà đô-thị cần dùng phải nhập-cảng một số lượng tương-đương để giá gạo khỏi lên cao quá. Cà chua bán tới 100 đồng một ki-lô. Sà lách Đà-Lạt có khi lên tới 25 đồng một lạng. Mãi-lực của nhân-dân nhất là dân lương thiện, mỗi ngày thêm sút kém. Nông-dân bị bần-cùng hóa đã đành. Cả đến trí-thức và lao-động thành-thị cũng lâm vào cảnh túng thiếu kinh-niên. Chỉ còn lớp người sinh sống quanh người Mỹ là chịu đựng được thời-thế.

Đứng trước tình-trạng kinh-tế nan giải, tất cả những người nào yêu tự-do, thương xót cho nòi-giống đều phải âm thầm suy nghĩ, cố tìm ra một lối thoát chấp nhận được.

Một luồng ý-kiến, tiêu-biểu là các chuyên viên Mỹ, xuyên qua những lời tuyên bố gần đây, cho rằng nền kinh-tế Việt-Nam chỉ xây dựng được khi nào hết chiến-tranh.

Thực-tế tàn ác như vậy đó. Còn chiến-tranh thời còn bị phá hoại, còn chịu hy-sinh gian khổ, còn đau thương tội lỗi, còn nhiều ung độc xã-hội như nghèo khó, trộm cướp, tham nhũng, mãi dâm...

Chúng ta phải chiến thắng được Nghèo đói, Bệnh tật, Dốt nát trước, mới mong thắng được Du-kích Cộng-sản sau. Người dân cũng hiểu cuộc chiến đấu sẽ gian nan khổ sở và đòi hỏi những nỗ lực thần thánh. Tuy nhiên trong cuộc chiến-tranh ý-thức-hệ vi-đại đương làm rung chuyển cả hoàn cầu này, làm sao có thể chiến thắng nếu không có những nỗ-lực vi-đại vượt ra ngoài tất cả sách vở và kinh nghiệm của các cuộc chiến tranh cổ-điền cũ ?

Người dân chờ đợi ở Chính-phủ, trước nhất là ý-chí cương quyết nâng cao thực sự đời sống vật-chất của đại-chúng. Người dân chờ đợi một kế-hoạch thực-tiến, phối hợp từng giai đoạn, nỗ lực chiến tranh và nỗ lực kinh-tế, chính sách nhập cảng và chính sách sản xuất, cách nào cho tránh được những cơn sốt rét khủng-hoảng, những sự hy sinh quá lỗ làm tiêu tan danh dự và hạnh-phúc của những gia-đình lao-động lương-thiện.

Nên một luồng tư-tưởng thứ hai, tiêu-biểu qua lời tuyên-bố của ông Thống-đốc Ngân-hàng Quốc-gia Việt-Nam tại Hội-nghị Ngân-hàng Phát-triển kinh-tế Á-Châu, chủ-trương cần phải đạt ngay những thành quả về kinh-tế trong khi chiến-tranh còn tiếp-diễn.

Người dân chờ đợi ở Chính-phủ, trước nhất là ý-chí cương quyết nâng cao thực sự đời sống vật-chất của đại-chúng. Người dân chờ đợi một kế-hoạch thực-tiến, phối hợp từng giai đoạn, nỗ lực chiến tranh và nỗ lực kinh-tế, chính sách nhập cảng và chính sách sản xuất, cách nào cho tránh được những cơn sốt rét khủng-hoảng, những sự hy sinh quá lỗ làm tiêu tan danh dự và hạnh-phúc của những gia-đình lao-động lương-thiện.

(Còn tiếp 1 kỳ)

DUY

DÃ PHÁT HÀNH

VẾT HẸN RÓM MÁU

tập truyện sôi bỏng, táo bạo của 2 bạn trẻ :

Ngô thị Xuân Dung, Đỗ Quế Lâm

- ★ Những tâm bệnh, tình duyên ái được diễn hình qua một khía cạnh tâm tư bụi ngùi ray rứt . . .
- ★ Những mẫu tâm tình vụn nát dưới tầng chiến tranh khồng lồ đang từ từ lấn tới, lấn tới . . .
- Phụ bản : Cô Trùng Dương, Đức Lợi, Đoàn Yên Linh, Hồ Ngọc Thu, Bạt : Nguyễn Thị Thụy Vũ, Đỗ Ngọc Trung Thu.

Bìa và Trình bày : Lê Phương Chi

Kim Anh xuất bản

Giá : 80đ

10 NĂM KHÔNG GIAN

Do sự trùng-hợp vinh dự, Bách-khoa đã ra đời vào đúng lúc mở màn kỷ-nguyên khoa-học không gian. Trong mười năm qua, khoa-học không-gian dẫn dắt con người vào những cuộc phiêu lưu của vũ-trụ vô tận, đã tiến triển theo một hướng chung : càng ngày càng cao, càng ngày càng xa, càng ngày càng nhiều, với những vệ tinh, những phi thuyền, có nhiều loại hiện còn chơi vơi trên quỹ đạo. Số các vệ tinh các phi thuyền và các mảnh vụn nhiều đến nỗi các nhà khoa học đã bắt đầu lo ngại sẽ có nạn « kẹt phi thuyền » trên thượng tầng không gian quanh trái đất vào năm 1970. Cho tới nay người ta đếm được tất cả 1.158 vật do người phóng lên, trong đó chỉ 274 vật là các vệ tinh hãy còn hữu dụng. Còn lại 884 vật kia đều là rác rưởi, đồ « đồng nát », gồm từ cái vỏ hỏa tiễn đã cháy hết nhiên liệu, cho tới cái bao tay, cái máy ảnh, hoặc cuộn phim màu của các phi hành gia Gemini. Ấy là chưa kể 400 triệu mũi kim do Mỹ phóng lên năm 1965, hiện còn tản mác đó đây trên quỹ đạo. Những người duy tâm, tình cảm, vẫn còn kể cả đến năm triệu năm nữa còn phiêu bạt trong không gian của chó Laika, vật « tế thần » đầu tiên trong công cuộc viễn chinh không gian.


Tán bi-hài-kịch.

Ngày 4-10-1957, tòa đại-sứ Nga tại Washington tổ chức một cuộc tiếp tân để khoản đãi các nhà bác học tới dự Hội-nghị năm Địa cầu Vật-lý-học Quốc-tế. Giữa buổi tiếp tân, đột nhiên vị Chủ-tịch Hội-đồng Khoa-học Quốc-tế yêu cầu mọi người im lặng và long trọng tuyên bố : « Tôi vừa được báo *New York Times* cho biết Liên-sô đã phóng một vệ-tinh lên quỹ-đạo cao 900 cây số. Tôi xin khen ngợi các bạn đồng nghiệp Sô-viết trong thành công này ». Một lúc sau theo lời yêu cầu của phái đoàn Nga, tiếng « bip...bip...bip » của Spoutnik I do một đài theo dõi của Hoa-kỳ nhận được đã vang dội cả trong phòng tiếp tân, át cả tiếng trầm trồ khen ngợi của những nhà bác học.

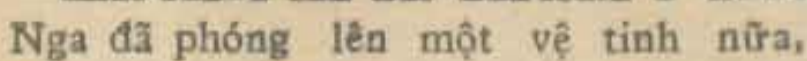
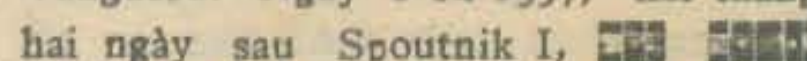

Tiếng « bip...bip...bip » còn vang dội xa hơn nữa và còn gây những chấn động mạnh mẽ hơn nữa. Toàn-thê thế-giới náo động. Báo-chí loan tin với những hàng tit lớn chiếm hết cả trang nhất. Đài phát thanh, truyền hình đua nhau

loan báo giờ và hướng đi của vệ tinh qua vòm trời địa phương. Đột nhiên cả thế giới biến thành các nhà thiên văn chuyên nghiệp, thức suốt đêm, ngửa cổ lên trời chăm chú tìm kiếm vì sao nhân tạo. Tại Mỹ, thiên hạ đổ xô đi mua ống nhòm nhiều đến nỗi trong có năm ngày mà số ống nhòm bán ra gấp đôi số ống nhòm bán trong cả năm. Trước những xôn xao của dư-luận, hãng thông tấn xã Tass của Nga chỉ khiêm-tốn loan tin Spoutnik I nặng 83 kg 500 và di chuyển với tốc độ 28.800 cây số giờ, trên cao độ 900 km. Ngoài ra thiên hạ không biết vệ tinh được phóng ra sao, bằng hỏa tiễn nào. Ngay cả đến căn-cứ xuất phát của vệ-tinh cũng không ai được biết.

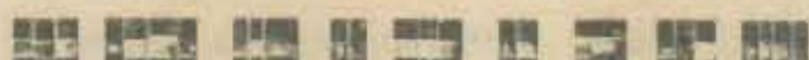
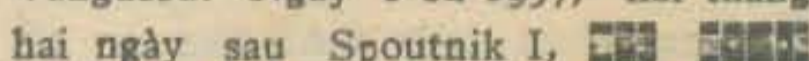

Chưa đề đã cực tác

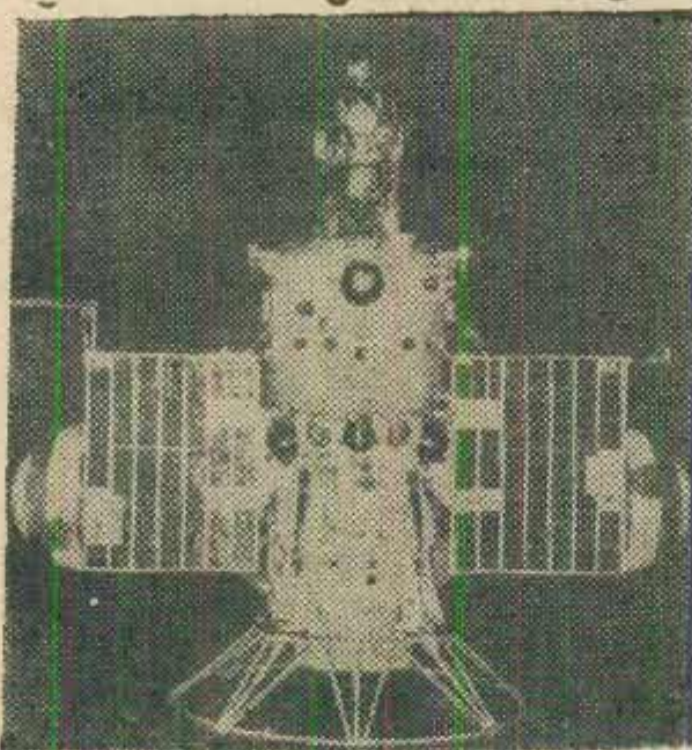
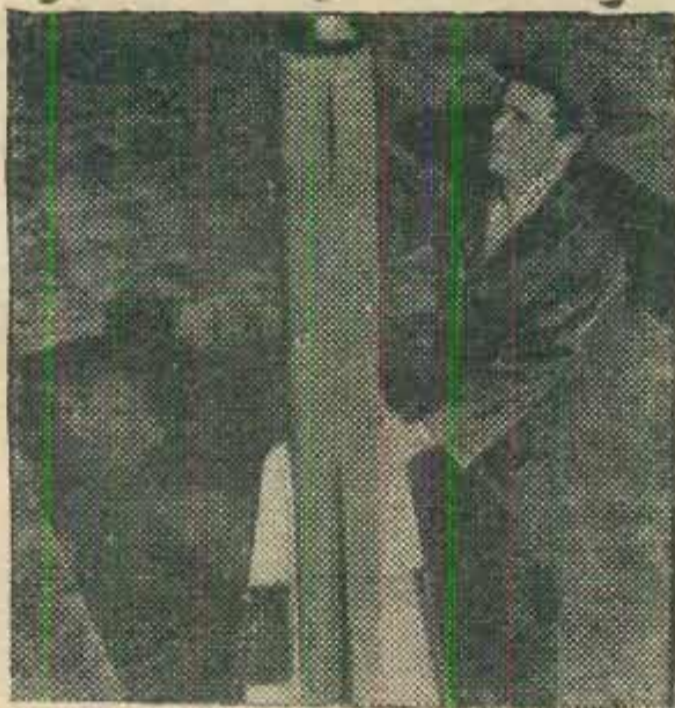
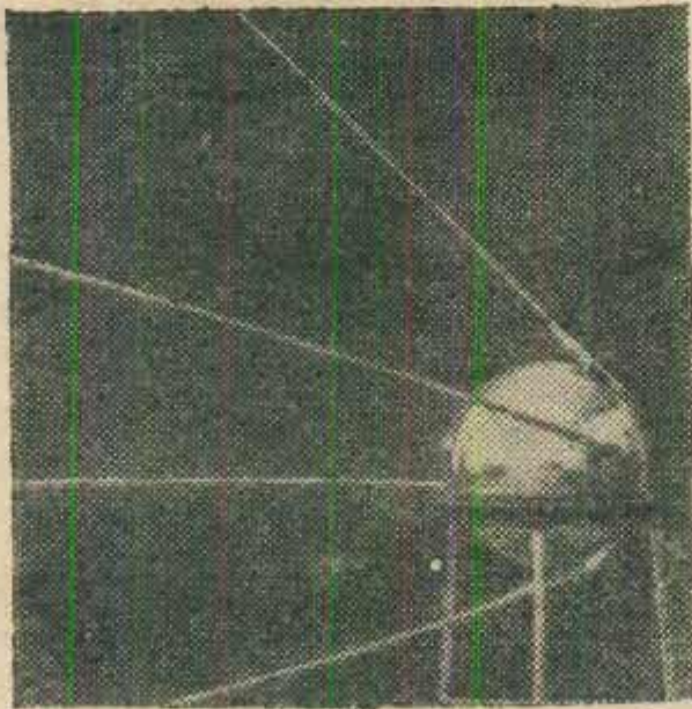
Sự im lặng «kẻ cả» đó, phần lớn vì lý do quân sự,  Chính thủ tướng Khrushchev đã nói mồm một câu tương tự như vậy khi ông ta nói: «Chúng tôi đề trứng rồi-mới kêu cực tác». Người còn nhớ rõ những lời tuyên bố trịnh-trọng của tổng thống Eisenhower về chương trình không gian của Mỹ. Các báo chí Mỹ cũng đăng những bức hình màu cỡ lớn trong đó có các nhà bác học đang đăm chiêu làm việc bên những mẫu vệ tinh nhân tạo; hoặc các chuyên viên đang lắng xằng đi lại bên những hỏa tiễn ngút khói. Ai cũng định ninh vệ tinh nhân tạo đầu tiên sẽ là vệ tinh của Mỹ. Tất cả dân Mỹ cũng đều tin tưởng như vậy.

 Nga đã phóng lên một vệ tinh nữa, Spoutnik II. Vệ tinh này nặng những 508kg, gấp bảy lần Spoutnik I, lại còn chở thêm con chó Laika, sinh vật đầu tiên lên không gian. Bảy ngày sau, do một liều thuốc độc tộn trong bữa ăn cuối cùng, Laika đã hy sinh cho khoa học, và trở nên sinh vật đầu tiên chết trong không gian. Cả thế giới không ngớt lời ca tụng, tán phục thành công rực rỡ của Nga. Chỉ có hội Bảo-trợ súc vật ở Anh là phản kháng kịch liệt. Trước trụ sở Liên-Hiệp-Quốc tại New-York, hội này còn tổ chức một cuộc xuống đường: gồm chó đủ loại, cõ đeo những biểu ngữ «Chúng tôi phản đối cách đối xử bất nhân» «Đừng ăn hiếp chúng tôi» và «Hãy ném Kút-xép lên». Trong khi đó báo Time phổ-biến khắp thế giới lời phê bình thực tiễn đầy dân tộc tính của một nông dân Việt Nam: «Chó thì đề làm thịt chứ sao lại ném lên trời».

 Tất cả danh dự và thề-diện quốc-gia của Mỹ được đặt vào dự-án Vanguard. Ngày 6-12-1957, hai tháng hai ngày sau Spoutnik I,  hỏa tiễn Vanguard hiện ngang đứng trên giàn phóng, rầm rộ chuyền mình, trịnh trọng rời khỏi mặt đất 

Dự án «Hậu tập».

 Tất cả danh dự và thề-diện quốc-gia của Mỹ được đặt vào dự-án Vanguard. Ngày 6-12-1957, hai tháng hai ngày sau Spoutnik I,  hỏa tiễn Vanguard hiện ngang đứng trên giàn phóng, rầm rộ chuyền mình, trịnh trọng rời khỏi mặt đất 



- 1 — Spoutnik I
- 2 — Explorer I
- 3 — Mars II

Đến nay, Nga đã phóng lên quỹ đạo nhiều vệ tinh nhân tạo. Dự án Vanguard (Tiền phong) được báo chí mệnh danh là Rearguard (Hậu-tập) và vệ tinh nhân tạo của Mỹ được đặt tên là Flopnik (tạm dịch là Nguội tinh) và Laternik (Muộn tinh). Sau này vệ tinh Vanguard cũng lên quỹ đạo, nhưng vì chỉ nặng có một ký rưỡi và chỉ to bằng trái bưởi nên đã được gán cho cái biệt-hiệu bất hủ là « Pamplemousse » (Bưởi tinh).

Ngày 31-1-1958, bốn tháng sau Spoutnik I, vệ tinh Explorer I của Mỹ được phóng lên quỹ đạo. Vệ tinh này, dài 1m20 và nặng có 14 kg; nó mang theo một máy ảnh để chụp ảnh Trái Đất từ trên không. Ngày 12-4-1968, vệ tinh Mars II của Nga được phóng lên quỹ đạo.

Thành tích kỹ-thuật.

Cho tới nay, Nga đã chiếm công đầu trong nhiều chặng quan trọng. Nga là nước đầu tiên phóng vệ tinh nhân tạo, nước đầu tiên phóng sinh vật lên không gian, nước đầu tiên phóng vệ tinh lên rồi lại lấy vệ tinh về. Phi hành gia Nga là người đầu tiên lên không gian và cũng là người đầu tiên bước ra ngoài không gian. Phi thuyền chở nhiều người nhất cũng là của Nga, người đàn bà đầu tiên lên quỹ đạo cũng là người Nga và do đó đám cưới phi hành gia không gian đầu tiên

cũng lại là của Nga nốt (1). Đi xa hơn chút nữa: phi thuyền Nga là phi thuyền đầu tiên rơi xuống mặt trăng, đi vòng quanh mặt trăng, hạ xuống mặt trăng, chụp ảnh rồi gửi về trái đất.

Mỹ đã bỏ lỡ những «bước đầu» quan trọng về mặt tâm lý và chính trị đó. Để bù lại, những thành tích của Mỹ đều nhiều hơn và tốt hơn của Nga. Điều đáng chú ý là tất cả các phi vụ không gian của Mỹ đều được thi hành một cách công khai, trái ngược hẳn với chính sách bí mật nửa kín nửa hở của Nga. Về mặt kỹ thuật, Mỹ đã tiến hơn Nga rõ rệt trong kỹ thuật điều khiển phi thuyền có người. Cho tới nay Mỹ đã có 16 chuyến bay có người, nhiều gấp đôi Nga. Số giờ bay cũng lên tới 1899 giờ trong khi đó Nga mới có 507 giờ. Có tới 26 phi hành gia Mỹ lên quỹ đạo, trong khi đó Nga mới có 11 người. Trong chuyến bay Gemini 12 vừa qua, phi hành gia Mỹ Edwin Aldrin đã chiếm kỷ lục ở lâu ngoài không gian tới 5 giờ 36 phút so với 10 phút của phi hành gia Nga, Alekxi Leonov. Đặc biệt là các phi thuyền không gian của Mỹ có thể tự điều khiển được trong khi phi thuyền của Nga đều do căn cứ dưới đất điều khiển. Các phi hành gia Mỹ có thể đưa phi thuyền trở về trái đất mà không cần tới sự giúp đỡ của căn cứ. Khi ở trên quỹ đạo, phi thuyền của Mỹ có thể điều chỉnh vị trí, đổi quỹ đạo và ráp vào một hỏa tiễn hay một phi thuyền khác. Chính nhờ kỹ thuật này mà phi thuyền Gemini 10 đã ráp nối vào hỏa tiễn Agena, khai hỏa hỏa tiễn này và bay lên một quỹ đạo kỷ lục, cách mặt đất 760 cây số (kỷ lục của Nga là 495 cây số).

Mặt khác, các dụng cụ trang bị phi thuyền và vệ tinh của Mỹ cũng tinh

vi và bền hơn của Nga. Mariner IV, trên đường đến Hoả tinh, đã chiếm kỷ lục truyền tin, khi tiếp tục liên lạc vô tuyến với trái đất ở một điểm cách xa trái đất 105 triệu cây số, (kỷ lục của Nga là 100 triệu cây số). Các phi thuyền Ranger, Surveyor và Lunar Orbiter của Mỹ đã chụp và gửi về trái đất hàng trăm ngàn bức ảnh về địa hình mặt trăng, rõ và chi tiết gấp bội những bức ảnh do phi thuyền Luna của Nga gửi về và công bố trên báo chí. Nhờ kỹ thuật quang điện tinh vi, phi thuyền Surveyor I đã có đủ năng lượng để liên tiếp hoạt động trong hai tháng trên mặt trăng trong khi đó Luna 9 chỉ mới hoạt động có 9 giờ đã hết điện.

Với những thành tích kỹ thuật đó, Mỹ đã dần dần thu ngắn khoảng cách bị Nga bỏ rơi lúc ban đầu. Vài giới lạc quan có cảm tình với Mỹ đã tiên đoán Mỹ sẽ là người đầu tiên đặt chân lên mặt trăng. Nhưng với bài học chua cay buổi ban đầu của Mỹ, và với chính sách kín đáo của Nga, hiện nay, chưa có một quan sát viên khách quan có thẩm quyền nào dám tiên đoán ai là kẻ đến trước.

Từ Marsil đến Pioneer 7

Công cuộc thám hiểm không gian không phải chỉ giới hạn trong cái khoảng cách ngắn ngủi giữa trái đất và mặt trăng. Trong khi con người chỉ chú ý đến cuộc đua mặt trăng trái đất thì khoa học đã hướng tầm mắt xa hơn, những hành tinh nhân tạo Marsil, Zon, Venusik của Nga và Mariner, Pioneer của Mỹ đã theo

(1) Nữ phi-hành-gia Nga, Valentine Tereshkova, đã kết hôn luôn với phi hành gia Andrian Nikolaiev vào ngày 3-11-1963 và đã sinh được một con gái.

nhau lên quỹ đạo như những chiến sĩ thám báo cầm tử ra đi không trở lại. Ngày 1-3-1966 phi thuyền Venusik III của Nga đã lao xuống sao Kim và để lại đó một tấm huy hiệu có hình búa liềm của Nga. Đó là dấu vết đầu tiên nhân loại đã để lại trên một hành tinh trong Thái dương hệ. Trong số 18 phi thuyền đã phóng lên để quan sát sao Hoả và sao Kim trước khi lọt vào quỹ đạo bất tận vòng quanh mặt trời, chỉ còn có ba phi thuyền là Mariner 4, Pioneer 6, Pioneer 7 là hãy còn liên lạc vô tuyến với trái đất.

Ném tiền qua cửa sổ.

Trong khi một số lớn người theo dõi các tiến triển vượt bậc của khoa học không gian với con mắt thần phục thì cũng có một số người cho các thí nghiệm không gian, cũng như chiến tranh, là một hành vi điên rồ nhất của nhân loại không có gì phi lý hơn là khi hàng tỷ Mỹ kim đã bị tiêu phí để ném những "cục sắt" vào cái túi càn khôn của vũ trụ, hoặc để ném một người lên, chạy quanh trái đất vài vòng, rồi lại loay hoay lấy người đó xuống. Với số tiền đó, người ta có thể tiêu dùng một cách hữu ích ngay tại dưới đất để giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội trầm trọng đang đè nặng lên 2/3 nhân loại. Trước những lời chỉ trích nặng tình nhân loại đó, người ta chỉ biết nói rằng khoa học không gian, cũng như bao tiến bộ khoa học khác đang đưa nhân loại vào một hướng đi mới đầy hứa hẹn. Phải một thời gian nữa, những khám phá ngày nay mới đưa tới những áp dụng thực tiễn cải thiện đời sống con người ngày mai.

Thực ra, không phải tất cả chương trình không gian đều có tính cách ném tiền qua cửa sổ. Ngay trong hiện tại, những kỹ thuật không gian đã đưa đến những áp dụng thực tiễn trực tiếp hay gián tiếp. Những kiến thức thu lượm được qua các chuyến bay không gian đã giúp cho con người hiểu rõ hơn về tính chất của mặt trăng và Thái dương hệ. Nhờ đó người ta có thể suy đoán ra nguồn gốc và tương lai của trái đất. Những dụng cụ điện tử hoặc quang học cần phải thu nhỏ hoặc làm bền nhậy hơn để đặt vào các phi thuyền, đã được dùng vào các ngành truyền tin, máy điện cơ, và giải phẫu. Các hợp kim mới, nhẹ bền và chịu nóng dùng trong các vỏ hoá tiễn đã được dùng để chế tạo các phần lực cơ siêu thanh chở hành khách.

Vệ-tinh truyền tin

Quan trọng hơn cả và hiển nhiên hơn cả là việc dùng các vệ-tinh nhân tạo trong công cuộc cải tiến kỹ thuật giao thông hàng hải, tiên đoán thời tiết, tuần thám quân sự và truyền tin Mỹ. đã hoạt động mạnh mẽ trong các lãnh vực áp dụng thực tiễn này. Các vệ-tinh loại Transit của Mỹ đã giúp các tàu đi biển có thể định phương hướng và vị trí một cách dễ dàng và chính xác trong mọi thời tiết. Các vệ tinh Tiros đã là những trạm khí - tượng thường trực, chụp ảnh các đám mây từ trên thượng tầng không gian để định vị trí, hướng đi và cường độ của các trận bão và báo động về các căn cứ ở dưới đất. Những vụ chuẩn bị nổ nguyên-tử của Trung Cộng, các vụ phóng hỏa tiễn bí mật, và những căn cứ quân sự và kỹ nghệ của cả Nga lẫn Mỹ cũng không thể thoát khỏi con mắt điện tử soi mói của các vệ

tin quân sự. Ngay tại Việt Nam, các giới quân sự Mỹ cũng dùng vệ tinh để liên lạc trực tiếp với Hoa thịnh đôn.

Các vệ tinh truyền tin đã nhận các tín hiệu từ một điểm ở dưới đất gửi lên rồi lại chuyển tới một điểm khác trên mặt đất. Kỹ thuật này khiến ta có thể gửi các tín hiệu xa hơn, rõ hơn mà không bị các xáo trộn của bầu khí quyển làm cản trở.

Vệ-tinh truyền tin đầu tiên là Atlas Score, nặng 4000 kg, do Mỹ phóng lên ngày 18-12-1958. Điện văn đầu tiên được truyền đi qua vệ tinh này là bức thông điệp của Tổng thống Eisenhower gửi cho thế giới.

Vệ tinh truyền tin lớn nhất, Echo II, là một quả bóng đường kính 40m dùng để phản chiếu những tín hiệu vô tuyến. Vệ tinh truyền tin tinh vi nhất là vệ tinh Early Bird của Mỹ, được phóng lên quỹ đạo cao 35.680 thước ở phía trên Đại tây dương, có thể truyền được 240 luồng điện thoại hoặc hai luồng truyền hình. Nhờ vệ tinh này, các khán giả Âu Châu đã từng có dịp được theo dõi trực tiếp những phút hồi hộp của các chuyến bay Gemini và những ảnh phong cảnh hoang vu của mặt trăng do các phi thuyền Surveyor và Lunar Orbiter gửi về trái đất. Dự án quan trọng sẽ được thực hiện trong năm 1967 là việc phóng ba vệ tinh Syncom lên cao độ 36.000 cây số, ở ba điểm then chốt bao quanh trái đất. Ở cao độ này, các vệ tinh hầu như cố định đối với trái đất và do đó có thể thường trực truyền các tín hiệu đến khắp mọi nơi trên trái đất. Rồi đây mỗi khi chương trình của đài Vô Tuyến Truyền Hình VN trở nên tẻ nhạt, các



Echo II

khán giả có thể xoay nút sang đài Mỹ, Pháp, hay Nhật.

Tuy xa mà gần.

Khoa học không gian, trong mười năm, đã hội tụ tất cả những tinh hoa của các ngành khoa học hiện đại, từ khoa nấu bếp cho đến khoa điện tử, từ những nhà bác học đại tài cho đến bác nông dân Việt Nam chất phác, tất cả đều đã dự phần vào công cuộc viễn chinh nhiều thử thách nhất của nhân loại. Tiếng riu rít của tín hiệu Mariner IV từ một điểm cách xa ta 105 triệu cây số, so với những tiếng « bip...bip...bip » của Spoutnik I trước đây mười năm đã đánh dấu một bước quan trọng trên con đường ra biên cương vũ trụ. Con đường này còn dài, và khoa không gian đang hứa hẹn những chuyến viễn du không những trong thái dương hệ mà còn đến cả các thiên-hà kế cận. Nhưng đó mới chỉ là các viễn ảnh tương lai. Ngay trong hiện tại, trong khi cố gắng đưa con người ra xa trái đất, khoa học không-gian, qua các vệ tinh truyền tin, đã lập được những thành tích đáng kể trong công cuộc đưa con người lại gần nhau hơn trên trái đất.

Mười năm cầm bút

● VÕ - PHIẾN

Cuốn truyện đầu tiên của tôi in ra năm 1956, cách đây đúng mười năm. Dĩ nhiên, đó là một chuyện chẳng có chút nghĩa lý gì hết, một chuyện không hề có ai biết tới, ngoại trừ tôi ra. Thế mà chỉ vì chút chuyện không có nghĩa lý đó, tôi bị ép phải viết một bài về «mười năm cầm bút», tức là một bài đề nói loạn xạ lên về cái tôi.

Đang bối rối lo lắng không biết phải biện minh ra sao cho việc làm của mình, bỗng nhiên tìm thấy trong bản dịch một tác phẩm của Dostoievsky mấy câu tuyệt bút như sau : «*Nhưng một con người thanh lịch thích nói về gì nhất ?*


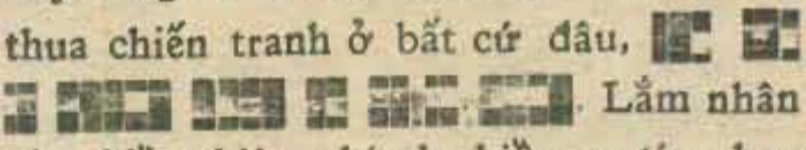

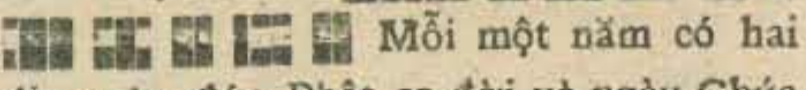
Trả lời : nói về mình».


Vậy tôi cứ việc nói như một người thanh lịch khỏi cần biện minh gì cả. Và tôi tin tưởng ở thiên tài của Dostoievsky hơn bao giờ hết.

oOo

Lấy cái mốc thời gian vừa nêu trên thì ngày tôi bắt đầu viết lách một cuộc chiến tranh vừa chấm dứt : dân tộc đứng trước một buổi bình minh, đầy hứa hẹn, đầy hy vọng. Thế rồi đến nay, tôi ngừng lại để kiểm điểm chuyện viết lách của mình thì chiến tranh lại đã lan đến tận thủ đô tự bao giờ ; giữa lễ Quốc khánh, đạn trọng pháo bắn vào địa điểm hành lễ.

Từ cái bình minh kia đến cái đen tối này, sự việc biến chuyển lặng lẽ, êm ru,

Tiếng súng đầu tiên phát nổ vào ngày nào ? ở chỗ xó xỉnh nào ? Không ai kịp để ý. Thế mà rồi tiếng súng này gọi tiếng súng khác thành hẳn ra chiến tranh. Như một chiếc xe đậu ở triền dốc, khúc gỗ chèn dưới bánh xe nhếch trật ra một phân một ly, chiếc xe im lặng trôi tới, không phát ra một tiếng động rồi nhanh dần rồi lao như điên. Thế giới hoảng hốt  Sự thực hiện nhiên là ở xứ sở Việt Nam này đang có chiến tranh ác liệt không thua chiến tranh ở bất cứ đâu,  Lắm nhân vật nhiều thiện chí và nhiều uy tín chạy loanh quanh, kêu lên : «*Xin ngừng tay xin ngừng tay !*  mới được chớ ?  Mỗi một năm có hai dịp ngày đức Phật ra đời và ngày Chúa giáng sinh ; vào những dịp ấy thì gạt mọi lý lẽ phải trái ra một bên có thể chỉ kêu gọi đến lòng bác ái, nhân đạo.

«*Hãy tạm ngừng tay,*  »
Và đôi khi may mắn có kết quả : tiếng súng thưa bớt đi được một vài ngày. Tuy vậy nhân loại vất vả xưa nay chỉ có được hai đẳng tối cao, mỗi đẳng chỉ có một ngày dân sinh, dù nề nang hai ngai dân Việt Nam mỗi năm vẫn còn thừa đến hơn ba trăm sáu mươi ngày để đánh nhau chí chết. Đánh nhau tư mùa. Và chẳng trên đất nước này không còn có xuân hạ thu đông nữa, không có mùa

của cúc vàng, mùa của sen trắng v. v. . . nữa ; không ai nghe nhắc tới tiết xuân phân, hạ chí, kinh trập, cốc vũ v. v. . . nữa. Chỉ có mùa khô, mùa mưa, mỗi mùa liên quan đến một chiến dịch ; chỉ có tiết trời thuận lợi cho hơn trăm phi xuất ra Bắc Việt mỗi ngày và tiết trời bất thuận. Nông lịch của vua Thần Nông rồi sẽ mất tích. sinh hoạt ở đây đang dần dần khuôn theo một nề nếp mới. Sao Rùa nở trên trời lúc nào không cần biết, chỉ biết sương mù sa xuống Chu Prong một đêm, mưa tuông ở quận Trung lương một tuần, làm bao nhiêu gia đình lo lắng cho tánh mạng con em bị đe dọa.

Di nhiên — lại di nhiên nữa — là sự tình thế thân này chẳng có gì liên quan đến việc tôi viết lách : tôi có «căm bút» hay không «căm bút» giặc giã vẫn xảy ra. Chắc chắn không một ai trong số những kẻ «căm bút» tự cho mình có trách nhiệm trong việc phát khởi ra sự tình này. Khốn nỗi, ai nấy lại đều chịu nỗi áy náy vì mình có quan hệ đến sự diễn tiến và đến việc giải quyết nó.

Giải quyết ra sao ? Nào ai biết. Ý kiến này đưa ra, bị coi là phản bội quyền lợi dân tộc vì quá nhu nhược, vì có ý nghĩa đầu hàng. Ý kiến kia đưa ra bị coi là phản bội quyền lợi dân tộc vì quá cực đoan, cứng rắn, không tiết kiệm xương máu. Và lại ý kiến này hay ý kiến kia đều chỉ là ý kiến.

Trong xứ, các chính khách — vốn có đầy đê lo giải quyết việc nước — còn loay hoay với sự bất lực tương sờ mó được của mình, hưởng hồ những người viết lách. Ai nấy cảm thấy bị trước mặt trách nhiệm, tha hồ lồng lộn lên với tất cả sự sốt sắng của mình, nhưng vẫn không làm gì được, ai nấy tự cảm thấy thừa thãi, bẽ bàng. Điều ấy không ngăn cản chúng ta luôn luôn cật vấn lẫn nhau : « Anh đang làm gì cho Tò quốc khốn khó ? » Riêng hạng viết lách thì thỉnh thoảng được bảo cho biết hoặc là quần chúng đang bỏ rơi họ vì họ không đáp ứng được nhu cầu, hoặc là công trình của họ bấy lâu thấy đều vô giá trị vì họ không đóng được vai trò trong giai đoạn.

Chắc lúc này và ở đây văn chương nghệ thuật đang bị xét hạch gặt gao nhất về cái công dụng của nó. Xưa, thầy Không là người vụ thiết thực, đặt việc trị nước làm bổn phận tối cao của kẻ sĩ, thế mà cũng có lúc chịu ngồi tâm mần chép những câu hát ân tình tằm mác trong dân gian. Việc làm như vậy đành là vẫn cứ có liên quan đến việc trị nước, bởi vì văn chương nào cũng có ảnh hưởng đến nhân tâm thế đạo ; nhưng quả là ngài không bắt nó đối phó tức thì với tình thế trước mắt. Lại như Uy Viên tướng công là một người kinh bang tế thế, lúc mở dinh điện, lúc cầm quân đánh giặc, hoạt động không ngừng ; vậy mà khi «căm bút» thì lại viết :

*« Trời đất cho ta một cái tài
Đất lưng dành để thàng ngày chơi »*

Chúng ta bây giờ chẳng những là không thể «dắt lưng» cái tài để chơi (nếu quả có chút tài nào), mà nếu đem cái tài ấy ra viết những câu thơ vô tội kiêu : « Xuân miên bất giác hiều » cũng thấy có gì không thích đáng, gài

như tội lỗi.

Người viết lách lúc này không phải chờ có lời cật vấn của xung quanh mới khó chịu. Không ai lên tiếng, thì họ vẫn tự cật vấn mình. Đó chỉ là vì hoàn cảnh chúng ta đang trải qua. Lúc bình thời, trong gia đình có kẻ cày cuốc, người nấu cơm, kẻ học ê a, người tưới hoa tưới kiếng v.v. . . Công việc gì cũng giải thích được sự cần thiết. Nhưng lúc nhà phát cháy thì bưng bát cơm đưa lên miệng ăn cũng đã là tội lỗi rồi.

Mỗi lớp người có một tâm sự chung. Có những thời kỳ mà văn nghệ được coi là chuyện thanh cao hơn mọi việc khác trong xã hội, đến nỗi người văn nghệ ngạo mạn ngông nghênh, tạo nên một truyền thống ngang tàng trong lịch sử. Chắc hẳn lớp « cầm bút » trong vòng « mười năm » nay không có được cái tâm lý ấy. Họ vừa vác bút lên thì sự việc đã âm thầm diễn biến thế nào mà chẳng mấy chốc họ tìm ra lúng túng khờ sở với ngọn bút, mà họ không ngớt bị xét nét hạch hỏi trong nhiệm vụ, đứng ngồi không yên, tình hình càng thêm trầm trọng họ càng luống cuống về vai trò của mình, về sự có mặt quần chân của mình, họ loanh quanh như gà mắc đẻ, không tìm được chỗ đặt đẻ, không biết tự xếp vào đâu giữa cái xã hội nào loạn.

Trong tình thế ấy, không thể tiếp tục cái ngông ngang truyền thống đã đành, tôi cũng không còn được chút hãnh diện.

oOo

Và như vậy, đối với riêng tôi, tôi phải thú thật là một tuyệt vọng vô tả.

Ngày nay xung quanh chữ « viết » có nhiều lý luận thông thái. « Viết » cho ai ? « Viết » cái gì ? Tại sao « Viết » v. v. . .

Người ta nghiên cứu đi nghiên cứu lại cần thận, sâu xa. Kể thì cho rằng sờ di mình ra tay cầm bút ấy là vì muốn kiến trúc một cái tâm hồn xứng đáng là tâm hồn cho quần chúng, kể lại tự coi như ông thầy thuốc săn sóc phần hồn cho đồng bào, kể khác thì là vì những kẻ nghèo đói và bị áp bức trên thế gian mà mình phải chăm nom bằng ngòi bút v.v. . . Như vậy cao cả rõ ràng. Nhưng còn những hạng khác không cầm bút vì cuộc nhân sinh, họ cũng cứ có thể cao cả : có người viết vì coi việc đeo đuôi cái đẹp như một lẽ sống, có người đề tự thực hiện cuộc sống của mình, cho đời mình hiện dần ra theo giọng chữ v. v. . .

Phải lục lợi mãi tôi mới tìm ra được một câu tuyên bố tời như câu của Paul Morand trả lời một cuộc phỏng vấn hỏi ông ta còn trẻ tuổi : viết « để cho giàu sang và danh giá » (Pour être riche et honoré).

Giàu sang thì tôi không dám ước mơ rồi. Mà chắc hẳn cũng chẳng có một người nào ở những xứ nhỏ bé cõi Á Châu này mà điên đến nỗi mong làm thơ làm phú để giàu . Hy vọng của tôi nhiều lắm cũng chỉ bằng nửa cái đích tời tộ của Paul Morand.

Nghe nói chọn nghề viết văn để cho được « danh giá » không khỏi có người kêu là suy tính quá đại dột. Bởi vậy phải nói rõ đó là ý-định của một cậu bé, vì nó thành hình có lẽ đậu vào hồi tôi mười hai mười ba tuổi. Hồi đó tôi còn mơ rất nhiều thứ khác, chắc thế, nhưng ngày này cố gọi lại chỉ còn nhớ chút ít : có độ mơ làm ông xã trưởng, bắt đầu đi học ít lâu tôi mơ làm ông giáo dạy lớp tư, rồi vào giai đoạn nào đó, thích đọc truyện, bèn mơ viết văn. Từ đó tôi không có dịp đổi ý nữa.

Nói « cho được danh giá » là một cách

nói quá rõ cho nên hẹp nghĩa. Kỳ thực, đầu tiên tôi mơ viết văn để thành văn sĩ ! Cái đó bao hàm nhiều điều mơ hồ mà tham lam hơn « danh giá » một chút.

Đến bây giờ, sau mười năm sống cái thân phận của người viết lách trong tình cảnh này của nước nhà, tôi đã thấy, cậu bé làm to

oOo

Nhân tiện, tưởng cũng nên đề ý rằng hình như hầu hết những người sáng tác đều ham thích công việc ấy từ nhỏ, có khi nhỏ lắm. Sự miệt mài cầm bút trong nhiều năm thiếu thời chuẩn bị cho họ một khiếu thẩm mỹ, một kỹ thuật. Nếu không trắm mình vào thế giới chữ nghĩa lâu ngày như vậy, ít khi bỗng dưng một người lớn chọn nghề văn. Trong số những cậu nhỏ hí hục chọn văn lựa chữ, sau này có kẻ thành công sớm, có kẻ muộn màng, có kẻ luyện mãi một tài năng tinh tường nhưng rồi gặp một đời sống bình ổn nhạt nhẽo quá, không có gì để diễn đạt, nên chỉ thành văn thi sĩ ngầm không có tác phẩm. Còn những người lớn lên lần hồi có được tác phẩm, rồi gây được tiếng tăm, bấy giờ chực có ai hỏi tại sao chọn viết, họ liền nói hươu nói vượn những chuyện trên trời dưới bể rất ư cao kỳ. Họ quên rằng bây giờ họ mặc tình muốn dùng văn tự làm chuyện cao cả gì tùy họ nhưng việc chọn nghiệp không do họ : câu trả lời kia đáng lẽ họ nhường cho cậu nhỏ,

Nghĩ như vậy rồi, tôi lấy làm lạ. Ngày xưa, khi quyết định sẽ làm văn tôi chỉ có một quyết định vậy thôi. Hồi đó, chưa biết viết cái gì. Nếu có phải tốn công suy nghĩ, tôi suy nghĩ về cuộc đời « danh giá » của văn sĩ nhiều hơn là

về những cái mà họ phải viết (Nói cho công bình thì hồi đó cũng có một số những đề tài làm nhảm, nhưng hoàn toàn không liên can đến những điều làm nhảm tôi đã viết ra trong mười năm nay.) Rốt cuộc, có cái gì không được đứng đắn. Giả sử tôi có viết được gì ích lợi tử tế, cái đó không xuất tự ý muốn thừa ban đầu. Mặt khác, những điều tôi đã viết ra chẳng qua là nhân vì đã trót có cái ý muốn này ra từ thuở thơ dại, nếu không thì chưa chắc tôi đã có chút gì đến nỗi cảm thấy cần phải viết : vậy sự « ra đời » của nó chẳng có gì cần thiết cả.

Tôi bâng khuâng vì sự xa cách một mù giữa hạng tôi và những người viết vì một « sứ mạng văn nghệ ». Tần ngần, có khi tự hỏi: Mà mình có thể vào một hạng được chăng? Nói hạng là khi nào có được một số khá đông. Đàng này, rất có thể mọi người đều mang sứ mạng, làm việc ngẫu nhiên không cần thiết e chỉ mình mình

oOo

Mười năm. Nói tới nó tự nhiên nảy ra một ý nghĩ: Liệu rồi mình sẽ có một bài ghi dấu mười năm viết lách nữa chăng? có viết được tới chừng đó? và có nên tiếp tục viết tới chừng đó chăng?

Nghĩ đến việc ấy vào lúc này có vẻ quá sớm. Nhưng cái khó của người viết là phải tự định lấy chuyện sớm muộn ấy cho mình. Công chức được nhà nước định tuổi hưu trí rõ ràng, phu quân vác khi sức khỏe sút giảm đến mức nào đó liền bị công việc đào thải. Riêng người vú già và người cầm bút là có thể quanh quẩn bên cạnh công việc (bấy giờ có còn gọi được là công việc?) cho đến chết. Nhưng vú già

bổ già được hưởng lòng thương hại, còn người viết lách thì không. Vì vậy quyết định nghỉ ngơi đúng lúc là điều quan trọng đối với người viết lách.

Ở Âu Mỹ thường thương người ta làm việc khỏe và bền hơn ở ta. Bên ấy có những cụ già tám, chín mươi vẫn viết, vẫn vẽ, vẫn đàn đều đều. Ở xứ ta phần nhiều bị sụn trước họ đôi ba mươi năm. Nhưng tiếp tục làm việc được, và có nên tiếp tục chẳng là hai chuyện khác nhau. François Mauriac là một trong những ông cụ viết khỏe nhất, nhưng lại rất ghét cái lối viết dai không chịu ngừng đúng lúc. Ông cụ cho rằng những nhà văn ấy giống những cối xay gió cũ kỹ cứ vô tình xay mãi dù bên trong không còn chút bột nào, rằng những giòng chữ của họ viết ra như những giòng nước « hư vô chảy ngoằn ngoèo giữa một thời đại đầy những biến cố mà không phản ảnh được biến cố nào, rằng « cuộc đời tan biến vào những giòng chữ ấy » (Le monde en eux s'anéantit).

Viết lách bảy giờ sẽ là một tai họa cho đời.

Nhưng « bảy giờ » là bao giờ ? bao nhiêu năm nữa ? Tính toán về các giai đoạn trong đời người, Nguyễn-Công-Trứ cho rằng :

« Từ nhỏ đến mười lăm còn trẻ nít
Bốn mươi lăm cắt đứt đã về già »

Ông « ngẫm » thời kỳ dành cho chuyện « trắng hoa » không thể kéo dài tới tuổi năm mươi.

Nguyễn Công Trứ là người yêu đời, nhưng lối « ngẫm » ấy bi quan. Viết lách ít ra cũng nặng nhọc bằng trắng hoa. Khi đã không còn đủ sức để trắng hoa nữa thì có lẽ cũng không nên tiếp tục

bừa bãi các việc nặng nhọc khác. Đời ngắn ngủi thật.

Đứng về phương diện hành lạc, Nguyễn Công Trứ phân đời người làm ba thời kỳ. Về phương diện viết lách cũng vậy. Từ nhỏ đến mười : lăm chỉ đã quyết, chuẩn bị đã sẵn sàng, nhưng chưa sống với đời, đó là thời kỳ của những văn sĩ chưa biết viết cái gì. Đến lúc cú kít về già, lui ra ngoài cuộc sống, thì lại là thời kỳ của những văn hào không còn gì để viết. Chỉ còn một khoảng giữa đề « bình chúc » vừa « dạ du » vừa « dạ tả », trách sao được chẳng mau tàn, đời văn chẳng mau mòn mỏi.

oOo

Tôi trót mấy lần nhắc đến François Mauriac và Nguyễn công Trứ. Nếu không phải đề đón lấy mấy lời chê bai trách mắng và mấy câu bốn cột thì quả không có lý do gì khiến tôi dám thỉnh qui vì ấy vào câu chuyện nhỏ nhặt của « người thanh lịch » này.

VÔ-PHIÊN

11-1966

SÁCH MỚI

— **Vết hằn rướm máu** tập truyện của Ngô-thị-Xuân-Dung và Đỗ-quế-Lâm do Kim Anh xuất bản và các tác-giả gửi tặng. Sách dày 170 trang gồm 5 truyện ngắn và một số phụ bản, trình bày trang nhã — Bản đặc biệt không đề giá.

— **Nguồn nước àn của Hồ xuân Hương** của Đỗ Long Vân do Trình Bầy xuất bản và nhà * xuất bản gửi tặng. Sách dày 82 trang, thuộc tủ sách Nghiên cứu và Phê bình văn học, bản đặc biệt của nhà xuất bản. Giá bản thường : 40đ.

Trên 10 năm cầm bút và xuất bản

(Hồi ký và cảm tưởng vụn)

Thời thế đã bắt tôi bỏ nghề công chánh rồi nghề dạy học để làm cái nghề cầm bút, một nghề tôi cho là mệt nhất ở nước mình, mệt gấp hai gấp ba một công chức bận việc.

Khi tôi đã tính toán kỹ lưỡng và đã quyết định rồi, một bạn ở Long Xuyên muốn giữ tôi ở lại tỉnh nhỏ đó « cho vui, bạn bè ở đây có được bao nhiêu người ? » bảo tôi :

— Nhà văn mà làm nghề xuất bản thì nhất định là thất bại. Anh không nhớ Balzac phải bán nhà in, nợ như Chúa Chờm rồi viết đêm, viết ngày đến khi chết mà vẫn chưa trả hết nợ đó sao ?

Tôi đáp :

— Tôi làm sao dám ví với Balzac. Ông ta là một nghệ sĩ, tôi chẳng có chút máu nghệ sĩ nào trong người cả. Ông ta là một thiên tài và tự cho rằng một thiên tài thì đáng được sống cuộc đời lộng lẫy của bọn công tước, bá tước, tóm lại là ông ham cái chữ *de*, Honoré de Balzac, nên ông mắc nợ và viết như mọi đề trả nợ. Tôi không cần gì nhiều, anh ơi, miễn kiếm được một số tiền đủ sống, chẳng hạn bằng số lương giáo sư hay kỹ sư, là thấy

mãn nguyện rồi ; mà tôi đã tính toán cẩn thận, có thể kiếm được một số như vậy nếu chịu làm việc gấp đôi một giáo sư hay một kỹ sư. Tuy mệt nhưng được tự do, chẳng phải tùy thuộc ai, chẳng phải đi đúng giờ, về đúng giờ.

oOo

Lên tới Sài Gòn một ông bạn khác cũng khuyên tôi trở về nghề dạy học, chứ « viết văn thì làm sao đủ sống ». Tôi vâng vâng dạ, nhưng vẫn không đổi ý.

oOo

Rồi một buổi chiều cũng vào tháng này trong năm, một ông bạn dắt tôi lại thăm ông Đông Hồ ở Yếm Yếm Thủ Trang. Tôi được biết danh ông Đông Hồ từ hồi còn học trường Bưởi, năm 1929, 1930. Mỗi khi đi chơi về phía Hồ Hoàn Kiếm, tôi thường ghé tiệm sách Nam Ký ở đường Francis Garnier và một lần tôi thấy tập *Thơ Đông Hồ* ở tủ kính. Nhưng khi ở trường công chánh ra tôi mới được đọc văn ông và vô trong này, được vài người bạn nói chuyện nhiều về ông, tôi trọng ông như bậc đàn anh của tôi. Tôi tự nghĩ: « Con người đó

cũng lạ, ở một nơi hẻo lánh tại miền Nam mà sao viết văn như người Bắc. Và sao mà nổi danh sớm thế; viết không nhiều, mà cái danh đó không hề tăng, không hề giảm, giữ được rất lâu.

Vì vậy tôi rất vui về khi ông bạn dắt tôi lại đường Nguyễn Thái Học. Cảm tưởng đầu tiên của tôi là phòng khách — hay là phòng sách? — của chủ nhân tối quá, hẹp quá, ngồn ngang đồ đạc. Nhưng chỉ ngồi một lát, tôi thấy phòng đó rất thân mật; nó chỉ cách tiệm sách có một bước chân mà sao không khí ở đây khác hẳn: tôi quên hết những ồn ào, náo nhiệt ở ngoài kia, như vào một thế giới khác. Ngày nay nghĩ lại, tôi cho phần lớn do tính tình và cách tiếp khách của chủ nhân. Nhiều người đã viết, nói về ông Đông Hồ nhưng tôi chưa thấy ai nhắc tới điểm này: ông rất tự nhiên, hồn nhiên nữa; dù là một kẻ đàn em vô danh như tôi mà gặp ông lần đầu tiên, tôi cũng thấy rất thư thái, như đã biết nhau từ lâu. (Người thứ nhì cho tôi cảm giác đó là ông Vi-Huyền-Đắc.) Và tôi nghĩ đó là cảm giác chung của mọi người chứ chẳng phải của riêng tôi, vì tôi đã thấy ông tiếp nhiều người, già trẻ, thân sơ, ai cũng niềm nở như ai.

Lần đó chúng tôi nói chuyện với nhau khá lâu — mà những lần sau thì cũng vậy, không lần nào có thể cáo từ sớm sớm được. Tôi còn nhớ ông bảo tôi:

— Ở Long Xuyên có thể viết nhiều được, chứ lên đây, mà nhất là lại muốn làm việc xuất bản nữa thì bận rộn suốt ngày không viết được đâu, chỉ vài ba năm sẽ cạn húng.

Tôi không tin nhưng tôi cũng không cãi. Nếu lúc đó tôi thưa với ông rằng tôi phải viết trong một cái phòng vừa làm phòng ăn, phòng ngủ, phòng tiếp khách, phòng học của cháu, ở sát cái bếp khói mù và một lớp học độ hai chục em bé thì chắc ông sẽ khuyên tôi nên mua giấy xe mà về Long-Xuyên gấp gấp đi cho rồi.

oOo

Cũng vào cái khoảng đó tôi còn lại thăm một nhà văn nữa ở một miền ngoại ô Saigon. Ông này mới nổi danh chút chút từ vài năm, mới viết được vài cuốn tôi nhớ đâu như về kinh tế. Tôi nghe nói các nhân viên phòng kiểm duyệt hồi đó đều phục ông như một «đại ca» và tôi nhờ một bạn giới thiệu để xem ông có thể nhận bộn «tiểu đệ» của ông nơi nơi tay trong sự kiểm duyệt bộ Đại cương Văn học Trung Quốc của tôi được không, vì bộ này có trích một bài hịch, nhiều bài thơ chống chiến tranh, nhất là có nhắc tới một số cây bút Trung Hoa hiện đại không theo họ Tưởng qua Đài-Loan.

Nhưng tôi thất vọng: từ đầu tới cuối ông chỉ hết khoe tú rượu của ông rồi đến khoe ông, khoe tác phẩm của ông, coi tôi như hàng em út ngờ ngạc — «làm văn mà không biết nhậu nhẹt thì làm sao mà giao thiệp?» và đánh trống lảng về cái việc tôi muốn nhờ ông. Ra về tôi tiếc rằng mất một buổi chiều vô ích.

Tôi không muốn bắt công mà kết luận rằng «thùng càng rộng thì càng kêu»; nhưng tôi nghĩ có thể rút được kinh nghiệm này: đừng nên nhờ cậy người khác, rán xoay xử lý — cứ tính toán thu xếp công việc cho kỹ, rồi giữ vững ý của mình, đừng quá nghe những lời

khuyên của người khác. Chỉ ta mới biết được ta sẽ thành công hay không, nghĩa là làm nổi được công việc mà ta dự định hay không, người khác không thể nào biết rõ khả năng, hoàn cảnh của ta bằng ta. Trước khi lao mình vào một con đường mới, ai cũng lo lắng về những trở ngại này trở ngại khác, nhưng khi đã cương quyết tiến được bước đầu rồi thì ta thấy sự thay đổi cuộc đời không có gì khó khăn cả. Một ông bạn tôi hồi viết báo, ghét và ngại nghề dạy học lắm : phải tới đúng giờ, về đúng giờ, hò hét ..; nhưng khi tờ báo đóng cửa, anh miễn cưỡng phải đi dạy học thì chỉ sáu tháng sau anh thấy dạy học còn thú hơn viết báo nữa. Đừng sợ những sự biến chuyển trong đời. Người ta thường bảo, ngoài bốn mươi tuổi ai cũng ngại đời ; nhưng bất kỳ một người nào còn khỏe mạnh và chịu được cực khổ thì năm mươi, sáu mươi tuổi cũng vẫn có thể đời nghề một cách dễ dàng được, và sau khi đời nghề sẽ thấy ham mê là khác nữa, tinh thần như trẻ lại.

oOo

Mới mở nhà xuất bản tôi đã quyết định chỉ in những tác phẩm của tôi thôi không mua của ai cả. Sở dĩ tôi xuất bản lấy như vậy vì muốn được hưởng một số lợi bằng hai số nhuận bút các nhà xuất bản trả cho tôi ; mà lại có thể cho ra những cuốn mình thích nhưng bán không chạy. Tôi đã nói chỉ cần một số tiền đủ sống thôi. Mua thêm tác phẩm của người khác thì có thể mau khá lắm, nhưng sẽ thành nhà xuất bản « chính cống » mất, sẽ không còn thì giờ để viết nữa, mà tôi lại thích viết hơn.

Mới đầu một số bạn văn không hiểu

chủ trương của tôi, đem tác phẩm lại nhờ tôi xuất bản giùm. Tôi cứ thẳng thắn bày tỏ nỗi lòng và tôi chắc rằng các bạn đó hiểu tôi mà không trách gì tôi cả.

Nhưng trong mấy năm sau, tôi cũng nhận được nhiều tác phẩm ở xa gửi tới, đa số là của những người mới cầm bút. Người thì nhã nhận nhờ tôi « đọc giùm tác phẩm, sửa giùm, và nếu thấy đáng in thì tìm giùm cho một nhà xuất bản. »

Nếu tác phẩm có giá trị thì luôn luôn tôi hết lòng giúp đỡ, thành thực đưa ý kiến, giới thiệu với một nhà xuất bản khác. Nhờ vậy mà tôi thêm được vài bạn thân, nhiều kỷ niệm quý. Một bạn nghèo đã lục các tiệm sách ở Chợ Lớn, mua tặng tôi một bộ sách cũ mà từ đó đến nay tôi vẫn bày ở bên cạnh bàn viết của tôi, mặc dầu chỉ lâu lâu mới có dịp dùng tới.

oOo

Nếu là một người sức học, kinh nghiệm còn kém thì tôi cũng thẳng thắn khuyên nên đợi ít năm rồi sẽ viết; đời còn dài, gấp gì ? Tôi còn nhớ lần đó một học sinh đệ nhất hay đệ nhị xin tôi in giùm một cuốn phê bình truyện Kiều mà cậu ta mới soạn xong. Tôi không cần coi bản thảo, trả lời ngay :

— Cậu còn nhỏ, sao đã vội viết một loại rất khó là loại phê bình ? Công việc đó để các giáo sư làm thì phải hơn.

Cậu ta đáp :

—Tôi đã đọc nhiều sách, nghe nhiều giáo sư giảng và tôi thu thập lời phê bình bình của các giáo sư để viết.

—Công việc phê bình đâu phải vậy !

phải có ý riêng của mình chứ.

Năm sáu tháng sau, tôi hay tin tác phẩm của cậu đó được một nhà xuất bản in cho và xuýt đưa tới một vụ kiện vì tác giả đã chép lại đúng nguyên văn một cuốn đã tuyệt bản.

oOo

Một chuyện buồn cười nữa là một thi sĩ ở xa gửi thơ cam đoan với tôi rằng tập thơ của ông ta mà in ra thì mười ngàn bản bán sẽ hết veo vì đã được ông lớn nọ ông lớn kia khen, sẽ làm nổi tiếng cho nhà xuất bản của tôi v.v ...

oOo

Có người rất cẩn thận, đích thân mang bản thảo lại nhờ tôi "coi giùm và cho ý kiến" — chứ chưa nói là nhà xuất bản hộ — rồi trước khi ra về lại dặn kỹ

—Tôi tin ông mới đưa ông đấy, xin ông đừng cho lọt ra ngoài. Hồi này người ta đạo văn nhiều lắm.

Mặt tôi hừng hừng lên nhưng tôi nén lại được liền, mỉm cười :

—Xin linh ý. Tôi sẽ coi xong nội đêm nay. Sáng mai xin bà lại lấy bản thảo

Sáng hôm sau bà ta trở lại, tôi không tiếp, cho người nhà đem bản thảo ra trả Văn của bà ta viết không đều, được một vài bài hay.

oOo

Tôi ân hận nhất về việc dưới đây. Không hiểu tại sao tháng chạp âm lịch nào tôi cũng bận việc, nên vào khoảng đó tôi thường dặn người nhà hãy có khách lạ thì cứ nói rằng tôi đi vắng.

Lần đó, một bà ở xa tới muốn gặp tôi, chị ở đáp rằng tôi mới đi khỏi. Rồi mà bà ta và cô con gái quyết tâm đứng đợi ở cổng cho tới khi tôi về, tôi không hay mà chị ở cũng không hay. Khoảng một giờ sau, nhà tôi đi đâu về, thấy vậy, hỏi thăm rồi mời vô chơi. Bà ta đưa một bản thảo với một bức thư của ông chồng nhờ tôi coi giùm rồi để tựa. Nếu nhà tôi hôm đó về trễ thì không biết bà ta và người con phải đứng đợi bao lâu nữa.

Nghe nhà tôi kể chuyện lại, tôi áy náy, vội bỏ hết các công việc khác — tôi nhớ lúc đó tôi đương đau nữa—đọc cho xong bản thảo và viết bài tựa, mặc dầu tôi vốn sợ công việc để tựa.

Tôi mất trọn hai ngày, nhưng trong đời viết văn của tôi, hai ngày đó có lẽ là hai ngày tôi làm được một việc thú và có ích nhất vì tác phẩm đó rất đáng giới thiệu.

oOo

Ở nước ta, có nhiều nhà văn đứng ra mở nhà xuất bản. Người đầu tiên có lẽ là Trương Vĩnh Ký rồi tới Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Tấn Đả, Nhất Linh, Đào Duy Anh, Vũ Đình Long, Đông Hồ... Khoảng 1959-60, ngành xuất bản gần như tới bước cùng. Hồi đó, trong một bài báo tôi đã ngờ ý mong rằng cùng rồi thì sẽ thông. Tới năm nay nó vẫn chia thông, mỗi chỉ biến thôi. Một số nhà văn bán tác phẩm không được nữa, đành xuất bản lấy, in một hai ngàn, giao vài ba trăm cuốn cho các tiệm sách lớn ở Saigon, rồi để ở nhà, tiệm nào cần thêm thì lại lấy và trả tiền mặt.

Nhà văn mà kiêm việc xuất bản theo

lối tiêu công nghệ đó, thường có lợi cho văn hoá, và có lợi cả cho chính mình nữa.

Nhưng cũng có vài điểm bất tiện.

Trước hết là trong sự giao thiệp với các bạn văn. Trường hợp của tôi không có gì đáng nói. Tôi không mua tác phẩm và các bạn văn lần lần hiểu tôi và không trách gì tôi cả. Trường hợp của các vị tiền bối như Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh... có lẽ cũng dễ xử: thời đó ít người viết mà uy tín của các vị đó lại lớn. Nhưng trường hợp của các bạn văn sĩ kiêm xuất bản lúc này ra sao? Tôi không được rõ, chỉ đoán rằng khó mà được lòng tất cả các bạn văn lắm. Tâm lý có lẽ như vậy: nhà văn có tác phẩm đem bán thường coi nhà văn kiêm xuất bản là bạn văn của mình mà quên rằng người đó còn là một nhà xuất bản nữa. Còn nhà văn kiêm xuất bản dù quý bạn tới mấy, dù thích tác phẩm tới mấy cũng phải xét tới « giá trị thương mại » của tác phẩm. Do đó mà có thể sinh ra những hiểu lầm lẫn nhau; hiểu lầm lẫn nhau mà lại không thẳng thắn bày tỏ với nhau thì dễ hoá ra xa nhau.

Khi tác phẩm in rồi, bán không chạy thì không nói gì, nếu bán chạy thì tác giả có thể trách nhà văn xuất bản là sao in quá ít, có hiểu đâu rằng làm cái việc xuất bản tiêu công nghệ đó không có kho riêng để chứa sách, không dám mượn người để giúp việc, ai đâu mà dám in nhiều. Vì vậy một anh bạn văn kiêm xuất bản của tôi có lần bảo: tôi chỉ dám in những tác phẩm đầu tay của các bạn văn thôi, từ tác phẩm thứ nhì tôi không dám nhận nữa.

Ở nước mình lúc này, nhà văn nào (dù kiêm xuất bản tiêu công nghệ) cũng may lắm là đủ sống. Cho nên tôi nghĩ nên hiểu nỗi lòng cho nhau. Tôi dám chắc thời này không có một ông Vũ Đình Long nữa đâu, mà sự thực khi ông Vũ Đình Long mở nhà Tân Dân thì không còn là nhà văn nữa rồi.

Nếu hiểu nhau, đoàn kết với nhau thì sau chiến tranh này, một số nhà văn có thể hùn với nhau lập một nhà xuất bản lớn, như vậy có lợi cho văn hóa. Không phải là tôi mong rằng các vị đó bỏ công việc viết lách mà xoay hẳn qua công việc xuất bản đâu. Tôi không muốn thấy ông Võ Phiến hay ông Doãn Quốc Sĩ chẳng hạn thành một ông Vũ Đình Long, mặc dầu tôi nhận rằng ông Vũ Đình Long có công với văn học Việt Nam. Tôi nghĩ các nhà văn đó có thể hùn vốn, hùn công với nhau, mượn thêm người rồi điều khiển công việc, mỗi ngày mỗi nhà bỏ ra một vài giờ để kiểm soát, đôn đốc thôi. Khéo tổ chức mà cùng có thiện chí, tin cậy nhau thì tôi tưởng có thể thành công được. Theo tôi, một nhà văn mà có óc tổ chức, thực tế, dễ thành một nhà xuất bản lý tưởng.

Hiện nay tôi thấy có vài nhà xuất bản đã muốn dự bị cho thời đó, tính việc khuếch trương ngành xuất bản; họ có đủ phương tiện nhưng tôi chưa thấy nhà nào có đủ tư cách để làm ông vua trong ngành cả.

Bất tiện thứ nhì là phải tính toán ra sao cho công việc xuất bản dừng hẳn rồi bóp nghẹt công việc viết lách. Khi mà công việc xuất bản đã phát triển khá khá, mất tính cách tiêu công nghệ rồi, khi vớ

con không làm hết được những công việc lật vạt về thương mại, khi phải mượn người giúp những việc như giao sách, thu tiền, sửa bản vổ..., nhất là khi phải kiểm riêng một cái kho chứa sách thì người ta thành ra nhà xuất bản kiêm văn sĩ chứ không còn là nhà văn kiêm xuất bản nữa. Bên nào lợi, bên nào hại? Đó là tùy quan niệm của mỗi người.

Riêng tôi, từ trước tới nay tôi vẫn coi công việc xuất bản là phụ, để kiếm tiền chợ, cho nên phải hạn chế nó lại, mỗi năm nhất định chỉ in trung bình ba bốn cuốn thôi (cả cũ lẫn mới) Như vậy trong bốn năm năm, tôi lại có dư tới mười cuốn, có thể in được, độc giả thường đòi hỏi; mà tôi không có thì giờ để lo công việc xuất bản — lúc này vì thiếu giấy, nhà in thiếu thợ, công việc bận rộn lắm, — in rồi cũng không có kho để chứa, thành thử không «khai thác» được đúng

mức tác phẩm của mình, như các bạn đồng nghiệp của tôi thường nói.

Và lâu lâu, có một ông bạn xuất bản nào ngổ ý, thì tôi nhường quyền xuất bản lại cho họ trong một thời gian.

Có vài tác phẩm soạn công phu, dày trên dưới ngàn trang, tôi có đủ phương tiện để xuất bản, nhưng thiếu thì giờ, cũng phải giao cho nhà khác. Những cuốn đó in tốn công mà bán lại chậm, ít nhà chịu mua tác quyền, chỉ chịu hùn xuất bản với điều kiện là tôi để lại thêm cho họ vài ba cuốn khác để bán hơn. Thành thử có những cuốn tôi không tính viết mà rồi phải viết để có thể «tiêu thụ» những tác phẩm trên; lối bán kèm đó không rõ đã có ai áp dụng trong ngành xuất bản chưa.

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

Buồn vui

của người viết

ĐOÀN-THÊM

Bước chân vào làng văn-hoá, kẻ nhập tịch mang nặng nỗi thắc mắc và lo âu.

Các bậc đàn anh nghĩ sao về mình? với nhiều kinh-nghiệm, các vị có vui lòng chỉ dẫn cho người đến sau không? có những gì cần học hỏi? nên cầu thân những ai?

Thực ra, đương-sự cũng đã theo dõi việc làng, qua những bài phê bình, kiểm điểm, tổng kết cuối năm, hay những câu chuyện nhàn-đám của xã-dân v v... Nhưng bây giờ cần biết mặt, quen người, và nhận xét lấy.

Nghĩ mình còn bở-ngỡ, thì tốt hơn hết là theo đúng lệ thường để tránh sơ suất. Bèn đưa các bản thảo, nhất là thơ, ra trưng cầu ý-kiến của một số người lão-luyện.

Song cụ này khen một đoạn, thì ông khác chê ngay. Anh N khuyên rút ngắn phần cuối, chị H bảo cứ để nguyên. Mỗi người một lý lẽ, biết nghe đảng nào?

Cũng có nghe mà sửa chữa đôi điều, nhưng thường theo bạn đọc hơn là bạn viết, vì cho rằng hạng thứ nhất khách-quan hơn hạng thứ hai. Hình như đối với khá nhiều tác-giả, hề viết giống các vị là hay, viết khác là dở? Thiệt quả đi hỏi cũng khó lòng được soi sáng.

Sau nhiều lần phân vân trước những quan-điểm trái ngược, kẻ mong chỉ giáo đành kết luận rằng: mình nên tự liệu thì hơn, miễn là đừng quá tự tin; và nếu cho là mình viết hay, thì nên để bài nằm đó ít lâu, vài hôm hoặc vài tuần, rồi đọc lại. Sự thí nghiệm này đã cho thấy nhiều khuyết-điểm chưa từng nhận ra: nhận ra, thì có khi phát ngược, và lấy làm lạ rằng sao mình đã nghĩ vơ-vẩn hoặc viết dơ-dáng như vậy? Liền bôi hay xé, và tin rằng: cái Tôi ngày mai chắc sáng suốt hơn cái Tôi hôm nay, vì cái Tôi lúc viết còn đương say sưa trong cuộc, nên bị mờ quáng và đáng ngờ vực.

Đáng tin cậy hơn, ở giai-đoạn này, là sự xét đoán của tòa báo hay nhà xuất-bản. Nếu bài và sách được đăng hoặc nhận in, ắt cũng phải có phần nào khá. Song chưa lấy gì làm chắc, còn phải chờ phản-ứng của độc-giả và các nhà phê-bình.

Khốn thay, tác-giả tập-sự thường mong đợi suông, vì chẳng thấy ai nói gì cả, hình như không ai đọc, hay có liếc qua cũng cứ đứng đưng. Trước sự lạng thình của mọi người, kẻ viết không khỏi buồn-bực, nhưng rất dễ tìm ra nhiều lẽ tự nhiên :

Khó lòng trông cậy vào các vị điềm báo điềm sách, nếu xét cách xét của nhiều vị đối với một số đồng-nghiệp bị đem ra mổ xẻ : thiếu căn-cứ rõ rệt và vững chắc, chỉ nhằm một vài góc cạnh chứ không bao quát cả nội-dung lẫn văn-thề, tỏ ra cố-chấp hay ôm nhiều thành-kiến, ngăn cản hơn là khuyến khích sự sáng-tạo, có khi cho cảm-tưởng là tuyên án mà không đọc kỹ hồ-sơ ; phê bình một cách hợp-lý, là khen chê hay tìm hiểu, hoặc cả hai việc ? dùng lời gay-gắt quá, thiếu cả bình-tĩnh thì sao công bằng được ? dù phải, mà không nói ôn-tôn thì thuyết phục ai, chỉ gây xích-mịch trong giới cầm bút ?...

Làng văn-hoá quả-nhiên hay bị lục đục. Tình-trạng này chắc đã hiện ra từ lâu, khi làng rời bỏ nền-nếp củ đề chuyển sang tập-tục phương Tây. Các cụ thời xưa sống, nghĩ, và viết theo những khuôn-khổ và qui-lệ chung, nên dễ tương hiểu và tương đắc. Người cầm bút ngày nay thừa nhận quan-niệm sinh hoạt và trước tác theo xu-hướng cá-nhân, mỗi người một lối nên khó hòa hợp. Ở xóm khảo-cứu, không-khí còn tương-đối yên-lặng, vì các học-giả biết thủ-phận ; ở ngành nào phải tuân qui-củ ngành ấy, vận dụng lý-trí và cố đi tới khách-quan, thành ra đỡ bị xúc động như ở các khu sáng-tác. Các khu này sôi nổi trong những chủ-quan tương khắc và các nhiệt-tình dào dạt. Tại đây, không có hàng rào, ai ra vào và đi lại thế nào tùy ý số dân đông đúc hơn ở xóm trên, chợ búa ồn ào tuy hàng-hóa không nhiều và ít thứ bán chạy ? và cũng như ở mọi thị-trường, không tránh được những hoạt-động trực lợi, đầu cơ, giả mạo vv...

Tuy-nhiên, trong cảnh sinh nhai vất vả, làng vẫn duy trì được những sắc thái khả-quan. Chẳng được ai giúp đỡ, dân làng chịu nhiều sự thiếu-thốn nhưng cố tăng gia sản xuất. Có những người nhịn ăn mặc để cho ra sản - phẩm đầu tay. Rất nhiều người cặm cùi gọt văn, tuy sau hàng chục năm cực nhọc chưa in nổi một vở kịch hay một tập truyện ngắn. Lác đác trong vài ngõ hẹp, một số khác âm thầm dịch sách triết-lý, làm từ-điền, soạn văn-phạm, vun xới cho tiếng mẹ đẻ giàu hơn. Những thi-xả không kèn không trống, cứ nhóm họp trong căn nhà nhỏ hay dưới bóng trăng suông, để giữ cho hồn thơ khỏi tắt khi mọi giá-trị đương lo ngại suy tàn. Các hạng người vừa kể, dù tài nhiều tài ít, thất bại hay thành công phần nào, cũng mang lại đôi chút an-ủi cho các thiện-chí đi tìm lý-do kiên nại, giữa một xã-hội thừa sức ép xuống, thiếu sức đưa lên: họ khơi cho đỡ cạn mạch đời văn-hiến.

oOo

Khi sinh một đứa con, tuy chưa biết rồi ra nó khá hay kém, cha mẹ vẫn mừng và hãy cứ mừng.

Tâm-trạng này lại chính là của tác-giả mới xuất bản một cuốn sách : chẳng rõ tác-phẩm sẽ bị chê hay được khen, người viết cũng hài lòng trong một thời-gian.

Sự đặc-ý này đáng tha thứ, vì nó đến công-phu đã tồn từ khi thai nghén đến lúc cho ra chào đời.

Có sự hoan-hỉ, tất-nhiên muốn chia xẻ ngay với bà con chúng bạn: qui-tử tinh thần được sớm đem trình làng, xin gửi gắm, nâng đỡ, bắt nhận làm con nuôi v.v...

Nhưng chẳng bao lâu, niềm vui nhường chỗ cho những sự thật mà tác-giả không muốn thấy, song rồi cũng phải nhận ra.

Sách được ký tặng với những lời trân-trọng, với hy-vọng tràn trề sẽ được thưởng thức xứng đáng. Ai chẳng cảm ơn nồng nhiệt, khen tài khen chí? Nhưng xin chớ vội tin : có bạn tôi tới nhà ông B, thấy cuốn sách đã để biểu ông A, mà vẫn mới nguyên chưa đọc ! thì ra tác-phẩm đã bị chuyển sang tay khác, mà vẫn không ai đọc cả.

Kề cũng tủi thân, nhưng nghĩ lại, thì ai đáng trách ? Cứ tưởng rằng ai cũng ham đọc, hay ưa những loại sách như của mình! Hãy thử đặt mình vào địa-vị bạn không biết gì về bóng rờ, không thích bóng rờ, mà lại bị qui-hữu gửi cho pho nghiên-cứu về lịch-trình tiến triển của bóng rờ qua các thời-đại, thì quả là nguy khốn : nếu có kẻ nào tới khuôn đi hộ, thật là thoát nạn. . . .

Buồn hơn nữa, là trường-hợp tặng thi-hữu văn-hữu. Mỗi lần xuất bản, tôi đều kính dâng vài vị coi như tri-kỷ. Chợt một hôm đến thăm ông C, tôi được dịp ngậm tủ sách chứa đầy hàng trăm bộ lớn nhỏ củ mới với bìa dày càn chữ vàng ; nhưng tìm mãi chẳng thấy một trong bốn năm cuốn mà chính mình đem hiến với tất cả lòng thành ; nghĩa là không hề được dành cho một chỗ, dù chỗ kín đáo, trong hàng mặc-khách hay thân-bằng.

Tệ thật. Thế này thì phải đối lại. Nhưng làm thế nào ? Nghĩ mãi, chỉ thấy hai cách : đọc kỹ sách được tặng, với dấu viết chỉ xanh đỏ hoặc ít nhất là xem qua một lượt để có một ý niệm và biết là chứa đựng gì, để khi cần thì tham khảo ; gửi một bạn giữ vào tủ sách chung ; song một tủ riêng ở nhà được dành cho sách của những tác-giả đã quen biết nhiều : hay dở, cũng là cố gắng, chưa kể chút duyên văn.

Những sự đã thấy, càng khiến cho lo ngại về số-phận tác-phẩm trên thị-trường. Đảo qua các thư-quán : sách được bày vài hôm rồi biến đâu mất. Bán rồi ? không, bị che lấp dưới nhiều bộ khác. Nhưng các bộ này cũng chẳng vì thế mà được hên hơn : vẫn nằm lì đó hàng tháng, để cùng chịu ế, ế như bao nhiêu cô gái ba-mươi, hay đúng hơn, là như nhiều hàng nội-hoá : người ta còn đọc truyện Tàu hay sách báo Âu Mỹ.

Rồi chừng một năm sau, nhà xuất-bản cho biết : cuốn này bán được một số, cuốn kia được vài trăm, hay một hai ngàn, nhưng rất khó thu tiền, nhà phát-hành kêu rằng vì gặp nhiều sự khó-khăn, các tiệm sách chưa chịu thanh toán...vv

oOo

Cuốn in giấy tốt nhất, phải dành biểu vị tôn -trưởng hay thân-hữu nào nhận

dở đầu, viết cho bài giới-thiệu hay phê-bình. Dĩ -nhiên tác-giả xin cứ thẳng tay vạch lỗi để xây dựng giúp : thực ra, vẫn mong thầm được ban khen, vì chắc công-chúng sẽ khen theo những nhà văn nhà thơ có tên tuổi .Thế là mượn uy -tin của những vị này để gây thiện-cảm cho mình ? thì cũng phải quảng cáo chứ, ai còn dám tin hữu sự tự-nhiên hương ? đàn anh được khăn cầu, vì thương mến hoặc cả nể, chịu giáng bút thả lời vàng ngọc : đôi khi cũng giữ ý với độc-giả, bắt đầu chê nhẹ dăm bảy câu đề tỏ ra vô-tư, nêu những khuyết-điểm đáng tha, rồi cứ vớt bằng một « tuy-nhiên » đề sang đoạn tán rộng những phần được coi như khả-ái. Có vị đánh trống lảng, vì chê thì làm phiền lòng tác-giả, khen thì e bị thế-gian cười, nên chẳng phán là hay hoặc dở ở những điểm nào, nhưng thừa dịp đưa ra một quan-niệm văn thơ của mình, hay nêu một vấn-đề văn-hoá chung không liên quan gì đến cuốn sách phải đánh giá.

Song tai hại nhất, là bị quá khen, hoặc chịu sự nâng đỡ của những vị nào không được mấy người khâm phục .Muốn đề cao hả ? Hạ bệ đề cho bài học ! — Cùng nhóm chả trách, em hát anh khen hay !...Thành thử một bài ca ngợi vụng - về thường khiến nhiều người khó chịu và đưa tới hậu-quả trái sự ước mong .

oOo

Tóm lại, làng văn-hóa rời rạc kém vui và khó mở mang, nhà phê-bình chẳng giúp được nhiều, số độc-giả rất khó thu hút, không thấy điều-kiện nào thuận-lợi cả .

Như thế thì còn gì khuyến khích hoặc đền bù mà viết mãi ? Đó là câu hỏi của nhiều người thuộc các giới khác.

Lý -do tiếp tục hẳn là tùy cảnh tùy người : để giữ sinh -kế vì khó thay đổi : như nhiều ký -giả, phóng-viên, tuy nghề không đủ nuôi sống — Vì tranh đấu, và phải tranh đấu lâu dài, cho xu-hướng lý-tưởng hay quyền-lợi kinh-tế xã-hội: như trường-hợp nhiều người cộng tác thường-xuyên với các tạp-chí phổ -thông hay chuyên nghiệp, các tuần-san nguyệt -san của đoàn -thể ..., — để bổ túc hoạt động chính , như giáo -sư soạn sách học hay dịch truyện ngoại-quốc.

Một số khá đông không chịu gác bút tuy chẳng được hoan nghênh , vì mong rằng một ngày kia dư-luận sẽ đòi chiều và chú ý đến mình, hoặc những lớp người sau sẽ hiểu mình hơn .Hy -vọng này rất mong manh, song không phải là vô căn -cứ, Mấy năm gần đây, người ta nhắc đến truyện Vũ-trọng-Phụng nhiều hơn khi ông còn sống .Những cuốn thơ Tản -Đà, ít thấy bày bán ở Hà - Nội trước 1954, đã được in lại toàn -tập ở Sài -Gòn, cũng như Cờ - Học Tinh - Hoa của Nguyễn Văn Ngọc hay Nho Giáo của Trần trọng Kim. Đành rằng những tác-phẩm đó phải có giá-trị riêng, mặc dầu giá - trị chưa hiện hiện ngay khi xuất - bản : nhưng mấy ai chịu rằng sách của mình vô-nghĩa hay vô-vị ?

Cũng có người không tin tưởng vào tương-lai của mình trong làng văn-hoá

nhưng hầu hết vẫn không gác bút vì hai lẽ đáng kể hơn : hứng-thú và ích-lợi riêng của tác-động viết.

Hứng-thú dễ thấy nhất ở thi-nhân. Vui hay buồn, họ cũng muốn nói, nói cho êm ái như hát như ru, hoặc bật lên những tiếng quái-dị đối với người thường nhưng được coi là thật và mạnh ở một số nhà thơ mới. Họ say vì âm thanh hình sắc mà họ gợi ra, hay vì những cảm-xúc mà họ thử truyền qua người khác. Ở cả hai trường-hợp họ đều thấy đẹp, và cố phơi bày những sự vật mà chưa chắc mọi người đều thích. Dù sao, họ sốt sắng chia sẻ, và nếu tìm được những lời xứng ý để bộc lộ phân trần, thì họ thấy nhẹ mình. Họ hả dạ vì đã ghi được trên giấy mực - có lẽ cho cả đời sau ! - những gì lơ mơ, sôi nổi, xao xuyến, nhưng chỉ đòi ngoi ra cho kỳ được, thành Thề đáng ưa. Họ bằng lòng, vì đã khám phá cho tâm-hồn một ngôn-ngữ độc-đáo. Đúng hay không, lại là chuyện khác, và tưởng là hay cũng đủ sướng rồi. Lắm ông theo hứng lên mây, ngỡ mình siêu việt, quát sao Ngưu sao Đầu, gọi núi rừng là nhà-người. Vị khác nhất các vẻ đẹp, chung đúc thành một nàng, đem nuôi ở cõi mơ, bằng một tình yêu khó thoả, có khi gửi cả cho nàng những khát-vọng siêu-hình khó hiểu. Lại có trường-hợp cảm hờn cuộc sống, cần một chỗ để nổi loạn : trang giấy chịu chứa lời nguyện rửa hay tiếng hét gào dữ-dội, làm khổ người đọc nhưng vợi bớt nguồn uất hận mà nhà thơ tin là chính đáng. Trong hàng vạn câu của hàng ngàn con người thấy hứng, chưa chắc công-chúng ưa được vài trăm. Nhưng ở nước nào thời nào cũng thế, cứ phải để cho thi-sĩ sinh hoạt khác thường, thì đôi khi mới nảy được vài hạt ngọc hay bông hoa của đất nước : chính họ cũng biết và mong như vậy.

Cái *hứng* như say, đến trước và trong khi làm thơ. Nhà thơ dễ thấy hơn nhà văn, chắc vì rung cảm nhiều hơn và dùng trí ít hơn. Còn cái *thú* đến sau cho cả hai hạng người cầm bút, khi trải qua những nỗ-lực của tâm thần, tác-phẩm đã thành hình. Tác-giả nhận mình là kẻ thể hiện, và đặc ý. Thú là niềm vui thắng-lợi đền đáp công-phụ, là kết-quả chớ không phải là động-lực sáng tác. Nhưng hề quen mùi, người viết sẽ nhớ và cố tìm lại : hy-vọng thấy thú cũng thành ra sức mạnh thúc đẩy cây bút.

oOo

Ích-lợi của tác-phẩm đối với xã-hội, có hay không, phải tùy quan-điểm và nhu-cầu của người đọc. Thơ không lợi gì cho những người chú trọng vào cuộc sống thiết-thực, song theo những ai ưa chuộng nghệ-thuật, lại có ích vì nâng cao hay làm đẹp lòng người.

Ý-niệm về tác-dụng thi văn, tới nay vẫn chưa thể dứt khoát. Nên khi viết với thiện chí phục vụ cộng-đồng, có những người phải thắc mắc : công việc của mình có ích gì không ?

Ở nhiều trường - hợp, kết - quả không đáng kể : thấy thế, mấy ai tránh được những giờ phút nản lòng ? Nhưng rồi lại cầm đầu viết, viết, và viết. Phải chăng vì ngoan-cổ

không chịu rằng mình trót làm đường, hoặc hiểu thẳng quá độ, nên đã ném lao thì quyết theo lao? Có thể lắm, song cũng còn lẽ khác: tuy không biết là ích cho ai, thấy tác-động viết rất lợi cho mình.

Nếu chỉ đọc, nghi hay mơ, thì trí não mông lung, cảm-giác và hình - ảnh pha trộn, phát phơ, không đầu không cuối. Trái lại, khi muốn viết ra, phải gỡ mối, tìm tiếng, nhìn chữ thì dễ nhận ý, biết mình muốn gì đề lựa chọn, gạn lọc, sắp đặt thành câu thành đoạn, đem tới cho tâm-thần một thứ-tự, đi đến một toàn-thể hay một kết-luận, một quan-niệm, một lập-trường. Viết, là từ bóng tối của đáy lòng ra ánh sáng mặt trời, có thể nói là khai quang trí-tuệ và nhận thức bản-ngã.

Sau mỗi bài quan-trọng hay mỗi cuốn sách, người viết có cảm tưởng rõ rệt là mình khác trước. Tác-phẩm thật sự, phải chăng là tập giấy đã in, hay chính là con người tái tạo theo hình thái mới? Con người đó, dưới mắt kẻ khác, có thể là một nữ-sinh đã thành một tiểu-thuyết-gia có nhiều độc-giả (Françoise Sagan) một chính-khách đã chuyên hương hoạt-động sang ngành sử-học (Winston Churchill). Nhưng xét kỹ hơn, thì nhờ tác phẩm của mình, một cô gái ưa sống theo lối riêng, trở nên một kẻ nói đúng tâm-lý của nhiều tầng lớp trẻ hiện nay; và một tác lữ hùng-hồn, một sức mạnh từng lời cuốn quần-chúng, còn biến ra một cặp mắt nhìn thấu cuộc thăng trầm của La-Mã thời xưa. Tác-giả làm ra tác-phẩm, tác-phẩm thay đổi đặc-tính cá-nhân của tác-giả: sự lưỡng tương sinh hóa này chứa đựng một ý nghĩa sáng-tạo kỳ-diệu (demiurgique) đối với những ai ham chú trọng đến nhân quả huyền-bí của các tác-động tinh-thần.

Viết còn là tiến, có thể là tiến mãi. Nguồn văn thơ muốn chảy đời-dào, phải được luôn luôn tiếp mạch trong giòng sống mệnh mông. Tự trau giồi là sự bắt-buộc. Có những cảnh không ai chịu nhìn nếu không phải viết một thiên phóng-sự; Có những việc chỉ được xét vì nhu-cầu lập luận trên một tờ báo, những cuốn sách mà nhà văn cố đọc để tìm tài-liệu viện dẫn, chứng minh, phản đối... Muốn khỏi lạc hậu, không tưởng là mới khi đã cũ rồi, người viết phải theo dõi sự tiến-triển của các trào-lưu thuộc lãnh-vực mình, trong xứ sở hay ở nước ngoài. Nhân dịp viết, thì biết nhiều hơn, nhất là khi dịch thuật, biên khảo hay phê bình. Dù ở địa-hạt sáng-tác, sự học-hỏi cũng không thể tránh; trái lại, trong văn-hóa hiện-thời, ý sao được vào chút vốn thiên-tư có sẵn? Kiến-thức rộng, tác-phẩm mới phong-phú: truyện và kịch của J.P.Sartre nổi tiếng vì văn viết giỏi hay nhờ triết-lý cao? Trình độ trí-thức của công-chúng càng lên, thì người cầm bút càng phải uyên - bác mới đủ điều-kiện đối thoại.

Đã ham viết, cũng như thích đánh đàn hay vẽ tranh, thì muốn hơn mãi. Nhà văn nhà thơ đem tha-thiết thăm dò sự thật hay hướng lên sự đẹp, biết rằng khó tới và chỉ có thể đến gần; nhưng đã thế thì phải càng gần càng hay, đề được thỏa nguyện đến mức tối-đa. Nên dù thành công trước mọi người, đối với bản-tâm, họ vẫn thấy chưa được phép dừng chân, hướng hồ khi còn phải chờ mong thưởng

thức. Học-giả tìm hiểu trên một lãnh-vực, thì sự vật vừa xét lại biến cải rất mau trong sinh-hoạt của nhân-loại ngày nay; nên dẫu tự đặt giới-hạn, họ vẫn phải theo nhịp tiến-hóa mà đi xa hơn.

oOo

Những người đã đem hết tâm trí ra viết vài bộ sách, khi soát lại công-trình, thường thấy như thế nào ?

Nếu thành-thực, không tự-hào không tự-hạ, họ nhận ra những phần đáng tiếc cùng những điểm có thể coi là được.

Từ bộ đầu đến bộ cuối, sự hơn kém không mấy khi theo một chiều; có thể bộ sau không bằng bộ trước hay ngược lại, về phương-diện nào đó.

Nhưng xét toàn-bộ, thì mặc dẫu giá-trị ra sao, tổng-số tác-phẩm vẫn cụ-thể hóa sức tiến của một con người: nếu không viết tất còn kém nửa; đã viết nhiều, chắc phải hơn mình khi chưa viết cuốn nào.

Nói một cách khác, viết vẫn hơn không: Có lẽ tin-tưởng này là sức mạnh vượt mọi trở-ngại mà đẩy những bàn tay viết không ngừng...

D.T.

Kỳ tới: Những ngày chưa quên (tiếp)

Tăng "ờng sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 50mg

B-PC/17 DY183

Dự tri

Nghề thầy bói là một nghề bạc bẽo. Ai cũng muốn biết tương-lai ra sao. Mà ai cũng không tin thầy bói, ngay cả những kẻ đặt tiền tồ mà xin thầy xủ cho một quẻ. Bởi vì, bói ấy là nhìn nhận rằng cái chi thầy thầy đều viết sẵn trước rồi, rằng đời sống chỉ là diễn lại một cuốn phim, mà khi mình lọt lòng, đã quay sẵn trước rồi, rằng không có tự do, mà chỉ có định mạng. Kẻ xem bói, gọi là đề biết trước việc chi sắp xảy ra đề mà tránh, đã làm một việc mâu thuẫn. Việc đã viết sẵn rồi, tránh sao cho được mà hòng tránh? Chính là cái mâu thuẫn ấy làm cho nghề thầy bói hóa ra một nghề bạc bẽo.

Nhưng lại cũng là một nghề được trọng. Một thiếu phụ đang đau khổ, bỏ ra một trăm đồng đề ăn uống, ắt tiếc tiền. Nhưng nghe có thầy bói hay, hao tổn bao nhiêu cũng chẳng ngại. Miễn là nghe được một quẻ mà thôi. Con người càng đau khổ, là càng cần nghe tiếng thầy bói.

Với tâm-trạng của con bệnh, anh Lê-Ngộ-Châu đòi tôi viết một bài « dự tri » cho số đặc-biệt *Bách Khoa*. Tôi đã từ chối cả chục lần, mà không được. Âu là đến giờ chót viết bài này vậy.

Một khoa bói khác.

Trong tập san *Sử Địa*, tôi có vẽ phác một mô « bói đầu năm » được người Việt dùng. Từ việc ngày mồng một Tết, nghe theo lời dạy của Hưng-Đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn, leo lên lầu cao mà xem sắc trời, sắc mây, sắc gió, cho đến việc bà già nấu ăn, ngày mồng ba Tết luộc gà mà cũng ra nghề, lấy chân gà mà xem mấy ngón túm cách nào.


Những nhà khoa học ở Âu châu lại dùng phương-pháp khác để đạt mục-dịch chung là nhìn vào tương-lai. Họ dựng ra khoa *prospective* (pro=trước; spective=khoa xem) mà phương pháp căn bản là việc ngoại-suy (extrapolation).

Quả là công việc của những ông « thầy bói khoa học ». Thầy bói xưa có cỏ thi, có mai rùa, có phép toán theo *kỳ môn độn giáp*, có phép nhìn sao, nhìn sắc trời, nhìn gió. Thầy bói khoa học ngày nay có thống-kê, có đồ thị, có máy tính điện tử, có các khoa học tối tân. Những phương-tiện xưa và nay có khác nhau, nhưng cũng chung nhằm mục-dịch là làm thỏa-mãn sự thèm biết tương-lai của đại chúng.

Ta thử bắt chước những nhà thông thái của thế-giới mà dự tri về tiền đồ của Việt Nam ra làm sao.

Nước cờ của Hà-Nội



Phải nhìn nhận rằng trong thời-thế này, vai trò chủ động là vai trò của Hà-nội. Chúng ta gác qua một bên những lý lẽ về lỗi phải, thuộc về chủ quan, mà chúng ta kể đến những động cơ chánh trị, thuộc về khách-quan. Tuy phân tích đến cuối cùng, chúng ta thấy rằng nguyên nhân sâu xa là đường lối chánh trị của Trung-Hoa, song đường lối ấy phải do Hà-nội chấp-thuận mới hiện ra được.

Khởi ban đầu, là nền bang giao-Hoa Nga. Kroutchev ý thức rằng Mao-Trạch-Đông chỉ «cập tàn» theo chánh sách cộng-tồn để chuẩn-bị nước cờ riêng của mình. Ấy là cảnh đồng sàng mà dị mộng. Kroutchev bèn dứt tình chẵn gối với Mao-Trạch-Đông mà chăm dứt viện trợ cho Tàu. 

Mao-Trạch-Đông phản ứng lại, bằng cách phá hoại chánh sách cộng tồn của Nga nơi chỗ mà chánh sách này yếu đuối hơn hết, nơi chỗ mà Nga kém phương-tiện để can thiệp hơn hết, nơi chỗ mà Tàu dễ chen vào hơn hết, nơi chỗ dễ đốt ngòi hơn hết.

Chỗ ấy là miền Nam Việt-Nam. Ở nơi đây, phần chánh trị của hiệp định Genève không thi hành từ năm 1955. Tuy chánh phủ Ngô-Đình-Diệm không ký hiệp định này, song Hà-nội có thể vịn vào đó mà thôi động tâm-lý quần chúng. Việc thôi động ấy, năm 1955 không khởi xướng, mà đợi mãi đến 1960, mới có Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, điều đó chứng minh

rằng thời cuộc ở Việt Nam chỉ là kết quả của nền chánh trị thế giới.

Chiến cuộc khởi ở Miền Nam,   lãnh đạo, ấy là bắt buộc Nga phải ủng hộ Hà-nội mà chống lại Hoa-Kỳ. Bắc-Kinh cứ một mực chửi Moscou là hàng đầu tư bản, phản bội chủ nghĩa, là tấn Nga vào nước kẹt, phải chọn lựa.

Thật tình, bênh Hà-nội, ấy là Nga làm gãy chánh sách cộng tồn mà Nga đã lao tâm khổ trí mà xây dựng từ năm 1952; bỏ chánh sách cộng-tồn; mà trở về đường lối thế giới hai phe, một còn một mất; ấy là Nga phải hàng đầu Tàu, nhường quyền lãnh đạo cho Tàu, gom tiền bạc, máy móc, hàng hóa, chuyên viên, mà «đi sứ» cho «đại ca».

Năm 1960, khi sáng lập ra Mặt trận Giải Phóng Miền Nam, những cộng sản ở Hà-nội nghe theo tiếng nói của trái tim, chớ chưa đủ khả năng mà lấy lý trí để nhận xét bàn cờ thế giới. Nên chi, phải nhìn nhận rằng nước cờ của Hà-nội là một nước cờ kẹt. Theo thuyết cộng tồn của Nga, hay theo tư tưởng Mao-Trạch-Đông? Hà-nội chưa biết mình nên đi theo con đường nào, không khác chi lúc mà quân Tàu dàn nơi bờ Xích Bích, quần nhò ở Đông Ngô phân vân bất nhứt.

Trước sự tấn công hòa bình của Hoa Kỳ, Hà-nội không chịu đến dự hội-nghị thương-thuyết. Bởi vì đến dự hội-nghị; cộng-sản Bắc-Việt chưa biết mình phải chọn lối nào. Cả hai cánh, cánh theo Nga và cánh theo Tàu, chưa đủ thật mạnh mà nói tiếng nói quyết định.

Trong năm tới, Hà-nội sẽ phản-ứng ra sao?

Căn cứ vào dữ-kiện ấy, chúng ta có thể dự-tri rằng, nếu chưa có yếu tố

quyết định mới, thì Hà-nội chưa có thể chọn lựa dứt khoát được. Bất buộc, Hà nội phải « chờ xem ».

Bên phía thân Nga chờ gì ? Họ chờ cho Nga nhúng tay vào chiến cuộc ở Việt Nam nhiều hơn, chen vào sâu hơn, nắm những tay lái quyết định hơn. Họ chờ xem xung đột nội bộ ở Tàu ngã ngũ ra làm sao ? Vệ binh Đỏ thắng, hay là phái « xét lại » chiếm ưu thế. Nhất là họ chờ xem trong nội bộ của Hoa-Kỳ, ngôi sao của Robert Kennedy ra thế nào. Ngôi sao này vọt lên, mà sáng ngời, chưa ắt đợi đến cuộc bỏ thăm 1968 mới cho chuyện quan trọng xảy ra. Có thể, người ta phải làm một cái gì để tránh việc R. Kennedy đắc cử Tổng thống một cách ồn ào...

Lâm-Bưu tính gì ?

Thấy Hà-nội « chờ xem » như vậy, thì Lâm Bưu sẽ tính gì, để thực hiện tư-tưởng Mao-Trạch-Đông ? Muốn tính gì tất phải có phương-tiện. Hiện nay, mặc dầu Tàu có thí nghiệm bom nguyên tử, song Tàu chưa có phương tiện để gài một cuộc chiến-tranh nguyên-tử. Mặc dầu Tàu có khá phi cơ, song Tàu chưa có đủ phương-tiện để gài một cuộc không chiến. Mặc dầu Tàu có nhiều tiềm thủy đình, song Tàu chưa có đủ phương tiện để gài một cuộc thủy chiến.

Còn trên bộ chiến, Tàu có thể dùng hai sở trường. Một là chiến thuật biển người hai là chiến-thuật du kích.

Về chiến thuật biển người, Lâm Bưu chờ cơ hội là có sự đổ bộ ở Bắc-Việt để cho Vệ binh Đỏ và hồng-quân Tàu, chỉ

nguyên quân Tàu tràn xuống ... Còn về chiến thuật du kích, thì Tàu ảnh hưởng vào chiến cuộc bằng cách gửi vũ khí, tiền bạc và cán bộ chánh trị.

Ngũ-giác-đài phản-ứng ra sao ?

Về vũ khí, nếu chiến tranh càng kéo dài, thì càng hao mòn vũ khí của cả đôi bên. Về tiền bạc, nếu cuộc chiến tranh càng kéo dài, thì càng thất lợi cho bên kém vốn. Về hai phương diện này, Hoa Kỳ không ngại một cuộc chiến tranh kéo dài.

Nhưng mà một cuộc chiến-tranh du-kích, trong căn bản là một cuộc chiến-tranh lý-tưởng, một cuộc chiến tranh chính trị. Đây là một địa-hạt mới cho Ngũ-giác-đài.

Cơ quan này hoạt động trong khuôn khổ của luật lệ, của điều ước, của dư luận, và bị lệ định vào những định luật của tâm lý quần chúng. Nên chi không quen thuộc lối hành động tế-nhị của chiến tranh tâm lý. Nếu có một cuộc đổ bộ đại quy mô ra Bắc Việt; thì một là Ngũ-giác-đài phải mắc vào « trận biển người » hai là mắc vào « trận du kích » của Lâm-Bưu. Hoa-Kỳ đã thận trọng mà tránh việc đổ bộ, thì Tàu và Bắc-Việt lại bị gài vào cái thế không chiến hay thủy chiến.

Nga sẽ làm gì ?

Không chiến và thủy chiến là hai thứ chiến tranh cơ giới. Suốt một năm nay, các cơ sở kỹ nghệ của Bắc Việt bị oanh tạc, các kho dầu bị đốt, các đường giao thông bị cắt, thì năm tới, Bắc Việt không làm sao có đủ phi cơ

và tàu chiến để ứng phó với cuộc chiến tranh cơ giới ấy.

Nếu Hoa-Kỳ chỉ chấp nhận cuộc chiến tranh kéo dài trên địa hạt mà Hoa-Kỳ nắm ưu thế, thì lần lượt không-đội và thủy-đội của Bắc-Việt tiêu mòn dần. Muốn kéo dài chiến tranh Bắc-Việt phải cần viện trợ.

Nếu Tàu viện trợ mà không tham chiến, thì cuộc chiến tranh ở Việt-Nam sẽ biến thành một cuộc chiến tranh kỹ nghệ giữa Tàu và Hoa-Kỳ. Tàu bắt buộc 700 triệu dân Tàu ăn không no, mặc rách rưới, để lấy cái "thặng dư giá trị" của sự làm việc của dân Tàu mua sắm máy móc. Liệu sự thất lưng ấy có đủ mà cung cấp cho Bắc-Việt chăng? Hay là Tàu sẽ đuối sức, mà buông tay, tha hồ cho Nga gọi viện trợ qua Hà nội?

Nga mà gửi thêm nhiều viện trợ cho Hà nội, thì về mặt chánh trị, phá thân Tàu sẽ phải lép vế trước phá thân Nga. Lê-Duẩn, Trường-Chinh, Nguyễn-Chí-Thanh sẽ phải hạ giọng đối với Hồ-Chí-Minh, Phạm-Văn-Đồng, Võ-Nguyên-Giáp. Bởi vì có máy móc tối tân sang, thì cần có người sử-dụng. Chuyên-viên Nga sẽ tăng lên vài trăm ngàn người, khi mà chuyên-viên Tàu bớt xuống. Đòn cân lực-lượng nghiêng hẳn về bên Nga.

Chừng ấy, trong chiến-tranh ở Bắc-Việt, ai ủng hộ Bắc-Việt bằng mồm? Ai ủng hộ bằng thực-lực? Cuộc chiến sẽ biến dần dần thành trận thế mới. Bên này : Hoa-Kỳ + Nam Việt-Nam. Bên kia : Nga + Bắc Việt-Nam. Tàu của Mao-Trạch-Đông và Lâm-Bưu hò hét vấy thôi. Đến chừng ấy, không

kèn không trống, chiến tranh có tuột thang, Vệ binh Đỏ cũng chẳng làm sao dám tràn qua Bắc-Việt mà ép Hồ-Chí-Minh làm theo ý mình. Và Trường-Chinh, Lê-Duẩn, cũng không làm sao lại Phạm-Văn-Đồng và Võ-Nguyên-Giáp.

Chuyện ấy hãy còn xa, nếu mà Nga và Mỹ "biết đánh cuội" như Lâm-Bưu và Mao-Trạch-Đông tố cáo ăm ỉ. Việc đánh cuội, tiểu thuyết *Phi-Lạc sang Tàu* mớm ý cho độc-giả quen lần từ mười mấy năm nay. Phòng việc "đánh cuội" rời địa hạt của tưởng-tượng hoang-đường mà biến thành sự thật, thì quả là "Đông Tây vô sự Nam thành quốc gia". Chừng ấy, Mao-Trạch-Đông và Lâm-Bưu, nếu có máu nóng như Châu-Du, cũng chỉ có nước hộc máu mà chết, được chớ không làm sao phá cái liên hoàn kế của Brehjnew và Kennedy.

Chú Sam tính gì ?

Tôi dự-tri rằng nước cờ sắp tới là do Brehjnew và Kennedy cùng chơi. Một lẽ là Nga mới bắt đầu cho một ít chuyên viên vào. Nga phải gọi bằng đường thủy vài trăm ngàn "chuyên-viên" mới có thể ảnh-hưởng đến thế cuộc miền Bắc. Điều ấy đòi vài năm. Nghĩa là xê xích ngay mà ở Hoa-Kỳ, cử tri sửa chọn lựa vị Tổng-Thống. Trong kỳ ước-hội để chọn ứng cử viên dân chủ, chắc chắn là Kennedy phải hạ những con bài quyết liệt. Dầu Kennedy có được chọn hay không, những con bài của Kennedy sẽ làm xáo trộn chính-trường Hoa-kỳ, mà bất cứ ai đắc cử Tổng Thống đều phải "đếm xỉa".

Những con bài ấy hạ vào tháng bảy năm 1968 (năm Thân). Nhiệm kỳ của Tổng Thống Hoa-Kỳ khởi năm 1969 (năm Dậu). Ấy là, có tin Trạng Trình

hay không tin Trạng Trình, cũng phải nhìn nhận rằng «Thân Dậu niên lai kiến thái bình».

Ở Bắc có gì lạ ?

Nga và Mỹ mà lập được hòa bình ở Việt-Nam, thì Tàu không còn nước cờ nào có thể chơi nữa được trên bàn cờ thế giới. Chánh trị của Mao-Trạch-Đông và Lâm-Bưu, là lấy Nam-Mỹ, Phi-Châu và Á-Châu để bao vây Âu Châu và Bắc Mỹ, sẽ thành một cuộc bao vây nước Tàu Ngoài nước Tàu, không có một đồng-minh nào đáng kể của Mao-Lâm. Ngòi thuốc súng để đốt chiến-tranh thứ ba là Việt-Nam bị Nga và Mỹ đập ướt.

Mao và Lâm thua sòng bạc lớn, sau khi hạ ngục tất cả «bọn xét lại». Bọn xét lại là cái nguy cơ chung làm cho Mao và Lâm phải chung lưng đấu cật nhau mà

tự vệ. Nay chúng đã bị loại hết, mà sòng bạc lớn lại thua to, sự bất hòa sẽ nhen nhúm lên giữa Mao-Trạch-Đông và Lâm-Bưu. Giữa con sư tử già và con cọp trẻ sẽ có một cuộc tranh chấp. Ấy là :

«Kê minh ngọc thỏ thiên khuynh Bắc».

Năm ấy là năm 1969. Mao-Trạch-Đông tuổi gần tám mươi. Mao-Trạch-Đông sẽ là một Khương-Tử-Nha của thế-kỷ XX hay đã làm cầm rồi ? Phòng Mao-Trạch-Đông làm cầm, giữa Thống chế Lâm-Bưu và nữ sĩ Giang-Thanh, ai sẽ thắng, ai sẽ bại ?

Thật là một pha vô cùng cụp lạc.

Chỉ có thể chấm dứt bài «dự tri» này như trong truyện Tàu, mà khuyên độc giả xem đến hồi sau phân giải.

HỒ-HỮU-TƯỜNG

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DẶNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HERMES

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sửu - Téléphone 20-821 - SAIGON



LÊ-VĂN-HẢO
VĨNH - PHỐI

Tim vẽ

**tranh
dân
gian
Việt-
Nam**

«Đì đẹt ngoài sân tràng pháo chuột
Om thòm trên vách bức tranh gà»

Câu thơ Tết của Tú Xương (1870-1907) còn gợi cho ta khá đầy đủ hương sắc của đất nước trong những ngày xuân thuở thanh bình. Đã có câu đối đỏ, bánh chưng xanh, cây nêu, tràng pháo, thì phải có *tranh dân gian* dán lên vách đất để mừng xuân cho thêm ấm nhà ấm cửa ấm lòng: cá chép trông trăng, lợn mẹ lợn con, gà mái gà trống, vinh hoa phú quý, tiền lộc, tiền tài... qua những đường nét vững chắc mà uyển chuyển, những màu sắc thuần túy và quen thuộc, xanh, lam, đỏ, vàng, đen, trắng; đó là hoài bão, hy vọng, niềm tin với niềm vui của dân nông, của đại chúng Việt-Nam,

Miền Nam, miền Trung cũng có tranh dân gian, ít nữa là *tranh thờ*, nhưng không rộn rịp tưng bừng hoa hòe sắc sỡ bằng tranh miền Bắc. Rải rác khắp nơi từ Nghệ an (vùng Nam đàn) đến Hà nội, (Hàng Trống) Hà đông (Nam dư thượng) Bắc ninh (Sen hồ) đều có sản xuất tranh, đến hàng triệu bản. Nhưng giàu có độc đáo nhất, cho đến mười năm gần đây vẫn là thống truyền hội họa của làng Đông hồ (Bắc ninh).

Đất Bắc ninh của những dãy đồi nhấp nhô, cánh đồng bát ngát, của núi Hồng vân, sông Tiêu tương, chùa Lim, chợ Cầu, Giếng ngọc, thành Loa, vang bóng vương-trời Phù đồng, vua An dương, Mị châu-Trọng thủy, Trương-

chi - Mị nương, sư Huyền quang, Vạn hạnh .. cũng là quê hương truân chiến của tranh dân gian : Gọi là tranh Đông hồ nhưng ngày nay ở làng Hồ không còn mấy ai giữ lấy nghề xưa. Chiến tranh đi qua Bắc ninh, thời vàng son của tranh dân gian cũng đã qua !

Làng Hồ xưa có trên dưới 1000 dân với khoảng 120 gia đình thì đã 90% gia đình sản xuất tranh: «Từ tháng ba tháng tư «khi lửa lựu lập loè đâm bông» và lúa vào mẩy, những nghệ nhân làng Đông hồ đã vẽ mẫu, chỉnh lý đề tài, khắc dần bản gỗ, tập việc cho vợ con làm dần. Sang tháng tám thì hầu hết các gia đình đều tập trung vào việc in tranh. Đến tháng mười thì nhà nào nhà nấy ộn lên những tranh là tranh, khách vào không có chỗ ngồi vì tranh đã chiếm hết chỗ, chỉ chừa có chỗ lách chân. Khách các nơi đổ về Đông hồ «cất» tranh vui gần như trầy hội. Những chiếc thuyền Thanh ra «ăn» tranh, ăn no kênh, mỗi thuyền hai ba chục «bệ» mới chịu rời bến. Qua đò, qua gánh, qua xe, tranh dân gian làng Đông hồ đi vào các thôn xóm, các gia đình ở khắp nơi, làm tươi vui cho cuộc sống».

Một số nhà học-vật-cổ và học-sử-nghệ-thuật cho rằng tranh dân gian xuất hiện từ thời Lý-Trần (thế kỷ XI-XIV) bằng vào sự thịnh hành của đạo Phật : trong loại tranh thờ hiện nay, tranh Phật Thích ca, Phật bà Quan âm, tranh Thập điện và tranh minh họa kinh Phật chiếm một phần khá quan trọng ; sau thời Lý-Trần, có thể đời Hồ (1400-1407) — thời kỳ nghệ thuật khắc gỗ và in tay phục vụ hữu hiệu cho sáng kiến in tiền giấy của Hồ Quý Ly — đã đánh dấu giai đoạn khởi sắc của tranh dân gian; và rất có

có thể dưới thời Lê mạt (thế kỷ XVIII) tranh dân gian đã phát triển mạnh song song với những thành tựu đẹp của thơ ca bình dân mà một số đã được minh họa.

Thoạt tiên tranh sản xuất ra không phải nhằm riêng cho những ngày Tết, nhưng rồi vì xuất hiện tập trung mỗi năm vào dịp tết Cả (tết Nguyên đán) nên người ta thường quen gọi là tranh tết.

Vào những ngày cuối đông đầu xuân, từ thôn quê đến kẻ chợ đều rộn lên với những màu sắc vui tươi đậm đà của tranh tết : từ các chợ quê, phố lẻ, đến các đường Hàng Quạt, Hàng Trống, nhất là Hàng Bồ, tranh bày la liệt. Đã ghé qua một hàng tranh thì khó lòng bỏ đi ; dù chỉ mua một vài bức, người ta vẫn muốn nấn ná lần nữa để ngắm nghía cho kĩ hết, dưới một sức thu hút sâu xa, kín đáo, khó tả, vượt qua sức quyến rũ tự nhiên của sắc màu đề rồi lúc rời chân còn cảm thấy say sưa quyến luyến, như thế :

«Lòng thương chưa đã mến chưa bura» !
(Hàn Mặc Tử)

Ôi tranh dân gian của thuở thanh bình quen thân gần gũi với đời sống của người dân Việt xiết bao !

Nào là tranh sinh hoạt, tranh cảnh vật, nào là tranh lịch sử, tranh chuyện, tranh thờ.

Đề nói lên hoài bão, ước mơ, đề chúc tụng bằng sắc màu đường nét có các thứ tranh gà, tranh lợn, tranh tiến tài, tiến lộc, tam đa, tranh tố nữ, thiếu nhi... Đề ngợi ca lao động và đời sống thôn dã có các thứ tranh cây bừa, tát nước, gặt hái, làm màu, cảnh chợ quê, bản đồ



Tranh «Lý-ngư vọng nguyệt»

canh nông, nhà nông với con bò con trâu...
 Đề tả các thú vui của hội hè đình đám
 có các tranh đánh vật, múa rồng tổ tôm,
 bịt mắt bắt dê... Đề trào lộng châm biếm
 đả kích có các tranh húng dừa, đánh
 ghen, cóc dạy học, đám cưới chuột...

Cái đẹp của thiên nhiên đất nước
 hiện thể qua các tranh vẽ cỏ cây hoa quả
 điều thú: con công, con cò, cá chép
 trông trắng, tứ quý xuân hạ thu đông.

Đề cao nguồn gốc giống nòi, ca ngợi
 công đức những vị anh hùng dân tộc

qua các đời có tranh bà Trưng, bà Triệu,
 Ngô Quyền đánh giặc Hán, cờ lau tập
 trận, vương Hưng đạo bình Nguyên, Lê
 Lợi đuổi Minh, Quang Trung diệt Thanh,
 tranh con rồng cháu tiên, thần rùa vàng
 cho móng giữ thành, vương trời Phù
 Đổng đại phá giặc Ân...

Tranh chuyện (tranh truyện tích) diễn
 tả bằng hình thức liên hoàn bốn vẽ
 những thuyết truyền, tích cổ, chuyện thơ,
 chuyện pho, của ta hay của tàu đã được
 truyền tụng rộng rãi trong dân gian:
 truyện Kiều, Thạch Sanh, Nhị độ mai,
 Bích câu kì ngộ, Ngư Lang Chức nữ
 Chiêu quân cống Hồ, Tam quốc...

Tranh thờ, ở miền xuôi có, ở mạn
 ngược cũng có: nào là tranh tường, tranh
 treo vẽ hình Phật, cảnh Thật điện; nào
 là tranh minh họa kinh Phật: Phật nhập
 Niết bàn, Đường Tam tạng thỉnh kinh,
 Phật bà bỏ nhà đi tu... Tranh thờ tam
 tứ phủ có các loại tranh Châu Cô, Châu
 Cậu, Tam toà Thánh mẫu, bà Chúa
 Thượng Ngàn, ông Hoàng cầm quân
 trừ quan ôn, tranh Ông Bạch (Bạch
 hồ) Ông Xám (Hắc hồ), Ngũ hồ thần
 tướng (Ngũ hồ quần tụ dâng vãn). Lại có
 những loại tranh thờ tam tứ phủ đã mất
 đi tính chất trang nghiêm, dùng để treo
 chơi: tranh Ông Hoàng cưới ngựa a bạch,
 Ông Hoàng Cả cưới rắn, Ông Hoàng
 Ba cưới cá...

Các tộc dân ít-người ở miền núi,
 dân Mán, dân Nùng... có những loại
 tranh thờ rất đẹp, màu sắc hoà hợp,
 đường nét tế nhị điêu luyện, có lẽ đặc sắc
 hơn tranh thờ miền xuôi, như tranh Lùng
 Sư (Rồng Phượng), Lục Chỉnh (Ngọc
 Hoàng) Ca Klin (Tồ tiên), Tùng dừn sựⁱ
 (thần mưa) của dân Mán Cao lan.

Tranh dân gian từ mấy mươi hệ,

đời đến nay đã phản ánh trung thực cuộc sống lao động và lễ lạc, vật chất và tinh thần của người dân nông, đã nói lên phần nào *đạo đức, trí tuệ và khiếu thẩm mĩ mộc mạc, chắc nịch của họ; ở vào hàng lao khổ nhất trong xã hội, họ không bao giờ bị quan tuyệt vọng. Tranh dân gian nói về họ lúc nào cũng toát ra tinh thần nạy, cần cù và một lòng lạc quan yêu đời, một đức tin chính thẳng tà, ngay thẳng gian, lành thẳng dữ*.

Tranh dân gian là những làn điệu dân ca dân nhạc bằng đường nét sắc màu, thấm nhuần tính nòi giống, gọi lên tất cả những gì là giản dị, chất phác, thực thà, hồn nhiên, dịu dàng, tươi tắn của đồng lúa nương khoai, bụi tre, bóng dừa, của cuộc sống thường ngày và của ước mơ muôn thuở.

Tranh gà mái túc mỗi ủ con dưới cánh, lợn nái với đàn con ủ ủ bên hông : đó là hình ảnh thường còn của người mẹ Việt Nam, bà *«mẹ quê vất vả trăm chiều, nuôi một đàn con chắt chiu», «đêm sớm không nề hà chi, ngày tháng không ao ước gì, nhỏ giọt mồ hôi vì đời trẻ vui»* (Phạm Duy). Tranh thiếu nhi ôm gối, hái đào, bắt bướm, nô đùa ; tranh ông hoàng cưỡi ngựa, cưỡi cá đi chơi, đầy đặn, no tròn, phúc hậu, và sống động : hình ảnh của những hệ-đời thiếu nhi, thiếu niên mai sau để an ủi xoa dịu cảnh tượng hôm nay của đầu sài, bụng ông, chân khẳng tay khiu...

Bốn cô tố nữ mặt phượng mày ngài hay mặt tròn mày nguyệt, cổ cao ba ngón, tóc bỏ đuôi gà, ngón tay búp măng, đường ngài rẽ thẳng, vận quần linh hoa, áo lụa màu, giới đàn sáo hát múa đứng là hiện thân cái đẹp của cô gái Việt cổ truyền.

Tranh cóc dạy học, chuột đám cưới, vợ đánh ghen bao hàm một tinh thần trào lộng thâm thúy. Trong trường nho đang độ suy tàn, thầy đồ cóc chêm chệng ngồi trên sập bắt trò học hầu điều đun nước; trò-học tinh nghịch nhôn nhao vô trật tự như đang chơi trong chợ ! Mèo già, hiện thân của bọn kì mục thối nát, công khai hạch sách tiền cheo trong mỗi đám cưới, vôi cá, vôi gà, rồi sau cùng được các chú chuột tổng tiền bằng điệu kèn đưa ma. Anh chàng đa thê, bị vợ cả tấn công xia xói, mở giọng đàn hoà sắc mùi ích kỷ :

*«Thôi thôi vượt giận làm lành
Chi điều sinh sự nhục mình nhục ta !»*

Tranh Hứng dừa là cả một bài thơ trữ tình với cái duyên dáng trào lộng đầy táo bạo dựa trên biểu tượng của cái giống và của tình-nhục diễn tả qua người đàn ông cầm hai quả dừa ngồi trên cây, người đàn bà đứng dưới với cử chỉ hờ hênh chờ đợi :

*«Khen ai khéo dựng nên dừa
Đó trèo dây hứng cho vừa một đôi !»*

Chính những câu thơ nôm lục bát như thế đã điểm xuyết cho bức tranh mộc mạc hồn nhiên thêm phần dí dỏm xảo hoạt.

Tranh chợ quê, chứa chan sức sống, là cả một hội sống cổ truyền thu nhỏ lại. Nếu cảnh chợ Tết của nhà thơ Đoàn Văn Cừ vui tươi với đầy đủ màu sắc, đầy đủ người và vật : sương hồng lam, đời thoa son, cổ biếc, áo đỏ, thẳng cu, cụ già, cô yếm thắm, người gánh lợn, con bò vàng... thì cảnh chợ trong tranh dân gian cũng nhộn nhịp tưng bừng không kém : *«dưới gốc đa sân chợ có anh hàng phở, hàng cá, bể rền xì xụp,*



Tranh gà, Tranh lợn



Tranh « Ngũ hồ thần tướng »

anh lái lợn cò kè với người mua, hàng bán chả nhái với những con vật lột da khô đét, ở góc khác có anh say thuốc jào, anh phó húi đang lấy ráy tai, người ăn mày hở rách ngồi xệt xuống sân vái xin thiếu nã, ở chỗ khác chị nông dân thua bạc đứng khóc, lũ cò mồi đang mần cánh với tên chủ bài Tây đề lợi kéo

người vào tròng, và nào hàng rau, quang gánh mừng mẹt quen thuộc la liệt loạn xị ».

Đó là những hình ảnh khiêm tốn thông thường của cuộc đời dân tộc, được gọi lên bằng những chất liệu và kĩ-thuật phù hợp với tài nguyên quê hương và tinh thần nòi giống.

Bản khắc in tranh là gỗ thị (diospyros decandra) vừa cứng lại vừa nhuyễn. Màu thì lấy ở những chất thô sơ rẻ tiền, dễ tìm, sẵn có : xanh lấy ở ri đồng, lam ở lá chàm ; đỏ và cam lấy ở thổ-hoàng (ocre) ; vàng ở củ nghệ, hoa hoè (sophora), hạt dành dành (gardénia) ; đen ở than rơm, than lá tre ; trắng ở vỏ sò hến đốt dùng làm điệp quét lên giấy bản (< giấy điệp >) hoặc dùng xen lẫn với các màu khác (1).

Đường nét trong tranh khi mảnh mai khi mập mập, nhưng đều vững chắc mềm mại đi thẳng một mạch không nhoà loét

không ngập ngừng. Bàn-tay già dặn, cồ-tay chắc chắn của nhà nghề khi đục vào gỗ như tay nhà hội họa khi hạ bút chính xác trên bức thủy mặc, bức đan thanh ; khả năng điều hoà một số màu chính hạn chế thường sử dụng thuần tuý không pha (tím, vàng, xanh, đỏ, đen, trắng điệp), đã tạo nên những bức tranh sống động, lăm lăm khi táo bạo, luôn luôn vui mắt : « Ở các bức tranh hồ (ngồi, đứng, đặng vãn) sức sống vươn lên trên nét mặt, chòm râu, ánh mắt, khí thế toàn thân khoẻ như vật thật, vờn vờn nhảy xổ ra khỏi tranh » ! Lối bố cục thật là gọn và khoẻ :

(1) Xem lời chú cuối bài.

Đọc gì vào khoảng cuối năm cũ đầu năm mới ?

● **MƯA ĐÊM CUỐI NĂM**

Truyện của VÕ PHIẾN, tái bản với phụ bản của họa sĩ Phạm Tăng.

● **NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI**

Khảo luận về các trường phái hội họa và điêu khắc mới, của Emile Joseph Muller, do Vũ đình Lưu dịch.

● **MÙ SƯƠNG**

Tập truyện đầu tay của Nguyễn xuân Hoàng, phụ bản của Hoàng ngọc Biên.

BA TÁC PHẨM DO THỜI MỚI XUẤT BẢN

**SÁCH HAY, MỚI XUẤT BẢN
GIÁ ĐẶC BIỆT (I.C.)**

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẰNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học, Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

lợn mẹ chắc nịch một khối làm chuẩn giữa, lợn con tập hợp chung quanh ; gà mái với đàn con tản mác chung quanh trông thanh thoảng linh hoạt. Tranh đánh vật chỉ dùng một màu hồng nhạt viền đen : đó là lối « bình đồ thẳng tuyến », lấy màu sắc đơn giản gói gọn trong nét viền và cho phớt nhẹ trên một nền khác màu, là một phép vẽ khá khó và táo bạo, một bài học về nhà hội họa ngày nay suy ngẫm.

oOo

Sánh với tranh thủy mặc, tranh đàn thanh của Tàu với tranh khắc, tranh trường-thiên của Nhật, phải thú nhận rằng nền hội-họa cổ điển Việt Nam chưa hề trở sắc thêm duyên để được đứng ngang hàng. Nhưng ta có cái độc đáo của ta trong nền hội họa dân gian.

Tranh thờ, tranh Tết, qua nhiều thế kỷ, đáng được dân ta mến chuộng, gìn giữ, lưu truyền vì đường nét duyên dáng màu sắc tươi vui, nội dung và tinh thần thấm nhuần tính giống nòi.

Tranh dân gian ! hồn dân tộc ! cho quên đi những gì có thể tha thứ và lãng quên, cho ước mơ những gì sắp đến trong nay mai và phải đến : những lực lượng đen tối tàn rụi, hạnh phúc với tình yêu nở hoa giữa lòng xuân quê hương. Mà thật,

« Quê hương ta lúa nếp thơm nồng

Tranh Đông hồ gà lợn nét tươi trong

Màu dân tộc sáng bừng lên giấy điệp

...Mấy trăm năm thấp thoáng mộng bình yên

Những hội hè đình đám...

... Ta lại tìm em

Em mặc yếm trắng

Em thắt lụa hồng

Em đi trầy hội non sông

Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh»(2)

LÊ VĂN HẢO
VĨNH-PHỐI

(1) Họa sĩ Trọng Nội trong bài Thủy mặc và Thanh Đàn, họa pháp Việt Nam (trong tập san « Gió Khơi » số 3, tháng 8-9-1966) cho biết các nhà hội họa Việt Nam cổ điển đã dùng những chất liệu như sau để vẽ tranh thủy mặc và tranh đàn thanh :

— màu đỏ lấy ở chất son.

— màu vàng lấy ở củ nghệ hoặc hoa hòe

— màu xanh lấy ở cây chàm

— màu trắng lấy ở phấn chì

— màu đen lấy ở mực Kiêu kỵ (gọi lầm là mực Tàu) làm bằng muối nhựa thông luyện với keo da trâu.

(2) Thơ Hoàng Cầm : Bên kia sông Đuống

(3) Tham khảo : — « Tranh tượng dân gian Việt Nam » nxb. Mỹ-thuật 1963 ;

— Imagerie Populaire Vietnamiennne của Maurice Durand, Paris, Publication E.F. E.O., 1960

— Tranh dân gian, Tranh Tết của Bùi Quang Nam. (Văn Nghệ số 33, tháng 2-1960.

— Thủy mặc và Thanh đàn, của Trọng Nội, bài đã dẫn

(4) Chúng tôi trân trọng ghi nhớ nơi đây tình bạn của Thái nguyên Bá, họa sĩ, đang chú tâm đến việc phát huy tranh dân gian Việt Nam tại Paris ; của Nguyễn tiến Hữu đang soạn luận án về mỹ thuật Việt Nam tại Đại học München, đã cùng chúng tôi thảo luận, trao đổi kinh nghiệm thưởng ngoạn nghệ thuật dân tộc.

L.V.H và V.P

NGÀY XUÂN

con én đưa thoi...

Kính nhớ Song thân

TRẦN - HƯƠNG - TỬ

Ngày xuân đánh dấu một cái gì vừa trôi mất vào quá khứ. Chính khi chào đón xuân, người ta mới ý thức nhiều về tính chất «thoi đưa» của thời gian. Cho nên ngày xuân mạn đàm về thời gian là truyện hợp tình hợp lý. Ngày xuân là lúc con người, dầu muốn dầu không đều tỏ thái độ về thời gian. Trẻ con vui sướng đón xuân như mầm non đón ánh dương: đối với chúng, thời gian là bước tung bay của một sức sống đang trào lên. Người lớn đó: xuân cách thần nhiên, nếu không nói là cam chịu: họ quá quen thuộc với xuân, biết xuân thường mang lại nhiều lo lắng hơn là vui mừng. Hai loại người khác tỏ ra e ngại mỗi khi nghe tiếng xuân về: các vị bô lão và các thiếu nữ qua đời tám lâu rồi mà không thấy động tĩnh mới mai. Như thế ai cũng có thái độ đối với xuân, đối với thời gian. Trẻ con vui đùa chào xuân vì chúng vô ý thức: cuộc đời của chúng luôn vui như sức sống của cây cỏ. Người lớn lo âu và nhẩn nhục trước vòng năm mới, vì họ là loại người đang tranh sống, đang xây dựng, đang chịu đựng nhiều: thời gian, đối với họ là một vấn đề ghê sợ. Còn người già sợ

xuân, vì biết rằng đây là những xuân sau cùng.

Trên đây là những thái độ của con người khi đón xuân, và chỉ được biểu lộ trong ngày xuân Tết qua đi, con người trở lại đời sống thường ngày của mình. Chính nơi đây, ta mới thấy con người đánh giá thời gian sống của họ thế nào. Đời sống có nghĩa gì? Dùng thời gian làm gì? Thực ra họ ít khi phản tỉnh để đặt vấn đề một cách rõ ràng, nhưng ai cũng ngầm đánh-giá thời gian bằng cách sống của mình.

Các triết-gia tây-phương từ Aristote đến Heidegger, bàn luận khá nhiều về thời-gian. Quan niệm thời gian đã biến đổi qua dòng lịch sử. Đại khái, từ Aristote đến Leibniz, các triết gia coi thời gian là một thực tại độc lập ngoài các biến cố: thời-gian là cái thước đặt bên cạnh sự vật để đo sự chuyển động và biến dịch của chúng. Thời gian nằm trong vũ-trụ, hiện hữu trong vũ trụ như kiểu một sự vật, một tự thân. Còn Kant lại chủ trương thời gian là một trong hai bình thái của cảm-giác-tính con người, nhờ đó con người lãnh-hội được

sự chuyển động của vạn vật : theo ông, cũng như theo Bergson sau này, nếu thiếu « thời gian tính chủ-thể » của con người, thì ta không thể nói có thời gian nữa. Tại sao ? tại vì chiếc kim đồng hồ chẳng hạn luôn chỉ có một vị trí. Khi chiếc kim phút ở số 6 thì nó không còn ở số 3 nữa : đối với một người không có trí nhớ, sẽ không thể biết được rằng 15 phút đã qua, nghĩa là chiếc kim đã đi từ số 3 đến số 6. Chỉ trí nhớ mới quyết được rằng *khi này* chiếc kim ở số 3 và *bây giờ* nó đang ở con số 6, vị trí nó đã qua 15 phút. Người không có trí nhớ giống như một hài nhi ba-tuổi, luôn sống trong hiện tại, không có khả năng nhớ lại truyện trước, cũng không có khả năng hướng về cái chưa đến, cho nên không ý thức gì về thời gian mặc dầu em nhỏ sinh hoạt trong thời gian. Đó, đại khái Kant chủ trương thế : ta ý-thức được sự biến chuyển của vạn vật, vì cảm-giác-tính của ta có hình-thái thời gian và không gian. Như vậy, theo Kant, thời gian ở trong ta, không ở nơi vạn vật. Thực ra, Aristote cũng đã nói câu bất hủ : « Thời gian ở trong linh hồn ta », nhưng khi bàn về sự biến chuyển của vạn vật, ông lại làm cho người ta có cảm tưởng ông coi thời gian là một cái gì tự thân.

Ở ống thì dài, ở bầu thì tròn, tất cả những gì của mỗi thời đều mang lãng kính thời đại. Thời gian của Aristote thiên về duy khách quan, và quan niệm thời gian của Kant lại nghiêng về phía duy chủ quan. Phải đợi triết học và khoa học ngày nay, chúng ta mới có một cái nhìn chính xác hơn về phía thời gian : Heidegger coi thời gian là cơ-cấu của hiện sinh, Einstein gọi thời gian là chiều thứ tư của vật-thể. Như vậy thời gian không còn là cái thước đặt hồ ở ngoài sự vật,

Cũng không phải chỉ là cái hình thức chủ quan để ta nhận thức sự biến chuyển của sự vật, nhưng thời gian được truy nhận là cơ cấu của hiện-hữu.

Có thể tóm tắt tư-tưởng của Heidegger về thời gian như sau : « Tính chất mãi mãi chưa hết là một cái gì căn bản nhất trong thực tại con người. Vì chưa hết, cho nên cuộc đời có ý nghĩa một *triền hạn* (sursis)... Như vậy, hết triền-hạn đồng nghĩa với hết hiện sinh » (HEIDEGGER, *Sein und Zeit*, trong bản dịch *Qu'est-ce que que la métaphysique* của H. Corbin, Gallimard 1956, trg 116.) Tính-chất «mãi mãi chưa hết», tính chất luôn luôn giang giở, là tính chất cuộc nhân-sinh. Tính chất này được Heidegger gọi là «triền hạn» và Sartre đã lấy chữ «triền hạn» làm nhan đề một trong những tiểu thuyết của ông. Sao lại gọi là triền hạn ? Có lẽ vì cái chết có quyền xông tới bất cứ lúc nào, cho nên sống ngày nào là được triền hạn ngày ấy. Đúng như một câu của Hegel mà Heidegger đã trích dẫn : «Con người vừa sinh ra đã đủ già để chết rồi» (trg 132). Cũng như Hegel, Heidegger định nghĩa con người là một hữu-hạn-tính : bản chất của một hữu-thể hữu hạn là phải đi tới cái hạn, tức chỗ cùng của mình. Nhân đó Heidegger lại định nghĩa con người là «một hiện hữu để mà chết». Nói thế, không bi quan hay lạc quan, vì bi hay lạc quan là lãnh vực tình cảm, còn đây là cái nhìn thẳng vào bản chất hiện sinh con người : con người là vật duy nhất có khả năng dứt mình khỏi hiện tại để trở về quá khứ xa xôi. Con người cũng là sinh vật duy nhất có khả năng bỏ hiện tại để vươn về tương lai mờ mịt. Cho nên con người là vật duy nhất

biết mình sống và biết mình sẽ chết. Khi con người nhìn hăng vào bản chất hữu hạn của mình để đảm-nhiệm cái chết như cùng đích của cuộc nhân sinh, khi đó con người mới hoàn toàn trung thực. Và nếu tự do là giá trị cao nhất của hiện sinh, thì tự do trung thực là 'tự do để chết' (Sđ, trg 166 : *liberté pour la mort*).

Tuy nhiên Heidegger khuyên ta không nên quá bận tâm về chỗ 'hết', chỗ 'cùng' nhưng nên chú tâm vào cái 'đang' nghĩa là cái triền-hạn, cuộc sinh hoạt của ta. Trong ý đó, ông viết : "Chúng ta chỉ chú trọng tìm hiểu quăng-giữa cái sinh và cái tử của con người thôi" (Sđ, trg 170). Chính cái quăng-giữa này là lãnh vực sinh hoạt hôm nay của chúng ta : ta không có chọn sinh ra, cũng không được chọn cái chết, nhưng chúng ta có thể nhờ cách xử dụng quăng-giữa kia để làm cho sự sống và sự chết của ta có ý nghĩa : « Chỗ khởi và chỗ tận cũng như quăng-giữa của ta thế nào, cũng tùy ở cách hiện-hữu của ta, và hiện-hữu của ta theo nghĩa ở đây là *ưu-tư* (*souci*). Vậy *ưu-tư* chính là bản chất của cái quăng-giữa kia. » (Sđ, trg 172-173), Sao Heidegger lại đề cao *ưu-tư* như thế ? Thay vì trả lời, chúng ta cần nhớ rằng *ưu-tư* đây không có nghĩa thông thường của sự lo lắng, nhưng nó có nghĩa triết học : Heidegger coi *ưu-tư* là cơ-cấu hiện sinh nền tảng, vì nhờ *ưu-tư* con người không cố định ở một vị trí thời gian nào hết, nhưng luôn đổi thay từ hiện tại sang quá khứ rồi lại trườn về tương lai. Heidegger gọi đó là ba xuất-thể (*extases*) của thời-gian-tính con người, làm cho thời gian hiện sinh không giống thời gian vũ trụ, bởi vì trong

sinh hoạt của tôi, tâm trí tôi có thể băng về tương lai trước khi quay về quá khứ. Ba xuất thể của thời gian hiện sinh không cắt lìa nhau, vì hiện tại còn vương đầy quá khứ và đã pha màu tương lai rồi ; chúng cũng không có trật tự nhất định cái nào phải ở trước cái nào. Nhân đó Heidegger coi toàn-thể sinh hoạt con người là một nhất-thể lịch-sử, một lịch-sử duy nhất liên tục : đó là *lịch sử-tính* của sinh hoạt con người.

Tư tưởng Heidegger, mặc dầu là tư tưởng hiện sinh, cũng quá khô khan bởi vì quá kỹ thuật. Heidegger vẫn gọi triết học của ông là triết hiện hữu, nhằm đào sâu và trình bày cho thấy những cơ cấu của sinh hoạt con người cũng như hiện hữu của vạn vật ta tiếp xúc. Tuy nhiên tư tưởng của ông hàm chứa nhiều bài học cho ta trong cuộc đời : ngay việc ông nêu cao bản chất 'ưu tư' của hiện sinh cũng vạch cho thấy hiện sinh đích thực phải là hiện sinh đầy *ưu-tư*. Một hiện sinh như thế nhất định không sa lầy như cuộc đời những người chỉ sống cuộc đời sinh vật, luôn gắn liền với hiện tại như sinh vật. Hiện sinh đích thực phải vươn lên khỏi hiện tại, duy nhất cả quá khứ và tương lai lại thành một định-mệnh mình đang nắm thể hiện. Cho nên Heidegger mới viết câu đáng ghi nhớ này : "Con người chỉ hiện sinh cách trung thực khi coi đời mình là một 'tương lai' mình đã tự chọn để có thể thể hiện dự-phóng của mình." (Sđ, trg 208). Mỗi cuộc đời là một chương trình do chính con người tự chọn một cách đầy thận trọng và phải thể hiện một cách đầy can đảm.

Trên đây chúng ta đã đi hỏi các triết gia về bản chất thời gian. Bây giờ chúng ta thử hỏi các ngài về giá trị hiện sinh của thời gian. Về vấn đề này chúng ta có những trang bất hủ của thánh Augustin, một triết-gia được kể vào số những ông tổ của triết hiện sinh.

Một hôm, nhân lúc thức mắc về tương quan giữa thời gian của vũ-trụ và vĩnh-cửu-tính của Thượng - đế, thánh nhân đã lấy câu vấn nạn của bọn phản-giáo làm đề tài suy-niệm : « Thượng đế làm gì trước khi sáng tạo trời đất ? » (S. AUGUSTIN, *Les confessions*, coll. Classiques Garnier, t. II, p. 187). Trước hết ngài cho câu hỏi đó nhiệm quá nhiều nhân ảnh và duy vật, rồi ngài viết : nếu hiểu « trời đất » là tất cả vũ trụ vạn vật, thì trước khi sáng tạo trời đất, Thượng đế không làm gì hết. Nói thế không có nghĩa là Thượng đế ở nhàn rỗi, nhưng có ý vạch rõ sự vô lý của những người nghĩ có thời gian trống rỗng, trước cái thời gian biến động của vũ trụ ta. Ai cũng biết Kant đã đặt lại vấn đề này, vấn đề vũ trụ có khởi thủy hay không có khởi thủy, và ông trả lời rằng đây là một trong những vấn đề không có câu trả lời vì nó vượt quá tầm tri-thức con người. Phần thánh Augustin, ngài đã trả lời một cách sâu xa : « Không có trước và sau ở nơi không có thời gian. Lạy Thượng đế, Ngài không bước đi trong thời gian để đứng trước thời gian, vì nếu vậy Ngài không vượt lên trên tất cả mọi thời gian. Trái lại Ngài đứng trước mọi thời gian ở chỗ vĩnh-cửu-tính luôn hiện tại của Ngài (*éternité toujours présente*) và Ngài thống quát

tất cả mọi thời gian vì thời gian luôn qua đi, còn Ngài « năm tháng của Ngài không qua và cũng không đến. » Thời gian của Ngài thì bất động trong vĩnh-cửu-tính » (Sđ, trg 193).

Thánh nhân dùng chữ « thời gian » để nói về Thượng đế, cũng như Thánh Kinh viết « những năm tháng của Ngài không qua và không đến » : đó chỉ là một sự bất đắc dĩ, vì con người không có quan niệm tích cực về vĩnh-cửu và cũng không có danh từ nào để nói lên bản chất của vĩnh-cửu. Nhưng chính nhờ đó, thánh nhân đã đưa chúng ta vào bản chất và giá trị hiện sinh của thời gian như sau : ngài nói bản chất của thời gian là qua đi, mất đi luôn, vì nếu không sẽ không có thời gian ; còn bản chất của vĩnh cửu là không biết đến thời gian : vĩnh cửu là một hiện tại đứng dừng lại.

Chúng ta có thể dựa vào những nhận định của thánh nhân để chia thời gian hiện sinh con người làm hai loại : loại thời gian luôn mất đi trong trống rỗng và loại thời gian phong phú giống như một hiện tại kéo dài, và như vậy loại thời gian này phần nào gợi cho ta ý-niệm về vĩnh cửu.

oOo

Thứ nhất là loại thời gian luôn chạy mất vào dĩ vãng. Ta có câu : « Thời giờ thấm thoát thoi đưa. Nó đi đi mất nó chờ chờ ai. » Người Hy-lạp hình dung thần Thời-gian (*Chronos*) là một vị thần mà vợ đẻ ra đứa con nào thì chàng nuốt tươi ngay. Ngụ ý không thể có hai thời gian cùng một lúc, cái nọ phải mất đi, cái kia mới có được. Thánh Augustin viết về vấn đề này : « Thời gian là gì ? Giá đừng ai hỏi, thì tôi biết, nhưng

khi bị hỏi tôi không biết nói gì. Quá khứ không còn, không có nữa. Tương lai chưa đến, chưa có. Còn hiện tại, nếu nó đứng lý ra không chạy về phía quá khứ, thì nó sẽ là vĩnh cửu. Như vậy, muốn là thời gian, hiện tại phải mất hút về phía dĩ vãng. Thành thử ta chỉ có thể nói chắc một điều là *thời gian hiện hữu vì nó đi tới chỗ không hiện hữu* (Somme toute, la seule chose que nous pouvons dire avec vérité, c'est que le temps existe parce qu'il tend à ne pas exister) (Sđ, trg 195).

Thời gian phải qua đi. Nó phải rơi vào chỗ không, mất hút vào dĩ vãng. Và đây chính là chỗ xấu xí của lòng con người. Con người ước mong hưởng một cái gì vững bền, vĩnh cửu, nhưng lại chỉ gặp t ần là những cái vô thường, những cái phù ảo chưa thành đã hết. Mỗi cái *hết* là một cái ngắt ra, làm con người buồn tiếc đau đớn. Mỗi cái hết là một cái *chết*, chết cho cái vừa mất đi. Nhân đây «con người là một con vật buồn», và để khử cái buồn này, con người luôn tìm cách giải khuây. Những cuộc giải trí «lành mạnh» có làm khuây được con người không, hay chỉ khơi thêm nỗi buồn vô tận?

A. — Con người là một con vật buồn.

Tâm lý học cho thấy trẻ con không bao giờ buồn : nó không buồn vì nó «bận bịu» luôn. Hết bận vì phải học bài dưới mắt ông thầy hay cha mẹ, nó liền bận đi chơi bi, chơi điều, chơi đánh trận. Và hãy xem đứa trẻ bị cha mẹ cấm không cho ra đường, hoặc sang bên hàng xóm : nó chơi một mình, và bất cứ cái gì cũng thành trò chơi cho nó, hết chơi một mình, nó chơi trèo cây, rồi chơi nghịch ổ khóa, xem máy móc chiếc xe

hơi của em nó đề trên bàn v.v. Đứa trẻ không buồn vì nó luôn bận với ngoại vật. Không bao giờ nó rút mình khỏi vạn vật để tự ý thức về mình nó. Tâm-lý-học cũng nói rằng, sánh với đàn ông, đàn bà ít khi buồn vì người đàn bà luôn mó mó cái này, xê xếp cái khác, và họ có thể ngồi hàng mấy giờ để sửa một chiếc áo, vẽ cặp lông mày v.v

Tâm lý học chẳng nói đàn ông là tâm-trí, đàn bà là tâm hồn (animus et anima) là gì? Và chẳng vì đàn ông với lý trí (esprit) và đàn bà với thiên nhiên (nature) đấ ư? Và ai cũng biết đàn ông có nhiều khả năng về suy-tưởng và đàn bà thì sở-trường về trực giác. Trực giác là gắn liền với vạn vật, suy tưởng là rút ra khỏi vạn vật để ngẫm nghĩ và phản tỉnh. Vì thế người đàn ông hay buồn. Và hễ nói «giải trí lành mạnh», lành mạnh thực hay lành mạnh giả, người ta thường chỉ nghĩ đến những thứ tiêu khiển của đàn ông. Nói thế, không phải đàn bà không ham và không cần tiêu khiển, thiếu gì bà đồng bóng tối ngày, thiếu gì bà vớt cả con thơ ở nhà đề lặn vào sông bạc thâu canh. Tuy nhiên đó là những trường hợp hãn hữu và quái lạ, thường tình những công việc trong gia đình cùng với những thú vui của chúng đã quá đủ để tránh cho người đàn bà khỏi buồn. Công việc của một người đàn bà tốt không bao giờ hết : nào là dọn dẹp nhà cửa, nào là nấu ăn, nào là trang hoàng trong nhà ngoài cửa, nào là khâu vá cho mình và cho chồng con, nào là thăm nom họ hàng, thật ra nguyên việc lo cho chồng cho con cũng chiếm hết thời giờ rồi. Trái lại, công việc người đàn ông không phải việc nhà như việc người đàn bà. Việc người đàn ông là việc ở sở, ở trường, có thời giờ

nhất định. Về nhà, những ông chồng tốt có thể giúp vợ một tay lo vài việc vặt : khi làm những việc vặt này, người đàn ông có cảm tưởng làm đỡ, làm giúp và phải hoàn toàn theo sự chỉ bảo của vợ. Khi làm như vậy, họ rảnh trí lắm, có thể nghỉ xa xôi, lung tung, và cũng có thể bắt đầu ngáp dài. . Khi người đàn ông không phải để hết tâm trí lo một việc họ đã bắt đầu uể oải rồi đó, bắt đầu buồn rồi đó.

Pascal viết : « Không gì con người ít chịu nỗi bằng ở yên hoàn toàn, không đam mê, không công việc, không giải khuây, không chủ thú. Khi đó con người cảm thấy mình hư vô, bị bỏ rơi, thiếu thốn, bị lệ thuộc, bất lực, trống rỗng. Lập tức, từ đáy lòng con người trào lên sự buồn chán, đen tối, buồn phiền, bực bõ, tức tối, ngã lòng » (PASCAL, *Pensées*, édition Lafuma, Seuil 1963, n. 622). Con người có thể chịu đau khổ, chịu cực nhọc, nhưng con người không chịu nỗi sự trống rỗng của cảnh vô công rồi nghề. Con người ngồi yên, lập tức cảm thấy buồn chán. Buồn chán là cảm giác nói lên tình trạng vô vị của cuộc đời, thiếu công việc làm, thiếu công việc mình thích thú và hăng say.

Tóm lại, hễ con người không có công việc thích thú để làm, con người sẽ buồn chán. Không say sưa đắm thân vào công việc, con người lập tức cảm thấy sự trống rỗng và hư vô khủng khiếp của mình. Nhà tù sẽ trở thành ác nghiệt, nếu phạm nhân được cho ăn tử tế, nhưng lại không được nói chuyện với nhau, không được thư từ gì về gia đình, và không được đi làm công việc chân tay với các bạn tù khác. Trái lại nhà tù sẽ không còn đau khổ, nếu phạm

nhân có sách đọc, nhất là lại được học thêm và dịch sách như trường hợp cụ Phan - Khôi. Dumitriu viết : lưng, bụng, cò, có biết đau khổ là gì đâu, chính tâm hồn mới biết đau khổ, thành thử nếu cho tử tội uống say mềm thì họ không đau khổ gì khi bị hành quyết

Nhìn vào xã hội hôm nay, chúng ta thấy câu định-nghĩa « con người là một con vật buồn chán » rất đúng. Càng đỡ lo ăn lo mặc, con người càng buồn chán. Những ông chăm đi những nơi giải trí nhất định không phải giới lao động, nhưng là giới giàu sang : giới giàu sang thật là « rồi nghề », thong thả cả ngày, cả tháng, cả năm. Họ cần giải trí : giải trí đối với họ là một nhu cầu không có không được. Giới lao động nhất là những người đam mê nghiên cứu khoa học, trái lại, không cảm thấy cần giải khuây : bị bạn bè rủ, đôi khi họ cũng đi cho vui, nhưng không bao giờ cảm thấy nhu cầu giải trí.

B.— Có cách nào khuây buồn được chăng ?

Thánh Augustin đã nhận định đúng khi viết thời gian là cái luôn phải trôi mất đi. Người ta thú vị khi ngẫm nghĩ câu nói sâu xa của Heidegger : « Thời-gian-tính diễn-tiến thành thời gian khi tương lai đi vào quá khứ chính lúc nó vừa tới hiện tại » (Dẫn trong MERLEAU-PONTY *Phénoménologie de la perception*, p.480-481 : « La temporalité se temporalise comme avenir-qui-va-au-passé-en-venant-au-présent »). Tương lai chuyển thành hiện tại, nhưng như thể nó đi về quá khứ rồi đó. Nó vừa đầy cái hiện tại đứng trước nó vào dĩ vãng, và nó sẽ đi tiếp vào dĩ vãng. Nhận định của Heidegger gần như

rập lại tư tưởng xa xưa của Thánh Augustin trong hai câu sau đây : « Khi tôi nghe hay hát một bài ca, sự phát âm càng tiến đến chỗ hoàn tất, thì hiện-tại càng ném tương lai về quá khứ : quá khứ được giàu thêm do sự mất mát của tương lai, cho đến khi cạn tương lai và mọi sự trở thành quá khứ » (St AUGUSTIN, Les confessions trg 226). Như vậy hình như hiện tại chỉ có công việc đó thôi : mức tương lai đổ về quá khứ. « Sự chăm nghe của tôi luôn hiện-tại đối với bài ca, nhưng do sự chăm chú hiện tại đó mà tương lai đã đi qua để đi vào dĩ vãng (Sđ, trg 227).

Sự phân tích trên đây chứng tỏ nếu con người sống bám vào thời gian vũ trụ, tất phải cảm thấy một sự mất mát luôn luôn. Trên đây ta đã nhận thức tính chất buồn chán của con người : hễ con người ngồi tay ngồi trí là rơi vào buồn chán ngay, bởi vậy con người cần tìm cách giải khuây. Nhưng thánh Augustin và Heidegger lại vừa vạch cho thấy mỗi giải khuây là một khai sinh kèm theo một khai tử. Càng vui khi hết càng buồn : sau ba ngày tết là những ngày buồn thiu. Mà buồn thì lại phải tìm cách giải khuây.

Chính đây là cái vòng lẩn quẩn của chàng Don Juan : càng buồn chàng càng hăm hở chạy kiếm hoa thơm cỏ lạ để giải khuây ; nhưng càng giải khuây, càng cảm thấy trống rỗng thêm mỗi khi tàn canh. Phải chăng giọt tranh càng rơi xuống lỗ dưới đất, càng khơi rộng lỗ đó và không bao giờ đờ đầy hết ? Pascal có con mắt quan sát tinh khôn : « Giải khuây. Con người không sao chữa được cái chết, sự cơ cực và sự dốt nát, nên

đã tìm cách không nghĩ đến những cái đó nữa để mình được hạnh phúc » (Pensées, n. 133). Pascal đã viết nhiều về giải khuây (divertissement) và đã đề lại cho chúng ta những nhận định sâu sắc, chẳng hạn như những câu : « Do đó người ta ưa tiếng động và những biến cố. Do đó tù ngục là một cực hình ghê sợ, và không ai có thể khoái ở yên tĩnh một mình. Và cũng do đó cái sướng nhất của các bậc vương đế là có người luôn lo tìm cách giải khuây cho các ngài, mang lại cho các ngài không biết bao nhiêu là cách giải trí. Ông vua được bao quanh bởi những người chỉ có việc lo giải khuây cho vua, đừng bao giờ để vua phản tỉnh nghĩ đến thân mình : vì như thế, mặc dầu là vua, ông sẽ khổ thân lắm mỗi khi ông nghĩ đến thân mình » (Sđ. n. 136).

Như vậy đã giải khuây, thì phải giải khuây liên li, không ngơi. Nhưng làm sao không ngơi được ? Nếu giải trí không ngơi, con người sẽ chết ngộp, sẽ mệt lử. Thực ra nói giải trí không ngơi là nói một điều mâu thuẫn, vì giải khuây có nghĩa là đưa mình ra khỏi một bận tâm nào đó để hướng về một bận bịu khác. Đó cũng chính là nghĩa chữ *divertissement* của Pascal (*di-vertir* bởi *de* và *versus*). Như vậy những cuộc giải trí chỉ giả khuây con người khi con người dùng chúng theo đúng bản chất của chúng : khuây đi một lúc, ngoảnh đi một hồi thôi. Còn như suốt ngày tháng lẩn lộn trong những cuộc giải trí, thì những cuộc giải trí đó trở thành liên tục : khi đó, chúng không giải khuây nữa, mà còn cần cái gì khác để giải khuây, để ta khuây đi khỏi chúng, ngoảnh đi khỏi chúng. Nhưng vì con người « chơi bời »

đã hết nghị lực để trở về những nhiệm vụ của một người tử tế, nên họ đánh cờ vui đầu một cách tuyệt vọng vào những cuộc chơi. Không chơi, họ sẽ thấy buồn vô hạn, mà làm việc đàng hoàng như những người hân hoan trong xã hội thì họ không còn can đảm nữa.

Như vậy giải khuây không làm khuây được nỗi buồn muôn thuở của con người. Trái lại, xem ra những cuộc giải trí theo nghĩa thông thường của chữ «giải trí lành mạnh» được dùng ít lâu nay, chỉ tỏ khơi thêm cái buồn nao nao. Con người cần cù yêu nghề, tận tụy với gia đình, thường không cảm thấy cần đến những cách giải trí lành mạnh kia. Và những vui buồn của cuộc sống, những biến cố của bản thân, của gia tộc cũng như của quốc gia, quốc tế, đã quá đủ làm bận lòng họ, làm gì còn chỗ cho cái buồn từng đòi hỏi mấy giờ đi chơi? Những truyện vui truyện buồn trong gia đạo là những cái làm khuây lòng họ rồi. Có đưa

gia đình đi coi chiếu bóng hay tuồng hát, có đưa gia đình đi «uich-ken», thường khi không tại nhu cầu cho bằng muốn hợp «thời trang». Cuộc đời như thế hầu như không có chỗ hong đờ cái buồn chen vào. Còn như những người «lang bạt kỳ hồ», cuộc sống trôi nổi và trống rỗng, không có xây dựng, không có dự tính thì những cuộc giải trí đã nối tiếp nhau như những thời gian rỗng theo nhau trôi vào dĩ vãng. Đối với họ, định nghĩa thứ nhất của thời gian mà chúng ta nêu lên trên kia thật là ứng nghiệm: quá khứ đã qua, tương lai chưa có, hiện tại thì luôn chạy mất hút vào quá khứ. Cuộc đời của họ là một chứng nghiệm về trống rỗng, hư vô, buồn chán. Và càng chơi, càng buồn, càng trống rỗng.

(Còn tiếp một kỳ)

Kỳ tới : Loại thời gian được coi là không mất đi.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

HIỆU THIÊN-THAI

(mạch nha, kẹo gương)

192, đại lộ Quang-Trung — QUẢNG-NGÃI.

Chủ-nhơn : Bà NGUYỄN-ĐÌNH-QUANG

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HIỆU NGUYỄN-VĂN-TẬP

(bán bông kiềng, cây ăn trái)

241, đường Nguyễn-Trái — Chợ-lớn (Bầu-Sen)

thơ ĐÔNG - HỒ

Gởi lòng NGUYỄN - ĐẢN

Vũ trụ mang mang trời đất
Thời gian dằng dặc đêm ngày
Một thoáng cổ kim chớp mắt
Nghìn thu dâu bể trao tay

Nắng hồng ngả úa dài mây
Suối biếc buông dài thương nhớ
Tuyết sương lạnh cánh hoa gầy
Có những hồn xuân nức nở

Quen lạ Kinh thành gặp gỡ
Gần xa cách mấy biên cương
Xuân tin ngập ngừng phong mở
Phương tâm ngần ngại đưa hương

Mực đau chữ xót Văn chương
Vườn mộng mùa lòng khép chặt
Tài hoa lạc lõng bước đường
Có những hồn xuân se thắt

Châu ngọc long lanh khóe mắt
Bài thơ xuân sẵn muôn vần
Tê buốt lòng tay hừng nhật
Ủ cho tròn mộng Thi nhân

Từ trong thăm thẳm Tiên thân
Lắng nhịp tim Đời thánh thót
Nghe lời Thế hệ ân cần
Có những hồn xuân chua xót

Sao chẳng bờ tràn mưa ngọt
Cho nhìn gió ngát cỏ xanh
Sao chẳng vườn Trời chim hót
Cho nghe nhạc phở Thanh bình

Cách thiệp Hoa niên nắn nét
Gởi lòng Nguyên đán băng trinh

Thơ sầu đừng đọc ngày Năm mới
Giấy xếp tờ thơm mực kết tình

thơ BÙI - KHÁNH - ĐẢN

Thi hội tân-niên

*Xuân vương vương hồn say siêu hương
Muôn sắc đua tươi, gấm dệt đường
Châu ngọc ngàn xưa bình mộng ảnh
Mây trời bốn cõi xóa biên cương
Gác Đàng gió-hẹn hoà đôi vắn
Lầu Hạc thơ-đề thẹn một chương
Thanh khi chấp chờn dang bến nhạc
Sương long lạnh, lòng ai chiêu dương*

Gửi bạn

gửi Đ.T.

*Năm chục năm thừa, anh với tôi
Thường mơ tay ngẩn nư sao trời
Cố quên niềm hận con đường tối
Vẫn thấy lòng thương bóng lá rơi
Sử sách đã lắm ai một hội
Án tình còn lụy kẻ đôi nơi
Đèn khuya chép lại trang chìm nổi
Gió lạnh đưa qua tiếng thở dài*

Đoàn - Thêm

Những ngày mây vẫn lảng phương xa
Chưa thấy chân trời mở lối ra
Cúc nở cho quên nhiều chuyện mới
Xuân về để nhớ một năm qua
Bóng cây dài nắng chờ cơn gió
Ngọn bút theo dòng đuôi tiếng ca
Chẳng biết đi đâu tìm chút mới
Chợ chiều, ai rủ khách xem hoa

Vẫn thế, chen chân mấy ngã đường
Hội lan phơi nắng giữa mùa sương
Hoa quên năm tháng, cảnh khó nhưa
Người trái sông hồ, mắt cạn thương
Tươi héo mang về dăm bầy đóa
Buồn vui đem gửi một hai trương
Gặp nhau bỗng nhớ trời mưa bụi
Chẳng nói, nhìn mây tỏa bốn phương

Xuân về ấp chị

Vành tròn mặt trời gần chạm vào đỉnh núi. Cái mặt trời đỏ như máu, to như cái nia, chiều nào chị Quyên cũng đứng nơi cửa nhìn từng bước đi của nó. Chừng như chị đã mỏi chân rồi mà nó vẫn chưa chịu lặn xuống núi.

Chị Quyên thích tựa cửa nhìn mặt trời lặn. Cả một vòm trời phía núi đỏ hực như than hồng trong bếp. Gió chiều thổi dậy, xoáy tròn những cơn rơm còn sót lại trên sân lúa. Gió nhuộm sương, lạnh ngắt. Thế mà cái vòm trời đỏ rần-rạt kia, vừa khiêu khích, vừa khó chịu vừa làm chị buồn bã một cách êm đềm. Bà ngoại có lần nói với chị: «Mặt trời đỏ lòm đỏ lét thế kia là điềm còn giặc còn giã, khổ lắm con ơi». Nhưng chị Quyên không tin điềm gì cả. Có giặc hay không là bởi lòng người ta sinh ra. Mà có lẽ, chị nghĩ, hầu hết việc gì cũng tại lòng mình mà ra cả.

Chị Quyên bỏ vào nhà, đi xuống bếp. Chị đặt thêm hai cây củi nhỏ vào lửa đang cháy. Lửa bắt thêm cây khô, reo vui lách tách. Màu lửa ôm quanh nồi, vàng hoe, không giống cái mặt trời sắp lặn vô núi của chị.

Ở nhà trên, má chị đang thắp đèn ngồi lựa những hạt đậu xanh tốt để vô bao. Má từ xưa tới rày vẫn kiên nhẫn như thế. Má có thể ngồi tới nửa đêm để lựa đậu, có thể ngồi bằm rau lang



hàng giờ rồi nấu cho heo ăn. Má ít nói và lo công việc nhà rất tươm-tắt. Chưa khi nào chị thấy má rời xa nhà đến hai ngày. Vì vậy mấy hôm nay, trong ấp có mấy người đàn bà lẫn đàn ông bị mấy (ông) bắt lên rừng học tập làm má rất lo sợ. Ấp xa quận lỵ đến mười tám, mười chín cây số, từ hơn năm nay coi như là không thuộc bản bên

nào. Khoảng đôi mươi ngày một tháng thì có một cuộc hành quân của quận vào trong ấp của chị. Linh của quận dừng lại ấp chị vài ngày rồi lại rút về quận. Ban đêm mấy ông trong rừng lại ra nấu cơm ăn ở ấp và « kêu gọi » mọi người trong ấp ra một cái sân lúa rộng để mấy ông nói chuyện.

Có đêm mấy ông chẳng có nói chuyện gì, mà chỉ tụ tập lại để xem văn nghệ. Mấy ông gọi là trình diễn văn nghệ giải phóng. Có đàn, có hát; mấy cây đàn mandoline và mấy bài hát nào đâu nghe thật lạ tai. Ai cũng nô nức đi xem, vì người ta không muốn phải mang gạo vào núi học tập để rồi bị bệnh thủng và rét.

Nghe đâu mấy ông nói sẽ dành cho đồng bào tự động tham gia một chiến công để mừng Xuân.

Chị Quyên có chạy qua ông Cả Hương hỏi, nhưng ông Cả Hương ngập ngừng rồi trả lời :

— Chẳng biết việc gì, cháu tò mò làm chi.

Chị Quyên in lặng trở về hỏi Ba, Ba nói ba không biết. Chị Quyên hỏi thêm thì Ba gay gắt nạt chị :

— Con gái không lo kim chỉ vá may. Lo hỏi chuyện chiến tranh giặc giả làm gì? Chuyện của thiên hạ, có ai mượn mày lo đâu có?

Chị Quyên nhớ hết, cái vẻ mặt éo húa của Ba vào một buổi chiều Ba từ sân lúa bên kia sông Bà Phù đi về. Má hỏi ba :

— Mình còn được mấy xe vậy Ba tụi nhỏ?

Ba không nói gì, cứ cầm cây chìa,

ba mà đi thẳng vào nhà, Má đi theo, lập lại câu hỏi. Ba cũng chẳng nói gì. Ngồi trên phản, Ba mở hộp thiếc đựng thuốc ra rồi vẫn thuốc hút. Má nôn nóng :

— Chứ chẳng còn được xe nào sao?

— Còn chớ. Còn 4 xe. Mấy ông mua 6 xe. Có tiền đây.

Ba thò vào túi áo lấy ra một miếng giấy mỏng, màu vàng, gấp làm tư. Ba mở giấy ra đưa cho má xem. Tấm giấy to bằng bàn tay, chữ đánh máy và chữ viết tay trông không rõ ràng. Phía dưới một con dấu tròn màu đỏ, lèo ngoèo một chữ ký.

Ba ngồi im lặng hút thuốc, mồ hôi chưa ráo trên hai vành môi. Má cầm tờ giấy, tờ giấy có giá bằng số tiền của 6 xe lúa. Má giận run cả nước mắt, hỏi Ba :

— Sao Ba tụi nhỏ không bảo mấy ông mua hết 10 xe?

— Đâu phải. Như vậy nè. Bốn xe đó để mình lấy lại vốn và thanh toán nợ nần với công thợ gặt hái. Thôi má sắp nhỏ đừng hờn lầy gì nữa, thời buổi này, cầu sao cho được mạnh-giỏi là quý hóa rồi.

Cái cảnh bán lúa thiếu ấy để gọi là ủng hộ mấy ông giải phóng lần lần trở thành quen thuộc. Mấy ông dồn lúa vô bao rồi vác đi đâu xa lắc, không ai biết được.

Trong ấp, người ta bàn tán nhiều về những vụ bán lúa ấy. Chuyện tới tai quận. Quận cho lính hành quân qua sông Bà Phù để đem lúa về. Tức thì ngay ngày hôm ấy, mấy ông phá nát cây cầu sông Bà Phù và rạo ống loa :

— Ai làm lại cầu, chúng tôi bắn chết.


Một số thợ và chủ ruộng bị kẹt bên kia sông. Trong vụ đó, có Ba. Ba bị kẹt ở bên đến nửa tháng mới trở về. Ba lập lại lời của mấy ông cho má nghe :

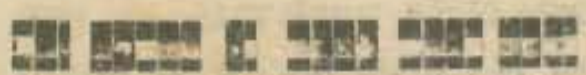
— Mấy ông bảo đồng bào gặt lúa rồi để bên đó, không được đem qua cầu. Lúa đập ở đó, rê ở đó, mấy ông phụ làm cho mau. Xong thì mấy ông chia phần về mà trả nợ, còn lại thì mấy ông mua. Và... nếu tui tui không đủ tiền trả thì tui tui làm giấy thiếu.

Chị Quyên tưởng tượng đến những cánh ruộng đặc sánh lúa vàng, trông thêm như sữa ngọt. Những sân đập ráo cát, chắc nịch thấy mà ham. Những mùa năm trước, chị và hai thằng em theo Ba má qua sông Bà Phù. Ở đấy, thợ gặt mang lúa về vun cao như đống núi. Chị thấy đôi mắt má sáng lên, chân tay má quẩn quít. Má vui lắm nhưng má chẳng nói gì. Ba thì dùng đòn xóc cào lúa đập thành vòng tròn cho hai thằng em chị dẫn bò đi đập cùng với mấy người thợ. Bên kia sông bà Phù vui lắm, chị Quyên ở suốt ngày bên đó mà chẳng thấy mệt. Đến trưa chị nấu cơm cho thợ và ba má ăn. Cơm nấu trong hai cái nồi đồng to, rồi đổ ra trong những cái rồ mà dọn ngay trên sân đập. Cơm bốc khói thơm phức. Thợ chang nước cá kho, và cơm, cần mỗi lần đến nửa trái ớt sim, hít hà. Chị Quyên thấy họ ăn thật ngon và thật khoẻ mà thèm. Đến chiều, gió thổi liu riu. Má đứng trên ghế cao, rê lúa. Lúa bay loà xòa trong gió. Bóng má đồ dài trên sân trông thật đẹp. Hình dáng má in rõ trên nền trời giống như một bức tượng biết cử động.

Buổi tối, con trăng mừng sáu sắc nhọn

và cong vòng như lưỡi hái. Trên các sân lúa, lập loè những ngọn đèn chai. Ba ở trong chòi để giữ lúa, còn chị theo má trở về nhà.

Cái cảnh nên thơ nhẹ nhàng ấy bây giờ chị khó tìm thấy lại. Tình hình bất an trong ấp mỗi ngày mỗi nặng-nề, mỗi ngày mỗi níu kéo tâm hồn người ta xuống thấp. 

 Mấy ông trong rừng, cách năm ba hôm lại về ấp. Có khi một tiểu, có khi một trung. Có người mặc đồ đen, có người mặc đồ giống in lính của quận. Họ đều mang dép cao su đen, buộc chặt cứng vào bàn chân. Chị Quyên thấy mặt mày người nào cũng xanh như tàu lá. Súng người nào cũng cũ và dây súng có khi làm bằng sợi giấy thun to bản màu đen. Chị Quyên

không dám nhìn lâu, nhất là cái nòng súng. Cái khoanh tròn nhỏ kia, hễ ngó tới là chị Quyên bắt lạnh người. Nó sẽ khạc đạn ra, nó sẽ nổ doanh doanh, sẽ làm cháy máu cháy thịt chứ chẳng vừa. Chị Quyên không hiểu sao mấy đứa em chị dạn quá chừng. Chúng cứ bu theo, đòi cho đeo súng và xin bắn thử một phát.

Mấy ông nhiều khi ngủ lại ấp tới tảng sáng mới chịu rút vô rừng. Nằm dưới hầm, hai bên nòng mũi đất, chị Quyên lại tưởng tượng tới cái nòng súng. Hai bên sẽ đụng nhau ngay trong ấp, đạn sẽ ạc? Những cái nòng súng như những con ác quỷ. Những con ác quỷ bằng sắt, điên khùng và thật là say sưa hư đời. Chị sẽ ngã ra mà chết giắc, nếu trong bóng tối, chị chạm phải nó. Nó chẳng khác gì ma, nó như hồn oan biết khóc biết cười và biết ru con trên những cây me ở đình ông Tạng. Những nòng súng, nhỏ, mà ghê; cậm như hến mà đến lúc lóe lửa ra thì kêu to như kẻ mất trí. Chị Quyên tự nhủ: mà nghĩ đến nòng súng làm gì nó đen ngòm, nó xấu xí, nó chẳng làm tâm hồn chị tươi sáng thêm được chút nào.

Lửa reo vui trong bếp lách tách, lách tách. Có tiếng bánh xe bò lăn lúp cụp ngoài sân, lác lỏng và quạnh hiu. Chị chạy ra phụ với ba ôm củi vào nhà. Những cành củi đã khô, cong queo còn nguyên dấu dao mới chặc. Thằng Hồ trên xe phóng xuống, cởi dây cho bò thành thoi ngậm cỏ. Trời muốn tối. Gió se sắt, bắt chợt chị Quyên run mình thích thú, chị nhìn vô hướng núi, ngẫm nghĩ: « Tự động tham gia chiến công để mừng xuân nghĩa nó ra làm sao nhỉ? ».

Một tay cầm đèn chai, một tay xách bình nước nơi vòi có móc cái ca thiếc, chị Quyên đi vội vã qua các đám ruộng vừa gặt. Dọc theo quốc lộ chạy ngang ấp chị, mười mấy cây me to, không lồ đứng sừng sừng. Dưới mỗi gốc me tiếng cưa xẻ gỗ rền rẹt, đều đều. Đang, ngờ ngác, chị bỗng nghe tiếng kêu:

— Quyên, tìm Ba mầy hả. Tới đây con.

Tiếng kêu từ cây me đầu ấp, ngay cạnh vòng rào chiến lược. Chị nhận được đó là tiếng kêu của ông Cả Hương, bạn thân nhất của Ba. Chị Quyên cầm đèn tiến đến đầu ấp. Ông Cả Hương lại dòn dĩa tươi vui:

— Nước trà đó hả Quyên. Con nhỏ coi vậy mà giỏi chớ.

Ba cũng ngừng tay, đưa vạt áo chùi mồ hôi trán:

— Đẻ nước đây rồi về đi con. Về thằng nhà nghe Quyên. Ngoại, má mầy, với thằng Hồ thằng Tèo ngủ ở đâu?

— Dạ ở dưới hầm cả.

— Về dặn năm hầm miết tới sáng. Tao với Bác mầy cưa xong cây này là về nhà chớ chẳng có làm chuyện gì nữa.

Chị Quyên đặt bình nước cạnh hai người. Chị muốn hỏi thêm điều gì nhưng hai « ông » mặc đồ đen mang súng đứng bên cứ nhìn chị chăm chập. Con trắng hai mươi gần muốn lặn vào núi, ngờ ngác nhìn xuống. Ánh trăng mờ ảo, đủ để chị nhìn thấy hai cái nòng súng. Bất ngờ, một luồng gió lạnh từ hướng núi riết chặc vào người chị. Chị trần mình. Chị sợ gió lạnh hay sợ cái nòng súng đen đũi, tròn hoay kia? chị co người lại rồi vội vã bước về nhà. Chị đi ngang qua những hàng rào tre, những hàng dừa im lìm trong tối, những

căn nhà im lặng không một chút ánh sáng. Đi ngang nhà ông Hương cả, chị lại thấy hai người phe trong rừng bỗng sùng, ngồi hụp dưới bờ mương. Chị giả vờ bước mau hơn. Tim ngực đánh thành thịch như gặp ma. Gió buổi khuya lạnh, lạnh quá, chị Quyên nghĩ tới Ba và ông Hương Cả, cùng mấy người đàn ông trong xóm đang cưa cây ngoài quốc lộ.

Bước vào nhà, chị Quyên cài then cửa lại rồi vội vã chun xuống hầm nằm bên cạnh bà ngoại. Ngoại rờ tay trên trán chị, hít hà :

— Coi chừng bị cảm con ơi. Lạnh ngắt thế này.

Chị Quyên thì thào :

— Con sợ quá đi ngoại.

— Con gặp mấy ông hả ?

— Gặp mấy ông, thấy hai cái nòng sùng con muốn xỉu.

Bà ngoại ôm chị vào lòng. Bà ngoại đã trên 60 tuổi, vậy mà chị thấy bà ngoại như còn trẻ lắm, còn nhiều sức mạnh và hơi ấm để chị nương tựa, bầu vịu.

Má nằm bên cạnh ngoại, hỏi sang :

— Ba mày gần về chưa Quyên ?



— Con không biết được. Nhưng coa đoán có lẽ gần tới sáng ba mới về.

Má thở ra :

— Không biết có chuyện gì nữa. Sao má thấy lo quá. Giặc giả gì mà khổ muốn chết người được. Thiệt cần rặng mà sống với cái thời buổi này.

Rồi má im lặng. Cái im lặng của má

cũng giống cái im lặng của ba. Sự im lặng chịu đựng vì không tìm được cách giải quyết. Sự im lặng dật dờ trôi trên giòng ngày tháng mỗi một, chờ đợi một sự yên ổn để chăm nom ruộng lúa, hoa màu.

Bất giác chị Quyên thở dài. Cái cảnh nằm hầm thế này chị đã quen, quen đến nỗi dường như người ta không trông thấy. Song chị thấy tủi. Chị muốn khóc. Khóc mới sướng, mới hả hê được con sâu buồn vô hình vô dạng ray rứt lòng chị. Hai mươi Tết rồi còn gì, những ngày gió bắc khô cháy bụi bặm trở về ấp. Mấy năm trước chừng này là trong ấp vui lắm chứ. Người ta thức thật khuya để làm cơm. Bắp khô nổ dòn tan trong nồi. Những hột bắp nở ra như một cánh hoa, trắng phau, nhảy tung tăng, chạm vào nồi lộp độp. Người ta thức thật khuya để làm bánh chưng, bánh tét. Ngồi bên bếp than hồng, nghĩ tới ngày mai mang bánh xuống quạu, sẽ được ngồi xe Lam trên một đôi đường xa, nhìn cây cảnh, thì chao ôi là thú vị ! Hạnh phúc đối chị thật đơn-giản gọn-gàng. Ngày Tết, may cho thằng Hồ một bộ py-ra-ma rắng : thằng Tèo một cái quần cô bồi, một cái áo ny-lông. Tụi nó sẽ mừng, sẽ theo phe chị suốt ngày, sẽ làm bất cứ việc gì khi chị sai đến chúng. Nhưng đến giờ này rồi, chị vẫn chưa đủ tiền may áo quần cho chúng Ba má lo phiền cảnh bán lúa thiếu,   Mấy người già cả thì ai cũng bảo Tết này khổ gay, khổ chảy máu mắt. Chớ có nên sắm sửa gì ráo. Chị Quyên đâm lo, chiến công mừng Xuân nó vinh quang thế nào, chị chưa được biết nhưng thấy sợ sệt.

Đang mơ-hồ, vắn vơ những ý nghĩ rời

racuse, chị Quyên bỗng nghe tiếng cây đổ ngoài lộ vang về, yếu ớt, Một chốc thì dường như có tiếng ngói đổ và tiếng lửa nổ lạch bạch. Chị bò lên miệng hầm, hé cửa nhìn ra phía quốc lộ. Một vùng lửa đỏ bốc thành ngọn, cao vút. Tàn lửa bị gió thổi nâng lên cao như muôn ngàn pháo bông. Lửa sáng cả một ấp, mập mờ những mái nhà tranh, những tàng cau vươn mình đứng thẳng chứng kiến. Trời vẫn còn tối. Con trăng khuyết lặn mất tự hồi nào. Chị không nghe được tiếng cười nói. Con Vện nhà thằng Hưng chạy ra đứng trước ngõ. Nó ngược mặt về phía lửa, nghênh đuôi, sủa khan mấy tiếng rồi im.

Chị Quyên chạy vào nhà, gọi ngoại, gọi má. Hai tay chị đập trên vai hai người:

— Có lửa cháy, ngoại ơi, má ơi.

Má hốt hải chồm mình dậy:

— Ở đâu Quyên, gần nhà mình hả.

— Chạy ra mau, kêu thằng Hồ thằng Tèo dậy, bà ngoại hoảng hốt nói.

— Không phải, ở ngoài quốc lộ, Xa nhà mình. Ngoại với má ra coi.

Ba người đứng nơi liếp cửa. Ngọn lửa gặp gió, hổi hả bốc cao. Khói dựng thành cột.

Má muốn khóc.

— Ba mầy ở ngoài đó Quyên. Làm sao chạy ra thử. Bà ngoại cầm vạt áo chùi nước mắt.

— Tao già chừng này tuổi mà còn khờ. Tao khóc thương tụi bây.

Bà Hương Cả bên nhà, chạy qua đứng bên má.

— Ông Hương nhà tui cũng kẹt ngoài đó. Làm sao chị.

Chị Quyên nửa lo, nửa mừng:

— Có lẽ không sao đâu má. Chắc phải rồi. Mấy ông đốt trụ sở của ấp. Mà đốt bằng xăng hay chất rơm gì đó nên lửa cháy tốt ngọn quá. Bà với Bác Hương đâu có làm gì. Con thấy hai người cựa cây đề chặn ngang quốc lộ thôi mà.

oOo

Bây giờ là 29 Tết. Một tuần lễ trôi qua. Một tuần lễ dọn nhà ra khỏi vòng đai ấp chiến lược. Như vậy đồng bào trong ấp — trong đó hẳn nhiên có gia đình chị Quyên — đã tự động tham gia lập chiến công để mừng Xuân. Mấy ông nói gì đó nhiều lắm, có những tiếng cao xa và lạ lùng lắm, chị Quyên không hiểu và không nhớ hết được. Đại khái chị đề ý được mấy câu. Mấy ông dặn đồng bào không được ở trong cái vòng đai chiến lược nhục nhã của quốc gia làm ra để nhốt đồng bào, buộc đồng bào phải bỏ ruộng đất hoang, mất mùa màng, mất huê lợi. Chúng tôi đến đây « giải phóng » đồng bào ra khỏi cái vòng rào tù ngục đó, để đồng bào « tự do » mà sanh sống làm ăn.

Chị Quyên không muốn nhớ thêm những lời nói đó. Chị cảm thấy sự thật nó trái trái, ngang ngang sao đâu. Cái ông trong rừng, đứng ra đề nói mấy câu đó, có cái trán thấp và cái đầu vồ ra phía sau. Một tay ông chằng giây súng đeo vai, một tay ông đưa lên đưa xuống làm điệu bộ. Mấy đứa con gái trạc tuổi chị, đầu đội nón to vành, mặc bà ba đen, đi quanh đám người ngồi họp. Thỉnh thoảng vỗ vai người này người

nọ, ra chiều thân mật.

— Bà con lắng nghe, đừng nói chuyện riêng. Đề mà hiểu đường lối giải phóng của tụi tui.

Ngày đầu làm chiến công phá ấp, có mấy người tiếc ngôi nhà ngói mới cất và khu vườn sum sê mãn cầu, không chịu dọn đi. Mấy ông cho là có óc quốc gia, liền cho đặc ân dọn đồ đạc ra rồi chất rơm đốt. Cột kèo cháy rưng rức, đồ xuống ngồn ngang mặt đất. Ai cũng sợ cảnh tượng đó mà dọn nhà ra ruộng.

Ba chị và ông Hương Cả chọn miếng đất trống bên mé đình Ông Tạng. Ở đó có hàng chục cây táo quì, sai trái tươi vàng. Trưa ngồi trên thân cây, vói tay hái táo, ăn không hết thì bỏ đó, chứ không thể nào đem xuống quận bán được. Con đường đã bị chặn lại bằng những thân cây me khổng lồ, những cây me có hơn mười năm qua, không ai muốn chặt nó. Chị nghĩ là đã mất đi một niềm quen thuộc của ấp, một bóng dáng tươi mát của ấp. Quốc lộ ngày trước trơn láng, chào đón bao nhiêu xe Cộ qua lại, bây giờ cô độc buồn hiu. Từ đêm lửa cháy rần rật trụ sở ấp, ngôi trường cạnh đó kè như dành cho ma ở. Thầy giáo bỏ trường, học trò ở nhà đề phá ấp. Bọn chần trâu phá cửa vào lớp, dậm bàn ghế gãy tứ tung. Chúng bức những câu cách ngôn trên vách quàng vào người làm vòng hoa chiến thắng. Chúng cầm sớ lớn của thầy giáo ra đọc diễn văn. Đọc một hồi chúng đốt sớ, chia hai phe đánh nhau và chửi tục. Ghê thật, bọn chần trâu được nước đề làm vua một cõi.

Mùa Xuân trở về ấp chị như một đoạ đày từ tiền kiếp. Gần đến trăm cái

chòi tranh rã rác theo mé ruộng mé sông, dưới những bóng cây đa, bóng cây dứa. Nhà thằng Hưng chưa dựng được mái che, đồ đạc chất lênh kênh trên một cái ván. Tối đến hai mẹ con nó ngủ ngoài trời, đánh liều với gió độc và đại bác. Quanh chị, cảnh màn trời chiếu đất giống cảnh lụt lội nhà trôi người chết.

Chị Quyên nhìn vào ấp. Mới ngày nào còn những mái tranh vách đất nhỏ nhỏ xinh xinh, có ao thả cá, có vườn trồng rau... Bây giờ là bình địa, nơi cháy, nơi nát, xiêu vẹo, tróc nền, tróc vách. Căn nhà chị trong đó, cái hầm đêm đêm nằm ngủ trong đó, bây giờ có còn cái gì không.

Phải, mấy người lớn tuổi trong ấp nó phải, Tết này chẳng nên sắm gì ráo. Cái vòng đai chiến lược của ấp cháy nát thế kia, trăm căn nhà bốc giờ ra ruộng thế kia... Vậy mà chị Quyên vẫn không đoán được cái chiến công mừng Xuân nó đen trắng thế nào.

Buổi chiều lên thật mau. Mặt trời gần lặn vào núi, già từ một năm cũ. Ngày mai, ơi, ngày mai mơ hồ, đơn côi, bắt đầu một năm mới. Vùng trời sáng mây đỏ rực phản chiếu xuống mặt sông. Gió bắc khô héo buồn tênh thổi dạt-dào trên mặt ruộng. Chị Quyên đi lại bàn thờ ông ngoại cảm hương rồi vái lăm thẳm.

Thằng Hồ đi vào nhà, trải chiếu xuống đất, nghiêng mình nằm ngủ. Chị Quyên hất chân vào mông nó.

— Hồ, ngủ dàu sớm vậy.

— Mai giậy sớm ăn Tết chứ chị. Em không thèm chơi với chị nữa.

— Sao vậy ?

— Tết chị chẳng may đồ mới cho em.

Chị Quyên ngần ngừ một hồi :

— Thằng Tèo nó có đòi đồ mới như em đâu ?

— Nó nhỏ, em lớn em phải có đồ mới chứ.

Chị Quyên ngồi xuống bên em, xoa tay lên đầu nó :

— Cả nhà chẳng có ai có đồ mới. Đừng có lầy nữa, nói biết nghe, chị thương.

Thằng Hồ ngồi giậy, nhìn chị rõ á ngại rồi nhìn lên bàn thờ. Ngọn đèn chong leo lét không đủ sáng căn chòi mới dựng. Bỗng nó chạy ra bãi đất trước nhà, reo lên :

— A, chị Quyên, ra coi. Bắn đèn sáng trưng, đẹp quá chừng.

Chị Quyên chạy ra, Hồ hỏi :

— Người ta bắn đèn để ăn Tết hả chị.

Đứng bên Hồ, chị đặt tay lên đầu nó :

Ừ, để ăn Tết, để mừng Tết đó, vui không ?

— Sao không đem tới xóm mình bắn mà bắn ở trong rừng, chị ?

Không nghe chị trả lời, Hồ xoay lại. Nó ngạc nhiên hỏi :

— Chị khóc hả chị Quyên ? Mai này Tết mà chị khóc hả.

Chị Quyên ôm Hồ sát vô lòng mình. Hồ kéo tay chị ngồi xuống.

— Chị đừng khóc nữa. Em hát chị nghe bài này, của thầy em dạy. Rồi Hồ cất tiếng :

«Làng tôi có cây đa cao ngắt từng xanh.
Có sông sâu lơ lững vờn quanh, êm xuôi về Nam. Làng tôi bao mái tranh san sát kề nhau, bóng tre ru bên mấy hàng cau...»

Chị Quyên đưa tay bịt miệng em lại :

— Thôi, đừng hát nữa em.

Một trái sáng nữa lại bắn lên không. Ánh sáng xoay vòng tròn, chiếu rõ chỗ ngồi của hai người.

Hồ reo lên, sung sướng, cầm lấy tay chị Quyên :

— Ăn Tết có bắn đèn đẹp quá chị Quyên. Sao không đem tới xóm mình bắn để mừng Tết, hả chị ?

VU-ĐOÀI

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Hiệu thuốc Âu-Mĩ

NHƠN-THẠNH

537, đường Nguyễn-Trãi — Chợ Lớn
(dược sĩ cô Lưu-Hữu-Tuyển)

NANCY

537, đại lộ Trần-Hưng-Đạo.— Chợ-quán
(dược sĩ : cô Liêm-Hữu-Dung)



Gió cuốn

Tôi đang lâm nguy. Cứu tôi với. Vực thẳm dưới chân rồi, trước mặt rồi. Tôi đang nhẹ nhàng, nhẹ nhàng rơi xuống. Tôi không gắng gượng được nữa. Ngón tay bầu vịu đã mỏi mệt. Đạo đức. Luân lý. Bồn phận. Anh Thuyên ơi! Con ơi! Má ơi!

Mơ hồ, xa xôi, những tiếng kêu cứu tuyệt vọng vang lên nơi đáy tâm-hồn. Tiếng vang thăm-thẳm. Bên tay tôi, ngọt ngào, giọng nói êm êm của Johnny:

— Liz... Cô dịu dàng... cô đẹp. Tôi không thể nào quên cô được. Đôi mắt của con chim Á-châu huyền-bí êm như nhung. Vâng, tôi không thể nào quên được... Những sợi tóc đen bay phất phơ trên làn da màu ngà... Tôi sẽ về miền California của tôi nhưng vĩnh viễn tôi không thể quên Liz được. Đóa hoa hồng mọc ở mảnh đất nhiều biến cố đau thương này.

Đôi mắt Johnny nhìn tôi dăm dăm, đôi mắt màu hạt dẻ. Bao nhiêu van lơn, thềm muốn, say đắm, dịu dàng đều có đủ trong tia mắt ấy. Nó đốt nóng da mặt tôi. Nó vượt ve đôi bờ vai. Tia mắt thôi miên! Tôi chao đi, như vụt-nhiên mất hẳn trọng lực. Bàn tay của Johnny cầm lấy tay tôi. Tôi yếu đuối lưỡng lự: không biết nên cứ để vậy hay là kéo tay lại. Lưỡng-lự là đã lâm nguy rồi. Tôi đã nhìn thấy vực thẳm rồi. Thuyên ơi! Anh ở đâu, sao không đến cứu em? Em muốn thủy chung với anh. Em không muốn phụ-bạc. Em yêu anh. Nhưng đồng thời em ghét anh. Em oán anh. Em thương hại anh. Anh xứng đáng với mọi thứ tình-cảm đó.

Em gọi lên khuôn mặt của anh : khuôn mặt biến dạng thoăn thoắt bởi những tình-cảm mâu thuẫn đó. Tuy nhiên phải nói là yêu anh thành thật vào giờ này. Thế mà anh vắng mặt. Từ ngày có con, chúng ta thường không có mặt cho nhau đúng giờ. Hoặc là chỉ có mình em. Hoặc là chỉ có mình anh. Chúng ta phải quên mình đi mà lặn theo cuộc sống, một cuộc sống nhọc nhằn và bị òi. Má ơi ! Má làm gì giờ này ? Má đang ngồi ở mái hiên chẻ từng quả cau bày trên nong lớn để đem phơi. Cái gương gọng bạc đậu trên mũi má. Hiên vắng và gió thổi nhẹ nhàng như những tiếng thở dài. Ánh sáng màu xanh lọc qua tàu lá cam lá ổi. Má nói :

« Hồi ba mày mất, má mới hăm một tuổi. Má ở vậy nuôi mày ».

Má ơi ! Con nghe rõ rồi. Má muốn dạy con điều gì trong suốt mười lăm năm khôn lớn ở cạnh má, con đã nhớ. Con đã thấy rõ, má ngàng mặt lên nhìn con. Đôi con mắt nghiêm và buồn và êm đềm sau lớp kính trắng.

Tôi vụt kéo tay lại. Và nói trong hơi thở :

— Không. Cám ơn Johnny.

Tôi ôm xấp hồ-sơ đi về phòng.

Liên hỏi, khi tôi vừa ày cánh cửa bước vào :

— Bị sắp « cạo » hả ?

— Không có.

— Không có sao ở lâu thế ? Sao mặt mày bơ phờ thế ? Tại này nó hay cạo vớ vẩn lắm. Nhất là thằng Mansfield. Mình phải cự lại tại nó. Em đã cự lại mấy lần rồi.

Mặt mày bơ phờ ! May mà Liên nó đoán sai. Liên nó có tính tự-phụ cho rằng cái gì nó nói cũng đúng, cái gì nó làm cũng phải. Có một thằng *fiancé* hàm vuông và bạnh ra như hàm một con hà-mã thế mà cứ khoe với chị em là hẳn giống Alain Delon. Chẳng ai dám cãi lại nó. Chỉ có sau lưng nó tại bạn thích cánh lè lưỡi mà nhắc đến « con hà-mã » của nó. Mỗi lần có chuông điện-thoại reo Liên lại cầm ống nói lên vừa nghe vừa cười nũng nịu trả lời là Phượng và Cầm Bình đã ngằm đưa mắt cho nhau. Thế nào một trong hai đứa cũng khẽ nói « *River-horse* » và đứa kia lại nói « *Horse-river* ». Rồi cả hai bụm miệng cười.

Liên nó vừa khôn vừa dại. Tự-phụ tự-đắc mà không biết người ta chế diễu mình sau lưng. May mà Liên nó đoán sai. Nếu nó bảo « Thằng Mansfield làm hôn chị hả ? Thế thì việc gì mà phải bần thần ? Trái đất chưa vỡ mà. Cứ giả vờ chịu đi. Dại lắm em ơi. Cứ giả vờ là yêu nó lắm lắm. Cứ bảo nó rằng mình nhớ nó không chịu được ». May mà Liên nó không bảo thế. Nếu nó bảo thế thì coi như sự việc đã xảy ra như vậy và ngày mai cả sở sẽ biết hết. Con Liên thật nguy hiểm. Nên tôi phải nói nịnh nó một chút :

Thằng Mansfield thật khó chịu. Nó không đến nổi cạo mình nhưng..... đồ cù-lần.

Tôi thật lúng túng khi phải bày đặt những sự kiện., những có đề chứng minh. Mình không quen nói láo. Có nhiều người vui miệng hay tạo ra những câu chuyện láo, láo nhưng rất hợp lý hợp tình, tự nhiên hơn cả sự thật. Tôi nói thêm :

— Đánh máy một bức thư, đầu mình có dự trù trước nhưng làm sao mà khỏi phải phần trên hoặc chừa trắng quá nhiều so với phần dưới, hoặc trái lại.

— Thối không chịu được, mấy thằng làm sếp. Ngay cũng chê; cong cũng chê, nhiều cũng chê, ít cũng chê. Thái độ chúng nó dùng để đối xử với nhân viên tùy thuộc ở không khí nơi gia đình của chúng nó. Hôm nào vợ thua bạc bỏ nhà bỏ cơm, hôm nào bị vợ chửi thì tới sở chuyên môn gây chuyện với nhân viên.

— Tôi cười :

— Đó là sếp Việt-Nam, nguồn gốc Giao-chỉ.

Liên cười theo

— À, em quên. Nhưng mà tại Mỹ thì cũng vậy. Thằng Hamilton sếp cũ của em đến bốn mươi hai tuổi đầu mới cưới vợ. Mà vợ nó, chị biết không, đã có đến sáu đứa con riêng. Sáu đứa con riêng, em lặp lại. Thật em chẳng hiểu cái lần chớp ái-tình quỷ quái nào đã đánh trúng nhằm nó đến nỗi nó phải lãnh, một cú một cả cái «đại gia-đình» như vậy. Lương hàng tháng lo gửi về nuôi vợ và bầy con của vợ. Nó ở Việt-Nam phải hà-tiện như một thằng Tô-cách-lan chính tông. Và gắt như một cô gái muộn chồng.

Liên ba hoa đã quên mất chuyện tôi và Johnny. Tôi ngồi lại bàn, mở cuốn Tự-điền Anh-Việt ra làm nhằm đọc và nhớ. Công việc không có gì nhiều, phải dùng thì giờ đọc sách dạy Anh-ngữ, văn phạm, Anh văn. Đó là những cuốn sách có mặt ở hầu hết mọi bàn giấy, ở công sở và ở tư sở, ở sở Mỹ và ở sở Việt-Nam. Ai cũng phải học tiếng Anh, mỗi ngày vài chữ. Có nơi người công-chức lo học Anh-ngữ quên cả quần chúng đang sắp hàng đứng đợi họ. Làm ở sở Mỹ thì học thêm Anh-ngữ không có vẻ lộ-liều là mình dùng thì giờ của sở để lo cho cá nhân mình Johnny thường khuyến khích nhân viên học thêm. Những lần đi Saigon về, hẳn hay mua sách tặng mỗi người một vài quyển.

Tiếng cánh quạt chạy vù vù trên đầu. Một tờ giấy đề không kỹ ở bàn giấy của Phượng cứ vù lên, bay rên rết. Tiếng máy đánh chữ lách cách, những tiếng đều đặn, không biến đổi, nghe thật buồn. Nó làm thành cuộc sống của mình.

Tôi nhìn ra cửa sổ. Qua lán lưới ni-lông màu trắng, cảnh vật lờ mờ. Không còn niềm vui háo hức của sự sống thật. Cửa lá màu xanh mát. Cửa gió làm rung rầy cành cây... Cửa những trẻ con chạy nhảy đùa nghịch trên đường. Cửa những người đập xích-lô bắp thịt no tròn ở đùi và bắp thịt vồng lên ở vai, ở hông mỗi lần rướn mình đập tới. Qua lán lưới ni-lông, màu sắc của cuộc đời nhạt đi và cử-động nhòa bớt. Tôi có cảm tưởng mình bị giam cầm.

Cầm Bình đánh máy một tay. Nó cầm cây bút chỉ có đầu tẩy gỗ xuống từng

chữ. Thật là thông thả, khỏi tức ngực, khỏi đau tim. Nó diện nhất sở. Có điều không được đẹp. Cái gì tạo ra nét xấu trên khuôn mặt Cầm Bình, tôi không thể nói được. Cầm Bình rất mê khiêu-vũ. Đánh lọc cọc được vài hàng, nó bỏ bút chì xuống, nâng lon coca lên uống một hơi. Rồi quay sang Liên :

— Hồi hôm Liên có đi coi đại nhạc hội không ?

— Có. Báo hại, tao mua giấy mất hai trăm đồng mà người ta xếp cho tao một chỗ ngồi trên balcon. Ở trên cao nhìn xuống, cô ca-si nào mặt cũng cụt thun lủn.

Chị Nhã có đi xem không ?

— Tôi trả lời :

— Có.

— Cô Thanh Tuyền hát hay nhỉ ?

— Vàng Hay.

Tôi nhớ đến đêm đại nhạc hội hôm. Đêm hát do Hội bảo-trợ binh-sĩ tổ-chức nên giá vé cao và vé được phân phối cho các Ty, Sở phải «liệu tiêu thụ sao cho hết». Vé ghi chỗ ngồi lộn xộn và ban trật-tự tổ-chức luận thuật nên cầm vé đến chỗ ngồi thì chỗ ngồi đã có người chiếm rồi. Bất đưa vé ra coi thì vé đó cũng hợp-thức như vé của mình vậy. Chạy đi xuống guichet xin đòi chỗ. Cô bán vé cần thận hủy hai vé chưa bán và ghi số ghế ngồi đó lên vé mình. Lò dò đi tìm đúng chỗ ghế thì lại thấy đầy đủ hai người đang ngồi « một cách hợp thức». Người soát vé chỉ hai cái ghế còn bỏ trống :

— Mời ông bà ngồi hai ghế này.

Thuyên rụt rè :

— Nhưng lát nữa có người cầm vé đến đòi chỗ thì tôi làm sao ?

Người soát vé mỉm cười :

— Ai dám đòi ghế ông bà ? Họ sẽ đi tìm tôi, nhưng ông bà tin chắc rằng khi đèn tắt thì tôi không còn có mặt ở đây nữa.

Câu trả lời hóm hỉnh làm tôi thấy vui vui. Ít nhất người này cũng biết khôi hài; một cách thông minh. Cuộc đời nghiêm-trang quá làm người ta khó thở. Lúc này ở cửa rạp, những người lính bắt khán-giả đàn ông đi vào phải giơ cao hai tay để họ lục soát, nắn thắt lưng và túi quần. Nếu biết trước được đải ngộ kiểu đó thì chắc ít đàn ông sẽ thích mua vé. Cả đàn bà nữa, mặc dầu đàn bà được coi là lương thiện hơn.

Một thanh niên tóc dài đi với người yêu của hắn vào ngồi trước mặt tôi. Cô ả vào tuổi học trò, nụ cười di thỏa. Ý hắn trốn cha mẹ vào ngồi ở đây. Anh chàng thì si-mê, vồn vã, chồm lên người yêu, nắm tay, quàng cổ, rờ vai, nói thì thầm. Bận rộn lao đao như anh nhạc-sĩ đánh jazz. Con người sung sướng ! Đam mê là một trạng thái sung sướng.

Cô ca-si ra hát đầu tiên, tên gì tôi quên mất. Ánh đèn sân khấu màu vàng. Nàng mặc áo dài xanh đậm, nơi ngực có kết một miếng plastron màu vàng. Trông hay hay. Giọng hát trung-bình nên tôi thông thả lưu-ý đến kiểu áo dài lạ mắt. Chợt đèn chuyển sang màu sáng trắng. Nơi ngực nàng không phải là mảnh plastron màu vàng, mà là cái áo dài để hở ngực, để lộ rõ phần trên của đôi vú. Da nàng thật trắng. Kiểu áo trông không đẹp nữa. Tôi tiếc cái kiểu áo đã trông lắm. Tôi tiếc mình không phải là chủ tiệm may để phát-hành kiểu áo dài plastron đã trông lắm đó.

Thuyên ngồi bên cạnh tôi. Giá vé quá đắt, chúng tôi có cảm tưởng mình bị khinh-miệt. Dân tỉnh nhỏ khao khát được chiêm ngưỡng những danh-tài thủ-đồ đến nỗi dù phải đi vay nợ để mua vé xem hát cũng sẵn sàng vay. Ban tổ-chức chắc có thể đã nghĩ như vậy.

Thuyên hay cười sung sướng, tràn đầy thỏa-mãn khi xem những hài-kịch diễn trên sân khấu. Điều đó làm tôi không vui. Diễn-viên đóng vai trò tự-nhiên, có thể gọi là xuất-sắc nữa. nhưng nội dung kịch nghèo nàn. Không phải vì người soạn kịch kém mà vì khán giả chỉ vỗ tay cho loại kịch ngang tầm đó. Thuyên cũng chỉ ở ngang tầm đó?

Những cô ca-si hữu-danh xuất hiện. Tên của họ vừa được xướng lên thì cả rạp đã vang những tràng vỗ tay. Tuổi trẻ thật rộng lượng trong việc ban phát lời khen và lên tiếng chê. Khi khen thì khen không tiếc lời và khi không vừa ý thì thồi còi, huýt sáo, đập bàn, bắt-công và tàn-nhẫn.

Những giọng hát ấm, cao vút, vang rền, đầy sinh lực như giọng những con chim. Những tràng vỗ tay. « Xin cảm ơn quý vị. Để đáp lại thịnh tình của quý-vị, tôi xin hát bản.... » Những tràng vỗ tay. Tôi tự hỏi: Những người được hoan-nghênh đó có những khổ tâm gì? Khổ ít hay nhiều hơn những người tầm thường? Tôi tự trả lời: Nhất định phải nhiều lắm. Và tôi cảm thấy được an ủi. Ít nhất con người cũng được bình-đẳng với nhau trong niềm đau-khổ. Con nhà giàu thì bị lưu-manh lập mưu đào mỏ. Con nhà nghèo thì bị người yên bỏ rơi, đi lấy vợ khác. Quần chúng vỗ tay chỉ làm cho ca-si sung sướng nhất thời. Khi màn hạ xuống mọi người ra về thì nàng trở lại cô-đơn với những nỗi khổ cá nhân, riêng biệt.

Tôi biết là tôi đẹp, Không phải đợi đến Johnny mới biết. Tôi có nkưng tính tốt. Nhưng hàng ngày tôi thường chỉ nghe Thuyên kể những khuyết-điểm của tôi. Một trong nhiều nguyên-nhân khiến con người đau khổ là nó dễ thấy khuyết điểm hơn ưu-điểm. Không phải vì nó xấu bụng mà có lẽ vì tiêu-chuẩn trung bình đã đòi hỏi nhiều ưu-điểm rồi. Khó lòng mà có những ưu-điểm nổi bật, vượt lên mức trung-bình. Tôi cầm bàn tay Thuyên vì chợt nhớ ra rằng ở trên đời này còn có tình yêu là món quà mà Thượng-đế ban phát công bình cho mọi người. Đã hai năm hơn, tôi quên chữ «yêu». Tôi chỉ nghe nói và bắt buộc phải nói theo nhiều nhất là chữ «tiền». Có tiền, thiếu tiền, vay tiền, làm tiền, mười vạn, năm trăm ngàn, ba triệu...vạn vạn,

Thuyên không để ý đến bàn tay của tôi. Thuyên đang mê mải theo dõi câu chuyện kịch xảy ra trên sân khấu. Miệng anh mở sẵn một nụ cười. Sự thích thú ánh trên tia mắt. Tôi kéo rụt bàn tay của mình về. Tôi thu tâm-hồn của mình lại, suy-nghi mông lung về nỗi cô đơn của mình.

Giọng Liên oang oang :

— Thằng Benefields mua hai vé thượng hạng. Nó mời em đi nhưng em xin lỗi. Dê xôm giã vờ nói nhỏ nhẹ mê ly : « *Cô đi để cô giải-thích dùm cho tôi rõ cái hay của ngôn ngữ và âm-nhạc nước cô* ». Mình đi guốc trong bụng nó. Cứ lừa chúng em mãi với danh từ văn hóa, văn nghệ.

— Hôm đó em thấy nó đi với con *Xa-teng*.

— Thế mới là xứng đào xứng kếp.

Xa-teng là tên lóng Cầm Bình đặt cho một cô gái giang-hồ ở cạnh sỏ. Những ô mái-dâm mọc lên như nấm chen lẫn vào giữa những khu gia-cư lương-thiện. Ở xung quanh những khu có Mỹ-kiều ở, các tú-bà tranh nhau thuê nhà để chứa. Cạnh sỏ có một ô. Có bốn, năm cô mập, lùn, đen hay đi chập chờn ra vào hoặc ngồi triền-lãm ở trước hiên. Có một cô chuyên môn mặc pyjama bằng xa-tanh màu hồng. Da màu đồng đen bóng nhẫy. Cầm Bình đặt tên cô là *Xa-teng*. *Xa-teng* hay lập lò nhin qua cửa sỏ của sỏ và hề thấy tên Mỹ nào, bất kể là sĩ-quan hay đội, lính... là nhăn nhó nói : *du năm-bơ ten, ai năm-bơ-oan*. Một hôm cô nàng y lệ xỏ chum tiếng Mỹ đó nhằm vào lúc lão Thiếu-tá đến thanh-tra cơ-quan. Cả bọn Mỹ và nhân-viên Việt-Nam ngượng đến đỏ mặt. Biết làm sao bây giờ ? Cô ả kém thông-minh không cảm-thông nỗi sự nghiêm-trang bế-tắc ở trong phòng, lại chau miệng phun ra một chum Mỹ-ngữ đó nữa : *du năm-bơ-ten, ai...* Mansfield giận quá phải la lên « *cút đi* » và cô ả cười rúc rích chạy mất.

Johnny hiền lành và không dám mê đàn bà nhân nhí, bừa bãi như lũ Mỹ làm việc ở đây. Johnny trầm lặng nên mỗi lời nói của hắn tôi phải để ý nghe. Tôi tin nữa. Do đó, tôi xua đuổi một cách khó nhọc những lời của hắn : «... *Cô dịu-dàng .. Con chim Á-Châu huyền-bí... Vinh-viễn tôi không thể quên... Đóa hoa hồng mọc ở mảnh đất nhiều biển-cổ...* »

Thuyên, anh đã tự tay đào hố để chôn em, chôn anh. Ngày anh thúc đẩy em đi làm, em đã lo sợ cái hậu quả rùng rợn gần như chắc chắn này. Em sợ em không cưỡng lại được. Đâu có phải vì tính em lẳng mạn, nhưng mà đọc trên báo thấy hàng ngày những dòng tin nhắn vợ lời lẽ thể thảm làm em xúc động.

.. *Con Khánh nó nhớ em, bỏ ăn. Thằng Hùng bệnh không ai săn sóc. Chúng nó khóc, gọi má cả ngày. Anh hứa tha thứ hết. Em về ngày... Lê Đại Nhân.*

... *Nhấn Nguyễn-thị Minh-Nguyệt.*

Anh xin lỗi em. Em ở đâu, đọc mấy dòng này hãy về với anh. Anh xin lỗi em. Bao nhiêu tình yêu gắn bó, em nhớ quên sao, nhớ đoạn tuyệt được sao... Bà con ai có gặp Minh Nguyệt ở đâu xin báo tin cho biết, tôi xin hậu tạ.

Một người đau khổ : Trần kỳ Mẫn.

Còn biết bao nhiêu tiếng kêu cứu không được in lên mặt báo như thế. Những tiếng than thở âm thầm, những giọt nước mắt, những niềm uất-hận. Em lo sợ nhưng không dám nói cho anh nghe sợ anh lại xia nghi kỵ. Xã hội chúng ta đã quen mang cái mặt nạ anh hùng, những bộ áo giáp đạo đức. Ở dưới làn áo giáp đó, mặt nạ đó, tha hồ mà hiện nguyên hình là con chó ghê, con cáo con chồn. Em nhớ trong truyện của Bồ Tùng Linh các mỹ nhân gốc hồ-ly-tinh khi say rượu đều để lộ cái đuôi chồn. Xã hội chúng ta cả đàn ông lẫn đàn bà đều mặc quần dẫu có say cũng khó thấy được cái đuôi cáo của họ.

Vâng, em lặng im không nói. Vả lại, nói để làm gì? Anh đủ thông minh để hiểu. Anh cần tiền, cần kiếm nhiều tiền, kiếm tiền bằng mọi cách và em đã trở thành phương tiện kiếm tiền của anh. Thật là bỉ ổi, danh từ. Nhưng sự thực là như vậy. Em không dám trách anh. Đáng thương hay đáng trách? Anh tự tay đào hố chôn em chôn anh hay chính xã hội đã đào hố chôn hai đứa mình? Em không phân biệt được. Nhưng suy nghĩ cho rốt cùng, em cảm thấy lò mờ rằng anh cũng chỉ là nạn nhân. Em cũng là nạn nhân, Chúng ta đều là nạn nhân hết.

Vâng, tôi không trách Thuyên. Anh có kiểu cách khôn ngoan của anh. Anh bị ám ảnh vì tiền, bị cắn rứt vì tiền từ những buổi còn thơ ấu nên tôi chỉ biết thương hại anh.

Ba của Thuyên là một ấm-sinh, con của một ông Lãnh-binh, cháu của một vị Hiệu-quân đô-úy. Ở xứ Huế, gia đình nào cũng có một quyền gia-phả dày cộm những chức-tước. Từ khi Huế được chọn làm kinh-kỳ cho đến ngày Cách-mạng dân-chủ bùng nổ thủ-đô-di-chuyển về phương Nam, suốt một giai-đoạn lịch-sử dài hàng ba trăm năm đó, gia-đình nào ở xứ Huế cũng gặp ít nhất là một dịp để bái lĩnh một chức-tước của Nam-triều. Quý-giá trọng-vọng là những chức tước do kinh sách thi-cử mang lại. Thứ đến là chức tước trao cho kẻ mang gươm cầm giáo. Những người bình dân thất học kéo xe cho cụ lớn, quạt hầu cho bà lớn hay quét tước hầu hạ trong cung điện cũng có dịp được mang thẻ ngà và mặc áo thụng xanh. Chức tước phẩm-hàm không có ghi xuất-xứ. Đó là những dòng chữ Hán tao nhã, những *Hàn lâm viện cung phụng*, *Hàn lâm viện đãi chiếu*... mang đầy đủ sắc-thái văn-chương tư-tướng. Không có dấu vết của một cái gọng xe, một cái giẻ lau hay một cái lưng quanh năm khúm núm trong những giòng chữ nghĩa uyên-áo đó.

Ông Ấm làm chủ một ngôi nhà mái ngói rêu phong, sân rộng có bày nhiều chậu kiềng uốn hình long hình phụng và ba dãy bàn thờ sẫm-uất phải lo hương khói. Ruộng vườn không có, chữ nghĩa ít ỏi, ông sống nhờ vợ một ít, nhờ họ hàng nhiều hơn. Má Thuyên dọn một hàng thuốc Cầm-lệ ở chợ Đông-ba. Nhà ai có tiệc tùng cần đặt bánh mứt thì bà nhận làm. Một khu chợ Đông-ba mà có hàng dăm chục hàng thuốc Cầm-lệ như thế. Những người đàn bà mặt trát phấn chì ngồi sau những cái quả to quang dầu màu cánh dán. Quả đựng thuốc rời, thuốc phong, thuốc vấn. Trên mỗi mỗi bà gần như thường-trực có một điều thuốc lá Cầm-lệ khói toả um tùm. Lờ lãi được bao nhiêu? Ít nhất cũng đến một phần năm số tiền lờ bị đốt cháy trên mỗi đề thường-trực có làn khói. Những người đàn bà đó điều có những

hào-quang trong óc. Hoặç là có một người chồng thông-phán về hưư. Hoặç là có một ông nội trước làm án-sát. Hoặç là có một người rề đang ngồi Tri-huyện ở mãi tỉnh Bình-thuận. Hoặç là có một thắg cháu gọi bằng cô ruột làm thừa phái ở Bộ Lại. Tha hồ chuyện xưa chuyện nay, chuyện hàng xóm láng giềng, chuyện bên nội bên ngoài bên sui gia của hàng xóm láng giềng đượ bày ra phanh phui, mỗ xẻ giữa những cái quả to màu cánh dán. Lời lải chả đượ bao nhiêu, và nói xấu cũng là một món ăn để nuôi tinh-thần.

Mẹ Thuyên chắt vật trong việc kiếm ra tiền nên cuộc sống trong nhà rất kham khổ, chỉ trừ ông Ấm thì lúc nào cũng ấ trà Tàu độc ấ, điếu thuốc nõ lóc cóc trong bình điếu khảm xà-cừ, và mỗi khi bước ra đường là áo dài the, khăn xếp đen và đi giầy hạ. Điệu bộ của ông khoan thai từ tốn, hiền lành một cách giả-tạo. Cứ năm mười bữa là sai con cầm giấy đi vay tiền. Nhiều lần Thuyên đã phải đối-diện với sự im lặng khinh bỉ của người nhận thư. Có người mới thấy mặt Thuyên đã vội gọi vợ xin vài chục rồi vất cho Thuyên không cần nói một tiếng, khỏi cần đọc thư. Có người thì mặc kệ cho Thuyên gọi công, đắg hắg hàng giờ, chẳng có khuôn mặt nào hiện ra nơi khung cửa để mở. Những lúc bị đời khinh khi trắng trợn rõ ràng như vậy, Thuyên cảm thấy nhục nhã và oán cha vô cùng. Thà đi ăn mày ! Người nào hảo tâm, người nào cần làm phúc làm đức để hưởng lợi về sau thì tự nguyện bố-thí. Người nào đang túng, hà tiện hoặç hoài nghi thì cứ tự-do đi qua. Người ăn mày không trực tiếp quấy ai cả. Chứ ba Thuyên thì quấy người ta hẳn hoi, bám thực-sự vào người ta, moi móc người ta như một con đĩa háu đói, ghê tởm. Nhắ tâm đưa con đi làm sứ-giả hèn hạ ê-nhục. Nhắ tâm ngồi nhắ rượu với một cái nem chua bằng ngón tay trỏ, với một miếng mực khô nhỏ bằng ba con tem, để vợ con ngồi và cõm chan nước rau muống quanh năm, ngồi nói chuyện đạo-đức của các ông Thánh và khoe tồ-tiên tam-đại, ngũ-đại trong khi con mình mặc cái áo vá đến mười chỗ.

Năm đó ông Ấm phát-giác ra rằng một người em khác mẹ của ông vừa đỗ đầu kỳ thi Tiểu-học. Người em này theo mẹ về ở mãi Kim long sau khi ông nội Thuyên mất. Nhà không dư giả nên bà mẹ định cho con đi học may để đợi đủ tuổi xin một chân hương sự. Ông Ấm đánh hơi thấy một áp-phe có triển-vọng. Ông suy tính cân nhắc, trầm ngâm nhiều hôm trước tách nước trà, quát tháo nhiều lần con mèo con chó đứng vương chân ông. Và rồi một hôm ông vác ô đi Kim-Long. Ông khen người em sáng dạ, ông kể dòng dõi tồ tiên khoa bảng và xuất-chính rực rõ như thế nào và cuối cùng ông nài nỉ bà đi xin bà cho người em xuống Huế ăn học. Ông sẽ bảo đảm việc ăn ở, nộp tiền học, mua sắm sách vở.

— Quyền huynh thế phụ, di cứ tin tưởng ở con. Con phải lo cho em con nó ăn học rắg cho đến thành tài. Rắg cho linh hồn thầy con ở dưới suối vàng đượ mát lòng mát ruột. Rồi dì cũng liệu xuống Huế mà ở với con cho con đượ gần gũi phụng dưỡng dì.

Ông Ấm nói như vậy và bà di sung sướng khoe với họ hàng rằng «Ấm Ba thế mà chí-hiểu không bằng ... thương em như ruột thịt».

Ông Ấm đưa em về Huế, cho thi vào trường Trung-học Khải-dịnh, Chăm học và học giỏi, người em đỗ đầu kỳ Concours, xin được học bổng ăn ở trong trường luôn bốn năm, Thi đỗ cao đẳng tiểu học. Thi đỗ lục sự tòa Nam án. Thật đúng y như dự đoán của ông Ấm. Và đúng như lời yêu cầu của ông, cậu em lục-sự phải nhờ anh cho ăn học nay đã thành tài, cứ hàng tháng truất một nửa lương của mình gửi về giúp đỡ anh chị. Khi người em cưới vợ thì tỷ lệ truất lương là một phần ba. Khi có đứa con thứ hai thì tỷ lệ hạ xuống là một phần tư. . Cho đến ngày người em bị tử nạn trong một trận máy bay oanh tạc. Lúc bấy giờ Thuyên đã lớn, đã hiểu lối nuôi bò vắt sữa của cha mình, chỉ nhân đạo hơn lối buôn vua của Lã Bất Vi một chút. Thuyên ghê tởm cha nhưng phải nhờ tiền bóc lột đó để ăn học.

Mẹ Thuyên chết, cha Thuyên cưới ngon lành một người vợ kẻ bóng sắc, khôn lanh và lắm điều. Đôi môi mỏng bôi son và cặp lông mày nhỏ còn nhỏ như sợi chỉ.

Thuyên học chí thú. Được học bổng lấy tiền mua sách vở. Dạy kèm cho con người ta để lấy tiền trả tiền trọ. Chi tiêu còn dư được bao nhiêu thì phải gửi về cho cha. Thật ít có ai như Thuyên vừa đi học vừa phải giúp đỡ gia đình như thế.

Thuyên cần cù lần dò từng bước, năm này qua năm khác. Thi đỗ Trung học, Thi đỗ Tú tài. Thi đỗ trường Quốc-gia Hành-chánh. Tốt nghiệp ra trường, Thuyên được bổ về làm ở tòa Hành chánh tỉnh này.

Trong một xã hội xáo trộn mà chiến tranh gây những thương-tích lớn trong thề xác và trong tâm hồn của mọi cá nhân, cho mọi gia đình... thì sự thành công của Thuyên có thể được coi như là đã quá sức mong muốn. Anh có dám đòi hỏi chi hơn ? Bao nhiêu thắng bạn học giỏi hơn anh mà thi hỏng. **Thuyên** Thuyên lọt qua mọi mắc lưới một cách êm đẹp. Những lúc tâm hồn u buồn, Thuyên ngồi gọi lại những ngày cơ cực của mình. Anh kể lúc mẹ đau nhà túng, không có tiền cho mẹ uống thuốc. Cha thì cứ xúng xính vào ra, nói vớ vẩn và cầu ước vớ vẩn.

— Mẹ mi thấy trong mình hôm ni ra rặng ?

Má anh thở dốc từng hồi :

— Rặng mà . . . tui thấy . . . bết quá.

— Mẹ mi . . . găng ăn tí cháo.

Ăn tí cháo ! Bệnh kịch như thế đó, người ta phải ăn yến, phải uống sâm. Cháo đó là gạo của bà Thị ở bên hàng xóm đem qua cho. Cha anh không chịu mó tay vào một sự hoạt động nào hết. Chấp nhận cái gì nó đến như một con trùn.

Ông nói vắn vớ :

— Lạy Trời lạy Phật phù hộ cho mạ mi. Răng cho mạ mi ngủ được, Hồi hôm mạ mi trần trọc suốt đêm.

— Tưởng . . . « đi » hồi hôm rồi. Mệt ngút . . . gần đứt hơi.

— Răng hồi đó không kêu tôi.

— Mệt gần đứt hơi rồi thì còn hơi đâu mà kêu ? ... Mà hồi đó mình đang ngủ ngon. Ngáy ầm ầm.

— Lạy Trời lạy Phật cho mạ mi qua khỏi kỳ này. Mấy hôm nay răng mà trời hằm nực quá. Phong hàn thử thấp làm bệnh con người. Hạ-chí nhất âm sinh mà răng trời không chịu mát một chút. Nhà mô cũng bệnh rề rề. Chừ mà mưa xuống được một cây thì bệnh chi cũng mạnh ... À, rứa mới hay. Bậy chừ ai có phép chi làm đồ xuống một cơn mưa, mình kêu bằng ông Trời.

Má anh khóc ầm ức.

— Chắc lần ni ... tôi không qua khỏi.

— Thì chỉ còn biết lạy Trời lạy Phật ... chớ biết làm răng?

Ông đi đi lại lại trong phòng, chững chặc khoan thai như một ông giám khảo đi giữa phòng thi. Chợt ông đứng dừng lại :

— À, hôm qua ông Thừa Tụng nhắn tui sáng nay lại chơi. Đề đi lại thăm ông một lát.

Và thế là ông xách ô đi biệt cho hết buổi.

Tội nghiệp má anh đau bệnh nguy kịch dường đó mà chỉ uống lá lầy và vài thứ cao đơn hoàn tán do các bà bạn ở dưới chợ ghé lại thăm biếu cho. Anh nhớ một buổi trưa có tiếng hàng phở rao to ở trước nhà. Tiếng « Phở » mạnh bạo, thúc gọi. Buổi trưa im vắng. Chợt mẹ anh nói :

— Giá có năm đồng mạ ăn một bát phở thì mạ mạnh liền. Không cần uống thuốc thang chi hết.

Một bát phở mà cũng là ước vọng ! Có ai dám tưởng tượng rằng sau cái công gỗ uy-nghi, sau cái sân rộng bày đầy chậu kiềng hình long hình phụng, sau dãy cửa bàn pha gỗ chạm, có một ước mong chỉ ngang tầm bát phở. Nhưng nói cho con nghe chỉ là một cách hành hạ con thôi, nên mẹ anh thở dài :

— Thôi, hôm nào mạ mạnh mạ kêu thằng phở đó làm cho mạ một tô, con một tô.

Trận đau kéo dài cho đến ngày mẹ anh nằm liệt. Vĩnh-viễn cái ước vọng nhỏ mọn của mẹ anh không thực hiện được. Nên sau này mỗi lần đang yên ổn vui vẻ mà chợt nghe tiếng « Phở » rao là tự nhiên anh im lặng bần thần. Đó là tiếng nói của Dĩ vãng, của Đau thương, của Khốn khó,

Nhưng giá Thuyên chỉ nghe những tiếng đó !

Đằng này không, Thuyên phản-ứng lại. Anh muốn chối bỏ quá khứ, thù ghét nghèo nàn. Sau những hồi thiết tha tâm sự về cái nghèo, thành thật bày tỏ về những ngày khốn khó của mình, anh chợt tỏ vẻ hối tiếc vì đã thật thà. Anh

tìm cách đình chính, anh che dấu, anh nguy tạo. Những chi-tiết trước sau mâu thuẫn. Anh lúng túng chật vật, hồi hộp nhìn về đằng trước và khép nép dọn dẹp ở đằng sau, lúc nào cũng như sợ hãi người ta nhìn thấy những ngày cơ cực của mình trước.

Tôi bảo :

— Những người nghèo có cái thú của họ. Đó là sự thông dong. Ông chài trong Lục-Vân-Tiên đã bảo :

Nước trong rửa ruột sạch trơn

Thuyên bác ngay :

— Nguy-biện. Đó là ý-kiến do những tên giàu bầy ra đề ru ngũ bọn nghèo khiến bọn này cam phận, đừng tranh đua, đừng tranh đấu giành lại quyền lợi. Đó là ý-kiến của chính những tên nghèo lười biếng muốn tự an ủi mình.

— Em thấy những người giàu đau khổ. Bà Thịnh Kim lòng giếng của mình chẳng hạn. Buôn bán túi bụi, tiền vô như nước đến nỗi không có thì giờ ăn thì giờ nghỉ thì giờ sống cạnh chồng. Kết quả : bà gầy nhom và chồng bà có mèo.

Thuyên cười :

— Đồng ý là người giàu cũng có những nỗi khổ. Nhưng anh thích cái khổ của người giàu hơn cái khổ của người nghèo. Cái khổ của người giàu là cái khổ có-thể-tránh-được còn cái khổ của người nghèo là cái khổ dai dẳng, truyền kiếp, đen tối.

Thuyên ghê sợ cái nghèo, bị ám ảnh vì cái nghèo không phải là không có lý. Vừa tốt nghiệp ra trường bước chân vào nghề ở cái ghế công chức, lãnh tháng lương đầu tiên đã phải gửi về cho cha và di ghè một nửa. Lại phải ăn cơm trọ hạng nhì, lại đi xi nê hạng nhì, lại phải tính toán trước sau mỗi lần muốn may cái quần. Lại phải nhớ mua vé số kiến thiết, hàng tuần

Thuyên thấy con đường của chú anh đi dở dang bây giờ đến lượt anh phải đi cho hết. Rồi cũng sẽ truất lương một nửa, một phần ba, một phần tư vân vân. Cha anh bây giờ tóc đã bạc. Cung dưỡng ông cụ, cho già lẩn là mười năm nữa rồi ông cụ sẽ chết, Thuyên không tiếc. Chết là xóa bỏ hết. Là bại trận. Thuyên không tiếc đối với một chiến sĩ sắp bại trận như vậy. Chàng không đến nỗi là một đứa con bất hiếu. Chàng chỉ tiếc là tiền đó dùng để nuôi di ghè và sự tính toán bủn xỉn phát sinh từ những kỷ niệm với mẹ, nhìn mẹ nghèo nàn thiếu trước hụt sau, túng túng đến chịu chết mà không có tiền uống thuốc.

Bà di ghè có đôi con mắt dài chạy xếch của loài gấu. Thuyên bảo anh có ác cảm với loại con mắt xếch như vậy. Tôi nói :

— Đó là con mắt của những nàng công chúa Trung hoa. Anh xem, mấy cô đào hát đều vẽ mắt mắt xếch như vậy.

— Có nhiều loại xếch. Loại xếch này là loại xếch gian trá, điêu ngoa, lừa đảo. Anh ghê tởm nó, không hiểu vì sao. Anh không chịu ảnh hưởng của ai hết, của một cuốn sách tương số nào hết. Tự nhiên nhìn vào thấy bất an và nghi kỵ

Thuyên sẽ có thể vui vẻ trích lương gửi về nuôi cha nếu má anh còn. Anh thỉnh thoảng nhắc đến những buổi chiều mẹ anh ôm quả thuốc lá Cầm-lệ đi từ chợ về, gặp anh ra đón ở cổng. Mẹ anh dúm vôi vàng gói kẹo bột vào tay anh vừa nói :

— Đứng ngoài ni ăn đi con. Đừng vô nhà ba thấy. Rầy má chừ.

Anh trầm ngâm thờ dãi :

— Má anh suốt đời khổ. Đến lúc chết còn thêm một bát phở.



người chồng bất thường

TRUYỆN NGẮN

VÔ-PHIẾN

Trên sân khấu cải lương, những cơn giận dữ, những cuộc cãi cọ đều có âm nhạc phụ họa. Trong nhiều năm, tôi đã quen như thế. Khi hai diễn viên to tiếng, xô xát, thì nhạc nổi lên hỗn loạn dồn dập. Cứ tăng gấp dần dần cho đến khi nhất gươm kết thúc vừa hạ xuống thì nhạc si chụp cả hai bàn tay xuống dương cầm cùng một lượt với tiếng thanh la đánh " xoảng " một cái.

Cũng có nhiều khi tôi bị đánh trên sân khấu. Nữ diễn viên có thể bị một tát tai chẳng hạn, bị một người đàn ông đánh. Khi ấy, cái tát vừa giáng xuống thì người phụ diễn dương cầm dùng ngón tay cái, trở ngược ra, quẹt ngón tay xuống các phím đàn suốt từ đầu này xuống đầu kia, làm vang lên một tiếng hú ngân dài ghê rợn. Lập tức tôi gục xuống, bưng đầu lắng nghe cái dư vang của hành động vũ phu kia lan nhanh chóng sự xúc động ra khắp cả hí trường. Sau đó, tôi mới bắt đầu tức tưởi.

Tôi đã quen như thế rồi. Bởi vậy trưa hôm đó lần đầu tiên chàng đánh tôi, tôi hoảng sợ hết sức. Chàng gây sự giữa trưa, sau bữa cơm, lúc đáng lẽ chúng tôi sắp sửa đi ngủ. Chàng xán vào mặt tôi một cái tát, giữa trưa nắng. Cả nhà lặng ngắt như tờ. Nắng bốc khói trên mái ngói. Tôi điếng người, thất lạc.

Má tôi vẫn nghi ngờ từ lâu. Năm ngoái, thằng em tôi đi học bị xe buýt cán, đưa vào nhà thương Saint Paul, tôi về thăm. Đáng lý ra tôi ở lại săn sóc nó chừng một tuần lễ. Nhưng sau hai ngày, tôi thưa với má xin về. Bà nhìn tôi rồi tỏ

vẻ buồn, không nói câu gì để cầm tôi lại cả. Tôi có lý do để cải chính một ý nghĩ trong đầu bà: «Chị ở vừa mới nghỉ việc mà anh ấy đau bụng chưa khỏi hẳn. Ăn uống ngoài tiệm mãi không tiện». Má tôi không cãi. Tôi không chịu được như thế: bà tỏ ra hiểu nhiều quá, hiểu trường hợp gia đình tôi, hiểu cả cái ý ngầm trong lời cãi bướng của tôi. Bà biết rằng lý do tôi nêu ra là không đúng sự thực, nhưng bà đã nhường nhịn. Đã thế, tôi quyết định ở nán lại một hôm nữa cho bà xem. Đêm ấy má tôi nói lấp lửng nửa chừng: «Thằng Ba, độ này..... Con liệu rồi ra sao?... Nghe nói hồi trước ông tổ thúc của nó, một ông tổ thúc nào đó, cũng có tánh hơi kỳ cục.» Chuyện đó tôi biết rồi, trước khi má tôi nói: một ông tổ thúc của chàng có chứng khủng. Tôi còn nghe nói trong giòng dõi chàng không chỉ một ông tổ thúc ấy: cứ cách đôi ba thế hệ lại xen vào một đầu óc bất bình thường.

Con liệu ra sao? Sao má có thể hỏi tôi như thế? Bất bình thường, tiếng đó gọi ở người ta một cảm tưởng khác mà ở tôi một cảm tưởng khác. Má từng làm vợ, sao má không biết? Một người đàn ông đã ăn ở với mình, không có danh từ nào diễn tả, đủ sức diễn tả được người ấy hết. Một tiếng nói: đơn giản, nghèo quá. Người ấy tự vẽ ra khuôn mặt độc đáo của mình bằng cuộc sống hằng ngày, cuộc sống mà càng tiếp xúc thân mật càng thấy nó rắc rối, ly kỳ. Thấy má tôi tỏ vẻ e dè trước tiếng «khủng», tôi buồn cười. Tôi muốn bảo: má bị gạt đó; ban đêm có kẻ treo sợi dây trắng trong xô tối làm má tôi sợ hãi, con nắm sợi dây giật cho má xem, không phải rắn đâu.

Tôi biết tính chàng khác thiên hạ chứ. Nhưng thường thường không phải chàng không có lý. Tôi đã nghe ý chàng bỏ hát cải lương ngay từ hôm nhận lời lấy chàng, rồi sau tôi thôi làm điện thoại viên, sau đó tôi xin nghỉ việc luôn ở sở, không làm gì nữa cả, chỉ ở nhà với chàng. Cũng không có gì đáng ân hận.

Lần đầu chàng gây chuyện rắc rối ở sở vì tôi thật là khiếp. Tôi ngỡ ngàng hết sức. Tôi xấu hổ vì chàng. Quanh năm không hề xảy ra một trường hợp như thế. Nữ nhân viên ở sở có tới mười bảy mười tám người, chưa bao giờ tôi thấy chồng họ ghen tới sở làm dữ như thế. Chàng đón Mạc ngay cổng ra vào. Thoạt đầu Mạc không nhận ra: «Ông hỏi ai?» — «Tên Thạc» Mạc lạnh lùng: «Không có ai tên Thạc ở đây» Đồng thời Mạc vừa trông thấy bộ dạng tôi sau lưng chàng, và chợt hiểu. Sự lăm lộn không làm chàng bối rối. Chàng chữa lại: «Tôi cần gặp tên Mạc» — «Ông nên lễ độ. Ông là ai?». Chàng quay lại hỏi tôi: «Nó đây hả?», rồi bảo Mạc: «Tôi là chồng người này» Mạc phân trần với mấy người xúm lại «Buồn cười nhỉ». Chàng nổi giận ngay: «Mày không được nói thế: «Mày đã biết không phải chuyện buồn cười». Chàng vung tay thẳng ra, nếu Mạc không theo, chắc chắn chàng đã thộp ngược lổi đi.

Cuộc cãi cọ thật kinh khủng: «Mày mấy lần định rủ vợ tao vào tiệm».

« Mạc không vừa : « Định là thế nào ? » — « Muốn lý sự lấp liếm phải không ? » — « Tôi nói cho ông biết : ông không được hàm hồ. Tôi lấp liếm cái gì mới được. Tôi không rủ vợ ông, tại sao ông biết tôi định rủ. Tôi định rủ cái gì, làm sao ông biết được ? » Chàng vụt chỉ tay vào trán Mạc. » « Năm giờ chiều thứ bảy tuần trước, ngay trước cửa Brodard, mày xum xoe tán tỉnh cổ mồi... » « Mạc vờ nghi ngại : » Thứ bảy trước... tôi có ở Brodard không nhỉ ? « Chàng chận lời sẵn sò. Quên hả ? Làm bộ quên hả ? Chính mày, mày nói : *Chị cho cái hân hạnh được mời chị một lần, không thể nào quên được hôm nay !...* » Mọi người cười ồ. Mạc đỏ mặt. Trời ơi ! Chàng không giữ gìn chút nào, chuyện gì chàng cũng có thể nói ra được. Tôi thẹn muốn chết.

Tại cái tính quá ngay thẳng của chàng như thế mà tôi hóa ra lần thẹn. Mấy con bạn ở sở cho tôi đại. Chúng nó bảo nhau sau lưng tôi ai lại cái gì cũng đem về mách lại với chồng, chồng thì ghen như vậy mà chuyện vu vơ ở đâu cũng đem thuật lại.

Một lần chàng đánh tôi sưng vù cả mặt, má tôi sang thắm. Bà không hỏi đầu đuôi ra sao hết, tự nhiên lúc hai mẹ con ngồi tĩa rau muống bà bảo : « Đối với đàn ông, có chuyện nên nói mà có chuyện không nên nói ra. Không phải khai hết mà người ta thêm tin mình đâu. » Ai đã mách gì với má tôi ? Bà có nghe chúng tôi cãi cọ nhau đâu, Bà biết nhiều quá, cái gì bà cũng biết.

Khờ một điều : biết thế không phải là biết. Tôi kể lại với chàng chuyện nợ chuyện kia đâu có phải để chàng thêm tin cậy, đâu có phải tôi đại ! Nhưng hãy sống như tôi thử coi. Thế giới chúng tôi chỉ có hai người. Chàng chỉ biết có tôi, và không cho phép tôi giao du với ai. Mỗi một vết bùn bắn lên tà áo của tôi chàng điều biết rõ, chúng tôi bàn bạc với nhau bao giờ kết lại cái khuy áo, hôm nào mua cái gót guốc vừa bị rơi mất, và mua ở đâu. Tôi để hai giọt mực tím rơi trên áo, thứ mực khó tẩy quá, chàng vừa giặt áo giùm tôi, vừa la um lên, không hề bên hàng xóm có ai nghe không. Chúng tôi sống như vậy. Tối tối, hôm nào không đi chơi đâu, chàng nằm đọc báo, bắt tôi ngồi bên cạnh. Thỉnh thoảng chàng đưa bàn tay nắm lấy chân tôi. Chàng bẻ thử vài ngón chân tôi kêu lác cắc. Chàng sờ lằn lên, nắn nắn bắp chân. Rồi chàng nắn lên cao hơn. Chúng tôi sống với nhau như vậy. Trong thế giới của tôi có ai nữa đâu, ngoài chàng. Chuyện thực, chuyện mơ, tôi đều chỉ có chàng để nói. Cả đến những điều ước nguyện, đáng lẽ chỉ khẩn vái lên các đấng thần linh, tôi cũng chỉ có thể nói với chàng.

Má tôi ái ngại, cho tôi là con bé ngốc nhất trong mấy đứa con gái của bà. Bà có vẻ thất vọng. Những lời nói xa nói gần không có hiệu lực như bà mong muốn. Nhưng má bảo khi có người đàn ông liếc tôi, mỉm cười với tôi, khen gót chân tôi đỏ và cò tay tôi tròn, tôi kể những chuyện đó với ai ? Với má sao ? Những chuyện đó đều là những cái mà một người con gái không thể bỏ qua, không quên được, má biết chứ. Những cái phải nhớ, phải nói lại với một người nào. Má nhìn mặt mày tôi sưng lên, bầm tím. Tôi thẹn với má : cuộc sống của chúng tôi lắm khi quả có vẻ không ổn, không tiện trình bày trước mọi người. Nhưng tôi phải sống cuộc sống của chúng tôi. Má nên biết xa hơn cách biết của má.

Tôi đi đến sở nào, ông chủ sở đó cũng nhận được đơn khiếu nại của chàng. Lũ bạn thì nó hiểu quái gì sâu xa. Chỉ giỏi cười với nhạc. Chàng kêu kiện, yêu cầu chủ sở thuyên chuyển người này vì chọc ghẹo tôi, cảnh cáo người kia vì có "hành vi mất dạy", yêu cầu giữ tiếng tăm cho sở vì một ông trưởng phòng « có máu bầm lấm đang bồi nhọ sở » v.v.. Chủ sở mời chàng, chàng đến, bao giờ cũng vững vàng, đầy tự tin. Chàng trưng ra bằng cứ. Phần nhiều đều xác đáng, tôi biết thế, bởi vì do tôi cung cấp. Nhưng lần nào người ta cũng có lý để cười chàng. Tôi công nhận : ngay những khi chàng nắm lẽ phải trong tay, chàng cũng vẫn có cái gì không thích hợp, trong lời nói, trong cử chỉ. Nhưng đáng lẽ người ta nên hiểu chàng xa hơn cái bề ngoài đó chứ.

Chàng ghen quá trời. Nếu chúng tôi giàu có, đủ của cải để ăn trọn đời, suốt ngày chàng không phải đi làm gì, chỉ ngồi ôm riết tôi thì có lẽ vẫn chưa đến nỗi. Khờ, chúng tôi không giàu. Tôi đã thôi việc tất cả các nơi rồi, chỉ còn ở nhà lo việc bếp núc. Nhưng chàng còn phải đi làm, tôi còn phải đi chợ. Đã đành khi chàng đi làm thì chàng khóa cửa lại, khi tôi đi chợ thì chàng chờ bằng xe gắn máy và đến chợ chàng đứng cách một quãng gần nhìn theo tôi. Tuy nhiên vẫn có điều bất trắc. Có những người đàn ông đi ngang qua bỗng vứt màu thuốc sát bên chân tôi. Chỗ đông đảo có những người cười xe bóp hai ba tiếng còi liền sau lưng tôi.

Chàng hành hạ, làm tội tôi quá đáng, đến nỗi sự chịu đựng của tôi làm má tôi bất bình : « Con điên rồi. » Thật vậy, có lúc tưởng như tôi và chàng cùng điên : chàng ghen với cậu ruột tôi và với chú ruột chàng. Sau cùng chàng chém tôi vì ba tôi. Tôi đó má tôi không chịu được nữa. Chàng xúc phạm nặng nề quá, không thể tha thứ. (Tuy vậy về phía chàng tôi biết chàng đã kiêng nể lắm, kìm hãm mình lắm. Chàng đập vỡ cánh cửa lá sách và mặt tủ gương là vì chàng cố gắng để tránh khỏi đánh ba tôi). Tôi đây, tôi cũng nhận rằng chúng tôi không thể ăn ở với nhau được nữa.

Thật là buồn.

Tôi vẫn tự hỏi mãi sở dĩ chàng mỗi ngày mỗi ghen thêm, chúng ghen tăng lên tới mức vô lý, bệnh hoạn, điên dại, chuyện đó có phải phần lớn do tôi chăng. Những điều tôi kể hàng ngày thành ra một kích thích thường xuyên làm hại chàng. Dầu sao, trong sự ghen tuông của chàng, sau cùng, có tính cách gì quái đản. Đối tượng, người đàn ông đáng ngờ nọ, thành một ám ảnh vô hình. Nhiều trường hợp không thể chỉ rõ người đó đâu cả. Không trông thấy gì. Chúng tôi vẫn luôn luôn pháp phòng. Nó lẩn khuất đâu đó. Có thể ở bên tả, bên hữu, ở cách một cánh cửa sổ, một bức vách, sau gốc cây trước mặt đường kia, hay thường trực ở trong bóng tối mỗi đêm quanh nhà... Ai biết được ? Đó là một thứ ma. Không khí nhiễm đầy lo sợ, thảng thốt. Một lần chúng tôi dời nhà từ bên Thị-Nghè qua xóm Lò-heo, qua công xe lửa số 6, chị bạn láng giềng biết con đường nhà mới tôi sẽ đến ở, nhưng chưa biết số nhà. Đến hôm dọn nhà chị muốn hỏi đề sau này có dịp sang thăm, tôi cũng muốn báo cho chị biết nhưng cả hai sợ chàng, không dám hỏi nói gì cả. Sau rốt, sắp lên xe, tôi quặt một bàn tay sau lưng, xóc

ngón tay ra dấu : ba ngón, hai ngón, bốn ngón. Số ba trăm hai mươi bốn. Hai chị em bạn, hai người đàn bà, liên lạc với nhau như thế, như có một bí ẩn đe dọa đang rình rập số phận chúng tôi. Tôi còn lo ngại kẻ địch thủ kia đến thế, huống chi là chàng. Làm sao chàng không sợ ? Chúng tôi trót sa vào tình trạng như thế. Cho nên đến lúc không thể cùng ở với nhau nữa, tôi hiểu việc đáng tiếc không do ở chàng đâu.

oOo

Di nhiên là chàng cộc cằn. Chàng đánh tôi như một tên lính tây say rượu, chàng đập tủ đập cửa, chàng vác búa vác dao đòi đâm cạo tôi, di nhiên là ít có người hung dữ như chàng ? Nhưng má tôi chỉ biết thế, má không biết những lúc khác của chàng.

Những hôm cùng đi xi-nê với tôi, xem xong, ra cửa, chàng đi ngoặc ra đến chỗ gửi xe để nhận chiếc Véc-pa, trong lúc ấy tôi đi trước mấy bước, lựa chỗ đứng khuất một cột đèn, một gốc cây, chờ chàng dắt xe ra. Chàng đưa xe ra đến lề đường, ngừng lại, đảo mắt tìm tôi. Không ai có thể được như chàng lúc ấy. Một vẻ lo lắng, rất kín đáo, và nhất là hết sức bình tĩnh. Người trong rạp đồ ra tấp nập ; giữa đám đông ấy một người đàn ông kín đáo tìm đợi, săn sóc mình. Lúc đó tôi yêu chàng, say mê chàng. Chàng dịu dàng một cách tế nhị. Người đàn bà nào lại không muốn tự phó thác vào một kẻ đàn ông cương nghị vững vàng như vậy, mà dành cho mình một cảm tình chất chiu tế nhị như vậy ?

Chàng thích xi-nê. Tuần nào tôi cũng đi xem với chàng đôi ba phim. Các rạp ở Sài Gòn — Chợ Lớn chúng tôi đều có tới hết. Trong bóng tối có nhiều trường hợp phức tạp, tuy nhiên chỉ có những lúc bắt buộc đi tiêu tôi mới thiếu sự bảo vệ của chàng ? Tôi chuẩn bị trước, tôi cố tránh. Tôi quen rồi, rời xa chàng tôi lo lắng sợ hãi.

Một lần ở trong rạp có người kêu : «Lựu đạn», ai nấy xô nhau chạy. Chàng không có vẻ lực lưỡng hơn ai, nhưng hôm đó chàng bình tĩnh đương đầu để giữ tôi một cách can đảm đáng phục. Sự hy sinh của chàng giản dị, không có một chút phô trương.

Nhưng chàng không hề yên cho tôi yêu chàng. Chàng có những lúc cộc cằn vô lý hết sức. Một hôm, buổi trưa, chúng tôi cao hứng. Xong, tôi vào buồng tắm. Tôi ngồi trong đó hơi lâu. Năm ngoài, chàng nghe rao đậu hũ, mở cửa mang ly chạy đi mua. Nghe tiếng chân chàng trở vào, tôi vội vàng mặc đồ cho nhanh sắp mở cửa ra với chàng và có sẵn câu nói đùa với chàng. Tôi yên trí là chàng đang vui vẻ, chúng tôi đang sung sướng.

Bỗng nhiên chàng nổi lên quát mắng ầm ĩ, chửi rủa tục tĩu, Chàng vừa trông thấy hai ba tờ bạc rơi rớt trên mặt gối, chàng cho là tôi bừa bãi không ngăn nắp. Tôi bước ra, ngó qua một cái, biết ngay đó là bạc do chính chàng đánh rơi trong khi lấy vội đi mua đậu hũ. Nhưng tôi không buồn cãi lại.

Sao chàng không biết lúc ấy tôi đau khổ tới bậc nào ! Trong những trường hợp như thế tôi cầu cho chàng có một chút tình ý. Mới trước đó mấy phút chúng tôi thân mật đến thế, sao chàng «trở mặt» nhanh vậy ? Chàng không thấy

trong thái độ ấy có cái gì làm cho sự chung đụng vừa rồi có tính cách thú vật ? Tôi khờ hết sức. Chính vì chàng mạnh mẽ, có nghị lực, chàng biết kín đáo, mà tôi không chịu được sự thiếu tế nhị đó. Trời, trong con mắt chàng bấy giờ chỉ có sự hân học, sự hân học hung hăng dữ tợn.

Chỉ do một nguyên nhân sinh lý ? Sau đó, đàn ông mệt nhọc, thường sinh gât gông, cần nhân ? Cũng có thể như vậy. Nhưng ở chàng cái gì cũng quá độ.

Tôi không thể tiếp tục sống với chàng vì chàng không biết ngừng lại ở chỗ phải ngừng. Điên với thường, khác nhau ở đó. Đề cho cảm xúc, hành vi, vượt một lần ranh giới nào đó là điên. Nhưng khi nó chưa vượt, mà nó sát tới ranh giới thì là một hấp dẫn. Má tôi đã biết tôi quen chàng và chọn chàng và chàng là trong một trường hợp chàng tỏ ra độc đáo, «khùng khùng», như thế.

Tôi gặp chàng lần đầu vào một đêm ba mươi tết, gần giao thừa, ở chợ Tân-Định. Nhà tôi gần chợ. Tôi tính ra chơi, coi cảnh chợ tàn cuối năm lúc ai nấy lo sắp dọn các sạp hàng, và nếu dư có rẻ thì mua thêm mấy trái. Thường, dưa hầu từ trưa hôm đó đã lo bán gắp rồi. Còn chàng, chàng đi đâu tới chợ vào lúc ấy ? Chỉ biết tôi lựa dưa được một lúc thì có cảm tưởng bị ngắm trộm. Tôi kín đáo liếc thử : quả thực. Nhưng người ngắm không trộm lên gì hết. Chàng nhìn tôi chòng chọc. Tôi sang hàng khác, chàng theo. Mua được hai quả dưa xong, tôi ra về ; chàng lại theo. Thình lình tôi dừng lại chờ. Chàng vừa đến gần, tôi hỏi đột ngột :

— Tại sao ông nhìn người ta mãi vậy ?

Chàng hỏi lại :

— Cô muốn biết, thiệt không ?

Vẻ mặt và điệu bộ chàng rất thản nhiên, không có ý gì tỏ ra định trêu ghẹo. Bởi vậy tôi lúng túng chưa kịp nói sao, chàng liền bảo :

— Ý tôi muốn biết cô hỏi để hiểu thái độ tôi, hay cô muốn... nghĩa là muốn đuổi tôi.

Tôi cười :

— Tôi muốn biết ý định của ông.

Chàng nhìn tôi kỹ trước khi nói :

— Tôi vì cô đẹp. Không không, tôi phải cắt nghĩa. Nghĩa là có rất nhiều cách đẹp, có một nghìn vẻ đẹp khác nhau, nhưng vẻ đẹp của cô đúng vào tiêu chuẩn thẩm mỹ của tôi. Cô thấy thế nào ? Cô nên biết không dễ dàng gì tìm thấy một kẻ đáp ứng đúng cái mỹ quan của mình đâu. Mỗi người đưa cái mỹ quan của mình ra, như ông hoàng tử đưa một chiếc giày tiên, cô nào xỏ chân vừa vặn... Đó. Cô có nhớ là bao nhiêu con gái khắp nước xỏ chân đều không vừa, con Cám mới vừa...

Chàng đang nói ngon trớn, tự dưng ngừng lại, ngoảnh đầu chờ tôi. Tôi bảo :

— Ông nên nhớ không có ai ở đây định xỏ chân vào... cái... cái...

— Cái mỹ quan của tôi? Cô nhiều tự ái lắm. Ăn thua gì chỗ đó. Tôi chịu nhường đi. Tôi nhận là tôi thích cô, chứ không phải cô... chú ý tới tôi, Nghĩa là từ hồi nào tới giờ tôi chưa trông thấy ai đúng vẻ đẹp tôi thích như cô.

Di nhiên là tôi sung sướng. Nhưng thái độ của chàng làm tôi tò mò:

— Ông nói thiệt chứ?

Chàng bật cười hồn nhiên:

— Ủa, tôi nói nịnh cô tôi được cái gì chớ?

— Có lẽ không.

— Đó. Tôi nịnh làm quái gì. Mà cô nên biết: có được gì tôi cũng không nịnh đâu. Tánh tôi vậy đó: tôi không nói dối cho dễ nghe bao giờ. .. Cô đi mau vậy? Thường thường cô đi mau vậy hả? Không phải chạy trốn tôi đó chứ...? Tốt, tốt. Bây giờ, xin phép cô, tôi hỏi thiệt tình: cô, cô thấy tôi ra sao?

Tôi cười rử. Chàng thúc dục. Tôi bảo:

— Vậy vậy.

— Vậy vậy là thế nào? Cô lười biếng. Cô cố gắng thử coi. Cô nhìn tôi đi, lúc nào tới giờ cô đã ngó thấy tôi đâu, cô trông qua tôi một chút rồi nói thiệt coi. Không có gì đặc biệt hết sao?

— Có lẽ tôi chưa thấy ra.

— Há?

Chàng nóng nảy, nhún vai, thất vọng ra mặt. Chắc không phải thất vọng vì tôi « lười biếng, không cố gắng ».

Tôi phát biểu một ý kiến thành thực:

— Ông rất đặc biệt... Chúng tôi có hân hạnh được quen với ông. Thịnh thoảng mời ông tới nhà chơi, có lẽ lần lần chú...g tôi sẽ nhận thấy chỗ xuất sắc của ông... Nhà chúng tôi đây rồi.

Chàng lo lắng một cách buồn cười:

— Cô, cô không mời tôi vào nhà ngay lần này được sao?

— Được chứ. Nhưng giao thừa rồi.

Chợt nhớ, chàng phá ra cười, hơi ồm ồm, quá lố.

Tôi thuật lại câu chuyện cho cả nhà nghe, và đêm đó tôi nhớ là ai nấy đều thích thú không giấu cảm tình đối với chàng. Ngay cả má tôi nữa. Các chị em gái có chế diễu, nhưng chế diễu cả tôi cả chàng, và tất cả đều có vẻ mong được gặp mặt chàng. Ai nấy xui tôi, khuyến khích tôi. Một người đàn ông đi tấn công người đẹp, và một người đàn ông sống với vợ cần những đức tính khác nhau, má cũng không

đề ý ngay lúc ấy. Chính má sau này đã đổi ý, đã thay đổi cách nhận xét chàng. Ngay lúc ấy tôi nêu lên cái gì, mọi người đều tha thứ, rộng rãi. Tôi bảo chàng, lúc nào cũng nói: «Cô nên biết cái này, cô cần biết cái kia... Ai cần biết gì về ông ấy chứ!» Không ai thêm đề ý tới sự ngớ ngẩn và độc tài của chàng. Chỉ có xúm nhau đùa, đánh trống lảng:

— Chàng không xin đỡ giúp cho chị một quả dưa à? Trời ơi, không nịnh đầm cl út nào. Đề một mình chị:

Hai tay cầm bốn trái dưa.

Quả thật là chàng không hề nịnh tôi. Nhưng ngay từ lần gặp đầu tiên tôi đã thầm có cảm tưởng rằng sống với chàng thật dễ dàng, hồn nhiên. Giao tiếp với chàng không có chút gì quanh co hết. Thân mật với một người như thế rất là mau chóng. Mới lần thứ hai gặp nhau chàng đã đòi buộc tôi bỏ hát.

Đối với tôi và với cả gia đình, đó là chuyện động trời. Vậy mà chẳng bao lâu tôi làm theo ý chàng. Thế mới biết chàng có cá tính mạnh mẽ và lời cuốn. Chỉ vì sau này chỉ có mình tôi sống với chàng nên những người khác mới sớm thấy cái vô lý, cái điên của chàng. Nếu tất cả đều tiếp tục sống bên cạnh chàng, sự nhận định của mọi người trong gia đình sẽ bớt cách xa ý kiến của tôi.

Đã đành là không thể nào ăn ở với chàng được nữa. Bất cứ ai cũng không thể sống nổi với chàng, bây giờ. Không ai còn trách tôi được. Nhưng mọi người đều dứt khoát về chàng, tôi lại không.

xXx

Tôi đi làm trở lại thế này tức là đã quyết định không còn trở về với chàng. Chàng không thể dung thứ được tình trạng này từ lâu. Nhưng phải vậy, biết sao. Lần hồi rồi phải đến đó, làm thế nào khỏi. Tôi có con phải nuôi; không ở với chàng, không ở với ba má tôi, tôi phải đi làm việc kiếm tiền.

Hồi trước, khi chàng chưa cấm tuyệt đi làm, có độ sở bảo tôi làm điện thoại viên. Gác điện thoại một buổi tôi được nghỉ một buổi. Tôi thích như vậy; mình có trọn một buổi ở nhà. Nhưng chàng có một lập luận: điện thoại viên con gái là chỗ hứng đón những câu tán tỉnh tứ phương. Làm quen với một người chưa biết mặt mũi là một câu chhuyên lãng mạn, ai cũng thích. Tán gái bằng điện thoại là cách tán ít nguy hiểm nhất.

Di nhiên tôi vội xin thôi. Nhưng mấy tháng sau máy điện thoại vẫn còn là một đề tài thu hút sự tò mò của hai chúng tôi. Chúng bắt gặp và đề ý đây đó những tin tức về hình thức thông tin này. Có lần chính tôi đọc thấy và thuật lại với chàng: ngày mà ở San Remo bên Ý có tuyết đổ bất thình lình các đường dây điện thoại tại đây bị kẹt kinh khủng. Hàng nghìn hàng vạn người xúm nhau bu cứng lấy máy để gọi đi khắp nơi trao đổi những câu đại loại:

« — Thế nào? Sáng nay ở chỗ toa trời tốt không? »

- Không chê được. Nặng tương đương. Thế nào cũng sắp có cuộc đi dạo đây.
- Có biết ra sao không? Vâng, ở đây.
- Cách năm sáu mươi cây số, sức mấy mà biết được.
- Đ đoán xem.
- Mưa?
- Tuyết. Mịt mù. Khiếp lắm toa. Mới chiều hôm qua còn ấm trời. Đột ngột...

Cứ thế mà nói. Người nào người ấy đeo riết lấy máy mà gọi mà nói, gỡ ra không nổi. Nói với ai? Với bạn bè, bồ bịch. Nhưng nhiều nhất là các ông cụ bà cụ. Những cụ già giàu có gọi hết con cháu bạn bè, rồi gọi đến đám người hầu hạ giúp việc cũ, đến các ông chủ tiệm quen biết, đến ông lang vẫn khám bệnh cho toa, đến ông nha sĩ vẫn săn sóc răng cho mình v.v.. Trời trở gió trở nắng một cái là họ gọi rối rít. Tính ra mỗi ngày trôi người có thể tốn tới một nghìn đồng liras về tiền điện thoại, ở những khách sạn sang trọng vùng thung lũng sông Pô. Các cụ già không có những liên hệ tình cảm nồng nàn, nữa những giao du rộn rã ồn ào nữa; xung quanh họ vắng vẻ; họ cần lấp chỗ trống ấy, họ dùng tiếng khua vang của điện thoại để khuấy động khoảng trống quanh mình.

Tôi và chàng nhìn nhau, lo lắng. Điện thoại là như thế. Nguy hiểm biết chừng nào cho một người con gái bị đặt mình vào cái chỗ mà giờ phút nào người ta cũng quờ quạng xao xác tìm nhau. «Người at» đây là những kẻ rảnh rỗi, ăn không ngồi rồi, quờ vào đâu là tóm lấy đó, bắt quàng lấy đó để làm quen.

Hồi ấy, câu chuyện làm cho cả chàng và cả tôi khiếp đến mấy tháng trời. Người thứ ba, người đàn ông thèm muốn tôi, người đó không biết hẳn ở đâu mà ngờ được. Hẳn ập đến không biết lúc nào. Biết đâu mà ngừa? Sợi giây thép giăng ngoài trời, trước mặt mọi người, giữa đường phố đông đảo, ngày ngày ai thấy đều trông thấy, nhưng sợi giây đó cũng là lối xâm nhập thường xuyên của hắn nữa. Chúng tôi càng ngờ vực. Mọi khoảng không trước mắt đều thành ra đe dọa.

Vậy đó mà bây giờ tôi lại đi làm điện thoại viên. Tôi hết đường về với chàng rồi.

Thỉnh thoảng một con bạn hỏi tôi về cái sẹo ở cổ tay, tôi đặt điều nói quanh co, tôi giấu, không cho ai biết đó là vết chém của chàng. Tôi muốn xóa sự liên hệ giữa chàng và tôi. Ít lâu, rồi mọi người sẽ quên, không biết đến chàng nữa. Tôi cũng quên đi cái sẹo ở cổ tay và cái sẹo ở sườn. Nếu kéo dài cuộc sống chung ít lâu nữa, sẽ có hôm nửa đêm chàng thức dậy chặt cổ tôi. Chắc chắn thế, Thỉnh thoảng báo lại có đăng một trường hợp như vậy.

Tôi xa chàng vĩnh viễn là phải.

Thế mà thứ bảy tuần trước tôi trở về nhà chàng để tìm tờ giấy khai sinh bỏ sót trong tủ, trông thấy chàng, tôi khóc. Chàng mặc cái quần cụt rất bần, và một

chiếc mai-ô rách toạc một lỗ lớn ở ngang hông. Lúc tôi vào, chùng đang nằm trên chiếc ghế vải ở phòng khách. Hình như chùng đang trò chuyện với mẹ. Từ lúc tôi bước vào chàng không nói một lời nào nữa, nằm im cho đến lúc tôi ra về.

Đêm ấy, tôi khóc. Hôm sau, tôi đem một cái mai-ô mới, lén lút đến đưa cho mẹ chồng. Không cần chàng nói ra một tiếng nào, không khí trong nhà chàng nó quả quyết rằng chàng không có tình yêu nào khác, rằng công việc săn sóc chàng là phải của tôi.

So sánh với chàng, kẻ hoang mang bất định chính là tôi, chứ không phải chàng. Tôi không biết mình phải thế nào, phải yêu hay bỏ, phải quên hay phải trở lại. Còn chàng thì lúc nào cũng vững vàng : nhất định cứ yêu tôi, chỉ yêu có tôi. Đến với chàng, tôi thấy sự việc hóa thành giản dị hết sức.

Mọi rắc rối, hoang mang, chỉ tại vì tôi rời xa chàng.

Buổi sáng tôi đến trễ chừng năm phút nhưng thấy sở có vẻ xôn xao. Nhiều người bu quanh máy điện thoại của tôi. Họ thử qua rồi bỏ đi. Vô hiệu. Tất cả các máy trong sở đều hỏng. Quay số II để gọi ban sửa máy ở bưu điện cũng không được

oOo

Một lúc, một người được phái đi hỏi ở bưu điện vừa về cho biết vì vụ mình ở khách sạn X...hồi năm giờ sáng vừa rồi đường giây bị đứt. Ít ra là ba hôm nữa mới chữa xong.

Nếu được nghỉ buổi sáng nay, bây giờ mà trở về nhà tôi có thì giờ ghé chỗ này cõ kia một chút. Chắc chắn tôi sẽ không tránh khỏi ghé qua nhà chàng. Ít nhất là đi ngang qua, nhìn vào. Tôi muốn biết chàng có mặc chiếc áo tôi mua. Một điều vẫn làm tôi nghĩ đi nghĩ lại hoài : tại sao chàng ăn bận tồi tệ bần thiếu quá vậy ? Không ai lưu ý tới chàng, hay tại chàng cố ý làm thế ?

Nếu tôi ghé lại nhà chàng, thì rồi sẽ còn lắm việc lời thôi nữa. Má tôi không bằng lòng. Nhưng má không hiểu : tôi bắt đầu thấy thiếu chàng.

Chàng hung bạo ? Tôi biết. Tôi biết hơn ai hết mối nguy hiểm sống bên cạnh chàng. Nhưng chỉ bên cạnh chàng tôi mới có sự ổn định. Chàng đánh tôi, tát tôi những cái tát quả quyết, tự tin. Chỉ có chàng mới tát được những cái tát như thế. Những cái tát ấy làm cho tôi thấy trên đời có một ý chí xác quyết, không phân vân. Ngày nào còn sống bên chàng, bên cạnh sự hung tợn dữ dội lời cuốn của chàng, tôi có cảm tưởng thế giới quanh tôi có vẻ vững vàng ổn cố. Bao giờ chàng cũng đi quá mức một chút, thật đáng tiếc. Phải chi chàng đừng chém, đừng có ý định giết tôi, tôi sẽ vui lòng ở mãi với chàng. Lỡ mãng, thô bạo là một thái độ xác định. Rời xa chàng tôi sống trong hoang mang, bất định. Sự đe dọa của một ý chí không đáng lo hãi bằng sự đe dọa của trống rỗng, của cái khoảng không, không chiều hướng, không ý chí, trước mặt mình. Má sẽ cho tôi lấy cái diên của chàng, nhưng không chắc là tôi sẽ không trở lại đâu.

... Trong sở người ta bảo là điện thoại "chết" hết rồi. Chiếc máy nằm trước mặt: tôi cũng chết. Ngồi buồn, tôi cầm máy áp lên vành tai. Ủa! Vẫn nghe thấy tiếng rọ: rẹt. Như một con bọ trong hộp. Điện thoại đâu có chết? Đâu có hoàn toàn chết. Vẫn có sự sống, yếu ớt. Trẻ con nuôi dế, nuôi quít trong hộp giấy, lâu ngày quên cho ăn, tưởng chết. không ngờ áp tai xuống, chợt nghe một tiếng khua động. Sự bất ngờ thật hồi hộp: tội nghiệp, Vẫn còn cái chân cổ sức ngo ngoe.

Lâu lâu, có tiếng kêu u u, rồi dứt, rồi lại u u. Đôi khi, còn bắt gặp cả một đoạn đối thoại, vắng vắng, tiếng được tiếng mất: vợ gọi chồng về một cái chìa khóa quên đem theo, một nhân viên thừa gửi với thượng cấp v.v... Nửa chừng, bỗng tịt cầm.

Cái hệ thống thông truyền nặng nhịch này bỗng dưng mang thêm một vẻ bí hiểm. Ai nấy tưởng nó chết, tự nhiên trên cái cơ thể rắc rối của nó chợt bắt gặp dấu hiệu của sự sống, lén lút, âm thầm, thoát có thoát không, bất ngờ, thẳng thốt.

Như thế ba ngày, rồi nó sẽ sống lại. Còn tôi, không biết đến bao giờ tôi thoát khỏi cái cảm tưởng bất định.

VÕ PHIẾN

Đón xem :

VẾT THƯƠNG DẬY THÌ

của Túy Hồng

- ★ Tác phẩm thứ hai của một cây bút phụ-nữ miền sông Hương núi Ngự
- ★ Một cây bút táo bạo và quyến rũ do tạp chí Bách Khoa khám phá.
- ★ Tâm sự cô đơn ẩn trong lời văn đùa cợt duyên dáng

Kim-Anh xuất-bản

Đón xem :

NGƯỜI TÌNH NGOÀI MẶT TRẬN

của Nhã-Ca

- ★ Tác phẩm đề cập tới tình yêu, chiến tranh và tuổi trẻ
- ★ Cây bút nữ lưu sáng chói trên văn đàn đã từng cộng tác với Hiện Đại, Sáng Tạo, Văn Nghệ, Bách Khoa, Văn, Nghệ Thuật, Đông Phương, Tiếng Nói.

Kim Anh xuất bản

TAM CÁ NGUYỆT SAN SỬ ĐỊA số 4 (tháng 10, 11, 12)

đã phát hành tại các hiệu sách lớn toàn quốc và nhà sách Khai Trí Sài Gòn với nhiều bài vở khảo cứu giá trị của các giáo sư đại học và học giả danh tiếng như : Hoàng Xuân Hãn, Bửu Cầm, Phan Khoang, Phạm Cao Dương, Tạ Chí Đại Trường..... Sử Địa số 5 sẽ đặc khảo về Phong Tục Tết Việt Nam, với nhiều bài vở khảo cứu giá trị.

Tiền đồn

Truyện dài của THẾ - UYÊN (16)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 224)

Chuỗi âm thanh vụt dứt nhưng Định vẫn không rời mắt khỏi khối vuông trên cột, chờ đợi. Từ ngoài đồn, tiếng súng các cỡ lại bắt đầu vang động. Chàng vẫn chờ đợi, Vũ sẽ nói sẽ bá cáo bây giờ, chàng tin chàng muốn nghe thấy giọng Vũ méo mó vọng về. Vinh lớn tiếng át tiếng súng :

— Có tiếng kèn, tui chủ lực xung phong rồi.

Tiểu đoàn trưởng vẫn ngồi trên ghế nhưng đầu quay lại nhìn về phía cột. Tiếng nói lại phát ra, giọng hờn hèn hấp tấp của Vũ :

— *Bắn sát lộ bên phải hướng Bắc bình Du lu cho Vinh ba. Bắn sát lộ...*

Câu nói vụt tắt, các bóng người tiến lại cúi đầu quanh bàn đồ Yên đã trải rộng trên mặt chiếc ghế. Chiếc bút chì hạ xuống rất nhanh vào một điểm trên nhựa cứng. Yên quay đầu lại la lớn một hàng chữ số vào phòng truyền tin, nhắc lại một lần nữa trước khi cúi đầu vào bàn đồ.

Tiếng nói của Hy từ phía cột vang lên :

— *Vinh bá cáo, Vinh bá cáo. Địch xung phong qua lộ đánh Vinh Ba... Cách Vinh 500... Xin cho lệnh... Tôi nhắc lại...*

Tiểu đoàn trưởng la :

— Bảo Hy ở chỗ cũ cho tôi !

Định quay lại hỏi Vinh đang điềm tình chùi lưỡii dao và thành bàn, những mảnh máu khô đen lả tả rớt xuống.

— Sao không cho Hy mang quân đánh ngang hông hay tập hậu bọn chúng ?

— Bộ đề hứng lấy đạn pháo binh bây giờ hả ? Hơn nữa tên Hy hiện còn bao nhiêu quân mà đòi đánh, lính mới ?

Tiếng viên trung úy già từ thành đồn gọi vào :

— Pháo binh bắn trái khối ...

Tiếng Vũ vọng về, đồn dập :

— *Đúng rồi đó đúng rồi đó. Vinh ba xin ngay đạn nổ xin ngay đạn nổ.*

Chị lắng nghe nhưng tiếng súng đã im sau tiếng nổ lớn. Hải nói đúng, hắn còn ở đây, thở hổn hển, gấp rút. Hắn, chính chủ lực, mọi người thường thì thảo e ngại khi nhắc đến tên, trong đêm tối còn đang ở đây bầu vù cuống quít trên thân thể này. Làm sao mà có đánh lớn... Đột nhiên chị phá lên cười, chị không còn sợ hắn chút nào, dù chỉ một chút. Hắn không còn là chi hơn, vinh viễn chỉ còn là anh chàng Hải hấp tấp đòi hỏi mỗi khi ngồi cạnh chị những ngày đã lâu. Chị chợt nhớ lại trọn vẹn nét mặt tức giận của hắn khi lao vào Tía dưới rặng dừa ven sông để rồi cả hai té nhào xuống nước. Chị tiếp tục cười, hai tay úp lên lưng nhón tron mồ hôi của hắn, của Hải, vuốt nhẹ trilu mển. Hắn là người tình của mình, thôi hết sợ bóng tối... Mai kia, không, ngay trưa mai thôi, thêm Tía cho hết sợ ánh sáng ban ngày. Như vậy đề khỏi lo rời bỏ căn nhà, khu vườn, như vậy đề khỏi... Một người tình đã là nhiều, bây giờ toan tính những hai. Hơn hết rồi, hơn hết tron rồi. Chị phá lên cười lớn nhưng bị tắc ngãng vì miệng Hải chồm lên úp chặt. Nỗi khoái cảm thoáng hiện và đã bị dẹp bỏ ban nãy đã tr ồi lên, lần này mạnh mẽ chắc chắn. Chị hốt hoảng, cố tìm cách gạt đi, dẹp đi. Hai tay rời lưng Hải, quơ kiếm lá khô trên đất — vô ích, nó vẫn dăng lên, chị cố mở mắt cố tìm lại mặt trăng trên lớp lá, nhưng khuôn mặt hắn, mái tóc xoã che lấp. Nó vẫn tràn lên từ tất cả làm thân thể run rẩy, chị cố gắng gập chiếc lá khô bằng hai ngón tay làm hai, làm bốn. Chị muốn đuổi nó, chị có lẽ chỉ muốn nhận nó từ Ba, từ cuộc đời của khoảng khắc xăm tối mỗi ngày mà thôi. Tại sao, chỉ muốn biết tại sao lại muốn như thế, chiếc lá đã được gấp làm tư, hình như chị thấy một bức vách một con lạch không muốn vượt qua bởi vì bên kia sẽ là nó, toàn nó, đến từ Hải, từ Tía, từ nhiều đàn ông khác nữa, biết là bao nhiêu về sau trong cuộc đời chịu nhận cả ngày, đêm lẫn lúc nhá nhem, cả Tía, Cả Ba, cả khoảng chiều tắt nắng tới lúc trăng mới nhú. Chị cố tìm hiểu coi sẽ mất mát chi trong cái đời sống như thế bên kia bức vách, con lạch — chị tìm không ra nhưng vẫn cố chống cự lại nó đang dăng tràn ngập từng phần nhỏ nhất trong người. Nó sắp chiếm nốt cái đầu đang bấn khoăn, chị cố mở mắt tìm trăng, tìm một tia ánh trăng thôi nhưng không nổi, không biết vì khuôn mặt Hải che khuất hay đôi con mắt không chịu mở, không chịu nhìn chi khác hơn là về nó. Chị cố dùng những ngón tay xé chiếc lá trong tay làm hai mảnh — có tiếng kèn tiếng súng tiếng la hét từ phía lộ nhưng chị không chú ý, hai ngón tay ba ngón tay cố xé chiếc lá — rách một khe nhỏ rồi. Liệu mình có khóc trong bếp một mình, tiếng súng tiếp tục nổ nhưng...

Yên vội ngừng đầu khỏi bản đồ hấp tấp nói với tiểu đoàn trưởng :

— Đại úy ! Bản đạn nổ như Vịch ba muốn, e chết dân... Mấy khóm nhà ngay đây !

Định vắn vợ nhìn **CHỖ ĐÓNG ĐÓNG ĐÓNG** tay tiểu đoàn trưởng đang nghiêng đầu ghé sát bản đồ làm bầm.

— Cách có 200 thôi à !... Được, tên Sinh bắn khá lắm không sao.

— Sinh đòi đi tuần trước rồi, đại úy. Pháo đội trưởng mới mới ra trường, phải cho hắn khoảng cách an toàn ít ra cũng 300 trở lên, đại úy.

— Thôi, cứ cho bắn đi. Làm sao hơn...

Vinh la lớn vào phòng truyền tin :

— Mẹ kiếp ! Bão nó bắn lên ! Bộ đợi đến Tết Ma-rốc hả.


...Hải vọt chồm lên kêu những tiếng ngắn, hấn kêu hay mình kêu. chị nghe thấy nhiều tiếng súng nổ lớn rung chuyển mặt đất, các tiếng kêu của hấn của chị hòa lẫn tiếng nổ, chị là nó rồi, những ngón tay vọt buông chiếc lá đang xé dở, vọt bầu vào lưng nó nhờn trơn. Đất rung chuyển mạnh hơn hay nó đang làm chị rung... Không cần, không cần, không còn chi, muốn tới đâu thì tới — với nó, nó đầy đủ rồi. Một tiếng ầm vang dội, một rung động dữ dội toàn thân chị bầu vọt bằng tất cả ngón chân bàn tay từng đợt tóc lấy khối nhờn đang dây dựa hòa tiếng kêu vào từng hơi thở của chị đang hình như bị tung lên cao, dăng xé trong đám lá có mặt trắng vỡ nát tan tành.

Tiếng trung úy già từ thành đồn gọi vào rơi từng chữ trong sân đồn im lặng như những viên đất lở từ thành giếng làm Định khó chịu :

— Pháo binh đã thôi bắn.

Các âm thanh rớt lồm bồm làm chàng ao ước có cái loa to hơn để có thể la dữ tợn : Trung úy cầm cái mõm lại cho tôi nhờ. Nhưng Vinh đã lầu nhầu :

— Bộ người ta điếc cả sao mà phải nói. Mẹ kiếp !

Sau tiếng nguyện rủa của Vinh, các sĩ quan quanh bàn không ai nói, tiếp tục hút thuốc, châm thuốc. Bây giờ chàng không cần phải hỏi phải đoán cũng biết không còn ích lợi gì, Hy với hơn bốn mươi người lính cũng chẳng làm được gì — cho Vũ, cho những người lính của Vũ. Chàng không ngạc nhiên, dù một màu ngạc nhiên nhỏ, khi nghe từ phía cột vọng ra tiếng Hy cố gắng tìm liên lạc với Vũ. Vinh Ba không trả lời, Vinh Ba cầm nĩa, Vinh Ba chìm tan vào những khoảng không gian sáng tối mờ lẩn chập chờn bên kia tường đồn.  hình dáng Vũ và câu nói mất nửa phần sau trong tiếng động cơ một chiếc xe chạy qua lại tái hiện, tồn tại và linh hoạt với chàng hơn — đến nỗi chàng có cảm tưởng chỉ cần thêm một làn khói xe khen khét nữa, Vũ sẽ hiện ra với khẩu súng chúc mũi xuống cỏ và dáng điệu mệt mỏi thả cái mũ sắt lật ngửa quay tròn im lặng trên chiếc ghế bố có nắng chiều soi tới. Một tiếng nổ chói tai một vùng trời bừng sáng vàng vọt. Tiểu đoàn trưởng cúi kính la :

— Bắn chiếu sáng làm cái con c. . . gì vậy ?

Tiếng Yên từ ụ súng cối

— Hy vừa yêu cầu đại úy ! Hấn xin đề quan sát.

Khởi sáng từ từ trôi thấp về phía sông. Chàng nhìn theo và bắt gặp bàn tay Vinh đặt chiếc ly vàng óng ánh hỏa châu xuống bàn — tự dưng chẳng vì có gì hay vì đáy chiếc ly vàng óng đáp xuống mặt gỗ không gây tiếng động, chàng thấy Vũ chết rồi, chết hẳn rồi ở một nơi đâu đó bên kia. Chàng đặt chiếc ly cầm trong tay không biết từ lúc nào xuống, thật chậm không gây tiếng va chạm với mặt bàn, nhìn ánh vàng của hỏa châu yếu dần trên thành thủy tinh trong. Đầu óc rỗng không.

Tiếng Vinh dữ dội, cáu kỉnh :

— Xin tất cả im một chút cho tôi nhờ.

Chàng giật mình quay lại. Vinh qui cạnh chiếc C. 10, đang đun mạnh cho cần ăng-ten dài của máy lên cao hết mức. Các âm thanh rè rè tiếng gọi về của Hy biến đi và bây giờ chàng nghe rõ tiếng kêu nhỏ đều của đèn măng-xông phía trong. Vinh ngồi bệt xuống đất, cầm ống liên hợp gọi Vũ bằng những câu liên tiếp giống nhau trên cùng một nhịp điệu. Vinh ba nghe tôi không trả lời, Vinh ba nghe tôi không trả lời... Viên trung úy già rời tường đồn trở lại ngồi cạnh bàn, những tiếng đá tiếng ly lanh canh khe khẽ như tiếng nói của nỗi chờ đợi tuyệt vọng dai dẳng. Yên ngồi xếp bằng trên đất, tấm bản đồ vẫn trải rộng trên mặt ghế và bút chì mờ nằm chênh vênh thoi một đầu ra khoảng không. Yên không làm gì cả, lơ đãng nhìn Vinh dưới cần ăng-ten mỏng cong vọt vờ. Hẳn nhìn, như chàng, như tất cả các sĩ quan trong đồn.

Vào một lúc nào đó, chàng không rõ, Vinh đã đổi lối gọi. Bây giờ hẳn gọi Vũ bằng tên thực và những lời văng tục. Vũ, Vũ, mày nghe tao không trả lời. Mẹ kiếp, mày ở cái xó nào vậy. Mày chết chưa mà không thèm nói. Vũ, Vũ mày nghe tao không trả lời. Chàng quay mặt đi thôi nhìn Vinh, Yên cúi gầm xuống bản đồ, ngọn bút chì mờ khoanh đi khoanh lại một vòng tròn trên mặt nhựa. Tiểu đoàn trưởng lắc lư trên ghế xích đu, Vạn đưa một ngón tay vạch ngang dọc một hình bất động vô định trên mặt bàn. Không ai nhìn Vinh. Nỗ lực liên lạc lại với Vũ của Vinh đã trở thành cá nhân và riêng tư giữa một người với một người khác, một cố gắng thân mật của riêng hai người trong tương quan nhân loại riêng làm những kẻ khác thành ra ở ngoài cuộc và muốn quay đi như trước cảnh một người đàn ông một người đàn bà yêu nhau, hôn nhau, sau những thời gian xa cách dài. Chàng rút điều thuốc châm hút, để bao thuốc lên bàn — những bàn tay xuất hiện đưa bao thuốc đi chuyển từng chặng dài ngắn bất thường.

Vinh đột nhiên ngồi nhồm đậy, một tay giơ lên chỉ về phía cột. Yên gọi lớn vào phòng truyền tin :

— Vạn hết cỡ mau lên !

Tiếng Vũ nghe rõ, giọng thì thào đứt khúc nhưng điềm tĩnh :

—... bá cáo Địch xung phong cả chủ lực qua lộ và phân tán ngay khi pháo binh bắn... Vinh ba mắt chừng ba bốn đứa cháu..., còn lại chém về vào ruộng mía. Địch...

mắt chắc ba du kích ở lộ, sau đó...nhiều hơn nhưng không thể biết...Thầm quỳên Vinh...
ba đau ngực nặng một mình ở...

Sau một tiếng nấc, tiếng Vũ tắt ngãng. Vinh hấp tấp :

— Mà ở đâu Vũ, nghe tao không trả lời, mày đang ở chỗ nào cố gắng trả lời...

Tiếng Vũ tái hiện, chậm chạp :

— Vinh đấy hả ... trắng sáng quá, mày có rượu không mang ra đây. . Mai tao đi phép rồi.

— Mày ở đâu trả lời, Vũ ở đâu trả lời... nghe tao không trả lời.

— ... nghe rõ. Có tiếng chó sủa, hình như tiếng con chó hàng xóm nhà tao. Mày có nghe thấy chứ Vinh, ném cho nổ viên đá đề tụi nhóc còn ngủ...

Tiếng Vũ lộn xộn rồi im bật, Vinh cố thử liên lạc vài lần không được, ném trả ống liên hợp cho hiệu trưởng viên cời trầu bên cạnh máy, đứng dậy xốc lại quần áo.

— Thằng Vũ nó mê sáng rồi... Linh mới làm ơn cho điếu thuốc... Tôi đi kiếm hẩn, đại úy ?

— Cũng được, nhưng đi thế nào ?

Vinh lại gần bản đồ, quì xuống cầm bút vạch một đường cong trên mặt nhựa.

— Tôi sẽ đi với hai tên thám báo băng sông theo lộ trình này tới tọa độ sau cùng được báo cáo. Hẩn bị thương như thế chắc không thể chạy xa... Xuân ! Mày cho tao mượn cái C. 6, cái của tao trục trặc từ hồi chiều rồi. Mẹ kiếp, bọn hậu ử tân trang máy như cục c... !

— Anh Vinh, cho tôi đi với anh được không ?

Vinh quay lại phía tiểu đoàn trưởng :

— Linh mới muốn đi, Đại bàng cho không ?

— Muốn đi thì cứ đi.

— Cám ơn, đại úy.

(còn tiếp)

THẾ UYÊN

VẠN HẠNH

Số đặc biệt về Thành Đạo và Xuân Đình Vị với sự hiện diện của quí Thượng-tọa, Đại-đức, các Học-giả, Văn-nhân, Thi sỹ... hữu danh trong và ngoài nước cộng tác.

● Một nội dung phong phú.

● Một họa phẩm tiêu biểu của nền hội họa Việt-nam, thế kỷ XX của Nguyễn-gia-Trí.

● Một nhạc bản sáng tác mới của Thầm-Oánh và nhiều phụ bản...

phát hành ngày 25 tháng chạp âm-lịch.

ĐÔI MẮT

thơ XUÂN - HIẾN

gửi Điều, sau khi đọc «Đêm dài một đời»

Đã mấy tháng trời xa tiếng máy
Tương tư bát chữ nhờ trang giấy
Dấu lia ngó ấy lơ còn vương
Những chiều lên đèn buồn nôi dấy.

Bốn phương dựng bức tường ngăn cách
Khuya mưa giọt buồn trời róc rách
Đêm dài một đời, đêm mênh mông
Hình ảnh chụp chồn qua trang sách.

Chúng mình thường đi trong bóng đêm
Sao khuya diu tiếng kèn vang lên
Âm thanh cuộc đời không nức nở
Âm thanh tình người đẹp vô biên

Chúng mình ít nhiều giống Thiệp nhỏ
Có một tên gọi một giòng họ
Nhưng thường lạ mặt, gọi quên lên
Tình lạnh trao nhau nơi quán trọ

Mùa may trong ánh sáng cuộc đời
Lầm trước màu xanh trước sắc đỏ.
Đời dùng đôi mắt dò xét nhau
Ngụy trang lý thuyết trên cái vỏ

Quê hương loài người trại mù lớn
Ánh sáng đồng lõa cùng ghê tởm
Lông kinh thay chiếc nôi ấm êm
Sữa mẹ cạn bởi nắng hung tợn.

Có thật chúng mình thừa hai mắt ?
Tôi ở trong hồn sáng trước mặt ?
Mầm đau thể kỷ mọc trong nói
Với đôi mắt lớn đi vào đời.

HỒI SINH

thơ **PHỔ - ĐỨC**

Tôi lớn lên như loài rong giữa biển
Xa lạ đời trong năm tháng mù sương
Hồn lênh đênh không tìm ra bến đỗ
Biết về đâu — dù Địa Ngục — Thiên Đường ?

Em đã đến như cơn mưa mùa hạ
Dịu hồn tôi trong giấc ngủ Liêu Trai
Em hãy nhóm bếp lửa tình yêu cháy
Vi đời tôi là những tháng đông dài .

Sợ cô đơn tôi đem đời dành bạc
Tiếng tim quên trong hương thịt da người
Biết thua cuộc đã nghe mòn thề xác
Tôi quay nhìn đi vắng rớt sau lưng.

Dốc thời gian em một lần đã vượt
Kinh nghiệm nào không đòi hỏi đắng cay
Thừa tin tưởng hãy cuộn tròn định mệnh
Đốt u sầu để thắp sáng tương lai.

Thần phận tôi cúi khò trên thác lũ
Nay nổi mai chìm cuối bãi dầu ghềnh
Em là bến tôi xin vào nghỉ trọ
Cho cây hồn trở lộc nụ hồi sinh.

(trong «**Hiện Thân**» sắp xuất bản)

Mười năm cầm bút


Hồi ký của VŨ-HẠNH

Được nói về mình là điều thích thú, nhưng cũng là điều khó khăn. Làm sao chúng ta có đủ không khí thuận lợi để kể nói chuyện về mình khỏi thành lối-bịch mà không tự-hạ, hoặc khỏi trở nên vô-lịch mà không mang tiếng khoe khoang?

Kể lại mười năm cầm bút, có vẻ nhiều chuyện chùng nào! Mười năm, thời khoảng của một nàng Kiều từ nhà lạc đến hành-viện Châu Thai, của một Lê Lợi đi từ Chí Linh rừng núi đến chốn Đông Đô phố phường. Mười năm, đề cho Flaubert đúc nặn bà Bovary, và cho Maugham đói khát mà có văn tài!

Chúng tôi từ lâu muốn những cố gắng của mình làm nên tác phẩm có thể nâng cao tâm hồn mình lên, và mong hỗ trợ độc giả trên chiều hướng ấy. Chúng tôi muốn được tự hào trong cái sứ mệnh cầm bút, muốn những chữ viết của mình mang hơi thở của cuộc đời, góp phần làm cái dấu chứng đậm-đà cho một xã-hội không ngừng phân hóa, không ngừng vươn cao. Và bởi là người Việt-Nam, của một dân tộc bị nhiều chà đạp nhưng lại biết mình lớn lao, chúng tôi muốn nói lên nỗi tự hào về đất nước mình...

Nhưng mà mười năm trôi qua, ngòi bút cào trên mặt giấy nỗi niềm bất lực. Tác phẩm leo tèo, xơ xác, trong một

cuộc sống bản thân chi phối thường xuyên bởi các vấn đề sinh kế mỗi mòn và những đối phó nhằm chỉ làm hạ thấp con người. Mười năm trôi qua, bao nhiêu chính phủ đổi thay, giấy mực vẫn nguyên màu cũ. Hàng ngày tiếng nói ồn ào từ bốn phương trời vọng lại,  mà những vấn đề ngòi bút chúng tôi đặt ra vẫn không vượt thoát khỏi bản thân mình. Trong sự hiện diện nhưng lại thường xuyên vắng mặt trước mặt những biến chuyển trầm trọng của dân tộc, chúng tôi có gì xứng đáng để nói lên cùng bạn đọc mà khỏi ngượng ngùng. Như một con người hàng ngày cấp rồ đi chợ mà không ngờ rằng mình có thể làm như thế trọn đời, những người vào loại chúng tôi, nếu không có tờ tạp chí nhắc nhở, hẳn cũng không sao ngờ rằng mình có thể viết rời rạc như vậy suốt cả mười năm mà không cảm thấy mảy may thắc mắc. Trong cái xứ sở nghèo khổ là xã hội này, viết lách vẫn còn là xa-xi phẩm, và một số người chúng tôi biến nó thành một món đồ trang sức có vẻ đắt tiền nhưng không sợ ai đánh cắp.

Mười năm cầm bút, một cái đề tài kiêu hãnh mà bối rối. Chúng tôi tự nghĩ, đây chỉ là một trường hợp đề làm

một bài kiểm điểm mà tạp chí này có quyền đòi hỏi nơi các người đã cộng sự, sau chặng đường dài, trên cái ý tình phục-vụ bạn đọc đã không chán nản cùng đi với mình. Một loại cây trái vườn nhà của tờ tạp chí sau đúng mười năm thở bằng giấy mực. Nhưng có loại kiểm điểm nào chẳng gọi lên điều mệt nhọc, do đó chúng tôi xin được thêm vào một vài kỷ niệm vui buồn, dù phải chấp nhận theo với Byron, rằng «sự tưởng nhớ điều vui không còn là điều vui nữa, mà sự tưởng nhớ điều buồn vẫn còn mãi mãi là buồn».

oOo

Tưởng nên thành thật thú nhận, tôi không phải là người viết tiểu thuyết, cũng như không phải là người phê bình. Cho đến việc dạy, tôi làm tận tụy nhiều năm, cũng không phải của tôi nữa. Chỉ có những gì ý chí của mình chấp nhận đầy đủ, mới thực sự là của mình. Một số truyện ngắn của tôi vẫn đặt quá nặng vấn đề nuông chiều thị hiếu độc giả nên trong tâm thức âm thầm tôi vẫn cố từ chối nó. Cách đây trên 4, 5 năm, ở tạp chí này, khi bạn Ngu Í phỏng vấn về sự sáng tác, tôi đã có nói khá cụ thể rồi. Viết vì cơm gạo, tự nó không có đầy đủ ý nghĩa. Vấn đề là đã viết như thế nào, bởi lẽ ngoài cái yếu tố động lực chủ quan còn có tác dụng khách quan của những công trình. Về sự phê bình, nếu không có sự sắp đặt của Tòa soạn này, hẳn rằng tôi sẽ chẳng đi vào ngã lối ấy. Có những giai thoại về sự kiện này mà tôi khó lòng quên được trong khi trở thành ngòi bút phê bình ép ưỡng của tờ Bách Khoa. Đành rằng chúng ta phải

có trách nhiệm về sự chọn lựa của mình, nhưng có một thời mà các cô gái đã đi lấy chồng do nhiều ý kiến ở trong gia đình. Còn sự dạy học, dù tôi đã làm với cả lương tâm chức nghiệp, tôi vẫn không biết yêu nghề. Tôi vẫn tự nhủ khi mỗi niên khóa gần tàn « Phải bỏ dạy đi », nhưng không dễ gì dứt bỏ được một sinh kể đã nuôi sống mình quá sức dễ dàng. Điều này có những ảnh hưởng sâu xa ở trong gia đình mà tôi có dịp bày tỏ về sau.

Từ trước tôi là một người viết kịch và về sau này tôi vẫn ước mong quay về với ngành nghiệp ấy. Dù chưa có gì chứng tỏ thực sự là mình có chút tài năng về bộ môn này, nhưng sự yêu thích tự nó đã là một cái lý lẽ đáng kể. Viết kịch có thể thỏa mãn cho một lòng tham vô hại như sau: Tác giả trong khi làm vầu như nhà tiểu thuyết, vẫn có thể làm thơ được như một thi sĩ. Kịch bắt buộc phải đào sâu trong mọi vấn đề, được sống cao độ trong những gay cấn của các sự kiện. Một người soạn kịch không chỉ có những độc giả mà còn có khán giả nữa. Nhân vật của mình tạo ra, được hiện nguyên hình ở trên sân khấu, và nghệ thuật này không hề cô độc vì nó đòi hỏi có sự gần bó với nhiều lớp người khác nữa, là những nghệ-si của nhiều nghệ thuật khác nhau soi sáng bởi ánh đèn màu. Trong thế giới ấy, cuộc đời có một vẻ khác, lạ lùng, huyền ảo nhiều hơn. Và một kịch bản không chỉ sống đời yên tĩnh của ngày, mà còn sống đời náo nhiệt về đêm.

Nhưng sự viết kịch, hay một theo đòi nghệ thuật nào đó, đối với chúng ta vẫn

là một sự phối hợp của những điều kiện xã hội với những điều kiện bản thân trong mức độ nào. Sinh trưởng trong một gia đình phong kiến có những thể cách kỷ luật quá đáng, từ nhỏ tôi rất nhút nhát, bây giờ nhắc lại không khỏi buồn cười: thấy một sợi bún hay một con tôm là khóc được rồi, không dám ăn cơm ở nhà người lạ, dù « người lạ » đó là anh rể rất thương tôi. Và dù bụng đói đến đâu, hễ trong bữa ăn mà nghe có ai nói đến một tiếng bần thiêu, thì cũng bỏ đũa ..

Nhưng mà cuộc đời lại hay đùa cợt chúng ta và tôi đã gặp không biết bao nhiêu những sự trái nghịch làm cho bản chất đổi thay. Về mặt ăn uống, tôi sống gần gũi nhiều năm với một người bạn rất tốt và rất có tài nhưng mà anh ta sẵn sàng bốc năm con chó vừa lọt lòng mẹ chưa đầy một ngày bỏ vào giữa nếp, gói cho thật chặt, nấu ngay, làm đòn bánh tét khá lớn để mà đãi bạn. Cố nhiên là trong khi ăn, anh ta không nói về xuất xứ của nhân thịt ở trong khúc bánh khổng lồ. Và sau vài ngày biết rõ sự thực thì tôi không có cách gì móc họng ra được. Cái lối ăn uống của anh bạo dạn, kỳ khôi, với cái sức mạnh của một người săn heo rừng bao giờ cũng lãnh phần *dám nhất* — là *dám* quyết định ban đầu — anh lại là một con người thanh lịch nổi tiếng ở tại Hà nội cũng như Sài-gòn, có chân hầu hết trong các hội-tuyển tức cầu toàn quốc, kể cả hội tuyển tức cầu Nam-Vang. Sống gần một người như vậy thì cái kiểu cách ăn uống dè-dặt, lựa chọn của mình trở thành một sự xấu-hỗ.

Nhưng những màn kịch sôi nổi mà tôi trải qua nhiều năm trước hết là ở

gia-đình. Thầy tôi lần lượt có ba người vợ, và ông liên tiếp thất bại với cả ba người. Về người đàn bà thứ nhất, thân mẫu của tôi, là con một vị thượng-quan thì thầy tôi đã thất bại hoàn toàn về mặt tình cảm, Cuộc hôn nhân này đưa đến ly-di, và sự phá sản về mặt tinh-thần đưa đến một sự phá sản vật chất khá qui-mô hơn khiến gia-đình tôi bị sự tịch-biên, phát mãi, và thầy tôi vào ngồi tù. Khi tôi vào thăm, lúc ấy độ 3,4 tuổi, tôi nhận được mấy bài thơ Đường luật mà cố nhiên tôi chẳng hiểu gì ráo. Mãi về sau này, hiểu biết, tôi có học thuộc để tỏ tấm lòng hiếu thảo nhưng rồi ngày tháng đã cướp dần mòn đến nỗi không có cách gì nhớ cho trọn nổi một bài. Xin đọc 4 câu đầu của một chương «Tự thán», như sau :

*Vần xoay chỉ tẻ hơi xanh xanh
Nỡ để người ngay chịu bất bình.
Nương cửa mẹ già sầu chín khúc
Ôm cầm vợ trẻ phụ ba-sinh...*

Đại khái, thi văn của ông không thoát khỏi nổi một số công-thức cò-diền và cảnh tù tội vẫn không làm cho tài nghệ văn chương của ông khởi sắc gì hơn. Sau này thầy tôi cùng với mẹ tôi đã xa nhau rồi, một bên có vợ, một bên có chồng, vậy mà thỉnh thoảng các vị vẫn còn có đủ can đảm gởi đến nhau những bài thất ngôn bất cứ luật Đường đề mà xướng họa. Cái thơ Đường-luật tàn nhẫn là vậy. Nó cần có niêm, có vận, chứ không cần phải có tình. Đó cũng là một nguyên nhân khiến cho tôi có thành kiến chừng nào hẹp hòi đối với các loại thi ca ngâm vịnh trên sự đau khổ của người thiên hạ. Đáng lẽ tôi nên sưu tầm thơ của hai vị để làm một tập, lúc buồn đem

ra ngậm nga cho buồn rầu hơn. Nhưng đáng lẽ hai ông bà hãy bớt thì giờ gò chữ đúc câu đề nghị đến lũ con mình thì cái thi vị ấy được bền bỉ hơn nhiều. Tôi không có ý giận hờn đối với các người thuộc đẳng sinh thành, vì tôi hiểu rằng chưa hề có một trường dạy làm cha làm mẹ. Cũng như ở trong văn nghệ không hề có sự đào luyện cần thiết, mọi người ở trong chúng ta đều tự ứng khẩu mà làm nhiệm vụ của mình, theo cái kiểu lối mà mình ưa thích, hoặc không ưa thích.

Người vợ thứ hai của thầy tôi thuộc về gia đình giàu có nhưng lại ít học. Cả hai người sống với nhau như là hai phe đối lập bị giữ chung nhà. Một bên vì bị trình độ học thức làm cho im lặng, một bên vì thiếu trình độ học thức nên dễ ồn ào. Hai bên nín kéo, xô đẩy với nhau trong khá nhiều năm nhưng vẫn không quên sinh đẻ thêm cho chúng tôi một số em út. Cuối cùng, sự giằng co ấy đưa đến hưu chiến vĩnh viễn, vì phe ồn ào qua đời. Tưởng là như vậy thì thầy tôi phải sợ hãi cho đến mãn cuộc. Nhưng mà ông không nản lòng một chút nào cả. Thì ra người ta có thể sợ vợ, chứ không thể sợ lấy vợ. Thấy con nhà giàu, nhà quan, cũng không đem lại cho mình hạnh-phúc, thầy tôi muốn kiếm một người vợ nghèo. Chỉ có những kẻ đã khờ sớ rồi mới cảm thông được với kẻ khờ sớ, thầy tôi nhận định vấn đề một cách đơn giản như vậy. Sau những tháng ngày lựa chọn, ông được toại nguyện. Một người bạn của thầy tôi thuộc hàng khoa cử ở huyện Đ. B., có người "hầu thiếp" dễ coi nhưng không được bà vợ cả yêu chuộng, ngổ ý muốn nhường lại cho thầy tôi mà không đòi hỏi gì hết. Người đàn bà này đã trải cuộc đời lưu lạc cho nên tứ cố vô

thân, chẳng cần cả sự cưới xin, mà chỉ mong sao sống đời no đủ, và khỏi bị sự giày vò bởi những thế lực cùng giới. Thầy tôi hẳn rất vừa lòng về các sự kiện như thế, và chắc ông đã ngoéo tay với người bạn cũ cam kết nhất định hết lòng giúp đỡ lẫn nhau trong cơn hoạn-nạn, nhưng sự nhớt lại những lần đã qua chỉ làm cho lũ con mình khờ sớ, ông bèn về hỏi ý kiến chị em chúng tôi. Cái lối dân chủ khá bất ngờ này đã đưa gia-đình chúng tôi từ thất bại này đến thất bại khác càng ngày càng thêm nặng nề. Tất nhiên chúng tôi không có cảm tình gì được đối với các bà di ghè, sau khi đã nếm thí nghiệm khờ sớ trong quá nhiều năm, nhưng vì thương hại thầy tôi, nhất là thấy ông rời hẳn ngôi vị khắc khổ đề mà cúi xuống trưng cầu dân-ý, nên nên bọn dân đen chúng tôi tỏ ý tán thành. Bà vợ thứ ba, nghèo nàn, thất học, đi vào trong gia-đình của thầy tôi, không trống không kèn, là một bi-kịch lạ lùng. Bà không giữ nổi vai trò người vợ và không thể nào là một người ở, cái vị trí không rõ rệt ấy làm cho gia-đình có bề thế này nghiêng đổ, và bà cũng chịu nhiều nỗi xót xa. Bây giờ bà vẫn còn sống, và dù biết chắc rằng không bao giờ bà đọc Bách-Khoa cũng như bất cứ một loại báo nào, tôi cũng không nên kể tiếp đề làm cho bà buồn phiền. Cho đến lúc chết, năm 63 tuổi, thầy tôi cũng không biết rõ thế nào là một người vợ, trong một gia-đình yên vui. Và cuộc đời ông, cũng đã là bi kịch rồi. Là một nhà nho có những nguyên tắc đạo đức cố định, ông lại đi vào kinh doanh thực nghiệp sớm nhất trong thời kỳ ấy, nên sự sinh hoạt bày ra đủ các trạng thái lung củng. Đến khi toàn quốc kháng chiến, đường sá cắt đứt, ông đem cả cái gia tài khá lớn xuống miền đất cát vắng vẻ, với các ý định mở một đồn điền

đề mà lập một ngôi làng, hi vọng mình sẽ trở thành ông thần sáng lập. Suốt gần mười năm, chúng tôi sống như ở giữa biển khơi, chỉ nghe gió cát thổi gào, giao tiếp với các thôn xóm bên ngoài bằng ngựa, hoặc bằng đôi chân, và thật vô phúc nếu bị tối lửa, tắt đèn mà không hộp quẹt. Đang sống ở nơi chợ búa ồn ào, xe cộ suốt ngày qua lại như không ngừng nghỉ; gia-đình chúng tôi trở thành một lớp an-trì, biệt-lập, thỉnh thoảng nửa đêm trong tiếng gió hú nghe hồi gõ cửa gấp rút, mở ra đón nhận một người khách lạ, máu me đầm đìa vì bị kẻ cướp chặn đường đâm chém ở giữa động cát mênh mông đề mà đoạt hết của cải. Ban ngày một số kẻ trộm có thể đi vào nhà tôi, bình tĩnh chọn lấy một cái nồi đồng thật lớn và đội lên đầu, thông thả đi ra. Thỉnh thoảng kẻ trộm có thể kéo đến, lừa một con bò. Chiến-tranh lại vội đẩy tôi ra khỏi gia-đình, làm cho thầy tôi càng ngày càng buồn phiền hơn. Có lần anh Nguyễn Văn Xuân, tác giả *Bão rừng*, ghé vào thăm trại chúng tôi và anh có vẻ hoảng hốt thật sự. Sau này anh có viết quyển *Bão cát* đề nói về gia đình tôi nhưng hầu sợ chúng tôi buồn nên không xuất bản. Cuối cùng, đất cát xô ngã thầy tôi. Ông đã qua đời giữa cái bãi cát mênh mông, trong ngôi nhà ngói mênh mông, không có một ai săn sóc bên mình. Người vợ thứ ba đã đi ở riêng. Con cái đều bị chiến-tranh gọi ra khỏi nhà. Ông chết, qua đến ngày sau, kiến bám đầy cả tử-thi, mới có người hay biết đến. Khi tôi trở về, trong nhà không có một đồng tiền nhỏ để mua quan tài. Nơi túi áo trên đã rách của thầy tôi lộ một mảnh giấy nhàu nát. Đó là lá thư thầy tôi đã viết nguệch ngoạc ít chữ trời trắng để lại cho tôi; « Giờ cái học tử lấy mấy cái răng đã rụng bỏ

vào miệng thầy, Đừng có đại liệt, tiêu liệt mà bọn em phải tưng đỏi. Chỉ cần bọc xác bằng quần áo cũ mà thôi. May một cái mũ đội đầu bọc luôn cả mặt cho cát khỏi chảy vào miệng »

Tôi nghiệp, con người đã bỏ hết cả sản nghiệp chạy theo đất cát, sau khi chết rồi vẫn còn sợ cát rơi vào miệng mình.

Tôi lựa miếng đất tốt nhất trong các thửa ruộng để chôn thầy tôi, bán cái nhà lớn cho những tin đồ Cao đài ở miền ven sông gần đấy đem về dựng làm thánh thất. Còn con ngựa già sau bao nhiêu năm mệt mỏi trong sự chuyên chở chúng tôi, thì có một người trên làng xuống bảo rằng anh rất là quý mến thầy tôi trong lúc ông còn sinh thời, nay cố mua lấy con vật để làm kỷ-niệm. Một phần cảm động về những lời lẽ khá chí tình ấy, một phần nghĩ rằng không thể cho ngựa ăn bằng đất cát, tôi bán cho anh ta liền với một giá rẻ mạt hạng, cao hơn tiền mua nửa cái quan tài. Qua ngày hôm sau, nhớ con ngựa cũ, tôi tìm đến thăm xem nó rầu rĩ ra sao, thì được biết rằng anh nọ đã xẻ thịt ngay để bán cho người lối xóm, sau khi quảng cáo rầm rộ thịt ngựa là một món ăn đại bổ.

Tôi đã chứng kiến những bi hài kịch vụn vặt như thế suốt trong nhiều năm, không biết bao nhiêu giấy mực mà nói cho xiết. Cái kịch tính của cuộc đời bằng bạc khắp trong sinh hoạt và tôi lơ mơ cảm thấy điều ấy từ thuở bé thơ. Càng ngày từ trong gia đình ra ngoài xã hội, có những điều kiện giúp tôi thấy nó được rõ ràng hơn. Tôi bỗng quan tâm đến cái hai mặt ở trong cuộc đời, như người ta thích nói đến âm-dương ở trong vũ-trụ cần khôn, nói đến đêm ngày ở

trong thời tiết, nói đến thiện, ác ở trong sinh-hoạt, hay cái nét thẳng và cái nét cong làm nên chữ viết. Hai cái lý lẽ ở trong cuộc đời, hai cái thế lực ở trong tâm hồn, đó là đầu mối bao nhiêu tấn kịch chẳng chịt ở nội tâm và xã hội. Nhưng cũng có những sự kiện giúp làm phát hiện điều nhận thức ấy một cách quyết định và tôi nhớ mãi về một sự việc tầm thường như sau : năm mười lăm tuổi khi tôi tạm rời gia đình về Đà Nẵng theo ban Trung Học thì thầy tôi rất lo lắng về cái thể xác chóng lớn của tôi. Trước khi cho tôi lên xe, ông ngắm nghía tôi, rồi bảo :

— Này con...

— Dạ ?

— Tên Dũng thầy đặt cho con là có bộ *thủy* bên cạnh. Nó không có nghĩa là mạnh, mà có nghĩa là nước triều đang lên.

— Dạ.

— Vậy phải học hành sao cho tấn phát.

— Dạ.

— Hồi nhỏ có đặt cho con tên Lâu.

— Dạ,

— Lâu đây không phải là chậm. Lâu là *sao lâu*.

— Dạ.

— Sao thì phải sáng.

— Tôi biết thầy tôi nói quanh nói quẩn để tìm một lối vào đề. Tôi đáp :

— Mấy cái đó con nghe nói nhiều rồi.

— Ừ, thì nhắc lại, kéo đi xa nhà con quên. Này...

— Dạ ?

— Đi ra ngoài ấy nhớ cứ mặc áo dài đen đi học, đầu tóc cắt ngắn.

— Dạ.

— Nhất là đừng có suy nghĩ...

Tôi hỏi gặng lại :

— Đi học mà sao thầy lại bảo đừng suy nghĩ ?

Thầy tôi lúng túng :

— À... là nói suy nghĩ... bậy bạ.

— Thưa thầy, thế nào là nghĩ bậy bạ

Thầy tôi làm thinh, có vẻ khó chịu?

Tôi tiếp :

— Chẳng lẽ con có bấy nhiêu tuổi đã mà thầy nghĩ con đã biết mê gái rồi sao ?

Hắn tôi đã nói đúng ý thầy tôi, nên ông có vẻ hoảng hốt. Ông bảo :

— Nói bậy, nói bậy. Thầy đâu có bảo như vậy ! Thầy chỉ khuyên con đừng có xao lãng việc học, đừng có học đòi đạo phở, đừng có suy nghĩ lan man. Phải nhớ mặc áo dài đen, đầu tóc cắt ngắn :

Cái gì chứ áo dài đen và tóc cắt ngắn thì tôi nhớ kỹ, vì thật là dễ kiểm soát. Tôi xa nhà rồi, thầy tôi lại càng không thấy yên tâm, hỏi han ý kiến người anh rề tôi để tìm biện pháp cho tôi học tập. Người anh rề tôi thừa nhận là mười lăm tuổi trở đi có thể làm được nhiều chuyện bậy bạ, vậy tốt hơn hết là phải đề phòng. Anh ấy theo một lý luận cổ điển là chỉ có sống nhân rồi mới dễ hư hỏng, vậy đừng cho tôi một sự rối rã nào hết là được. Anh khuyên tôi phải vào Hướng-Đạo đoàn để đi cắm trại, hội họp vào các ngày nghỉ cho hết khoảng trống hiềm nghèo. Thầy tôi cho là chí lý, bắt tôi phải kịp thực hành. Còn nhớ ngày tôi đến xin gia nhập, tôi vào đoàn Nguyễn Công Trứ của anh Hồ Nhỏ. Bây giờ hình

như anh vẫn còn là huynh trưởng ở tại Đà Nẵng. Tôi đi với một người bạn học trên một lớp là anh Trần Phát, và hai chúng tôi là hai tên gàn đặc biệt. Anh Phát thì yêu cầu cho anh được mặc quần tây dài vì chân anh rất khẳng khiu dù cái qui chế đồng phục phải là quần sọt và áo cụt tay. Còn tôi thì xin cho được mặc ... áo dài đen.

Anh Hồ Nhỏ hiền lành và khôn ngoan không chịu chấp nhận món quần tây dài của anh Trần Phát, nhưng sẵn sàng chịu cái áo dài đen của tôi.

Đến ngày cắm trại đầu tiên, ở tại bờ biển Đà Nẵng, tôi mang bộ đồ cứng tế ấy đi chung với cả đoàn ăn mặc đồng phục. Đi được một quãng, tôi thấy mình là một thứ quái vật. Ra đến nơi rồi, tôi ngồi một chỗ, không còn can đảm để mà giao tiếp mọi người. Tối đến, khi ngọn lửa trại được sáng bùng lên, anh em quây quần vui vẻ thì tôi cố ngồi lùi lại phía sau để cho khoảng tối che lấp được mình. Các màn kịch vui bắt đầu. Đến một vở kịch trong đó có anh Lý Toét đi ra dạo chốn phố phường, mọi người kêu lên: «Đấy rồi!» và nhảy bỏ về phía tôi. Anh em nắm lấy tay tôi và tôi kháng cự một cách tuyệt vọng. Một người ôn tồn: «Thôi thì ra đóng một mách, cái vai cụ Lý cũng không phải là vai trò tầm thường.» Một người nói thêm: «Anh ấy làm bộ từ chối cho nó vui vẻ, chứ đã chịu khó hóa trang kể từ khi còn ở nhà kia lặn. Ra đi, cụ Lý». Và tôi bị ãy ra giữa đám đông, mặt tím vì ngượng, chân tay lúng túng, đành cứ vác mặt lên trời; chứ không dám ngó anh em, lão đảo đi qua đi lại một cách thiếu não. Tôi không làm sao nhớ nổi mình đã nói gì và đóng vai trò cương ấy ra sao, nhưng bình như

đã gây một trận cười hết sức dữ dội. Tôi đã đạt đến được nghệ-thuật kịch bằng chính bản thân của mình mà không ngờ đến. Câu nói «nghệ thuật chân chính không cần nghệ thuật» là vậy đó chẳng?

Đêm ấy tôi nằm trần trọc suốt đêm, những muộn moi đất mà chui xuống dưới âm phủ cho rồi. Xấu hổ cách này thì không còn có mong gì sống nổi. Gần sáng tôi ngủ mê đi và khi thức giấc những sự sinh-hoạt ban ngày che lấp xấu hổ. Anh em thân mật với tôi nhiều hơn và khen với sự thành thật ngây thơ của tuổi thiếu niên, là tôi đóng kịch rất khá. Ban đầu tôi nghĩ là họ chế diễu. Nhưng mọi sự việc khi nó gia tăng đến một độ nào thì nó biến chất, nên cuối cùng tôi tự bảo: «Có lẽ mình đóng kịch cũng khá thật».

Tôi nhất định bỏ hẳn áo dài đen, từ đó mặc đồ đồng phục mà sống chung với anh em. Cuối năm ấy, tiểu đội do anh Hoàng Ba và tôi điều khiển giết được giải nhất về kịch nhờ tôi ứng khẩu trong cuộc thi môn kịch cương — chỉ ra đề tài vào giờ phút chót — tại cuộc họp bạn liên xứ, ở một đồi cao phía trên sân bay Đà Nẵng, hình như mới đây nơi đó đã bị tai nạn phi cơ liên tiếp giết nhiều sinh mạng. Còn anh Hoàng Ba thì sau đình chiến trở lại học Nông Lâm Mục và đã chết chìm trong vụ sụp cầu ở tại Hội chợ Thị Nghè năm nào. Hình như anh chưa vào được để coi hội chợ, thì đã gặp cái tai nạn quá thảm khốc ấy. Anh là một người rất mực hiền lành và hình như mọi con người hiền lành trong xã hội này đều phải chơi với ở cách xa bờ của sự yên vui, dù họ đã cố chen lấn một cách tuyệt vọng để mà đi tới. Qua

năm sau tôi đánh bạo viết một vở kịch thơ, đề tài Thạch-Sanh, với dụng ý lãng mạn-hóa ít nhiều. Vở kịch được đem trình diễn trên sân khấu lớn ở tại thành phố và tôi có được những lời anh L.Q.T. khen tặng Anh T. được xem như là một người hiểu biết về kịch khá nhiều nên sự tán thưởng của anh đã làm cho tôi lúng túng không dám viết nữa. Sau này tôi mới hiểu biết tại sao thuốc bổ vẫn có thể giết được người một cách hiệu quả, nếu ta cứ việc cho thêm bằng một liều lượng gia tăng, ngoài mức cần thiết của cơ thể mình. Lời khen cũng như lời chê muốn khỏi vô hại có lẽ phải có hai tính chất này : cụ thể và hướng dẫn.

Đến khi tiếng súng kháng chiến bùng nổ ở trong toàn quốc, tôi mới thấy ngòi bút kịch của mình có một đối tượng rõ ràng. Trong hai năm đầu tôi đã viết gần ba chục vở kịch, nhằm vào chủ đề chống đối thực dân, đã phá mê tin, cổ động cho sự truyền bá quốc ngữ ở trong dân chúng. Suốt trong hai năm viết kịch, diễn kịch và tổ chức kịch tôi đem sinh lực tuổi trẻ vừa chớm lớn lên phung phí một cách vung vãi cho nghệ thuật này và gạt hái được không biết bao nhiêu kỷ niệm vui buồn. Có những kỷ niệm không chắc gì một đời người có thể đổi được. Chúng tôi nằm trong mây đỉnh non cao, lội xuống sóng dài ven bờ, ngủ trong rừng thông bát ngát, chen chúc trong các phố chợ ồn ào. Nhưng sau hai năm tôi thấy chán nản, vì không tìm ra lối thoát cho cái ngành nghiệp của mình. Về mặt nghệ thuật, vốn không được sự đào tạo nào ngoài một ít kiến thức sách vở, không có phương pháp thấu nhận ở trên thực-tế, tôi thấy mình quanh

quần mãi trong lối diễn đạt tầm thường, với những qui tắc cổ điển trong lối bố cục, xây dựng nhân vật, giải quyết nội dung, sắp xếp tình tiết. Về mặt tư tưởng, tôi không học các chính sách, không còn thấy được vấn đề, tự gò bó mình trong cõi mơ hồ và những nhận định chủ quan. Đến năm 48 thì tôi đành phải bỏ nghề. Các vở kịch của thời ấy đã bị thất lạc không có phương gì tìm lại. Cách đây độ 4, 5 năm một người bạn cũ đã gởi cho tôi 2 vở mà anh còn giữ. Một vở, *Người Chủ Tiệm*, vốn là đã sử tôi viết vào năm 47, quan niệm một sự liên kết rộng rãi trong cuộc chiến đấu, đã đưa đăng trong tuần báo Chiến sĩ Công Hoà và có trình bày trên Đài Sài Gòn vào khoảng 60. 61. Một vở, *Thưa, biết rồi a*, cổ võ cho sự phổ biến quốc ngữ, cũng đăng trong tuần báo này. Tôi im lặng mãi trong sự bất lực viết lách của mình từ năm 48 cho đến 53 thì gặp nạn đói quá sức trầm trọng ở trong dân chúng. Cái cảnh những người từ hiền kéo lên miền nguồn hái lá rau rừng về luộc, cảnh kẻ đói ăn cần những trái sơn đến nỗi sưng phù mình mẩy, làm cho những người hững hờ bao nhiêu cũng phải xót xa Tôi viết vở kịch *Chống đói* nhưng vở này không dùng được, vì phân tích xong, giới hữu trách nhận thấy nó gần như đi ngược lại với tất cả chủ trương, chính sách thời ấy. Từ đó, tôi thấy nghề kịch với mình đã hết thời rồi. Mãi đến sau ngày Genève, tuy không nhận lời làm việc với chính quyền mới ở địa phương vì thấy nhiều chuyện bất bình xảy ra ở trong dân chúng, nhưng đến 55 chính phủ mở chiến dịch chống tư đồ tưởng thì tôi có viết một vở kịch dài hướng ứng. Vở này sau khi trình diễn ở đôi thành phố đã đăng trong Mùa Lúa Mới, tuần báo văn nghệ, xuất bản ở Huế.

Đến cuối năm 56, đầu năm 57 tôi vào Sài-gòn có cái ý định tìm một miếng đất để mà theo đuổi kịch nghệ. Suốt một năm trời tôi đi xem các tuồng tích cải-lương, các đêm diễn kịch, thấy ngành thoại-kịch đã bị bế tắc hoàn toàn. Tôi mong mình sẽ học được những gì mới mẻ nhưng chưa tìm thấy có gì là phần khởi cải. Nội dung xoay quanh những đề tài cũ, hết chuyện giành giật tình yêu, ghen tương làm nhảm, đến chuyện hiểu lầm, đổ kỵ, tuyệt vọng, thở than. Một đôi vở tuồng có những cố gắng đặc biệt nhưng bị hạn chế nhiều mặt. Nhiều diễn viên có tài lại bị nội dung tác phẩm trói buộc và không có một tổ chức nào giúp bồi dưỡng chuyên môn, nâng đỡ đạo đức cho người nghệ sĩ. Một số được đào luyện trong Quốc gia Kịch nghệ đành chịu nằm nhà. Họ không có một môi trường thí nghiệm mà thi thố tài năng và các nhà văn hóa có tầm quyền chẳng chịu quan tâm điều đó. Ngược lại, lẽ lối đào tạo tài năng ở trong nhà trường có lẽ trừu tượng nên không giúp cho các người trẻ này một số phương hướng để họ tìm cách góp phần xây dựng trở lại ngành kịch bằng những kiểu cách khởi lại từ đầu. Tôi cũng cố tìm những nhà diễn xuất thật có thực tài để học, nhưng có lẽ vì không quen biết rộng nên chưa hân hạnh được gặp. Tất nhiên, người diễn xuất tài ngoài cái khả năng thực hiện còn phải có một trình độ lý thuyết đủ để tổng kết qua những khám phá nơi mình và nơi kẻ khác.

Vào năm 59, nhận mục văn nghệ ở đài Sai-gon, tôi có viết tiếp hai bài nói về tình trạng suy bại của ngành thoại kịch. Qua năm 61 tôi có viết trên tờ

tạp chí Mai về sự cần thiết thúc đẩy cho ngành ấy được tiến lên. Những bài lẻ tẻ và sơ sài ấy tất nhiên là không làm sao đưa cái ngành kịch lên được nửa bước. Sự kém cỏi của ngành này có những nguyên nhân xã hội sâu xa không thể hoán cải bằng hơi thở nhỏ. Đến năm 62 (?) nghe ông Mỹ Tín tổ chức trình diễn vở kịch 'Chúng nó ba thằng' tôi có lần mò tìm xuống làm quen qua sự giới thiệu của anh bạ Trương Đình Cử và trong một vài tuần lễ mỗi tối tôi xuống nhà ông để nghe bàn bạc về vở kịch ấy. Một phần tôi chưa đủ sự thân thiết để nói rõ hết ý mình, một phần nhận thấy vở kịch khó gây được tiếng vang nào vì cái nội dung không đáp đúng vào những thắc mắc lớn nên sau đó tôi vắng mặt. Tuy vậy tôi chưa gặp được người làm kịch nào có nhiều nhiệt tình như ông Mỹ Tín và chịu khổ nhọc cho sự yêu thích nghệ thuật của mình như thế.

Những năm đầu này nhờ ít có công việc làm nên tôi có đủ thì giờ đọc sách, theo dõi được nhiều kịch bản nước ngoài, chú trọng vào các tác phẩm nổi tiếng các nước như Pháp, Đức, Mỹ, Nhật xuyên qua Pháp ngữ. Về Nhật, tôi chẳng đọc được một kịch bản nào cho thật thú vị. Về Pháp, những loại rất là ăn khách như của Roussin: *Căn lều nhỏ*, *Khi đưa con ra đời*, *Ái tình bất tuyệt* thì có nhiều phần duyên dáng hơn là sâu sắc. Tôi cũng chưa gặp một kịch bản Mỹ nào được dịch ra Pháp văn có thể cho mình những vui thích lớn. Sự phong phú, mãnh liệt của những tác-phẩm Schiller vẫn còn hấp dẫn lạ lùng. Tôi đọc hầu hết những kịch-bản lớn của văn hào này, nhiều quyền đọc

lại cả lần thứ hai, và ao-ước biết tiếng Đức để dịch từ trong nguyên tác. Tôi bèn đi học tiếng Đức, nhưng được một năm thì vì công việc làm ăn đành phải bỏ dở, và may mắn lắm là bây giờ tôi còn nhớ độ chừng mười chữ và những khái niệm trừu tượng về văn phạm của loại ngôn ngữ ấy, đủ để gọi là không biết gì hết. Những đề tài như Ælipe, được các kịch-tác-gia rất nổi tiếng nhiều đời khai thác, kể từ Sophocle ở vào 4, 5 thế kỷ trước ngày Tây-lịch, cho đến Racine, Voltaire, và gần đây hơn là Gille, giúp thấy ý nghĩa thời đại ở trong tác-phẩm một cách cụ thể. Những tác giả thật mới và thật nổi tiếng như là Ionesco và Brecht thì tôi chỉ mới được đọc một số của Ionesco và không hiểu hết cái lối diễn tả u-tối của tác-giả này. Còn về Brecht tôi rất muốn đọc mà vẫn tìm không ra sách. Sự đọc của chúng tôi, nếu không bị cái túi tiền hạn chế, thì cũng bị sự hạn chế của các thư viện. Ở cái thủ đô Sài Gòn nhiều thư viện gọi là lớn chỉ có những loại sách cũ, những bảo tàng viện về sách, không phải để giữ sách quý. Bởi lẽ, những quyển sách quý, dù là rất cò, nếu ta hỏi đến thì hầu như là đã bị thất lạc từ lâu.

Những sự trình bày có vẻ lan man như trên thật có liên hệ đến những phần tôi sáng tác trong mười năm nay. Cái điều sai lầm mà tôi nhận thấy là tôi không dứt bỏ được hẳn cái ý nghĩ quay về với lại ngành kịch, nên những sáng tác mà tôi đã làm có những ép uổng bên trong nhiều hơn là được toại nguyện. Đó cũng là cái lý do giúp tôi hiểu rằng vì sao mà tôi ít quen thân với các nhà văn khác hơn là cụ Vi Huyền Đắc. Cụ đã đối xử với tôi một cách ân cần, của

một tình bạn vong niên, và cụ sẵn sàng góp lời khuyên nhủ một cách thiết thực với cái tư cách của bậc đàn anh khả kính. Trong giao tình này đã có bàn tay của ngành kịch-nghệ dẫn dắt âm thầm. Tuy vậy tôi ít khi khi dám đề-cập vấn đề sân khấu với cụ, vì cụ giữ nguyên quan điểm kịch trường cổ điển Tây Phương với những nguyên tắc đã có từ thời ông Aristote. Cụ bày tỏ mối cảm-tình với tôi trên bản chất kịch, nhưng chắc sẽ không chia sẻ phương thức biểu hiện cái bản chất ấy. Đó là một thứ mâu thuẫn trong các trạng thái mâu thuẫn mệnh mông phức tạp của đời. Nhưng tôi vẫn không bao giờ quên được nhiều kinh nghiệm về cuộc sống mà cụ truyền đạt và những kinh nghiệm sinh động về mặt dịch thuật mà cụ đã thâm lược được thường xuyên trong sự hoạt động bút mực hiện nay, để tự nuôi sống, và làm thêm vui tuổi già.

Nếu sự yêu mến ngành kịch chỉ phối sâu xa đến sự giao tiếp thì cũng chỉ phối đến việc phê bình trong những năm qua. Do đó khi vở Kim tiền được in thành sách lần đầu, sau hai mươi năm ngủ yên trong tờ tuần báo Ngày Nay, thì tôi đón tiếp mừng rỡ và vội bày tỏ một số nhận xét ở trên tạp chí Bách Khoa. Cụ Vi tỏ ý hân hoan về các ý kiến của tôi, cả về ý kiến tán thưởng cũng như chỉ trích, dù qua bút hiệu cô Phương Thảo cụ không đoán biết là tôi. Về sau, hiểu rõ điều này, cụ đề tâm theo dõi các bài tôi phê bình và luận khuyến khích tôi nên theo con đường ấy, chỉ con đường ấy mà thôi. Ngoài vở Kim tiền, trong gần 10 năm dưới thời ông Diệm chỉ có hai vở kịch viết tương đối công phu, là vở Thành Cát Tư Hãn của Vũ Khắc

Khoan và Người Viễn Khách Thứ Mười của Nghiêm Xuân Hồng. Tôi đọc rất kỹ hai vở kịch này để bày tỏ nhưng nhận xét, và suốt năm năm cầm bút phê bình, vở kịch ông Vũ Khắc Khoan là tác phẩm tôi bỏ nhiều công phu tìm hiểu hơn cả.

Đáng lẽ về những điểm này tôi sẽ nhận xét sau đây, trong phần đi sâu vào khoảng 10 năm cầm bút, nhưng tôi muốn được trình bày là điểm làm tôi hứng thích vẫn là được nói về kịch. Ngoài một đôi chút kiến thức sẵn có về bộ môn này, như tôi đã được phép nói dài dòng ở trên, sở dĩ tôi yêu mến ngành nghiệp này phần lớn còn do "những điều trông thấy mà đau đớn lòng" ở trong gia-đình, và ngoài xã hội.

Trong những năm đầu bỡ ngỡ tại Saigon này, khi chưa được quen Tòa soạn Bách Khoa, tôi lại quay về nghề dạy. Đó là ngành nghiệp tôi sống nhiều năm và có nhiều điều muốn nói, nhưng chắc không phải là trong bài này. Thầy tôi, dù là nhà nho có theo Tây học và trước khi vào kinh doanh cũng có dạy học ít nhiều, nhưng ông tỏ ra không

yêu nghề này, và thường cho tôi thành kiến sai lạc về sự dạy học. Đó cũng là một lý do khiến tôi không biết gắn bó với nghề. Còn nhớ từ thuở ấu thơ, tôi vẫn nghe thầy tôi đọc một câu chữ Hán mà tất nhiên bây giờ tôi không làm sao đọc lại được. Câu ấy không có cảm tình bao nhiêu với cái nghề dạy, đại ý cho rằng nếu có một số *thủy-diên*, nghĩa là ruộng xấu, thì chẳng thèm chịu làm Hồ Tôn Vương, nghĩa là làm vua bây khi, tức là dạy học. Tôi đành chịu tội bất hiếu mà nhớ những lời cha dạy nửa chừng, và hi vọng có vị độc giả nào thâm nho sẽ giúp cho tôi biết hết cả câu và cả tác giả.

Như thế thì tại sao lại đắm sầm vào cái nghề viết tiểu thuyết, và nghề phê bình? Rõ ràng đây là một cuộc duyên nợ mà tôi không sao lường biết được trước trong cuộc đời mình, nhưng phải thừa nhận tạp chí Bách Khoa là một ông Tư, hay là Bà Nguyệt, có tài xe chỉ.

(Còn tiếp 1 kỳ)

VŨ-HẠNH

ĐÃ PHÁT HÀNH

ZEN và DƯỠNG-SINH

do Ông THÁI-KHẮC-LỄ biên soạn

Nói về lý-thuyết và cách thực-hành phép ăn chay bí-truyền của các võ-sĩ Nhu-Đạo và các vị Thiền-sur Nhật-bản, có công-năng cải-tạo sinh-lực, làm trẻ đẹp người, thêm tuổi thọ, tăng cường trí nhớ, chữa lành tất cả các bệnh nan-y như đau tim, bón, mất ngủ, di-tinh, áp-huyết cao, ung-thư, ho lao, phong-cùi, suyễn, điên-cường, bị phóng-xạ nguyên-tử, v. v...

Sách tái-bản có sửa-chữa và bổ-túc nên dày đến 285 trang.

Giá bán : 85 đ. 00

Ông PHẠM-CHÂU
Thư-viện Đại-học, — HUẾ

Thư-từ xin gửi về :
Ông TÔN - THẮT - HẠNH
6, Thoại-ngọc-Hầu — GIA-ĐÌNH

mưa không ướt đất

— Năm 1956 tôi vượt tuyến vào đây với hai bàn tay trắng. Nói là vượt tuyến thì không đúng. Thực ra tôi vào đây với sự thỏa thuận của ông Hồ, sau khi chịu thế chân bằng những sản nghiệp tôi có dạo ấy. Nếu tôi không trở về thì coi như mất cả sản nghiệp đó. Cố nhiên là tôi chẳng dại gì trở về. Tôi ở lại đây, vay tiền buôn bán làm ăn và tạo nên cơ nghiệp như ngày nay. Năm nay tôi ba-sáu tuổi đầu rồi mà vẫn chưa lập gia đình. Tôi không được may mắn như các anh các chị được học hành. Điều mà tôi ân hận là đã không làm sao mang được mẹ tôi vào đề cùng hưởng với tôi..

Tiếng người đàn ông chủ nhà tan loãng vào trong bầu không khí cô tịch của buổi chiều nơi cư xá. Xa xa có tiếng trẻ con hát lullu lo trong một cuộc rước đèn. Mặt trời đã lặn nhưng bóng tối chưa kịp buông xuống.

Thư dựa đầu vào thành ghế, lơ đãng nghe. Những âm thanh vội vã hấp tấp của người đàn ông có giọng nói đặc biệt của những người Bắc sinh sống trong các trại định cư, thỉnh thoảng có đá vào một đôi tiếng Nam với một pha trộn ngây ngô vụng về — những âm thanh ấy rơi xuống khô khan, không đủ khơi dậy một hào hứng nào. Thư xoay chân trong một dáng ngồi thoải mái, đôi mắt khép hờ nhìn về phía Phấn, góp chuyện một cách uể oải :

— Chưa lập gia đình, chắc tại anh còn kén đấy chứ phải không ạ ?

Người đàn ông đối diện với Thư, hơi có vẻ lúng túng. Duẩn quay nhìn Thư bắt gặp cái cười mỉm trên khuôn mặt trắng im lìm trong bóng chiều chạng vạng. Tự nhiên anh có cảm tưởng đó là khuôn mặt của một pho tượng. Cái ý nghĩ đó Duẩn có từ dọc quen biết Thư khi hai người còn học ở Dự Bị văn khoa. Thuở ấy còn có cả Cường. Dạo ấy thật vui. Mỗi người đều như có điều gì muốn nói nhưng họ muốn nói lảng sang những chuyện khác đề vui nhộn và quên đi những xao động mà chính họ không biết phải đặt tên cho chúng là gì. Duẩn, như tất cả những người đàn ông mập mập khác,

tra giễu cợt, mặt luôn đỏ gay (có nhẽ vì cười nhiều?) và không có ác ý. Anh quen với Thư qua lời giới thiệu của Cương. Về sau anh được biết hai người yêu nhau. Nhưng anh không hiểu được vì sao họ có thể yêu nhau, vì theo Duàn nhận xét, họ như hai thái cực. Cương yếu ớt, hơi giống con gái, mặc dù nhiều lúc anh tỏ ra là một người trầm tĩnh — thực ra, Cương thiếu tính chất nóng nảy của một người đàn ông thật sự và vì người anh quá mảnh khảnh. Thư, ngược lại tính nết cứng cỏi hơi lạnh nhạt, mặc dù vẻ dịu dàng của những đường nét trên khuôn mặt và thân hình. Rồi Cương du học. Duàn mất tin Thư. Bây giờ gặp lại, bắt chợt cái vẻ im lìm cố hữu trên nét mặt người con gái. Duàn tưởng mọi sự chẳng thay đổi bao nhiêu. Có nhẽ trông Thư trầm hơn, ở vẻ đẹp và lối nói chuyện. Ba năm rồi còn gì.

— Tôi đã gặp nhiều cô, nhưng họ làm tôi thất vọng. Tôi mong lấy được một người vợ — làm cô giáo, làm cô giáo thì hẳn là biết dạy con hơn...

Duàn cười trong cò, vẻ ngờ ngẩn.

— Thật hả anh?

Phấn, người chủ nhà, cười hờ hờ. Thư tự hỏi không biết Phấn có biết là Duàn đùa anh ta không. Thư có ý nghĩ mỗi lần gặp lại Duàn, nàng thấy anh béo hơn và giễu hơn — phải chăng những người béo thường hay giễu? Thư không tin như vậy. Ông cụ nàng béo, nhưng ông chẳng giễu bao giờ. Lúc nào cũng lầm lì. Có nhẽ ông không giễu được vì tuổi già và cái chết đang chờ ông. Những lúc về sau này ông đánh bạc nhiều hơn và thua đậm hơn, lầm lì và buồn bã hơn. Thư sống trong gia đình với cái bóng của ông đè nặng trong tâm hồn. Nói như vậy không có nghĩa là Duàn hay giễu vì Duàn trẻ và cái chết còn ở xa tầm tay anh.

Vài đứa trẻ cầm lồng đèn đi qua, gọi nhau riu rít, mắt nhìn bọn người ngồi bên trong hàng rào, vẻ tò mò. Thư nhìn quanh lơ đãng:

— Có nhẽ nên có vài cái đèn xếp treo lung lẳng cho nó có vẻ...

Phấn bảo:

— Tôi quên mất vụ đó. Nhà có trẻ con thì tự nhiên mình nghĩ đến điều đó...

Giọng anh ta có vẻ bùi ngùi. Thư kiểm một cái cờ đề đi ra ngoài. Nàng thấy thềm đi tung tăng — vẫn thềm đi tung tăng.

— Duàn đi ra chợ Thủ Đức với tôi đi. Hình như nhà cũng không có đèn cầy phải không anh? Chả lẽ lại ăn và nhảy dưới ánh đèn tube trong bóng tối mò?

Duàn:

— Định chơi « lumière » hay sao?

Tuy vậy anh cũng đứng dậy, bảo Khánh đưa chìa khóa xe và theo Thư ra ngoài. Một đôi người trong bọn ngồi hoặc đứng rải rác trên nền đất lẫn lộn gạch vụn và cát, hỏi Duàn đi đâu đấy.

— Ra chợ mua đèn, Duàn đáp.

Lúc hai người ra khỏi cửa trời đã bắt đầu tối. Thư ngồi sát vào người Duàn. Duàn nhấn ga cho xe vọt đi. Con đường dẫn vào Thủ Đức cong cong. Những

cây thánh giá trắng nhờ nhờ trong một nghĩa địa bên đường. Những ánh đèn dầu le lói trong một vài mái tranh. Tòa nhà cao của một trường Đạo đối diện với những bức tường dài của trại lính bên kia đường. Chợ Thủ Đức tung bừng dưới những ngọn đèn sáng. Những buổi chiều tan học kéo nhau lên đây cả bọn bốn năm đứa duy có mình Thư là con gái. Tại sao thích tham dự vào những buổi họp mặt của bọn con trai hơn là gần gũi với các bạn gái mà Thư thường cảm thấy quá e dè ngại ngùng ? Duần nhớ rằng mình vẫn chỉ coi Thư là một người bạn trai, dù Thư là người yêu của Cương. Cương vừa thích có Thư tham dự vào những cuộc họp mặt này vừa không. Ở người con trai ấy có nhiều điều u ẩn và hơi lãnh đạm. Từ ngày anh đi ngoại quốc, trong những lá thư gửi về, Thư chợt « nhận ra » Cương. Người ta yêu người khác không vì những tương đồng mà vì những điều có thể rất trái ngược. Thư sống như một con mèo hoang thì Cương khép mình trong khuôn khổ mực thước, hoàn toàn lệ thuộc gia đình. Cố nhiên chẳng phải vì người này hay người kia muốn thế, hay có muốn thì cũng chỉ một phần. Đứng trước Cương, Thư cảm thấy quá cô đơn nhưng không thể không yêu. Cương thương và yêu người con gái với một lý do gần giống thế.

— Thư nghĩ gì vậy ?

Thư cười một tiếng ngắn :

— Ngày xưa dạo bọn mình thường kéo nhau lên đây ăn và bây giờ tôi thấy đói. Có nhẽ mình nên ăn một cái gì đi.

Duần tán thành. Hai người vào một quán ăn trong chợ.

— Duần còn nhớ anh chàng Vinh không nhỉ ?

— Nhớ, nhớ quá ấy chứ. Thành thạo tôi vẫn gặp hắn ở phố.

— Còn sống với « ma đám » kia không không biết ?

— Hình như còn. Không thấy nói đến. Hắn vào biệt kích rồi.

Tôi không thấy ghét anh ta một mảy may. Tôi phục tài hoạt bát của anh ta. Làm sao mà anh ta đóng kịch giỏi thế ?

— Thư còn nhớ một hôm anh ngồi ở trên xe đi chơi suối Lồ ò, anh ta giảng cho Thư nghe về danh từ « biên tế » không ?

— Nhớ. Tôi chỉ thấy mơ hồ hơn sau khi nghe anh ta giảng — mơ hồ như... biên tế vậy ! Nhưng tôi lại nghĩ những người học cao thường có một lối định nghĩa tối tăm nên tôi vẫn tin được. Đâu ngờ anh ta chỉ là một thứ mật vụ quá tài tình ! Chính vì cái tài tình đó tôi lại thấy quý anh ta mới lạ chứ ! Tôi còn nhớ một hôm anh ta cho tôi xem lá thư tình của một cô mà anh ta bảo là fiancée, cùng học lớp với bọn mình. Anh ta bảo cho tôi cô gái ấy. Tôi cũng có dịp đứng ở xa nhìn thấy anh đi cặp kè và nói chuyện với cô nàng. Cô ta là một cô gái e lệ, tóc thả buông xoã vai, lúc nào cũng ngậm góc khăn tay. Ở xa nhìn vào, làm gì mà không tin là nàng đang e thẹn trước vị hôn phu. Nghĩ cũng buồn cười. Tôi thấy thương bọn mình dạo ấy lạ, thương cái quá khứ hồn nhiên đến thơ ngây, thơ

đó. Sau vụ phát giác đó, tôi thấy như có một mối nghi kỵ rơi xuống giữa bọn mình... Không biết Duần ra sao, tôi thấy Cương có vẻ buồn thành thật. Anh ta vốn sẵn tính dăm chiêu...

Những kỷ niệm kéo về chập chùng chập chùng và ộ hợp. Giọng Duần trầm hẳn xuống :

— Cũng may hẳn chưa khai thác gì được ở bọn mình. Mà nói cho ngay mình có hoạt động gì đâu mà khai thác ? Toàn một bọn chỉ đấu lão phát phơ...

Ừ tại sao mình chưa hề một lần tham dự ? Mình sống như một kẻ đi dạo vậy, một kẻ đi dạo không mấy chút hăng hái hay thành thạo. Làm như thể sinh ra thì phải sống, sống cho hết cuộc sống, đề chết. Và sống trở thành một bần phận. Một bần phận ? Phải chăng tôi khát lần việc lấy Thục cũng chỉ vì sợ không dám chuốc thêm một thứ bần phận nào khác ? Tại sao không đủ can đảm hủy bỏ lễ đính hôn đề cho Thục đi lấy chồng ? Tôi không yêu nàng, không hề yêu nàng. Tôi không hủy bỏ lễ đính hôn vì có lẽ tôi chẳng đủ can đảm đề cố gắng làm một việc như vậy. Tôi có hèn nhát lắm không ? Tôi có bi quan không ? Bạn bè thấy tôi cười nhiều — mặt tôi lúc nào cũng đỏ gay, hiện tượng của một người nhiều sinh lực ? Buồn cười thật thôi ! — chúng nó tưởng tôi không lo âu. Thực ra, tôi ngao ngán quá đấy thôi, ngao ngán hơn cả là mỗi bữa cơm tôi về nhà, thấy mâm cơm úp lờng bàn phần tôi trên bàn và mẹ tôi đi với một-trăm-lẻ-hai-quân, thằng em mười-bốn tuổi bỏ đi lang thang. Chẳng có gì giữ tôi ở trong gia đình cả. Tôi cũng thiếu một cái điều mà tôi cho là đẹp và đáng theo đuổi ở ngoài đời. Tôi đi dạy như một cái máy, mê học trò con gái (một cách thắm kín cố nhiên vì bắt buộc thế) như một cái máy và không thấy điều đó là quan hệ, lê la các tiệm cà phê quen tán dóc với tụi bạn như một cái máy, và đây chính là điều tôi cần. Duần nốc cạn ly ba-ba, nhìn người con gái đối diện, đôi mắt cận thị không đeo kính. — (Duần kỵ đeo kính cận) — hờn buồn bã...

oOo

Duần bước ra hiên, mở phanh khuy áo ngực và thở ra : Một ly « sec » làm anh chuyển choáng. Thư ngồi bó chân trên bậc thềm, ngẩng lên, thấy anh, mỉm cười. Không biết có phải rượu làm Duần thấy Thư đẹp lạ thường hay vì khuôn mặt trắng của Thư hiện trong bóng mờ mờ trông đẹp như một pho tượng. Duần có cái cảm giác như một người sống ở ngoài thời gian. Mọi sự vật như ngưng đọng lại, ngưng đọng lại trên khuôn mặt im lìm của Thư. Anh hỏi mà như không nghe tiếng mình hỏi :

— Ngồi ở đây à ?

— Trong ấy ngọt ngọt quá.

— Có lẽ vì thế mà vừa nhảy với tôi cô Thủy vừa quạt... Cũng có lẽ cô ấy quạt hơi rượu...

Thư cười nhẹ, ngồi nhích sang một bên khi thấy Duần ngắt ngưỡng bước xuống khỏi thềm nhà. Tự nhiên Duần có cái ý thích ngồi dưới chân Thư. Điều đó gây cho anh một cảm giác vô về. Điều đó làm cho Thư cảm thấy dụi vợi...

— Còn nói được như vậy à ?

Duần ngưng ngẩn một lúc, rồi bật cười :

— Thư tưởng tôi say à ?

Thực sự là Duần chuyển choáng. Mấy lần trong khi ôm Thủy, anh dẫm phải chân nàng. Duần tưởng tượng lại lúc ôm Thủy trong vòng tay. Ở Thủy có một vẻ mộc mạc của một cô gái miền Nam. Nàng không tỏ vẻ bực bội mỗi lần Duần dẫm phải chân, cũng như Duần coi việc nàng phe phẩy chiếc quạt trên tay là một điều thú vị. Ý nghĩ đó làm cho Duần bật cười một mình.

Bên ngoài, tiếng hát của bọn trẻ rước đèn quanh cư xá đã ngưng từ hồi nào. Trăng đã lên cao. Ánh sáng như có màu xanh. Trước giậu, vài ba cái đèn xếp bị cháy xén còn treo lủng lẳng.

— Trông Thư có vẻ buồn ?

Duần rút điếu thuốc xòe lửa châm hút. Anh đưa bao thuốc mời Thư. Nàng mỉm cười lắc đầu :

— Tôi bỏ thuốc từ gần mấy tháng nay vì tự nhiên sợ mùi khói thuốc.

— Tôi hút có phiền không ?

— Không, không ..

Thư nói như cố không nói ra một điều mà trong thâm tâm nàng muốn nói, muốn khoe, với tất cả sự hân hoan. Duần cắt bao thuốc vào túi áo, thở ra từng vòng tròn khói nhìn theo chúng uốn éo dưới ánh trăng thành từng sợi mỏng dài và tan loãng. Một sự im lặng bao quanh hai người. Tiếng một bản nhạc có tên « Adieu Tristesse » từ trong phòng vang ra hòa lẫn tiếng giày đi trên sàn nhà của những người đang khiêu vũ. Máy hát cũ quá. Tiếng kèn nghe rè rè.

— Bao giờ thì mình có thể « adieu tristesse » được ?

Thư lên tiếng. Duần quay lại anh có giọng nói hơi cao, như có một cái gì vừa gay gắt vừa giễu cợt ở trong đó :

— Hết buồn thì còn vui thế quái nào được !

— Nói là nói vậy thôi... Nỗi buồn thực ra tổ diêm cho cuộc sống..

— Tối nay Thư vui chứ ?

— Vui. Và thanh thản nữa ... Mặc dù bữa tiệc có phần nào luộm thuộm. Tôi tưởng Duần quen với anh Phấn.

— Quen gì. Tôi mới biết ông ta sáng nay.

— Nhân vật ấy cũng hay hay.

— Bây giờ ông ta chỉ thiếu có một cái, là một cô vợ có học thức một chút để cho ông ta có cái cảm giác là mình cũng có dính dáng tí chút trí thức.

Thư cười một tiếng ngắn :

— Kề ra việc đó đâu khó gì, đối với một người có của như ông ta. Nghĩ cũng buồn cười. Không biết ông ta nghĩ sao... Theo tôi, bấu gì cái trí thức, nhất lại là một người đàn bà trí thức.

Duần quay nhìn Thư :

— Sao có vẻ chửi bới ghê thế ?

— Nhiều khi tôi có ý nghĩ giá đừng học, đừng đọc nhiều, mình lại sống dễ hơn. Suy nghĩ lắm đầu óc đâm trì trệ. Lỡ rồi, đành chịu. Tôi có con, sẽ để nó sống hồn nhiên, như cây cỏ... Nói vậy, cũng khó làm như mình muốn. Có thể, rồi thế hệ con mình sẽ khác, không như bọn mình. Nhiều lúc tôi có cảm tưởng thế hệ bọn mình sinh ra để chịu một cuộc thí nghiệm...

— Thư nói như thế là Thư sắp có con rồi ấy !

Thư bỗng im, xúc động. Một lát nàng cười nhẹ.

— Tôi sắp có con thật, chẳng phải « như thế » đâu.

Duần không tin. Thư cảm thấy không thể không bộc lộ niềm vui lẫn lo âu của mình với Duần.

— Không tin tôi nói thật à ? Hai tháng rồi...

Thư nói giọng run, nhưng vẫn cố giữ vẻ bình tĩnh. Duần nhìn Thư vẻ ngạc nhiên pha lẫn nét vui mừng trên khuôn mặt. Anh đặt tay lên bụng Thư giản dị, tự nhiên như Thư là người yêu của anh, và dường như đó là điều anh mong đợi.

— Thế.. sao trông Thư... tỉnh thế ?

Hỏi xong, Duần mới thấy mình có vẻ ngây ngô. Giọng Thư ráo hoảnh, thật nhỏ :

— Không tỉnh, thì say à ?

Duần-rút tay về, nói như nói một mình :

— Vui nhỉ ?

Trong phút giây, Duần có cái ao ước được áp mặt vào lòng Thư và được Thư lùa những ngón tay vào trong tóc anh, cái cử chỉ những người yêu nhau thường làm. Nhiều lúc Duần cảm thấy quá thiếu thốn. Duần cần một thứ tình yêu pha lẫn tình bạn trong đó. Điều đó nghe thật giản dị. Nhưng sao trong thực tế thật hiếm.

Duần nghĩ đến Thục. Mặc dù đã đính hôn với nhau, Duần vẫn nghĩ đây là một việc làm trái với ý muốn của anh. Tại sao Thư không là Thục nhỉ ? Và tại sao Duần không là người đàn ông đã cho Thư đứa con nhỉ ? Duần lần thần tự hỏi. Tiếng Thư nghe xa vắng :

— Tôi giữ đứa nhỏ lại, dù tôi biết mình sẽ phải trả một giá rất đắt. Tôi nghĩ biết đâu sự có mặt của nó sẽ thay đổi cuộc sống và những suy nghĩ của mình phần nào chăng? Có thể nó sẽ là sợi giây ràng buộc tôi vào với cuộc sống mà nhiều lúc tôi thấy quá chán ngán ? . . .

Thư cảm thấy bị lôi cuốn bởi chính những điều nàng vừa nói ra. Mình có đang nguy hiểm. ? Nàng thầm hỏi. Thực sự Thư không biết những gì đang chờ đón nàng ở cuối cùng chặng đường này. Mặc, nàng cứ dần bước.

Duần cảm thấy bất cứ câu hỏi nào đặt ra bây giờ cũng là thừa. Anh hút hơi thuốc cuối cùng, khum hai ngón tay cái và ngón giữa, búng điếu thuốc văng ra xa sang bên kia hàng rào, điếu thuốc rụng phải bức tường của ngôi nhà trước mặt, những tia lửa toé vỡ như một quả pháo bông tí hon, và rơi xuống trong đám cỏ dưới chân tường. Anh đứng dậy :

— Thư vào nhảy với tôi bản này đi.

— Không. Tôi muốn ngồi nghỉ. Tôi muốn yên tĩnh. Duần vào nhảy đi.

Duần tần ngần một lát, rồi quyết định đi vào nhà :

— Tôi đi kiếm rượu uống... Thư uống một li nhé ?

Tiếng Duần ngập đi trong tiếng nhạc dồn dập ồn ào ...

oOo

Chiếc xe rời đường Võ Di Nguy rẽ qua đường Chi Lăng. Trời về khuya, đường phố xe cộ thưa thớt. Thư tưởng tượng cách đây vài tiếng, từng bày trẻ náo nức cầm lồng đèn đi tung tăng trên các đường phố, và trên những sân thượng, từng mâm cỗ trông trăng được bày ra với bưởi, cam, hồng, bánh nướng bánh dẻo, và những con giống xinh xắn đủ màu. Xa rồi những ngày rằm cùng anh chị em náo nức mua sắm. Thư nhớ lại mùa Trung Thu đạo nào, mấy bố con xúm lại làm một cái đèn kéo quân. Thư có bồn phận vẽ và cắt những hình người — những hình người vẽ lại những mẩu chuyện cóp nhặt trong thần thoại cổ tích. Ông Lư và Thức vót tre làm đèn và dán giấy. Đèn đốt lên, ba vòng tròn đầy những hình người quay tròn quay tròn. Bố con cùng ngắm tác phẩm hoàn thành và đang sinh hoạt. Cô bé Lọ Lem đuổi theo nàng Bạch Tuyết và những chú Lùn nổi đuôi cô bé quàng khăn đỏ, xen vào đó, là những nàng công chúa Thủy cung nửa người nửa cá, những Hoàng tử cưỡi ngựa uy nghi... Cả một thế giới thần thoại được dựng lên, đúc kết, sống động. Bây giờ là những buổi tối trống rỗng căn sườn ấm bởi một ngọn lửa từ bên ngoài, từ những người bạn, từ một vòng tay của người khác phái. Nhưng những tìm kiếm đó chỉ khơi thêm lỗ hổng cô đơn. Vẫn mặc. Như bị lôi cuốn bởi cơn thác lũ, Thư vẫn tiếp tục lao đầu vào, với một đam mê cuồng nhiệt không tèn. Bất giác Thư đặt tay lên bụng. Giọt máu này cũng giống như cơn đam mê kia. Nó chưa có hình dạng, chưa có giống, chưa có tên gọi. Và chưa được nhìn nhận bởi một ai ngoài người mang nó. Và Thư nhìn nhận nó với một nỗi ngây ngất kỳ diệu. Phải chăng đó chính là cái bản năng đầy nữ tính ? Cử chỉ của Thư làm Duần thôi nhìn về phía trước quay nhìn theo bàn tay của Thư rồi nhìn Thư, mỉm cười. Thư tìm đọc trong nụ cười đó một ý nghĩa. Nàng chỉ thấy trong đó một sự bao dung có pha lẫn vẻ lạ lùng.

— Nó... đẹp chưa ?

Duàn hỏi nhỏ vừa đủ cho Thư nghe. Thư lắc đầu, cười nhẹ :

— Làm gì mà mau thế ?

Phấn im lặng lái xe không nghe những lời đối thoại giữa hai người. Với hắn, buổi họp mặt vừa rồi coi như lui vào dĩ vãng. Hắn không đạt được điều mà hắn mong muốn, là tìm được một cô vừa ý hắn. Có lẽ hắn thích Thư. Khuôn mặt có vẻ trong sáng. Cái nhìn khôn ngoan lanh lợi. Lối nói chuyện chứng tỏ người có học. Tính nết thâm trầm. Nhưng từ lúc Thư nhận lời đi với Duàn, hắn tự ý loại nốt Thư khỏi đầu óc.

Thư cảm thấy bàn tay Duàn vỗ vỗ nhẹ lên vai nàng. Và chiếc xe rẽ vào một ngõ hẻm đường Chi-Lãng. Đường hẻm vẽ một hình cong, vắng ngắt, không một ánh đèn. Lò mờ một vài bóng cây màu đen sậm. Chiếc xe quẹo thêm một lần nữa về tay trái và nằm lọt giữa hai dãy nhà có những bức tường cao, vôi loang lổ, ít những khung cửa sổ. Hẻm có vẻ một nơi gồm những xưởng — xưởng gì Thư không rõ — nhưng Thư có cảm tưởng như vậy. Vành trăng hiện ra trên bờ một bức tường cao đồ xuống lòng hẻm một ánh vàng nhạt mờ mờ. Thư có cảm giác đang đi vào một thế giới xa lạ không tên gọi. Điều đó gây cho Thư một thích thú như người tham dự vào một cuộc phiêu lưu. Thư có thể hỏi Phấn và sẽ được giải thích. Nhưng nàng im lặng để giữ cho mình cái cảnh giác lúc ban đầu. Thư cũng có thể bảo với Phấn và Duàn nàng muốn về nhà và nàng sẽ trở về nhà, sẽ dùng chìa khóa riêng mở cửa, sẽ bỏ giày leo lên căn gác nhỏ bé thiếu khí trời, sẽ thay quần áo trong im lặng, sẽ nằm sấp trên chiếc giường sắt một người của nàng và sẽ tiếp tục nghe ngóng cái sự sống nhỏ bé đang này mằm trong thân thể nàng với một niềm lo-âu-pha-lần-thích-thú-riêng-tư-không-chia-sẻ, không-thể-chia-sẻ. Nhưng một sức lôi kéo làm Thư vẫn tiếp tục im lặng. Bất giác Thư tự hỏi mà mình mong đợi gì ở họ, ở Duàn chứ ? Thư biết rằng nếu nàng cứ tiếp tục im lặng, như thế có nghĩa là ngày mai trở về nhà, nàng phải chịu đựng cái nhìn trách móc và dò hỏi của bà Lư. Tại sao từ bao giờ đến giờ hai mẹ con vẫn vô cùng cách biệt ? và dường như bà Lư cũng chẳng tỏ vẻ buồn bã, hay ít ra, ý thức về sự cách biệt này. Bà chỉ có một mối bận tâm : đi nhà thờ và cầu nguyện, cầu nguyện như một cái máy cho bà và cho phần hồn của cả gia đình đang dần dần phân tán, mỗi người một ngã. Từ đó Thư có ý tưởng cầu nguyện là một chứng tỏ của sự bất lực. Và Thư khước từ sự bất lực đó. Thư muốn được tin tưởng ở tương lai, tương lai của cuộc sống này, chẳng phải cuộc sống ở bên kia cõi sống phân cách bằng sự chết.

Phấn cho xe dừng lại trước một khung cửa sắt. Ánh đèn từ bên trong hắt ra đồ dài trên mặt hẻm thành một vệt sáng mờ. Một con chó beç-dê từ bên trong nhảy xô ra sủa vang. Âm thanh chói chúa như chọt đánh thức Thư dậy cùng với tiếng máy xe vừa tắt ngấm. Không gian tĩnh mịch của con hẻm bị xé toang, kéo theo vài tiếng sủa khác lập lại từ xa. Phấn mở cửa xe xuống, quát khê :

— Ky Ky ! Im nào ! Đi vào trong nhà !

Con chó nghe tiếng chủ, im bật, nhưng vẫn còn găm giữ trước hai người

khách lạ lúc ấy cũng vừa bước xuống xe. Tiếng giày đi, lết trên sàn xi măng. Phấn loay hoay mở cửa sắt. Tiếng chìa khóa xoay trong ổ khóa và đoạn xích sắt đập vào cửa vang lên những tiếng động khô khan. Con chó quính quít đập đuôi phía bên trong. Nhưng cửa vừa mở nó thoát ngay ra ngoài. Phấn quát gọi :

— Ky Ky! Đi đâu? Vào nhà mau!

Con chó không nghe, làm một vòng quanh chiếc xe đậu trước cửa rồi cuối cùng theo ba người vào nhà, lúc quần bên chân chủ, lúc theo đánh hơi hai người khách. Thư bước chậm chạp, nhìn những khung gỗ la liệt trong ánh đèn vàng kịch hắt tại từ một ngọn đèn tù mù treo lủng lẳng cuối xuống. Nàng đoán chừng đây là một xưởng dệt. Đồ đạc lộn xộn chật chội Phấn bước vội vào phía trong bật thêm một ngọn đèn nữa rồi trở ra loay hoay tra chìa khóa vào ổ khóa một cái cửa ăn thông sang căn bên mặt. Thư đứng lại trong bóng tối. Bây giờ nàng mới cảm thấy mọi rã rời, chỉ muốn được ngã lưng xuống một cái giường nệm nào đó. Nàng ngó Duàn lúc ấy đang nhìn quanh dáo dác, vẻ chán chường. Tuy nhiên Duàn đã có vẻ tỉnh táo hơn lúc ngồi ở tiệm cà phê. Anh thọc tay vào túi tìm diêm quẹt lửa châm điếu thuốc. Bàn tay run run. Ánh sáng rung động bắt lên khuôn mặt nhiều thịt, lúc nào cũng đỏ gay của anh và mái tóc bờ phờ. Các bạn thường gọi đùa Duàn là "Tây Say". Duàn nhận biệt hiệu đó không phản kháng, không buồn phiền một cách dễ dãi như anh đã dễ dãi chấp nhận nhiều sự việc khác, như việc đính hôn với Thư, chẳng hạn. Tất cả chỉ là một lô những sự tình cờ đến nỗi đôi khi làm Duàn ngỡ ngác mỗi lần nghĩ lại. Duàn còn nhớ những lý lẽ người ta đưa ra để buộc anh phải làm lễ đính hôn với Thư. Giá Duàn đứng ra thăm Thư khi nhận được điện tín của nàng báo tin mẹ nàng chết... Thật ra mùa hè đó Duàn cũng muốn có một lý do để rời Saigon. Những người như Duàn có thể làm bất cứ việc gì, đi bất cứ nơi nào không cần có lý do. Nhưng đôi lúc dễ thi-vị-hóa cho một chuyến đi, Duàn mong có một cái cớ. Và không có cái cớ nào lại thi vị cho bằng ra thăm người yêu và chia sẻ với người yêu nỗi buồn mất mẹ. Sự hiện diện của Duàn trong đám tang đó ngày hôm sau được truyền đi khắp cái thành phố nhỏ bé nơi ông cụ thân sinh ra Thư giữ một chức vụ quan trọng, để rồi tiếp đó là một cuộc lễ đính hôn giữa Duàn và người con gái hơn anh đến ba tuổi. Vì thế diện của gia đình Thư và cá nhân Thư, Duàn về Saigon với chiếc nhẫn đính hôn trên ngón tay mà bà cụ Duàn đã nghiêm trang đeo vào tay anh, chiếc nhẫn cưới của bà. Bà mẹ anh lại quý Thư vì tính nết hiền lành, ngoan ngoãn. Duàn chỉ ý thức một điều là anh không hề yêu Thư và ngược lại anh không thể làm trái ngược với ý muốn của mẹ anh. Anh thường ngỡ ngẩn mỗi khi nhắc lại cuộc đính hôn bất đắc dĩ này. Duàn chỉ còn một cách là kéo dài thời kỳ đính hôn để có thể tự do sống với mấy người bạn trai mà anh thương hơn bất cứ ai, ngoài mẹ anh, ở trên đời, kể cả những người con gái mà anh đón nhận bằng một đam mê cuồng nhiệt nhưng chỉ trong một thời gian ngắn ngủi vài ba tháng để rồi lại nguội lạnh. Mặc dù Duàn ý thức mình sống không đam mê một hình bóng, nhưng đồng thời không thể sống mãi với một đam mê. Duàn nghĩ mình là một người tình-

nhân không chung thủy song không thề không yêu đương. Cái gì đã thúc đẩy Duàn muốn đời mới mãi? Có lẽ vì mỗi ngày anh mỗi phải tiếp xúc với bầy học trò con gái lúc nào cũng nao nức trong lứa tuổi dậy thì, những người con gái mang đầy sức sống, những người con gái chứa đựng trong họ sự tươi mát mà cuộc sống nhàm chán và tù túng đang tước đi dần ở người con trai hai nhăm là anh, là những người bạn đồng nghiệp còn trẻ của anh. Chỉ ở họ, ở những người con gái mới lớn, nhiều mơ mộng ấy còn mang cái nguyện vẹn, không âu lo về thời cuộc về trận chiến đang cướp đi dần của anh những người bạn, những người bạn hôm nay còn cười nói trong một kỳ nghỉ phép, ngày mai ngày mốt đã nghe tin chết hay bị cụt tay, cụt chân trong một trận đánh nào đó trong trăm ngàn những trận đánh đang diễn ra mỗi ngày. Tuy nhiên Duàn cũng tự hào là anh chưa hề khờ cho một người con gái nào. Bởi tình yêu của anh dành cho họ đến mau rồi cũng rụng mau, trước khi nó đưa đến những liên hệ sâu xa. Điều mà anh quan tâm, mà anh tha thiết, vẫn là những người bạn trai, cái đám bạn trai còn sót lại, đi học, đi dạy, tụ họp, đấu hót, giễu cợt — nhất là giễu cợt — và càng giễu cợt mỗi khi cuộc sống dồn họ vào ngõ bí, khép họ vào những mặc cảm nặng nề, không lối thoát, hoặc có, thì cũng là một ngõ thoát để rồi lại rơi vào một bế tắc khác. Thình thoảng, một đôi người trong bọn anh, như Cương, may mắn, có một lối thoát không phải là lên đường nhập ngũ, mà là du học. Và trong những lá thư họ gửi về, Duàn đọc thấy một chán nản khác mọc rễ, một thứ mặc cảm khác nảy sinh. Trong bọn, có người, như Quảng, đi xây dựng lại một mô hình giá trị đã bị vượt mất, đã bị giễu-cợt-hóa bằng cách đi xa, nhận việc huấn luyện những lớp người từ các nông thôn về theo học các lớp đào tạo một căn bản chính trị, tại Vũng Tàu. Quảng đã thành công một phần nào trong việc đi tìm lại những giá trị cần thiết đó. Nhưng phải nhận là Quảng trước đó, vẫn còn ít nhiều quan niệm đứng đắn trong đầu, nhờ giáo dục của ông bố. Duàn bỗng nhớ đến cái nhìn tha thiết của Quảng lúc anh quyết định lên xe với Thư về đây và nhờ Quảng sáng mai đến trường xin phép hộ. Duàn, mày về tao ngủ đi sáng mai mọi sự sẽ bình thường lại, hoặc mày sẽ đi dạy, hoặc mày sẽ nghỉ và ở chơi với tao. Duàn nói như gắt, sáng mai nếu tao chưa về kịp mày cứ đến trường bảo là tao ốm tao chán lắm mai phải nhìn mặt tại học trò, vì thực sự tao cũng đang chán tao chán nữa đây này. Khi Duàn nói điều đó Duàn nghĩ là đêm nay sẽ được nắm trong vòng tay Thư, có thể chỉ nắm trong vòng tay Thư hoặc anh sẽ ôm Thư vào vòng tay vuốt tóc nàng, an ủi nàng để nghe như chính mình an ủi mình. *Em ơi hãy ngủ anh hầu quạt đây.* Duàn cảm tưởng từ mấy năm nay quen biết với Thư, lần đầu tiên anh biết nàng. Lúc ấy Thư im lặng trong xe nhìn Duàn và Quảng dằng co nhau trên hè đường sau khi cả bọn ra khỏi tiệm cà-phê. Cuối cùng, Duàn lên xe, đóng cửa lại, bảo Phấn anh cứ lái đi. Phấn cho xe chạy đi. Tiếng Quảng gọi với theo Duàn và mắt hút ở phía sau. Có lẽ chính Quảng cũng đang cần sự có mặt của Duàn. Qua tấm kính chiếu hậu, Duàn thấy Quảng lầm lũi băng qua đường. Tự nhiên Duàn thấy thương Quảng xót xa.

Phấn xô cánh cửa mở rộng. Duàn bước theo Phấn vào phòng. Căn phòng bừa bãi những sô sách và thư từ. Đằng cuối phòng có một khung cửa che rideau thông vào một căn buồng phía trong Duàn thả người xuống một chiếc ghế

sa lông kiêu cũ không có nệm đặt ngay chỗ ra vào, thờ ra, đôi mắt nhắm lại. Phấn bật đèn ở trong buồng trong rồi quay ra nói với Duàn:

— Trong này có giường màn, anh với cô Thư có thể nằm nghỉ.

Duàn ôm lấy đầu bắt đầu nặng chình chịch. Mỗi lần uống rượu vào, Duàn thường bị nặng đầu khi cơn say bắt đầu nhạt. Biết vậy nhưng Duàn vẫn không thể không uống.

— Anh nhức đầu à ? Có thuốc đấy. Hồi này uống có nhiều không ? Nhảm quá. Lẽ ra phải có soda. Tôi quên khuấy mất chỉ vác có chai whicky lên... Để tôi lấy thuốc cho anh uống.

Duàn xua tay, nói và cảm thấy xa lạ với giọng mình :

— Không sao đâu. Anh cứ để bọn này tự nhiên. Làm phiền anh quá đi.

— Có gì mà phiền. Bây giờ tôi để hai người ở đây. Cần gì cứ tự tiện. Có nước lạnh ở phía sau...

Thư bước vào phòng ngồi xuống trên chỗ tì tay của chiếc ghế Duàn đang ngồi bóp trán :

— Anh không ở lại với tụi này ? Anh đi đâu bây giờ ? Giọng nàng bình thản, hơi mệt mỏi.

— Không, tôi phải trở về Thủ Đức.

— Bây giờ có nhẽ đã tới giờ giới nghiêm. anh về tận Thủ Đức, làm sao kịp ?

— Kịp mà. Mới có mười một giờ rưỡi. Cô đi ra phía sau với tôi, tôi chỉ cho một vài nơi cần thiết.,.

Thư rời chỗ Duàn, đặt chiếc ví tay lên mặt bàn, bước ra sau với Phấn. Phía sau là một cái xưởng lớn hơn chiếm cả hai căn, nhưng trống hơn. Những khung cửa đặt ngồn ngang. Thư ngược nhìn mái nhà cao, xung quanh gần như không có gì che đậy từ mép tường cao hai thước là đến mái. Phấn chỏ tay về phía một khung cửa nhỏ nằm tận cuối xưởng :

— Nếu cô có cần đi ngoài, lại đó . . .

Thư nói cảm ơn anh. Thấy nàng nhìn cái máy điện đặt ở giữa xưởng, Phấn giải thích :

— Ở đây chúng tôi dùng điện để chạy máy.

Thư bắt gặp cái cảm giác lạc lõng giữa khung cảnh của một xưởng dật vào lúc ngưng hoạt động. Nàng thấy mệt mỏi. Thoạt tiên là một bữa tiệc, rồi Duàn say rượu và yêu cầu nàng ở lại với anh. Thư nhận lời với ý nghĩ là Duàn đơn độc và cần sự có mặt và săn sóc của nàng. Thư đã từng có những lần say rượu nhưng lần say rượu làm Thư nhớ hơn cả là hôm đi ăn với Cương và Duàn sau khi tan học ở văn khoa. Lâu rồi. Hôm ấy Cương đã thức cả đêm với Duàn, để săn sóc cho nàng. Trong cơn nửa say nửa tỉnh, Cương đã hỏi nàng nhiều lần lý do khiến nàng khóc sụt sướt trong khi say. Làm sao có thể nói được ? Một nỗi cô đơn thình lình úp chụp xuống mà nàng bị mất hút trong đó, và cái thế giới vô thức trong phút chốc được cởi tung như một đoàn quân ô hợp

kéo vây kín mọi ngã tâm hồn. Từ đó mở đầu cho một rạn nứt trong tình yêu giữa Cương và nàng. Tôi tưởng sự có mặt của mình có thể làm gì được cho Thư nhưng bây giờ tôi thấy rõ là mình chẳng làm được gì cả tôi bất lực hơn tôi tưởng. Thư cố níu kéo, anh nhăm rõi em không thể nói chẳng phải vì cố tình muốn giữ cho mình sự riêng tư, lỗi không ở anh, đừng nói như vậy. Nhưng dù muốn dù không, họ đã xa nhau. Một hôm, Cương đến cho Thư biết anh sắp đi Pháp. Họ trải qua với nhau một ngày trong dịp Cương có việc phải đi kiểm Hòa và đến rủ Thư đi cùng cho biết. Thư vẫn thích những chuyến đi xa gọi là «giang hồ vật» như vậy. Thư nhớ lúc hai người ngồi ở bờ một cái hồ ở tỉnh Kiến Hòa và tưởng tượng như đó là hồ Hoàn kiếm Hà Nội — cái kỷ niệm cuối cùng họ có với nhau trước khi Cương lên đường sang Pháp. Chúng mình đã cùng ngu xuẩn đắm đầu đi tìm cái tuyệt đối. Nhưng lạ là tôi chẳng hề hối tiếc. Mỗi một vấp ngã của tuổi trẻ là một kinh nghiệm, một kỷ niệm đáng yêu, nó giúp cho cuộc sống thêm sâu thêm phong phú có nhẽ một đôi khi tôi thêm cái tuổi trẻ bình thản của nhiều người con gái bình thản và an phận. Nhưng tôi cũng còn kiêu hãnh về cuộc sống nhiều gai góc của hơn. Phải chăng vì điều đó làm tôi thấy tôi là «một-người-nào-đó» chẳng thuộc về cái số đồng ?

(Còn tiếp 1 kỳ)

TRÙNG DƯƠNG

BẠN ĐỌC ĐÓN CŨI :

20 NĂM QUA
việc từng ngày (1945 - 1964)

của **ĐOÀN - THÊM**

Sẽ phát hành vào đầu Xuân Đinh-Mùi
Hỏi tại Kim-Lai Ấn-Quán 3 Nguyễn - Siêu Saigon

TÌM ĐỌC :

HIROSHIMA TRONG CƠN ÁC MỘNG M. HACHIYA

Bà Vũ Bá Hùng tự Thiều Mai dịch

ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI (tái bản) NHẤT HẠNH

HOA BƯƠM BƯỞM

VÕ HỒNG

LÁ BỐI xuất bản — 120, Nguyễn-Lâm Chợ Lớn

thơ HUY - LỰC

VỒ VỀ MÙA XUÂN

1.

thời ta ngủ suốt mai này
tiếng đưa vông mẹ ru đây giấc con
thời ta quên lãng đời buồn
nhắm đi đôi mắt mở tròn đêm khuya
chỗ nằm lá trái mây che
sương mùa xuân ta lắng nghe giọt thắm

2.

thời ta về vội trăm năm
giấc khô niềm nhớ mù tăm dáng người
trời dài tiếng mẹ bên nôi
vang trong phù-thế trong tôi vô-thường
dâu xanh lá trái về nguồn
ta non cao với nỗi buồn thiên-thu

3.

thời về trái giữa đêm đêm
nở trong khuya nở trong tim tình hoài
gió đưa mềm giọng ru ai
xuân khảng khiu với dáng mai võ vàng
ta giờ theo giọt sương tan
cõi nào đây giữa không gian vô cùng



PHỎNG VẤN CỦA LÊ-PHƯƠNG-CHI

tâm sự PHẠM-DUY

- Việc trình diễn và thu đĩa tại Hoa-Kỳ, trong chuyến đi vừa qua, đã đem lại cho nhạc-sĩ Phạm-Duy hàng triệu bạc ?
- « Tâm ca » phải chăng là những bài ca phản chiến ? phải chăng là những bài ca ca tụng Phật-giáo ?
- Sau Cách-mạng đáng lẽ những tiếng NHẠC hồn nhiên réo lên trong lòng mọi người, nhưng giờ đây trong lòng mọi người réo lên có còn là tiếng nhạc nữa không ?

Tìm đến nhà anh Phạm-Duy trong một cư xá ở đường Chi-Lăng gần ngã tư Phú-nhuận vào lúc 8g tối dưới cơn mưa lai rai ba sợi đủ ướt của trời; Sài-gon, tuy có vất vả nhưng tôi không thấy mệt bằng mò lần theo cầu thang lên lầu 3 (2è étage) nơi anh Duy đang nằm một mình xem vô tuyến truyền hình. Nghe tiếng giày tôi khua động nơi những bậc thang chót, anh Duy nói : Coi chừng mấy sợi dây điện, cúi xuống, rồi, ngồi đây anh, xem với tôi một tí, tôi đang nghiên cứu chương trình TV của quân đội Mỹ... »

Nếu chờ hết chương trình vô tuyến truyền hình Mỹ thì khuya quá, tôi gọi chuyện ;

— Sáo những ngày còn chu du Mỹ-quốc, anh không nghiên cứu tận gốc, để bây giờ về năm đây mà xem cái ngọn ?

Anh Duy mắt vẫn không rời những cử chỉ của các diễn viên trên màn ảnh, anh nói rất nhanh : « Có chứ ! Chẳng những tôi nghiên cứu television mà còn học hỏi rất kỹ về cách làm một cuốn film. Có đến tận nơi nghiên cứu kỹ mới thấy khó. Anh đừng tưởng có tiền, có truyện film, có diễn viên là sản xuất được một cuốn film giá trị. Khó lắm anh ơi, đừng tưởng nhằm công việc hoàn thành một cuốn film một cách giản dị như vậy mà sạt nghiệp đấy nhé !

— Chuyển đi Mỹ vừa rồi của anh chỉ để nghiên cứu về làm film và television thôi sao ? Anh xuất tiền túi, hay do một hãng film VN nào đài thọ ?

— Còn lâu ! Chờ đến Tết Congo mới có hãng film ở VN đài thọ một người khác, ngoài ông chủ hãng được có cơ hội chính phủ cho đi. Chuyện tôi đi Mỹ là thế này : bộ ngoại giao Hoa-kỳ có một tổ chức gọi là Chương trình Trao Đổi Văn Hóa (International Exchange Program) mời tôi đi viếng nước Mỹ, đến thăm các trường âm nhạc, đến dự các đại nhạc hội Dân ca do họ tổ chức. Tôi có hát ở các đại-nhạc-hội ấy và hát cho các hãng television...

— Họ có trả tiền thù lao cho anh những khi anh trình diễn...

— Làm gì có thù lao ! Tổ chức mời mình đi đã trả cho mỗi ngày 20 dollars, họ gọi là Grant, như bourse của Pháp vậy, không biết dịch tạm là tiền trợ cấp có đúng không ? Đó là tiền ăn, và ở khách sạn. Còn tiền xe dịch thì họ đài thọ chu tất.

— Có dư không anh ?

— Làm gì có dư ? ăn ba bữa cơm sáng, trưa, chiều hết 10 đôn, còn 10 đôn kia trả tiền khách sạn là vừa đúng !

Tôi hỏi đùa : Anh đã tuyên truyền được những gì cho họ ?

Anh Phạm-Duy ngồi bật dậy : Ấy chết, đừng đùa như vậy vô tình mình phủ nhận cái hảo ý của họ. Thực ra, họ có bảo mình tuyên truyền những gì cho họ đâu. Mục đích chính của họ là để chúng ta hiểu biết thêm về đất nước họ, về nền văn minh, về nếp sinh hoạt của dân tộc họ, với tư cách một khách du lịch. Thế thôi.

— Còn những lúc anh trình diễn ca nhạc, có nằm trong chương trình của họ ?

— Sự trình diễn của tôi không hề bị bó buộc. Do quyền riêng của cá nhân tôi nhận hay không mà thôi ! Họ biết tôi là một nhạc sĩ, một ca sĩ về Dân ca và Tâm ca, đang có mặt ở vùng họ tổ chức đại nhạc hội, thế là họ mời ; tôi thì nghiệm hát lẽ tất nhiên là tôi nhận lời...

— Có lần nào anh nhận tiền thù lao...

— Không ! Tôi không được quyền nhận mà họ cũng không được quyền trả cho tôi một món tiền nào cả, dù rất nhỏ. Vì tôi đã được chánh phủ nước họ mời và đài thọ tất cả chi phí cho tôi rồi. Ngoài số tiền 20 đôn, tiền Grant mỗi ngày

dù tôi có hát đến một nghìn lần cũng không có quyền nhận tiền gì cả. Họ không thề trả mà tôi cũng không thề nhận. Trừ trường hợp tôi tự xin đi hát như trường hợp cô Bạch-Yến, tôi mới được quyền nhận tiền thù lao.

— Anh đã tới thăm những nơi nào ở Hoa Kỳ :

— Ồ, nhiều lắm kể làm sao hết hở anh. Hoa-Thịnh-Đốn... Quốc hội Hoa-Kỳ, các bảo tàng viện, đài kỷ niệm Abraham Lincoln, đài kỷ niệm Iwo Jima, mộ Kennedy, tòa Bạch Cung, dự buổi tuyên dương công trạng một chiến sĩ da đen hy sinh tại VN. Miền Đông Hoa-Kỳ thì tôi thăm các tiểu bang : New York, Pennsy lvania, Connecticut, và thác Niagara.. Miền Nam thì tôi đến Florida, Louisiana, North Carolina. Miền Trung tôi thăm Grand Canyon ở tiểu bang Arizona... Miền Tây tôi qua Hollywood, tôi vào thế giới Disneyland ở Los Angeles. Và tôi có đến San Francisco chơi vài hôm trước khi về VN.

— Anh đã trình diễn những nơi nào ?

Anh Phạm-Duy lại kêu lên, tiếng kêu thích thú của một người đi xa về, vừa pha chút kiêu hãnh của người đem chuông đi đánh xứ người : Ô, tôi trình diễn nhiều lần ở các đài phát thanh và truyền hình ở nhiều địa phương (Channel 13, Peter Seeger Show, WABC Radio, ABC Scope G. Citron Show, CBS, ABC-TV, NBC Monitor...), Tại Hoa-Thịnh-Đốn, hội Dân ca địa phương (Folklore Society of the Great Washington) đã tổ chức một đêm giới thiệu Dân-ca và Tâm ca VN... Tại Nữu-Uớc tôi hát cho học sinh, sinh viên các trường Grace Church, Sarah Lawrence, City College nghe. Tại Connecticut tôi hát chung với hai nhạc sĩ Dân-ca Steve Addiss và Bill Crofu. Tôi thăm trường High Schol ở Wilton hát Dân ca và Dân ca cho học sinh 7 lớp khác nhau nghe. Tôi dự hai Đại hội Dân ca ở Florida và Pittsburgh, được gặp gỡ khoảng 400 nghệ sĩ Dân ca Hoa-Kỳ. Và tôi được về sống chung mấy ngày với gia đình chuyên nghiệp Dân ca là ông bà Robert, Eveyne Beers và cô gái Martha.

— Ngoài việc hát Dân-ca và Tâm-ca anh còn làm gì trong chuyến đi Mỹ ấy ?

— Có chứ, tôi nghiên cứu. A, thôi để tôi tắt T.V. rồi tự mình nói chuyện đầy đủ hơn anh nhé ! Anh vừa hỏi gì tôi nhỉ ? À, tôi nghiên cứu các tổ chức Vô tuyến truyền hình Mỹ, nghiên cứu việc làm film như tôi nói lúc nãy, và tôi nghiên cứu các hãng sản xuất đĩa hát. Nhất là T.V. thì tôi nghiên cứu kỹ hơn hết. Còn việc trình diễn Dân ca và Tâm ca chỉ là phụ thôi.

— Anh có thu bài Giọt Mưa Trên Lá cho một hãng Hoa-Kỳ. . .

— Có, có chứ !

— Họ đã ký giao kèo và trả tiền cho anh thế nào ? Chắc cái máy T.V này và cái magnetophone AKAI — X 355 kia anh cũng mua ở Mỹ mang về ?

— Hả, hả, hả, (sau một chuỗi cười, Phạm-Duy nói nhỏ) chắc thiên hạ đồn tôi thành tỷ phú rồi có phải không anh ? Đâu có dễ dàng như vậy ? Những thứ anh vừa hỏi, tôi mua từ lâu rồi anh à ! Sự thực thì việc thu đĩa ở Mỹ, nó như thế này.

này : Ví dụ, anh có một bản nhạc hay, mà một hãng sản xuất đĩa hát vừa ý, họ chưa thèm ký giao kèo với anh đâu nhé. Họ thương lượng với anh, họ bỏ tiền ra in một số đĩa, để họ phát cho các đài phát thanh, các hộp chơi đĩa (music boxes). Lần in đĩa này họ gọi là promotion. Khi nào những đĩa ấy mà ăn khách qua sự tổng kết của hãng đĩa, bấy giờ hãng đĩa mới nói đến chuyện giao kèo để in hàng triệu đĩa. Bài Giọt Mưa Trên Lá của tôi đang ở trường hợp promotion. Tuy nhiên những đĩa hát được in ở trường hợp này, nhà sản xuất đĩa hát cũng trả cho tác giả bài nhạc mỗi đĩa vào khoảng 5 cents gì đó. Thế thì có là bao, một trăm, hai trăm hay 300 đơn là leo thang đến tột đỉnh.

— Anh lãnh tiền bản quyền những đĩa in bài Giọt Mưa Trên Lá của lần in promotion được bao nhiêu? Và nếu bản nhạc ấy vượt giai đoạn promotion, anh được lãnh bao nhiêu khi ký giao kèo?

— Vấn đề đó chưa có thể trả lời ngay với anh được, vì bản nhạc của tôi đang trong giai đoạn thử thách.

Chẳng phải tôi muốn giấu anh em đâu. Tôi có thu đĩa hát thật, nhưng chưa chi đã khoe ầm lên thì ... thiếu lương thiện ! Tôi không muốn thế. Tôi chỉ muốn sống thực tế. Nếu chúng ta cứ nghe những anh chị em thường nhật tin ở các báo rồi khếch đại ra đề cùng nhau sống trong huyền thoại thì...thì thành thử cứ suốt đời nghèo mà...ham ! Hi...hi...hi...hi...

— Anh đã ký giao kèo với hãng đĩa nào ở bên Mỹ?

— Cho tới nay thì tôi chưa ký giao kèo với một hãng đĩa nào cả. Thực ra, tôi chỉ ký với một người, mà bên ấy gọi là Agency (đại diện). Họ thay mặt tôi đề hàng năm sẽ thu tiền bản quyền nơi các nhà sản xuất đĩa đã phát hành những đĩa có in bản nhạc của tôi. Anh ta sẽ chận của tôi 5, hay 10 phần trăm gì đó. Mãi hôm nay tôi mới chỉ nhận được vài trăm đơn đủ mua mấy cái băng nhựa về chơi magnétophone...

— Tự anh thích cho họ thu bài Giọt Mưa Trên Lá, hay là hãng đĩa chọn?

— Hãng sản xuất đĩa chọn chứ ! Họ thích bài đó, vì một lẽ rất giản dị là người Âu, Mỹ không thể nào ngồi nhìn những giọt mưa rơi trên lá mà tưởng tượng được như chúng ta. Chỉ có người Á-châu mới có thể ngồi nhìn những giọt mưa mà cảm thông vạn vật, hòa mình với cuộc đời, với thiên nhiên.

Có điều buồn cười là bài Giọt Mưa Trên Lá ở nước nhà lại bị hiểu nhầm một cách tai hại. Chẳng hạn trường hợp có người chỉ dựa vào mấy câu « giọt mưa trên lá nước mắt mẹ già, lá chã dầm đĩa trên xác con lạnh giá... giọt mưa trên lá nước mắt mặn mà thiếu nữ mừng vì tan chiến tranh chồng về mà gán cho nó là phản chiến. Thực ra, thực chất của toàn bài không phải như vậy. Bởi vì còn có những câu « giọt mưa trên lá tiếng khóc oa oa đứa bé chào đời cho chúng ta nụ cười, giọt mưa trên lá tiếng nói bao la tóc trắng đậm đà êm ái ru tình già » Thì gồm đủ sự sống sự chết, sự sinh nở, tình yêu vĩnh viễn. Và... « giọt mưa trên lá tiếng nói thầm thì

bóng dáng Phật về xoa vết thương trần thế, giọt mưa trên lá tiếng nói tình khôi lúc Chúa vào đời xin đóng danh vì người, giọt mưa trên lá... nói với loài người xin cứ nuôi mộng dài » Anh thấy không ? Chỉ ngồi nhìn giọt mưa trên lá mà cảm nghĩ bao bao la, có Chúa, có Phật, có sự sống, sự chết... Thế mà chỉ nghe có hai câu đầu, rồi chụp lên đầu tác giả cái mũ phản chiến... còn thì bỏ tất cả những đoạn sau của người ta đi ! Anh bảo có đáng buồn cười không ?

Tôi không trả lời, yên lặng đưa mắt nhìn theo những ngón anh Phạm-Duy lướt trên dây lục huyền cầm mà mừng trông từng giọt mưa rơi rơi trên lá giọt nhẹ vào hồn bằng tiếng hát của anh. Chờ cho âm thanh tiếng hát tan hẳn, tôi mới hỏi tiếp :

« Sau chuyến đi du lịch Mỹ về, cảm nghĩ của anh thế nào ?

Anh Duy nhìn tôi một chặp rồi giọng anh trầm xuống và phát âm thật chậm, chậm hơn lúc bình thường :

— Cảm nghĩ đầu tiên và tổng quát của tôi là chua xót... Nếu nói chuyến đi vừa rồi chỉ sang có Hoa-Kỳ không thôi, thì có vẻ thiếu sót. Vì tôi còn ghé qua Nhật-bản và Phi-luật-Tân nữa. Mà ở Nhật thì, anh biết không ? chín mươi phần trăm là họ chống miền Nam VN chúng ta, xin nói thẳng là họ có cảm tình với ngoài Bắc. Tôi chua xót vì nhận thấy dân tộc mình thông minh quá mà phải gánh chịu chiến tranh phải đau khổ lâu quá. Còn chúng nó thì sướng quá !

— *Căn cứ vào đâu mà anh cho rằng dân tộc mình thông minh hơn dân tộc Nhật ?*

— Tôi căn cứ vào thẳng người của tôi. Tôi chẳng ra cái gì cả. Tiếng Anh của tôi cũng chập chọc. Âm nhạc nước mình thì như vậy đó ! Thế mà qua nước họ, tôi chẳng ngán ai, chẳng thua sút ai cả. Có đi ra xứ người mới thấy thanh niên mình thông minh lắm, phụ nữ mình tế nhị lắm, đẹp lắm. Khờ một nỗi là dân mình phải chịu đựng khổ đau vì chiến tranh lâu quá. Tôi chắc chắn nếu hòa bình trong vòng 20 năm, dân tộc mình sẽ tiến xa, xa lắm anh à ! Tôi nhìn một người Nhật-bản, tôi thấy ngay là thua người VN chúng mình. Tôi không dám nói xấu họ đâu anh nhé ! Phải nhận rằng các tổ chức của nước họ thì ghê gớm lắm, giỏi hơn nước mình nhiều, nhưng đưa một người Nhật ra so với một người Việt, thì họ thua đủ phương diện. Về sáng kiến, về nhanh nhẹn, về kiên nhẫn v.v... Tôi đứng nhìn hai người Nhật khuôn một món đồ từ ngoài sân vào trong nhà. Loay hoay mãi mà không sao khuôn được. Nếu mà tôi, tôi chỉ làm thế này, là tôi sẽ khuôn được ngay....

— *Thế thì sau một chuyến đi như vậy, về nước anh phải hăng hái hơn, tin tưởng hơn, chứ sao anh lại lộ vẻ chán nản như khi này anh đã nói ?*

— Có không ? Tôi có chán nản hả ?... Chán nản thì không đến nỗi, nhưng mệt mỏi chứ ! Nhất là sau mấy tháng xách hành lý từ taxi vào phi trường, từ phi trường lên máy bay để xê dịch tỉnh này qua tỉnh nọ, tôi thấy tởn tợ ghê lắm anh ơi ! Thực thà mà nói, đời sống của nước mình tuy đang trong tình trạng chiến tranh,

chết chóc bủa vây, thế mà nhịp sống của chúng ta có vẻ thư thả lả lướt lắm. Nước họ thì sống dồn dập, vội vã chạy đua với thì giờ ghê lắm. Một phần vì nhịp sống dồn dập của nước họ xô đẩy, một phần nữa làm cho tôi mệt mỏi nhiều hơn là khi về đến nước nhà, trông thấy tình trạng âm nhạc thật nản lòng !. Không ai bắt không ai lừa mình vào một khuôn khổ nào cả, mà tự anh em nghệ sĩ — tôi chỉ dám nói riêng ngành tân nhạc — khuôn mình vào một khuôn, để làm khổ đồng nghiệp và tự làm khổ đến mình nữa. Tôi cho rằng văn nghệ của miền Nam thật là tự do. Ai muốn sáng tác thế nào cũng được. Anh muốn ca tụng tình yêu thì cứ tha hồ, hoặc muốn phản chiến mặc xác anh. Có điều là người ta không thêm phổ biến bài hát của anh thôi ! Chứ không ai lưng bắt hoặc làm khó dễ, hoặc bắt buộc anh phải sáng tác theo một đường lối nào cả.

Nhưng khổ nỗi là anh em ca sĩ lại tự mình khuôn mình vào một khuôn, để làm khổ nhau. Thậm chí, khi tôi vừa đổi vị trí sáng tác. Tôi đổi vị trí chứ không phải thay đổi đường lối sáng tác anh nhé ! mấy bài Sức Mấy Mà Buồn, Nghèo Mà Không Ham của tôi vừa phổ biến thì anh em ca, nhạc sĩ là những người chê tôi đầu tiên. Ấy, mới đổi vị sáng tác chứ chưa đổi thể tài đấy anh nhé ! Vì những bài ca mà tôi gọi chung là bài ca Vĩa Hè này, cũng chỉ là loại Tâm Ca, Tâm Ca nhận. Thế thôi !

— Anh nghĩ thế nào khi anh đưa những ngôn ngữ hiện đang thông dụng của giới trẻ mà phổ thành nhạc ? Như sức mấy, bỏ đi tám, nghèo mà không ham..

— Tôi cho là chúng ta phải thừa nhận một chủ nghĩa, chủ nghĩa SỨC MẤY mới đúng. Hiện nay mình đang lâm tình trạng bị động, có cựa cho lắm chỉ có mệt mình mà thôi. Thế thì «sức mấy» mà mình cựa ? Tôi cho rằng quan niệm «sức mấy» là quan niệm «biết mình, biết người» quan niệm Việt-nam thuần túy đó. Người mình khi xưa thường nói : «khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống», Sức mấy tức là «biết» đấy. Biết lượng sức mình có mấy tí, thì đừng có hùng ! Quá sức thì đừng có tham. Hi, hi, hi. . Ví dụ hả, thì xin ví dụ như cuộc chiến tranh này chủ động là Mỹ và Trung-cộng, thì sức mấy mà chúng ta đòi phản chiến mí lại hiểu chiến. Có phải không anh ? Sức mấy mà mình buồn, có buồn, nước VN cũng vậy, vậy thôi. Hãy vui lên để tìm cách thay đổi dần. «Sức mấy» là như vậy đó.

Thú thực, khi sáng tác Sức Mấy Mà Buồn là tôi làm bài hát cho tôi, để tôi dặn dò tôi. Chứ không phải để cho Thanh niên, cho sinh viên học sinh, hay để Phật giáo, Thiên chúa giáo, Cao đài, Hòa Hảo gì cả. Ai chụp mũ cho tôi như vậy là hồ đồ, là không hiểu tôi chút nào cả. Chưa chắc học sinh, sinh viên hay thanh niên đã thích hát bài đó ? Mà có khi một ông thầy tu hát cũng không chừng. Anh nghe họ nói gì về bài hát này hả anh ?

Tôi buột miệng : Có người bảo rằng anh cố ý dùng những ngôn từ của giới trẻ ra nói, phổ vào nhạc để nịnh Sinh viên..

— Tôi khuyên bảo giới trẻ thì có, Tôi nịnh họ chỗ nào ? Anh nghe kỹ lời ca này nhé :

«Sức mảy mà buồn, buồn ời, bỏ đi Tám, sức mảy mà buồn... phải vùng lêu đê tranh đấu, sức mảy mà buồn, vượt ra khỏi cái sào, sức mảy mà buồn phải vui đê sống còn» Anh thấy không ? phải yêu đời bằng bất cứ giá nào. Chúng ta buồn chỉ chết thiệt thân mà thôi.

Cũng như bài Nghèo Mà Không Ham chẳng hạn. Nếu nghèo mà cứ ham thì... thì dễ làm đi lắm, dễ đi ăn cắp lắm. Tôi làm bài này đê khuyên trước hết là lũ con tôi. Bố nó nghèo, nước nó là nước nhược tiểu lại đang bị chiến tranh, mà cứ đua đòi, cứ trông thấy người có gì mình cũng ham cái nấy thì... thì phải leo thang, mà leo thang thì phải choáng váng. Như vậy tôi có mị dân không ? có mị thanh niên, có mị Sinh viên không ? Hay là tôi làm nhà luân lý đây ? Nhưng thực ra, tôi xin nhắc lại là những bài hát này tôi chỉ nói với tôi thôi. Tôi nói với tôi rằng sức mình có mảy tí mà mình buồn, nhờ sinh vào một nước nhược tiểu mà lại bị chiến tranh đang đê nặng gần một phần tư thế kỷ, nghèo thì nghèo, nhưng «nghèo mà không ham». Như vậy nó cũng là một loại Tâm Ca, Tâm Ca nhận. Trước có Tâm Ca êm đềm, bây giờ có Tâm Ca nhận thể thôi.

Và tôi cũng xin nhắc với những ai xin đừng phê bình chỉ trích vội vàng quá. Vì tôi còn cho ra bài *Tôi quê một cục*. Hì, hì, hì... Tôi quê một cục nhưng tôi hách một cây... và bài *Oké Salem Oké nước mắm nữa...*

Sự thật, nó chỉ là vấn đề sử dụng ngôn từ anh à. Cũng chỉ là một cách nói thôi, chẳng hạn nếu tôi «đòi sức mảy mà buồn» là «Anh ời anh đừng buồn nữa !» Thì có lẽ anh lại không thích thú. Nghe câu nói «Sức Mảy Mà Buồn» có vẻ khoái hơn. Thì cũng như «mỗi bước em đi đường em nở hoa» vậy thôi. Ngôn ngữ thời đại mà anh. Nếu ai bảo đó là danh từ điển dàng thì sai...

— Họ không nói đó là danh từ điển dàng. Mà có một vài người bảo anh cố ý dùng ngôn ngữ của giới trẻ ưa thích sử dụng trong câu nói hằng ngày, đê anh nịnh họ. Cũng như trước kia, khi phong trào Phật-giáo lên cao, thì anh làm 10 bài Tâm ca đê cúng dường

— Tôi nịnh Phật giáo đê ăn cái giải gì ? Nói rằng nịnh họ, thì tôi nịnh đê làm gì ? Đê xin làm bộ trưởng à ? Đê các Phật tử mua bài hát của tôi à ? Tôi đâu có sống về xuất bản nhạc đê bán ? Nếu tôi chạy theo lợi, thì đê sức sáng tác 10 bài Tâm ca, tôi soạn 10 bài loại anh yêu em, em yêu anh, có lẽ tôi sẽ kiếm ít nhất cũng một vài trăm ngàn. Đẳng này chỉ có lỗ vốn !

— Tôi nịnh Phật giáo đê ăn cái giải gì ? Nói rằng nịnh họ, thì tôi nịnh đê làm gì ? Đê xin làm bộ trưởng à ? Đê các Phật tử mua bài hát của tôi à ? Tôi đâu có sống về xuất bản nhạc đê bán ? Nếu tôi chạy theo lợi, thì đê sức sáng tác 10 bài Tâm ca, tôi soạn 10 bài loại anh yêu em, em yêu anh, có lẽ tôi sẽ kiếm ít nhất cũng một vài trăm ngàn. Đẳng này chỉ có lỗ vốn !

Bảo tôi nịnh sinh viên, thanh niên ? Tôi nịnh họ đê làm gì, đê họ mua nhạc cho tôi làm giàu à ? Tôi có chủ trương in bài hát đê bán đâu ! Thực tình thì tôi thương yêu tuổi trẻ. Tôi coi họ như em cháu tôi. Tôi chơi với họ thì tôi cũng chỉ có lỗ vốn. Chỉ có quay ronéo bài hát đê phát không cho các bố ấy thôi. Nịnh thì phải

muu quyền lợi vật chất chứ. Còn về tinh thần thì... có lẽ tôi dừng đến hát, họ thương tôi hơn. Tôi hát nhiều bao nhiêu, họ ghét tôi bấy nhiêu anh à, không phải tôi đi kiếm tiếng vỗ tay đâu anh nhé ! Tôi đến với họ vì tôi thương yêu họ, vì tôi nghĩ rằng tuổi trẻ của tôi, tôi đã làm được nhiều việc mà tôi muốn làm ; còn bây giờ, anh thấy không ? họ cũng có nhiều ước mơ, nhiều hoài bão mà không sao họ có thể làm được, dù là một tối thiểu nào đó !!! Anh đề ý mà xem, trong 10 bài Tâm Ca, tôi tâm sự với tôi và một phần tôi nhắn nhủ, tôi tâm sự với thanh niên nhiều, nhiều lắm...

— Người ta cho rằng Tâm Ca đánh dấu một giai đoạn sáng tác của Phạm-Duy sau các trường ca Con Đường Cái Quan, Mẹ Việt Nam, Dân ca, mà lời ca giữ một địa vị trọng yếu cũng như điệu nhạc. Theo anh thì sao ?

— Theo tôi thì Tâm ca chỉ là sự tiếp diễn tình tự dân tộc. Trong các bài Dân ca, các bài trường ca : Con Đường Cái Quan, Mẹ Việt Nam tôi cũng chỉ nói lên tình tự dân tộc Việt Nam. Nhưng trong giai đoạn ấy tôi chỉ nói đến sự vinh quang của dân tộc trong giai đoạn kháng chiến chống xâm lăng, đấu tranh cho độc lập, tự do của xứ sở. Tâm ca ngược lại, nói đến cái khổ đau của dân tộc sau 20 năm bị cuộc chiến đè nặng. Nó không còn trù tượng, siêu hình, lý tưởng như trong Dân ca, Con Đường Cái Quan, Mẹ Việt Nam nữa, mà nó nói thẳng vào giai đoạn chúng ta đang sống, tức là sau ngày cách mạng 1 tháng 11 năm 1963. Tính chất siêu hình, lý tưởng, trù tượng không còn, lẽ dĩ nhiên lời ca của 10 bài Tâm ca phải thực tế hơn, đúng như các anh đã nhận thấy.

Tâm ca ra đời không phải nhu cầu cho riêng tôi hay cho một tôn giáo, đảng phái nào, như có người đã lầm tưởng cho rằng tôi nhậ hạt giáo như anh vừa hỏi. Mà tôi nghĩ đến nước ta sau ngày 1-11. Vì đáng lẽ sau một cuộc cách mạng như vậy phải có những bài ca Cách mạng, hay là những tiếng nhạc — chữ NHẠC viết hoa — réo lên trong lòng mọi người. Có lẽ trong từng mỗi chúng ta, gần một phần tư thế kỷ bị chiến tranh và khói lửa lăm than đè nặng lên đất nước như vậy ; ai ai cũng không muốn nói lên những cảm nghĩ riêng mình. Thì Tâm Ca ra đời với dụng ý cố gắng làm sao kích động từng người nói lên, hát lên những gì mình muốn thổ lộ cho nhẹ tâm tư. Chứ Tâm ca không phải là những bài ca sách động người ta xuống đường, hoặc xúi giục ai đấu tranh cho tôn giáo này hay tuyên truyền cho đảng phái nọ hoặc cho đường lối chính trị kia. Ai sử dụng Tâm Ca vào những mục đích đó, là quyền riêng của họ. Còn chủ tâm của tôi khi cho Tâm Ca ra đời là vì tôi thấy cần thiết cho các bạn trẻ. Các bạn trẻ phải ngồi gần nhau và cùng hát to lên với nhau, cùng chấp nhận cuộc sống hiện tại có những cái tốt và cả vô vàn cái xấu...

Trong Tâm ca số 3 « ngồi gần ngồi gần nhau » mình phải chấp nhận ngồi gần nhà tu lẫn kẻ cướp. Ngồi giữa người tốt lẫn kẻ xấu, chứ không phải chỉ chọn những người trong sạch mới ngồi gần.

Ý định của tôi như thế. Tâm ca là như thế ! Chẳng qua, đó cũng chỉ là sự tiếp diễn tình tự dân tộc như tôi vừa nói khi nãy mà thôi.

(còn tiếp 1 kỳ)

LÊ PHƯƠNG CHI

Ngày Xuân

bàn chuyện trường sinh

PHẢI CHĂNG KHOA-HỌC NGÀY NAY ĐÃ TÌM RA PHƯƠNG-SÁCH GIẢI-QUYẾT VẤN-ĐỀ TRƯỜNG-SINH BẮT TỬ CẢI LÃO HOÀN ĐỒNG ?

Câu chúc đầu Xuân

Phong tục của ta có lệ hàng năm vào dịp Tết Nguyên Đán là đi lại thăm nhau, chúc mừng năm mới ..

“Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu...” là một trong những câu chúc đáng lưu ý hơn cả.

Nhân sinh hữu dục, mà còn dục vọng nào xác đáng, hợp tình hơn là sống lâu trăm tuổi, dự nhiều mùa Xuân, ăn nhiều cái Tết, tận hưởng các lạc thú trên đời..

Tuy không nói ra, nhưng ai cũng muốn sống thực lâu dài nhưng không phải sống lay lắt với tuổi già cằn cõi, mà là sống như hai chàng Lưu Nguyễn “lạc động Thiên thai”, hoặc ít ra cũng ly kỳ như Ông huyện Từ Thức, hào hoa phong nhã, treo ấn từ quan đi tìm nụ cười khóe mắt của giai nhân tuyệt thế.

Đôi khi chợt mơ lại câu chuyện Hằng Nga ăn trộm thuốc tiên của chàng Hậu Nghệ trốn lên cung Quảng sống mãi mãi với cái tươi trẻ của mình, hoặc ao ước

lạc đến vườn Thượng Uyển của Tây Vương Mẫu để may mắn ăn trộm được trái đào tiên sống thêm ngàn năm hạnh phúc

Cổ tích Nhật-bản có nhắc đến dòng suối thần, uống vào trẻ lại, và cổ tích Tây Phương cũng không thiếu gì những chuyện con người bất tử.

Perrault kể chuyện nàng công chúa ngủ một trăm năm trong khu rừng cấm và Grimm viết chuyện nàng Bạch Tuyết chết lịm trong chiếc quan tài trong suốt chờ đợi một hoàng tử anh tuấn ghé vào đánh thức đôi môi...

Và còn rất nhiều chuyện lạ trên thế giới nói về bí quyết trường sinh.

Quan niệm nhân sinh của chúng ta cũng rất dễ hiểu : sống lâu, sống vui, sống trẻ. Chính vì vậy mà ngày nay mới có vấn đề đi tìm phương sách cải lão hoàn đồng...

Thung lũng hạnh phúc

Trên trái đất này, dù chưa thực hiện được bất tử, nhưng đã có dân tộc tìm ra được bí quyết sống lâu, sống không

bệnh tật. Đó là giống người Hunza ở trong thung lũng hạnh phúc.

Thung lũng này không phải là một bìa đất, mà có thực trên bản đồ (1)

Đó là tên một thung lũng trong dãy núi Hi mã Lạp sơn, ở bên nhánh sông Ấn (sông Indus) về phía Tây Bắc xứ Cachemire. Thung lũng chứa chừng một trăm năm mươi thôn xóm trên một địa thế dài chừng mười lăm cây số ngàn, ở vào cao độ từ 1500 đến 2500 mét, có mười ngàn dân Hunza.

Trong lúc mà ngành khoa học trên thế giới đang cúi nhìn xuống những bệnh tật của nhân loại, trong lúc mà những khám phá kỳ diệu nhất về các địa hạt sinh học, y học, giải phẫu học hết lòng cứu nhân độ thế, thì dân tộc Hunza này đã không cần biết tới y sĩ, dược sĩ, nha sĩ vì đối với họ, họ không có bệnh tật gì và họ cũng chẳng hiểu bệnh tật là thế nào!

Hạnh phúc và sức khỏe đối với họ không phải là một ân huệ của đấng tối cao vì thung lũng cũng rất nghèo, họ đã phải tận lực khai khẩn vài trăm mẫu đất để duy trì sự sống trong khi không có một chút máy móc, không một kí phân bón hóa học nào. Thế mà, họ vẫn thành công, vì khí hậu ở đây rất thích hợp với họ, đem cho họ một sức khỏe rồi rào, đem lại cho đất đai họ mỗi năm hai vụ gặt khá tốt đẹp đủ cung cấp lương thực cần thiết cho cả một vùng.

Thung lũng Hunza phải chăng là một thiên đàng dưới hạ giới? Phải chăng đã có một sự bí mật nào bao trùm khắp thung lũng này mặc dầu đời sống ở đây đâu có an nhàn?

Người ta chỉ biết thung lũng này tràn đầy các hoa thơm cỏ lạ, muôn màu sắc sỡ, giữa một khung cảnh núi rừng bát ngát, cao vút tới tám ngàn thước, quanh năm tuyết phủ.

Thung lũng duyên dáng và may mắn này được tạo nên chính là do công lao của những người dân Hunza. Họ đã vất vả cày cấy để tạo ra hoa màu mà sinh sống, họ đã triệt để khai thác xứ sở đến mức tối đa, một điều gần như bắt buộc đối với họ.

Một thí dụ là họ đã tạo được cả một con kênh khá dài, khá công phu đứng vào hàng quan trọng bậc nhất miền Trung-Á, đem nước do từ các tầng băng trên núi chảy ra, phân phát cho khắp dân trong vùng.

Họ làm việc cần cù nhưng sức khỏe họ vẫn khả quan: họ có thể đi bộ một trăm cây số ngàn đến một địa điểm nào đó, rồi ngay lập tức họ lại có thể trở về nhà được không cần phải nghỉ ngơi. Chính vì vậy mà một nhà qui phái Anh quốc, Sir Aurel Stein, trong chuyến đi Trung-Á, đã ngạc nhiên khi gặp ở Khotan năm 1903 một người giao liên của đức vua Hunza đã đi một mạch 500 cây số ngàn qua nhiều lối đi hiểm trở, qua nhiều đèo ngoằn ngoèo khó đi.

Nhưng có một điều lạ hơn hết là dân trong thung lũng này không biết bệnh tật là gì, ngay cả đến những triệu chứng thông thường như nhức đầu, chóng mặt cũng không bao giờ họ phải bận tâm đến.

Khách đến vùng này đều hết sức ngạc nhiên khi gặp các cụ già vẫn còn vác trên vai những bó củi thật lớn, vẫn

nhanh nhẹn leo núi, không tỏ vẻ một tí gì là nhọc mệt cả.

Ấy chính vì ở trong thung lũng thần tiên này, con người không biết tuổi già là gì, sống vui, sống trẻ, sống không bệnh tật, sống thật lâu, thật dài, rồi đến khi phải chết thì chết một cách nhanh chóng nhẹ nhàng tựa như ngọn đèn tắt đi khi dầu đã cạn.

Người đầu tiên khám phá ra thung lũng này là một sĩ quan, thiếu tá Bid-dulph, vào năm 1880 lúc ấy thung lũng chỉ có chừng 6000 người là cùng.

Năm 1903 nhà quý phái Anh, Sir Aurel Stein đến viếng thung lũng rồi đến năm 1905 là lượt Đại tá Schomber.

Sức khỏe kỳ bí của người Hunza đã làm cho bao nhiêu thầy thuốc phải suy nghĩ nát óc.

Bác sĩ Mc Carrison là người đầu tiên nghiên cứu về trạng thái sức khỏe, các phong tục lễ thói dân Hunza và vấn đề ăn uống của họ. Kết quả trình bày đã làm cho nhiều người sửng sốt vì ông chứng minh có một mối tương quan chặt chẽ giữa vấn đề ăn uống với sức chịu đựng bệnh tật của dân tộc này.

Năm 1938, bác sĩ Wrench ở Luân-đôn đã cho ấn hành một tài liệu nói về sự liên lạc mật thiết giữa đất cát vùng này với đời sống thảo mộc đã ảnh hưởng đến đời sống con người.

Gần đây, có ông B. de Belvefer một chuyên viên của khoa dinh dưỡng đã cùng phái đoàn gồm một số y sĩ, các nhà thảo mộc học, nhân chủng học, tiến sâu vào thung lũng Hunza để tìm xem tất cả những gì là tiên dược đã giúp cho dân vùng này sống vui, sống trẻ...

Dược-phẩm trường-sinh

Tự biết không phải tất cả mọi người trên trái đất này ai cũng may mắn được như người Hunza, cho nên các nhà bác học đã nghĩ đến dùng dược phẩm để cho con người sống lâu, sống trẻ :

Kể từ năm 1960 đã thấy có nhiều tiến bộ.

Tại Hoa-Kỳ, ông Harman công nhận một số dược phẩm kháng-ôxyt-hoá (antioxydant) chích vào chuột để thí nghiệm thì thấy chuột giảm được bệnh tật và sống lâu thêm được vài năm. (2)

Tại Pháp, giáo sư F. Bourlière (2) giám đốc trung tâm nghiên cứu tuổi già Claude Bernard, cho biết hiện nay người ta đã rõ tại sao con người lại già yếu đi, biết rõ tất cả các nguyên nhân ảnh hưởng đến tế bào cơ thể và mới gần đây người ta tìm ra được hai loại dược phẩm có giá trị.

1 — Một loại stêroid có tính chất làm cho cơ thể chậm già yếu, hay nói một cách khác, giúp cho cơ thể giữ được tính chất tươi trẻ của cơ thể lâu ngày hơn.

2 — Hiện có một vài thứ thuốc về thần kinh giúp các cụ già giữ lại được ký-ức và để cho óc được sáng suốt trở lại, như khi còn đang xuân.

Gần đây người ta đồn đại nhiều về một thứ thuốc của bà bác sĩ Aslan nước Lỗ, thứ thuốc có tên là vitamin H₃, có tác dụng cải lão hoàn đồng (!) Sự thực H₃ không có tác dụng lớn lao đến thế. (3)

H₃ là tên thuốc, nhưng thuốc này không phải là một thứ vitamin như các loại vitamin A, B, C, D, thông dụng mà ta thường nói đến. H₃ có chứa chất procaine mà đối với giới y, dược, nha, chất procaine chẳng có gì là lạ. Đặc biệt là ở

đây procaine trộn lẫn với acide para-amino-benzoïque, acide pantothénique và chất magnésium. Bác sĩ A. Aslan — tại viện Pamon (Bucarest) — cho thuốc này là một dược phẩm kháng lão (produit anti-vieillesse) và đặt cho nó một tên là H.3. và trong thương trường, thuốc này được đem bán với tên là Gérovincial.

Người ta chích thuốc này vào bắp thịt mỗi tuần lễ ba lần mỗi lần năm phân khối. Dĩ nhiên là trước khi dùng thuốc, còn phải thử thuốc đã để xem thuốc có gây phản ứng nào không? Nếu có phản ứng thì không dùng thuốc này được.

Nhưng có thật H₃ giúp cho con người sống lâu không?

Ta chưa thể công nhận ngay tác dụng của thuốc, mà còn phải thí nghiệm để chứng minh.

Hiện nay những thí nghiệm minh chứng chưa có, nên chưa có thể quyết đoán ngay được. Chính giáo sư Bourlière giám đốc trung tâm Claude Bernard chuyên nghiên cứu về tuổi già, cũng còn rất dè dặt về cách sử dụng thuốc này. Và đứng về phương diện y học, phải có sự kiểm nhận của đông đảo giới y dược sĩ, qua nhiều minh chứng mới có thể công nhận được.

Người ta cũng nhắc đến thuốc hoàn xuân của Bogomoletz. Thuốc này tại Nga có tên tắt là A.C.S mà người Pháp diễn ra là Sérum antiséculaire cytotoxique. Bogomoletz giữ rất bí mật phân lượng của loại thuốc này. Cho nên người ta chỉ ước đoán là ông lấy nước tủy và tinh chất của ti-tạng chộn lẫn với huyết thanh ngựa mà thôi.

Tại Pháp ở viện Pasteur, bác sĩ Bar-dach cũng điều chế ra một loại huyết

thanh tương tự như thuốc Bogomoletz để cho người già dùng chống bệnh suy nhược

Giáo sư Binet đưa ra nguyên tắc sau đây

— Muốn cho cơ thể trẻ mãi không già, thì phải đem lại cho cơ thể các tế bào trẻ, nói một cách khác là phải tiếp tế luôn luôn cho những tế bào tươi.

Lấy ở đâu ra những tế bào tươi này? Ở các bào thai.

Thực ra cũng không có gì mới mẻ, nhưng đặc sắc ở chỗ là giáo sư Binet, khoa trưởng trường Y khoa đại học Paris, đã khám phá ra tất cả các tính chất cải lão hoàn đồng ở trong các bào thai. Còn từ bào thai, ta rút ra các tinh chất (extrait embryonnaire) để chích, để uống, phương sách chế tạo thực ra cũng không dễ dàng gì!

Kề đến bào thai, tất cũng cần nói đến phương pháp dùng nhau của Filatov.

Nhau (Placenta) hay rau đàn bà để gồm các tế bào trẻ, sinh sản rất nhanh chóng, chứa đầy chất bổ dưỡng dùng để nuôi bào thai khi thai còn trong bụng mẹ. Do đó quan niệm của ta bảo «nhau bổ» là như vậy.

Filatov lợi dụng tính chất của nhau để chế tạo ra dược phẩm. Theo ông, sở dĩ nhau ích lợi, vì nhau tiết ra những kích thích tố bảo vệ cơ thể, những sinh kích thích tố (stimulines de défense hay là biostimulines).

Phương pháp cấy nhau, chích tinh chất nhau đã khá thông dụng, và ở nước ta, hiện nay, cũng đã có một hai Viện bào chế dùng nhau trong cuộc điều chế dược phẩm.

Gần đây, và còn ở trong vòng thí nghiệm thì có chất Yakriton. Đó là

do một nhà bác học, ông SATO đã rút ra ở gan một hoạt-chất mà ông đặt tên là Yakriton hay là hoạt chất kháng độc. (Principe anti-toxique viết tắt là P.A.T).

Theo dư luận của giới y sĩ thì PAT còn chứa nhiều chất mà người ta chưa minh định ra được rõ ràng, ngoại trừ các sinh tố B,E, các acid amin, các acid nuclêic...

Đem P.A.T ra cho 50 cụ già từ 76 đến 89 tuổi dùng thì được biết như sau: giấc ngủ không có gì thay đổi, nhưng thuốc làm cho chóng đói, làm tiêu mỡ, làm cho người thấy khỏe khoắn, thích làm việc.

Xem những kết quả đầu tiên như vậy, người ta tin tưởng một ngày kia thuốc P.A.T. sẽ thông dụng, sẽ được phổ biến ở mọi nơi và như thế, số người già hữu dụng sẽ tăng thêm lên rất nhiều.

Tóm lại, tổng quát mà xét thì được phạm điều chế đã có nhiều phần khả quan, tuy rằng vấn đề trường sinh, hay hoàn xuân, trong thực tại, chưa có gì là xác đáng cả.

Những học thuyết trường sinh

Bác sĩ Norbert Mallet, trong tuần san *Votre Santé*, góp ý kiến cho là dùng thuốc cải lão hoàn đồng có giá trị, nhưng quan hệ hơn vẫn là phải tìm ra những yếu tố nào làm cho con người chóng già.

Đó là một đề nghị xác đáng. Ta thấy nào vấn đề dinh dưỡng càng ngày càng xa thiên nhiên, nào vấn đề bụi bặm, nào tiếng động, nào ảnh hưởng phóng xạ. Lại thêm nếp sống phức tạp, quá số bỏ hiện nay làm cho con người chóng một

mỏi, cơ thể cũng suy yếu dần đi. Và chính vì vậy mà ta chóng già.

• *Thuyết người-hoa (homme-fleur) của Jean Rostand.* Đi tìm xem những tác nhân nào làm cho con người chóng già yếu là một điều hay, nhưng dựa vào khoa sinh học, để tìm ra một lối giải thích về hiện tượng già lại là một việc khác. Jean Rostand, một nhà sinh học nổi tiếng hiện nay trên thế giới, đã suy ngẫm nhiều về lẽ sống con người (5), trù tính đến cả biến đổi con người (6), cũng không bỏ qua điều này.

Tính chất càng ngày càng phức tạp của nếp sinh hoạt chúng ta hiện nay càng làm cho các nhà khảo cứu thêm lúng túng, thêm bối ngỡ, Ta dành cho đời người do một tác nhân, một « vi trùng tuổi già, » một *aging factor* nào đó.

Jean Rostand đã phải nói :

— Ngay đến chúng ta cũng không biết là con người sẽ chín mùi như bông hoa hay mòn dần như cái ghế.

Và nhà bác học tiếp :

— Hãy trông bông hoa, trước tiên nó là một cái nụ, rồi thì nụ nở, rồi hoa tàn hoa héo, chết đi, nhưng mà trái lại ta hãy nhìn cái ghế, lý thuyết mà nói, thì cái ghế phải bất tử. Nếu ghế không thế, thì đó là lỗi của kẻ dùng nó hành hạ nó... (4)

Thuyết người-hoa không được phổ biến rộng rãi mấy. Suy ngẫm lời nhà bác học, ta tự hỏi: con người sẽ là ghế hay là hoa? Dù sao cho đến nay ta vẫn chưa có cách nào làm ngưng nhịp già lại. Tuổi già dù cho có đi chậm chạp đến mấy, thì cũng vẫn cứ tới, và con người sẽ tàn đi ở một tuổi giới hạn có

thể là 65, là 85, là 110, là hơn thế một chút nữa.

Muốn sống tới mức giới hạn cao nhất dĩ nhiên ta phải tìm ra những gì là chướng ngại vật.

Mà kẻ thù trước tiên là mệt - mỏi rồi !

Trong đời, ai chả có lúc mệt mỏi, nhọc đến kiệt sức, đứt hơi. Nhưng không phải chỉ có một thứ mệt nhọc, mệt nhọc thể xác, mà còn cần kể tới mệt nhọc tinh thần nữa.

Mệt mỏi tinh thần là trường hợp đặc biệt nhất, trường hợp của những người bận rộn công việc, có triệu chứng đầu tiên là «mệt» kèm theo hai triệu chứng kế tiếp là «mất ngủ» và «mệt mỏi tinh dục». Ba triệu chứng này liên hợp với nhau tạo nên một *trường hợp khác ngoài lo âu*. Thần kinh căng thẳng quá độ làm cho con người hết chịu đựng nổi những rắc rối nhỏ nhặt trong gia đình, những điều trái ý tầm thường. Đến nước này thì nghỉ ngơi cũng chẳng được là bao, và cứ mỗi sáng thức dậy, con người lao lực lại cảm thấy mệt mỏi rõ ràng hơn hôm trước. Thế mà, mới mở mắt ra, đã thấy tiếng động quanh mình ầm ĩ, ra khỏi cửa là hấp tấp chen lấn, bắt tay vào việc thì vội vã, với trăm ngàn những chuyện đầu đầu làm cho đầu óc bận rộn không ngừng, và thể chất thấm dần mệt nhọc. Đời sống cứ như thế làm sao ta không mau già!

• *Ba giả-thuyết về tế-bào của B. s. Alex Comfort* : Nếu chỉ bảo người ta già đi vì mệt mỏi thì vẫn chưa đủ, các nhà sinh học đang tìm ra tất cả mọi sự bí mật chung quanh tuổi già và hiện nay người ta quay về tế bào là phần tử cấu tạo nên thể chất con người

Một y sĩ chuyên khoa Anh quốc, bác sĩ Alex Comfort đã thu thập chừng năm mươi nhận định, từ những tụ tập chất độc trong ruột, đến những ảnh hưởng phóng xạ vào tế bào, ông thâu tóm lại để đưa ra ba giả thuyết thôi.

Theo giả thuyết thứ nhất, thì tuổi già là do tính biến đổi của các tế bào đi thay thế, nhà bác học Lecomte de Nouy đã tính ra các vết thương thành sẹo ở ba lớp tuổi : 10, 40 và 60. Nếu vết thương của đứa trẻ lên 10, năm ngày thành sẹo, thì đối với người 40 phải gấp hai nghĩa là mười ngày và với người 60 phải gấp năm nghĩa là 25 ngày. Tại sao thế ? Chính vì trong tế bào có những vết thương nhỏ li ti, các vết thương này lâu lành khi ta già yếu dần. Vẫn biết trong cơ thể, tế bào vẫn được thay thế, vẫn được đổi mới, nhưng những tế bào mới đâu còn đủ sức mạnh như những tế bào nguyên thủy nữa. Và đời người lui dần khi sự cách biệt, giữa sự phá huỷ và sự thay thế tế bào, trở nên quá chênh lệch.

Theo giả thuyết thứ hai, thì tuổi già là do sự huỷ hoại dần dần các tế bào thần kinh. Bác sĩ Comfort cho biết một con chó già 14 tuổi chỉ còn có 2/3 tế bào thần kinh trong óc, và khi nó được 17 tuổi thì chỉ còn có 1/3 thôi.

Theo giả thuyết thứ ba thì tuổi già là do sự tiêu hủy dần chất gian-bào (substances intercellulaires) như mô liên-kết (tissu conjonctif) chẳng hạn. Ngày trước người ta coi thường mô này, cho như là một tấm giấy bọc ngoài thôi, nhưng chính ở mô liên-kết, ảnh hưởng của thời gian đối với cơ thể lại rõ rệt hơn đâu hết. Ấy chính vì thời gian trôi dần

mà mô này cũng dần dần theo, mất dần tất cả về mềm mại, héo đi và răn dần.

Giá trị của mô liên kết như thế nào? Theo B.s. Comfort thì tế bào là gạch là đá, còn mô liên-kết là xi-măng, là vữa, một khi căn nhà bị sụp đổ thì trách nhiệm đầu tiên là do xi-măng đã không hàn gắn các viên gạch đá vào với nhau.

• *Ý kiến của một nhà dinh dưỡng học*: Bernard Desouches, một ông lão chín mươi tuổi, hội viên của Hội khoa học về vệ sinh ẩm thực của bà Lucie Randoin, một nhà dinh dưỡng nổi tiếng. Ông Desouches vẫn giữ được một thân hình tráng kiện, vẫn luôn luôn hăng hái hoạt động như một thanh niên.

Ông có viết cuốn « Sống già, nhưng không trở nên già » trong đó ông đưa ra mấy ý kiến về phép cải lão hoàn đồng của ông.

Theo ông, trong đời có ba loại vệ sinh :

- Vệ sinh về ăn uống.
- Vệ sinh về thể chất.
- Vệ sinh về tinh thần.

Trong ba loại trên đây, vệ sinh về ăn uống được coi là căn bản cho sức khỏe.

Ông đặt ra ba định luật :

1) Khẩu phần phải chứa đầy đủ thức ăn cần thiết cho cơ thể hoạt động.

2) Khẩu phần còn phải cung cấp cho cơ thể những thức ăn không tạo năng nhưng vẫn cần thiết cho cơ thể là các vitamin và muối khoáng.

3) Cần phải có sự thăng bằng giữa tất cả các loại đồ ăn.

Nên chọn thức ăn như thế nào? Phải tươi, phải tinh khiết và càng gần thiên nhiên bao nhiêu càng hay. Ta cần ăn lấy đủ, đừng ăn nhiều quá, ăn tham lam sẽ chóng già. Ngoài năm mươi tuổi vẫn có thể ăn thịt được, vì thịt cá cần bởi đắp cho các tế bào. Ăn xong phải vận động để giúp cho sự tiêu hóa được mau chóng. Lại phải thở cho điều hoà, sao cho đủ lượng dưỡng khí cần thiết.

Về phương diện tinh thần, không bao giờ được yếm thế.

Cần tạo ra một bộ máy thần kinh kiên cường, đừng lo nghĩ vớ vẩn đâu đâu, có hại cho sức khoẻ. Khi gặp trở ngại, dĩ nhiên phải lo tính để vượt qua, nhưng khi đã tìm ra được giải pháp rồi, thì lại phải trở lại thần nhiên bình thường, đừng bứt rứt, thắc mắc không đâu, bất lợi cho mọi cố gắng về vệ sinh ẩm thực, vệ sinh thể chất...

Đời phải vui, phải sống cho tươi trẻ, Phải nghi tới không khí gia đình, môi trường gia-đình, những người độc thân chóng già hơn những người có gia đình. Phải sống trẻ trung với phái trẻ và phải nhìn ngay vào thực tại, cho thực tại là hơn cả, đừng quay về dĩ vãng nữa. Sau hết, muốn cho không già, thì ta phải thích sống với đám người trẻ và sao cho họ thích gần ta.

Một phương pháp trường sinh : ướp lạnh

Nếu chỉ suy luận theo thuyết này thuyết nọ, nếu chỉ lạm dụng một vài dược phẩm để cho sống thêm năm mươi năm nữa, thì không có gì đáng nói cả. Ai cũng cần sống, sống thật lâu, sống vĩnh viễn, dù cho cuộc sống có nhiều gian lao khổ ải. Muốn thoả mãn được tham vọng này cần phải có một phương sách chu đáo.

Khoa học đã giải đáp bài toán này ;
Đó là dùng phép ướp lạnh :

Ướp lạnh như thế nào ?

Ta biết rằng khi mua một miếng thịt ở chợ về, chưa muốn ăn ngay mà ta muốn cho thịt được tươi, ta cứ việc bỏ vào trong tủ lạnh mấy ngày cũng được, miễn sao giữ cho thịt đủ lạnh.

Ướp lạnh con người cũng theo nguyên tắc như thế.

Đến một thời gian nào đó, cảm thấy cần nghỉ ngơi tinh dưỡng, người ta chui vào trong một cái «tủ lạnh», lạnh rất nhiều, xuống dưới không độ, và cứ như thế, đến một ngày nào đó, ta sẽ bị «đánh thức» dậy bằng cách truyền nóng dần dần.

Nguyên tắc này không có gì là hoang đường, vì người ta đã căn cứ vào nhiều sự kiện khoa học (7). Hàng ngàn thí nghiệm và nhận xét từ đầu thế kỷ thứ XIX đã chứng tỏ từng phần của cơ thể, từng bộ phận, từng cơ quan sinh vật có thể sinh tồn mãi mãi nếu hội đủ các điều kiện cần thiết (8).

Người ta nhận thấy loài sò ốc ở một một vài bãi biển miền Bắc Âu sống bền bỉ trong những tảng băng mà không bị hư hại gì. Có những con cá bị ướp trong băng hàng mấy tháng đến khi băng tan ra nước, những con cá này lại tung tăng bơi lội như thường.

Một nhà vi trùng học Đức, giáo sư Dombrosky đã xác nhận có một loại vi trùng mà ông đang khảo cứu (loại pseudomonas) sống từ đời tiền sử. Những con vi trùng này bị giữ chặt trong các tảng muối qua bao nhiêu thế kỷ không bị tiêu diệt, đến khi gặp nước, lại sống lại như thường.

Như vậy đối với các nhà sinh vật học, thời gian không ảnh hưởng gì đến đời sống sinh vật cả, miễn là đời sống này phải được tạm ngưng — tạm ngưng chứ không phải là bị hủy diệt — người ta có thể chờ đợi bao lâu cũng được, một cuộc «tái sinh» hay là một cuộc «hồi sinh» như ý muốn.

Tháng ba năm 1965, tuần báo L'Express có kể lại chuyện một con kỳ đà bị vùi lấp trong những tảng đất giá băng miền Tây-Bá Lợi-Á sâu dưới mấy chục thước. Người ta tình cờ đào được lên, đem ủ nóng dần dần cho con vật thì nó hồi sinh và chịu ăn uống như thường. Vấn đề được đặt ra là con vật bị ướp lạnh gần đây hay đã từ lâu ? Nếu mới đây thì không có gì đáng kể cả.

Một tờ báo Đức, tờ Frankfurter Allgemeine loan tin căn cứ vào địa thế và loại đất chôn vùi con vật, thì con vật này ít ra cũng sống được năm ngàn năm. Tờ báo này cũng cho biết thêm chuyện này không có gì kỳ lạ cả, vì người ta còn tìm thấy một con khác bị vùi sâu dưới 14 mét trong một nhánh sông Kolyna, một con vật đã được ủ nóng để hồi sinh và sống thêm năm tháng nữa. Lại vào tháng hai năm 1963, một con kỳ đà khác bị vùi trong những tảng băng Pamir cũng được cứu sống nhưng chỉ sống thêm có một ngày thôi. Tuổi con vật này cũng là hàng ngàn năm cả.

Câu chuyện kỳ đà làm người ta nghĩ đến loài người, vì kỳ đà là một loài có xương sống, trông tựa như con cá sấu con. Ướp lạnh để ngưng sống, rồi ủ nóng để hồi sinh loài có xương sống như kỳ đà mà chịu nổi thì loài người cũng thuộc loài có xương sống có chịu nổi được không ?

Gần đây các nhà bác học, đã nghiên

cứu nhiều về từng cơ quan cho tạm ngưng sống.

Một nhóm y-sĩ người Anh (9), giáo sư White và các bác sĩ Albin, Verdura, Locke đã giải phẫu một só chó, lấy hẳn bộ óc để ra ngoài đem ướp lạnh ở 2 độ, sau khi đã lấy hết máu đi. Bốn giờ sau, hâm nóng lại và truyền máu vào, các bộ óc này lại có thể hoạt động được như thường.

Tại Đại học đường Kobé bên Nhật(10) giáo sư Isamu Suda đã ướp bộ óc con mèo trong 203 ngày để lạnh 20 độ dưới số không. Mang ra ngoài, truyền máu nóng 37° vào, bộ óc lại làm việc như thường chứng cứ là dùng giấy điện mắc vào máy điện não ký, thì trên đồ thị có ghi lại những đường nét tương tự như của một con mèo đang sống yên lành.

Câu chuyện ướp lạnh óc chó mèo chưa lấy gì làm lạ. Ta còn phải kể tới thí nghiệm của nhà sinh vật học Nam tư là Giaja và môn đệ của ông là Andjus áp dụng phép ướp lạnh vào những con chuột (11).

Bị ướp lạnh ở 6 độ dưới không độ, chuột tạm ngưng sống và trở nên rắn như đá. Bề ngoài thì bất động, không còn dấu vết một sinh khí nào cả. Nhưng đến khi ủ nóng dần cho tới nhiệt độ bình thường thì những con chuột Andjus này như vừa ngủ mới tỉnh dậy lại chạy đi chạy lại ăn uống như thường. Điều đáng kể là những con chuột này lại sống lâu hơn và khỏe mạnh hơn những con chuột cùng lứa, cùng tuổi nhưng chưa được ướp lạnh.

Nhưng trước cả chuyện kỳ dị, chuyện chuột, đã có một cuốn sách làm sôi nổi dư luận thế giới, ảnh hưởng cả giới khoa học, đến nỗi tại Amsterdam, bác sĩ Klaassen đã tuyên bố trước báo chí

là nhiệm vụ của thầy thuốc hiện nay là phải làm cho các bậc vĩ nhân trở thành trường sinh bất tử (12).

Quyển sách đó tên là gì?

Đó là cuốn «Con người có thể bất tử được không?» của nhà bác học Mỹ Robert C. W. Ettinger.

Jean Rostand đề tựa cho cuốn sách này và cầu chúc cho những dự đoán của Ettinger sẽ thực hiện được.

Sách của Ettinger không hoang đường, trái lại đầy rẫy những tài liệu chứng minh vì ông đã tham khảo gồm 130 tài liệu, báo chí, sách khoa học, hết sức tỉ mỉ.

Một vị trang sư ở Lạ Haye thích thú công cuộc biên khảo này và có nhiệt tình với ý kiến của tác giả, đứng ra lập một hội lấy tên là Stichting International and Biological Research để nghiên cứu về vấn đề bất tử của con người qua nhiều khía cạnh, không những khoa học, mà còn kinh tế, luật pháp và tôn giáo nữa (11).

Ettinger không tán nảm, ông nhìn vấn đề bất tử qua lại phương diện tốt và xấu.

Con người hiện nay luôn luôn đau ốm, chứng nọ tật kia, mà khoa học thì còn chưa đủ lực, vậy bây giờ nếu có một chứng bệnh nan y, ta hãy ướp lạnh con bệnh, để một, ngày nào đó khoa học đã tăng tiến rồi, đã nhiều phát minh sáng kiến rồi, lúc đó lại ủ nóng đánh thức bệnh nhân dậy để chữa bệnh, có phải là tiện lợi không.

Tuy nhiên việc ướp lạnh còn gặp nhiều trở ngại.

Trước tiên là vấn đề nhiệt độ. Phải

ướp lạnh xác người vào nhiệt độ của khí hê-li lỏng nghĩa là 273 độ dưới không độ mới có thể làm ngưng sống hoàn toàn các cơ quan. Nhưng ở vào nhiệt độ này thì nước sẵn có trong các thớ thịt, trong lục phủ ngũ tạng, sẽ đóng thành băng mà các cạnh sắc sẽ cắt đứt các thớ thịt trong người.

Vấn đề thứ hai còn nguy hiểm hơn, là căn cứ vào các học thuyết của giáo sư W. Feindel, của giáo sư E. Roy Zohn, của giáo sư Hans Lukas Teuber, thì khi con người ngưng sống như vậy, trí nhớ và trí khôn sẽ vì đó mà xuy xuyên đi nhiều.

Còn nhiều vấn đề khác được đặt ra nữa !

Là khi ta ướp lạnh một người đi, dù cho là người thân nữa, như thế có hợp pháp không ? Có mang tội cổ sát không ?

Một người bị ướp lạnh đi rồi thì quyền lợi và tài sản ra sao ?

Gia đình như vậy có còn đoàn tụ không ? Người chồng tạm ngưng sống vài chục năm, người vợ có quyền đi lấy chồng khác không ? Và khi tỉnh dậy rồi, câu chuyện giải quyết làm sao cho êm đẹp ?

Ướp lạnh con người có trái với giáo điều của một tôn giáo nào không ?

Một người theo đạo Thiên Chúa có được phép làm như vậy không ?

Lại còn vấn đề giá cả của sự ướp lạnh, dĩ nhiên giá, cả không rẻ nào, như vậy mấy ai đủ tiền ướp lạnh.

Và khi đã được ướp lạnh rồi, thì xác người để ở đâu cho đủ chỗ, và có những

cơ quan nào trữ liệu trông nom vấn đề này.

Rồi đến khi các người ngưng sống hồi sinh lại, thì có đủ chỗ cho người ta ở không ? Có đủ lương thực cho người ta ăn không, và cách sinh hoạt lúc đó có làm cho người hồi sinh trở nên lạc lõng không ?

Biết bao nhiêu vấn đề được đặt ra. Cả một quan niệm về triết lý nhân sinh cũng bị xáo trộn. Lúc đó ta phải định-nghĩa thế nào cho đúng, cho hợp lý ! Thế nào là sống ? Thế nào là chết ? Người là thế nào ?...

Và còn biết bao nhiêu vấn đề ! Dù cho tìm ra phương sách bất tử, giải quyết cho trọn vẹn cũng không phải là dễ dàng.

KẾT LUẬN

Dù sao, chúng ta vẫn sống trong hy vọng.

Tuổi già làm cho con người sợ sệt, bần khoản. Mặc dù vậy, bằng bất cứ giá nào, ta phải tránh sao cho thoát cái trạng thái khó chịu của một số người già tỏ vẻ mất cảm tình và quá thần nhiên (14) với đời, có phải như vậy mà ta sợ già chẳng ?

Bác sĩ Henry S. Simms, giáo sư tại Đại học đường Columbia, lạc quan, tin tưởng vào tính chất bất tử của con người, không phải ngay bây giờ, nhưng mà về sau này, khi mà khoa học tiến bộ.

Giáo sư J.L. Pech không nghi tới vấn đề trường sinh mà chỉ tính sao cho con người, sống lâu, sống thêm được bao nhiêu năm càng hay. Ông cho rằng

sự tiến bộ hiện tại của nền văn-minh đã tạo cho loài người nhiều bệnh mới, làm cho sức sống của con người mòn mỏi dần. Muốn cho trường sinh—dù là trường sinh trong giới hạn—con người phải đổi lối sống, phải quay về thiên nhiên (15).

Nhưng, khoa học vẫn là khoa học.

Các công cuộc khám phá, dò xét trong phòng thí nghiệm vẫn cứ tiếp tục. Một ngày kia, tinh chất bất tử của động

vật trong phòng thí nghiệm sẽ thành công khi mà ta hội đủ các điều kiện cần thiết.

Còn ở ngoài đời? Con người sẽ phải làm gì, các nhà bác học sẽ thí nghiệm ra sao, khoa học phải tiến tới đâu, hiện nay chưa ai có đủ yếu tố mà trả lời, nhưng ta vững lòng tin tưởng và hi vọng rất nhiều vào tương lai...

THIỆN-Ý

Tài liệu tham - khảo

- 1 — Tài liệu về thung lũng Hunza do tạp chí Vivre Jeune.
- 2 — Constellation médecine, tháng Giêng 1962.
- 3 — Tài liệu của Bác sĩ Lossejac (tạp chí Votre Santé số 296).
- 4 — Science et vie, số 576.
- 5 — Aux frontières du surhumain (Jean Rostand).
- 6 — Peut-on modifier l'homme ? (Jean Rostand)
- 7 — Le froid. Collection Microcosme.
- 8 — La longévité (Jacques Guillerme P.U.F.).
- 9 — L'Express số 789 đầu tháng 8-1966.
- 10 — Tạp chí Science et vie tháng hai 1966.
- 11 — L'Express tháng ba 1965.
- 12 — Nhật báo J.E.O. ngày 25-8-1965.
- 13 — L'homme est-il immortel ? (Robert C. W. Ettinger).
bản dịch ra Pháp văn do nhà Denoel xuất bản.
- 14 — Gérontologie et gériatrie (Léon Binet, P.U.F.)
- 15 — Espoirs de longue vie (J. L. Pech. Gallimard)

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin Thiếu tá DƯƠNG - ĐỨC - MAI, làm lễ vu qui cho em DƯƠNG-THỊ THU-HƯƠNG cùng Cậu DƯƠNG-ĐỨC-SƠ, con Bà DƯƠNG-BÁ-MÃN. Hôn lễ cử hành tại Banmêthuột ngày 10-12 năm Bình-ngọ (20-1-1967).

Thành thật chia vui cùng Cậu Mợ, và chúc hai em trăm năm hạnh phúc.

Vợ Chồng TÔN-THẮT-HÀM

KHU KỸ - NGHỆ BÔNG VẢI PHONG - PHỦ

(SICOVINA PHONG - PHỦ)

Sẽ bắt đầu khai-thác ngày 1-5-1967.

Lãnh phiếu trắng, nhuộm đủ màu và hoàn-tất đủ loại hàng vải khổ rộng từ 8 lấc đến 1 thước 4 :

- Vải đen Chent'Clear, Perfect Chent'Clear.
- Phiếu trắng, nhuộm đen satin, crêpe satin bằng chất viscoses hay acétate de cellulose.

Phiếu trắng, nhuộm màu đủ các loại vải (coton), Polyester, Polyester, Coton, Nylon 6, Nylon 6-6, Nylon, Viscose, Nylon, Coton, Tơ tằm (soie naturelle), Rilsan v.v..

- Nhuộm và hoàn-tất đặc-biệt các loại hàng dùng may quần áo Âu-Mỹ khổ 1 thước 4.

• ~~Bảo-đảm hoàn-tất với các loại hồ đặc-biệt bằng những phương-pháp tối-lân nhất thế-giới hiện nay : không co rút (irrétrécissable), không nhăn (infroissable), dốt không cháy (ignifuge), không thấm nước (imperméable), không thối (imputrescible)...~~

- Có máy đặc-biệt không cần hồ (apprêt), làm cho vải Popeline, Kaki... không bị co rút (irrétrécissable), bảo-đảm khi nhúng nước không mất quá 1%.

Vì sự sản-xuất có giới hạn, các nhà kỹ-nghệ-gia ngành dệt vải may quần áo Âu-Mỹ, áo mưa, may nệm, mui xe hơi, lều cắm trại, màn treo, satin crêpe satin, popeline v. v... và các nhà buôn sỉ có thể đến thương-lượng và ký giao kèo ngay từ ngày 15-1-1967 mỗi buổi sáng từ 8 giờ đến 12 giờ, tại Văn-Phòng liên-lạc tạm đặt nơi Nhà Máy Nhuộm SICOVINA An-Nhơn (Gò-Vấp).

Nhận xét về dự-án Hiến-Pháp

của THANH-THIÊN

Ngày 11-1 vừa qua, Quốc Hội đã soạn thảo xong và công bố dự-án Hiến-Pháp.

Dự án này khá dài, gồm 135 điều khoản, nên Việt Tấn Xã đang liên tiếp tới ngày thứ Bảy 14-1 chưa hết.

Đáng lẽ nên để cho các giới có đủ thời giờ suy xét và góp ý-kiến, thay vì thảo luận đề biểu quyết về từng điều-khoản kể từ 18-1 như Quốc-Hội đã cho biết.

Quý-vị dân-biểu có thể trả lời : sao không trình bày quan điểm trước, trong thời-gian soạn-thảo ?

Sự phát-hiệu ý-kiến như vậy chỉ có tính-cách tổng quát và lý-thuyết ; phải chờ khi có đối-tượng cụ-thể — ở trường-hợp này là bản văn của Quốc-Hội — thì sự suy luận mới mong có đôi phần thiết-thực.

Dù sao, và để khỏi mất thời-gian-tính, xin miễn dài dòng hành văn, chỉ xin trình bày vắn tắt vài nhận xét với thiện-chí xây dựng.

Nhưng xin nhấn mạnh về một điểm : Ở đây tác-giả không quan tâm lắm đến phần lý-tưởng xa xôi, chỉ chú trọng đến phương-diện thực-hành, vì đã thấy nhiều Hiến-pháp không hữu-hiệu bởi không thích hợp và khó thi hành nên chẳng ích-lợi gì cho Quốc-gia.

Điều 4, đoạn 2 — VNCH nỗ-lực duy trì nền an-ninh, hòa-bình thế-giới, và cương quyết chống lại mọi hình-thức xâm lược của chủ nghĩa Cộng-sản

Hai chữ xâm-lược không rõ nghĩa nên điều trên khó giải-thích.

Và giả thử không có hình thức xâm-lược thì chủ nghĩa Cộng-sản có được dung thứ không ? Như bản sách nghiên cứu chủ-nghĩa Cộng-sản, có phải là một hình thức xâm-lược không ?

Điều 6 đoạn 7, đoạn 8 — «Bị can về các tội tiêu-hình chưa có tiền án quá ba

«tháng tù về các tội phạm cố ý, có thể được tại ngoại hầu tra nếu có nghề nghiệp và địa-chỉ chắc chắn — Bị can được suy đoán là vô tội cho đến khi kết án chung thẩm. Sự nghi-vấn có lợi cho bị-can».

Các điều khoản này chỉ đáng cho vào một đạo luật ấn-định thủ-tục hình-sự

Hiến-pháp không nên đi vào chi-tiết tỉ-mỉ, chỉ vạch các nguyên-tắc căn-bản và đại-cương.

Điều 8, đoạn 1 — «Đời tư, nhà cửa và thư-tín của công dân phải được tôn trọng»

Thiết nghĩ : nhà ở, hay gia cư thì đúng hơn (domicile).

Điều 9, đoạn 3 và 4 — « Quyền tự-do truyền giáo và hành-đạo được bảo đảm, miễn là không xâm phạm đến quyền-lợi quốc-gia, kẻng phương hại đến an-ninh công cộng, và không trái với thuần-phong mỹ-tục.

Tôn-giáo nào trái với thuần-phong mỹ-tục ? Nếu là sự phòng xa, thì cũng quá xa.

Hay là nên dự-trù : « miễn là không phổ biến những dị-đoan với mê-tin kỳ-quái ? »

Điều 10, đoạn 1 và 2 — « Mọi người dân có quyền theo đuổi một nền học-vấn thích-hợp. »

Các chữ theo đuổi không thể đi với chữ nền.

Thiết nghĩ Hiến-pháp là văn-kiến căn-bản của Quốc-gia, có tính cách tối cao tối-quí, nên văn-thờ cần được chú trọng nhiều hơn.

Câu trên hẳn là chỉ có nghĩa : mỗi người dân có quyền tự-do chọn và theo ngành học-vấn thích-hợp.

Điều 10, đoạn 5 — « Quốc gia có thể công-nhận các trường tư-thục đại-học và cao-đẳng chuyên-nghiệp hội đủ điều kiện luật định. Văn bằng do những trường ấy cấp phát có thể được Quốc thừa-nhận. »

Điều này nên đề trong một đạo-luật thường tổ-chức giáo-dục, vì chỉ là một khía cạnh tổ-chức, hà tất đưa vô Hiến Pháp ?

Điều 11, đoạn 2 và 3 — « Chế độ kiểm duyệt không được chấp nhận, ngoại trừ các bộ môn điện ảnh và kịch trường.

« Quyền tự do báo chí không được lạm dụng để công khai nhục mạ và phỉ báng cá nhân vì phạm an ninh quốc phòng hay xâm phạm thuần phong mỹ tục. »

Vậy thì theo đoạn 2, muốn vẽ tranh gì cũng được dù tranh ấy vì phạm an ninh hay phỉ báng cá nhân ?

Và theo đoạn 3, viết sách sẽ không bị kiểm duyệt và muốn nhập cảng và bán loại sách gì cũng được. Vì chỉ có báo chí (nhật báo, tuần báo, nguyệt san v.v..) mới có thể bị cấm ?

Điều 15, đoạn 3 — « Quyền đình công không được thừa nhận đối với nhân-viên và công-nhân các ngành hoạt-động liên quan đến an-ninh quốc-phòng hay đến các nhu-cầu nào tối cần-thiết của đời sống tập-thể. »

Như vậy là đủ, và nếu cần nữa, thì xin ghi : một đạo luật thường sẽ chỉ rõ những ngành hoạt-động nào thuộc điều trên chi-phối, không cần phải nói tỉ-mỉ mà không hết " ngành thủy-điện, ngành chuyên chở hành khách trong Đô-thành v. v .. »

Trong Hiến-Pháp, không nên dùng lối « vân vân ».

Điều 21, đoạn 2 và 3 — « Quân-nhân đặc cử vào các chức-vụ công cử như Dân biểu, nghị sĩ, Tổng thống hay Phó tổng thống phải được giải ngũ. Quân-nhân tham chánh tại cấp bậc Trung-Uơng phải được giải ngũ hay được nghỉ giả hạn không lương, và không được kiêm nhiệm với một chức-vụ chỉ-huy trong quân-đội.

Ở rất nhiều nước, sự bất-khả kiêm nhiệm chức-vụ dân-cử hay chức vụ thuộc chánh-phủ, đều do các đạo-luật tuyển-cử, ấn-định và đề tùy người đặc

cử chọn chức mới hay giữ chức cũ.

Cấp bậc Trung ương là gì ? là Tổng trưởng, Bộ trưởng thuộc thành-phần chánh phủ hay cả những công-chức cao cấp ở các cơ quan trung-ương như Tổng-Giám-đốc, Tổng-Thư-Ký v. v..?

Điều 22 — «Đồng-bào thượng tại «Cao-Nguyên Trung Phần... được gọi chung là đồng bào thiểu số.»

Từ năm 1956, hai chữ «thiểu số» đã chạm lòng tự-ái của nhiều đồng-bào Thượng, vì «thiểu-số là dịch từ «minorités ethniques» của Thực-dân ; bởi thế, đã có sự thay đổi, thành Đồng - bào Thượng, sao bây giờ lại dùng tính-từ kép này ?

Và nếu tôi không lầm, thì đồng-bào Thượng không những ở Cao-nguyên, mà còn rải rác ở cả mấy tỉnh miền Đông Nam-phần : vậy chẳng lẽ các đồng-bào này được miễn coi là thiểu-số ?

Điều 28 đến 56 — (Quốc Hội).

Theo chương III, sẽ có hai viện :

Viện Dân-Biểu.

Viện Nghị-sĩ.

— Như vậy, thì Dân-Biểu không phải là một nghị-sĩ, và Nghị-sĩ không có tư cách đại-diện dân hay sao ? Các danh-từ Thượng nghị Viện, Hạ nghị-viện đã rất thông-dụng, vậy nên gọi các vị đại-biểu là Thượng Nghị Sĩ và Nghị Sĩ.

— Với một Viện, ngân-sách quốc-gia cũng đã tổn rất nhiều về tở chức tuyền cử, về quản-trị, phụ-cấp v. v... Với hai Viện, dân sẽ chịu tổn gấp đôi, khi nước đã rất nghèo.

— Trong thực-tế, sự tiến-hành việc

nước sẽ đòi hỏi quá nhiều thời-gian. Theo các điều 49 đến 56 phải chờ 3 hay 4 tháng mới có thể ban hành một đạo luật thường, và 2 hoặc 3 tháng đối với một dự-luật khẩn-cấp. Ấy là chưa kể những trường-hợp phúc nghị, hoà giải v.v

Điều 40 và 41 — «Viện Nghị-Sĩ hoặc «Viện Dân biểu có quyền yêu-cầu Thủ-Tướng và các Bộ-Trưởng ra trước «mỗi Viện để trả lời các câu hỏi của «mỗi Viện.

«Chủ-tịch Ủy-Ban của mỗi Viện có «quyền yêu cầu các Tổng-Trưởng và Bộ-Trưởng tới các phiên họp của Ủy-Ban «đề thảo luận về các vấn-đề thuộc thẩm «quyền của Ủy-Ban đề thảo luận về các «vấn-đề thẩm quyền của Ủy Ban .»

Quốc-Hội sẽ cần ấn-định một thủ-tục rõ-rệt, nếu không, các Tổng hay Bộ-trưởng có thể bị sách-nhiều luôn luôn và khó làm việc.

Điều 42 — «Quốc-hội có quyền mở «các cuộc điều tra các cơ-quan và nhân «viên công-quyền trung-ương hoặc «địa-phương».

Nhưng sẽ có Viện Giám-Sát thiết-lập theo điều 64, với những quyền điều-tra rất rộng rãi.

Vậy có thể có ba thứ điều tra : của Viện Dân-biểu, của Viện Nghị-Sĩ, của Viện Giám - sát.

Làm thế nào để tránh sự trùng-nhiệm?

Và nếu điều tra quá nhiều, thì các cấp hành-pháp sẽ không khỏi nản lòng, và Lập-pháp có thể lấn át Hành-pháp.

Điều 64 — «Viện giám-sát có quyền

điều-tra .. kể cả Tổng-thống, Dân-biểu, Nghị-sĩ v.v..."

Không thấy nói đến Thủ-tướng và Tổng Bộ-trưởng, cũng không nói đến quân-nhân.

Nếu không hạn chế bằng những điều kiện ấn-định rõ ràng, thì rất có thể làm tổn-thương đến uy-tin và thanh-danh Nguyên-thủ quốc-gia và những người giữ trọng-trách cao nhất.

Viện lại có quyền điều tra cả về tư-nhân, khi có sự đồng-phạm hay đồng-lỏa.

Nhưng làm thế nào tránh được sự trùng-nhiệm với Tư-pháp?

«Đề-nghị truy-tố» cũng phải được «công-bố»: như thế dù Quốc-Hội bác bỏ, thì nhân-vật bị nhằm cũng bị mang tiếng rồi?

Và khi «chánh-trị» xen vào, thì sự xét đoán liệu có luôn luôn được ngay thẳng không?

Điều 67 — Đối với ứng cử viên Tổng Thống, thời gian công cán «và lưu vong chánh trị tại ngoại quốc được kể như cư ngụ tại nước nhà»

Như thế nào là lưu vong chánh-trị? Ai không thể viện cớ bị một chế-độ nào đó hành hạ, hoặc bị thế-lực nào đó buộc phải ra đi?

— « Phải được sự giới thiệu của 10 Dân-biểu hay nghị sĩ hoặc của một «chánh đảng.»

Như thế là cấm không được ứng cử với tư cách độc lập. Và các nhóm trong Quốc-hội cùng các đảng phái giữ một thứ độc quyền trong việc cử Tổng-Thống.

Nhưng nếu có nhân-vật được quốc-dân ưa chuộng, thì sao lại ngăn cản mọi người bầu lên?

Điều này trái hẳn với quyền tự-do lựa chọn của quốc-dân, và thiếu hẳn tinh-thần dân-chủ.

Phải nhờ một nhóm, một đảng, tất phải lệ thuộc nhóm hay đảng đó, trong khi Tổng Thống phải đứng trên đảng phái đề đại-diện Quốc-gia.

Điều 73 — «Bổ nhiệm các tướng lãnh». Hai chữ Tướng lãnh rộng nghĩa quá, không nên đem dùng trong văn-kiện pháp-lý, và nên được thay bằng: Sĩ-quan cấp Tướng.

Điều 78 — «Quốc-hội phải được triệu tập ngay trong hạn 3 ngày tròn sau khi Tổng-Thống ban hành sắc-luật tuyên bố «các tình trạng đặc-biệt kể trên, để quyết định.»

Xin đổi lại vị-trí các vế câu cho dễ hiểu hơn:

«Ngay trong 3 ngày tròn sau khi Tổng-Thống ban hành sắc-luật tuyên-bố các tình trạng kể trên, Quốc-Hội phải được triệu tập ngay để quyết định.»

Điều 85, đoạn 2 — « Một đạo luật sẽ ấn định tổ chức và điều hành nền hành-chánh địa-phương.»

Vậy xin bỏ hẳn các điều 87, 88, 89 và 90 về sự phân chia các đơn-vị hành-chánh, các cấp bậc địa-phương, vì phải do đạo luật kia ấn định.

Vì tổ-chức hành-chánh cần phải sửa đổi luôn, không thể để nằm trong Hiến-Pháp.

Điều 93 — « Mọi Toà án đều phải do một đạo luật thiết lập.

Như thế này, các chính-phủ sẽ gặp nhiều sự khó-khăn.

Hệ-thống các toà, như toà Phá-án, toà Thượng Thẩm ; v.v. do luật định là phải rồi.

Nhưng nếu cần lập thêm toà sơ-thẩm hay hoà-giải nữa vì nhiều việc quá, mà phải một đạo luật thì không quốc-gia nào định như thế cả.

Điều 96 — «Các Thẩm - Phán do «Thượng Hội Đồng Tư Pháp đề cử (vào «Tối Cao Pháp Viện) được tuyên trong số «các luật gia có uy-tín đã phục vụ ít nhất «10 năm trong ngành Tư-Pháp».

Giới về Tư-pháp chưa chắc gì thông hiểu hành chánh và chuyên trách về công luật, hai điều-kiện tối cần cho những vị có nhiệm-vụ kiểm-soát các quyết-định của hành pháp. Thẩm-phán tại các tòa án Tư-Pháp ít khi áp dụng Công-luật,

Điều 98 — «Tối Cao Pháp Viện có «thẩm quyền phán quyết về tính cách hợp «hiển của các đạo luật, sắc luật v.v...

Đó là nhiệm-vụ hợp lý của các Pháp Viện Tối Cao, ở nước nào cũng vậy.

Nhưng còn «tính cách hợp pháp» của các văn kiện hành-pháp, thì Pháp Viện

can thiệp làm chi ?

Vì đã có Tham-Chánh-Viện. Hay là bãi bỏ cơ-quan này đi ?

Điều 99 — «Tối cao Pháp-viện phúc «xử về nội dung cũng như về sự áp-dụng «luật-pháp, nhưng quyết-định ghi tên hay «xóa tên trên danh biểu Luật-Sư-đoàn, «cũng như các quyết-định về biện-pháp «kỹ-luật của Thẩm-Phán đoàn Luật-Sư-đoàn và Công-tố-đoàn.»

Muốn cho hợp lý, nhiệm-vụ này phải thuộc Thượng-Hội-Đồng Tư-Pháp thiết-lập theo điều 104.

Tối-cao Pháp-Viện chỉ nên chuyên-chú về sự hợp-hiến và giải thích Hiến-Pháp mà thôi.

Nhược bằng xen lẫn cả vào nhiệm-vụ của Tham-Chánh-Viện, (phạm-vi Hành Chánh) của Tòa Phá Án (phạm vi tư-pháp) của Thượng-Hội-Đồng Thẩm-phán, thì Tối-Cao Pháp-Viện sẽ chỉ gây những vụ xung-đột quyền-hạn rất rắc-rối.

Các vị thẩm-phán và Luật-gia trong Hành-pháp hay ngoài Hành Pháp, chắc hẳn thấy rõ khó khăn đó.

THANH THIÊN

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin trẻ, em TÔN - NỮ THANH-HỒNG đẹp duyên cùng Cậu NGUYỄN-LƯƠNG HUỲNH-HẢI, hôn lễ cử hành tại Chùa Phật Giáo Nhatrang, ngày 20 tháng 11 năm Bính-Ngọ (31-12-1966).

Anh chị thành thực chúc mừng hai em Hạnh Phúc mãi mãi bên nhau.

Anh chị TÔN-THẮT-HÀM
Cháu TÔN-NỮ-THỦY-TIÊN

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Cuộc đàm thoại mới nhất của Milovan Djilas

Năm 1962, sau khi cho in cuốn *Các cuộc đàm thoại với Staline*, M. Djilas bị kết án 8 năm và 8 tháng tù. Ngồi tù chưa đầy 5 năm ông được phóng thích nhân dịp tận niên vừa rồi.

Ra khỏi nhà giam mấy hôm, M. Djilas có tuyên bố vài điều. Điều thứ nhất là ông hy vọng lệnh cấm phát hành các tác phẩm của ông sẽ được bãi bỏ. Điều thứ hai là ông đã nói chuyện với vợ là Stefanija suốt đêm xum họp. Đây chắc chắn là cuộc đàm thoại ít nguy hiểm nhất của ông, ít ngại bị kết án nhất.

Gia-đình văn-nghệ

Ở Sài Gòn, giữa văn nghệ sĩ lâu lâu có nghe một sự xích mích. Lâu hơn nữa, nghe xảy ra một vụ xung đột lớn. Nghĩa là xung đột đến nỗi không dùng ngọn bút giải quyết ổn thỏa, phải dắt nhau ra Tòa.

Paris đông văn nghệ sĩ hơn. Người ta tính phòng chừng tại đây có độ một trăm vụ xung đột công khai giữa văn nghệ sĩ. Đó là chỉ kể những vụ ai cũng biết, còn xung đột ngầm ngầm thì không

biết đâu mà nói. Trong hạng bất bình trăm trọng với nhau có thể kể. Mauriac với Sartre, Mauriac với Peyrefitte, Marcel Aymé với Robert Kanters; bất bình ít trăm trọng hơn thì như là Aragon với Claude Roy, Ionesco với Alain Bosquet. Còn như F. Sagan thì chẳng bao giờ muốn chạm mặt Swan Nielsen, Jean Aurel chẳng bao giờ muốn trông thấy Vadim.

Gia đình văn nghệ ở đâu cũng đầm ấm, đôi khi ấm quá hóa sôi sục.

Nhà văn Tshombé

Mười lăm tháng cầm quyền ở Congo, (*Quinze mois de gouvernement au Congo*) đó là tên cuốn sách của Moise Tshombé do nhà La table ronde xuất bản cách đây ba tháng.

Tác phẩm có thể không có gì xuất sắc. Tuy vậy nó làm phát sinh một vài ý nghĩ nhỏ. Chẳng hạn tại sao chính khách các nơi thường viết lách mà ở xứ ta thì không có mấy? Ở Âu Mỹ, đã đành; thậm chí ở châu Phi, một thủ tướng vừa rời bỏ quyền hành đã quay ra nắm ngay ngọn bút. Cao siêu thì viết sách tư tưởng, tầm thường ra cũng soạn được tập hồi-ký. Mười lăm tháng cầm quyền

Có là bao, bên xứ ta suốt đời cầm lên bỏ xuống cái quyền hành tối cao như trường hợp Bảo-Đại, rốt cuộc cũng không thấy cần giải bày một cảm tưởng gì.

Các chính khách của chúng ta cả thẹn chẳng? Dù sao, nếu quý vị ấy có viết lách, chắc hẳn tự nhiên sẽ có cảm tình với giới văn nghệ nhiều hơn và lưu tâm đến các vấn đề văn hóa hơn.

Proust với Gide

Trước mùa giải thưởng văn chương năm nay ở Pháp, José Cabanis đã là một tác giả được chú ý. Sau giải thưởng, J. Cabanis càng được chú ý hơn.

Gabriel d'Aubarède tới nói chuyện với J. Cabanis, được tác giả này kể rằng ông thích viết từ hồi mười tuổi, và mơ ước hoàn thành một tác phẩm đồ sộ như *Đi tìm thời gian đã mất*, bởi vì J. Cabanis, say mê M. Proust. G. d'Aubarède phì cười. Không phải cười vì người thì nhỏ mà giấc mơ quá to; nhưng cười vì mơ ước thật to mà thực hiện quá nhỏ: sách của J. Cabanis có cuốn chừng trăm trang, làm sao sánh với tác phẩm của Proust?

J. Cabanis cắt nghĩa: Từng cuốn rời thì truyện của ông mỏng, đóng chung lại nó sẽ dày. Đâu có khó gì! Và chính ông đã cho nhà xuất bản Gallimard tái bản chung năm truyện làm một, hoá ra một cuốn dày trên sáu trăm trang. Truyện của J. Cabanis có đặc điểm như thế: tách rời cũng được, mà nhập lại cũng cứ tốt.

Nói chuyện về cách viết dài như Proust tạm xong, bấy giờ lại nói về chuyện viết văn tắt theo kiểu Gide,

J. Cabanis vội kêu rằng ông rất khoái Gide ông rất chịu lối viết văn tắt, ông ca tụng lối ấy là nhất trên đời: « Trong một tác phẩm văn chương, bất kỳ loại gì, cái bỏ trống, cái được dấu đi, nín đi, cũng quan trọng như là cái gì được viết ra. Nói ra tất cả là giết chết nghệ thuật. Cuốn sách nào cũng đòi hỏi phải có sự cộng tác giữa người viết với người đọc. Người đọc phải đưa vào tác phẩm thật nhiều tâm-tư của mình, mà nếu họ không đủ sức làm như vậy, thì ờ: đó là thứ người đọc mà một văn sĩ không bao giờ nên mơ ước. »

Giữa cái dài dòng của Proust và cái văn tắt của Gide, tiếc rằng G. d'Aubarède không nêu lên cái vừa phải. Biết đâu J. Cabanis không còn một sở thích trung dung nữa?

Nỗi tiếng trong làng văn

Cuốn sách đang làm sôi nổi dư luận Âu Mỹ, được cả thế giới biết tiếng, quấy động linh hồn một vị Tổng thống Hoa kỳ đã mất và quấy động tâm trí đương kim Tổng thống Hoa kỳ không ít, cuốn sách ấy tuy là sách nhưng chưa chắc thuộc vào phạm vi văn chương. Dù sao nó đã lừng lẫy đến thế cũng cần biết về nó ít nhiều.

Quá trình thai nghén và ra đời của nó như thế này. Sau khi chồng chết, bà J. Kennedy thấy cần cho hậu thế biết về cái chết ấy. Bà cần một văn sĩ thuật lại biến cố nọ theo cảm tưởng của bà, theo như bà trông thấy. Thoạt tiên bà nghĩ tới hai nhà báo có tiếng là Theodore White và Walter Lord. Bà đưa ý kiến ra, hai người đều lắc đầu. Bà tiếp tục tìm kiếm nữa. Rốt cuộc, gặp một ký giả khá

lu mờ, tên là William Manchester, nhận lời.

W. Manchester đem ý kiến của bà J. Kennedy ra thực hiện. Ý kiến đó như sau: Ký giả đem máy ghi âm tới nhà bà goá phụ hai lần, tổng cộng độ mười giờ, để ghi hết những lời độc thoại của bà. Ký giả bê máy về nhà, mở các cuộn băng ghi âm ra, và... trước tác. Trước tác như thế xong, phải đưa tác phẩm cho bà J. Kennedy xem lại, rồi lại đưa đến ông Robert Kennedy đọc lần nữa. Hai người này có cùng cho phép, sách của W. Manchester mới được ra đời.

W. Manchester làm y như thế. Bản thảo đưa tới bà Kennedy, bà nhờ mấy người bạn đọc hộ; bản thảo đưa tới ông R. Kennedy, ông này cũng nhờ mấy người bạn đọc giúp. Rồi thì «xà và» sách cho in.

Công chuyện tiến hành nửa chừng, nghe dư luận nổi lên xôn xao, bà Kennedy giật mình. Tuy vậy, bà cũng vẫn thấy chưa tới lúc chính mình phải đọc bản thảo, lại nhờ mấy người bạn nữa giúp cho. Có người báo nguy. Bà đòi cắt một vụn chữ, nhà trước-tác không chịu. Bà phát đơn kiện. Và W. Manchester bèn nổi tiếng khắp thế giới.

«Những hình ảnh đẹp»

Cũng như khi nói về «Một cái chết rất êm ái», lần này Simone de Beauvoir nói về «*Những hình ảnh đẹp*», chữ «*đẹp*» ấy cũng có nghĩa mỉa mai.

Những hình ảnh đẹp ấy là những giá trị cũ kỹ, lỗi thời, ích kỷ, những giá trị đã chết. Chúng ta vẫn sống với những hình ảnh đẹp ấy, lớn lên, rồi già, rồi tàn với cảm tưởng sai lầm ấy. Nhưng một

ngày nào đó nếu chúng ta chợt nhận ra chân tướng của những giá trị ấy, chúng ta sẽ thấy đời mình hoàn toàn trống rỗng. Những giá trị kia chết mất, mà chúng ta chưa kịp tìm ra giá trị nào mới để thay thế.

Trong tác phẩm mới của Simone de Beauvoir, cả ba nhân vật đều thuộc phái nữ: một già, một trẻ con, người thứ ba là thiếu phụ ba mươi tuổi. Chính Laurence — thiếu phụ vừa kể — nhận ra chân tướng của những hình ảnh «*đẹp*».

TRANG THIÊN

SÁCH MỚI

Bách Khoa vừa nhận được:

— **Diệu thuật dưỡng sinh Ohsawa** của Nguyễn Nguyễn Sa, do soạn giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 100 trang, có hình chụp soạn giả cùng đứng với ông bà Ohsawa tại Huế. Giá 40đ.

— **Chị em Hải** truyện dài của Nguyễn Đình Toàn do tập san Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 140 trang, tái bản lần thứ nhất. Giá 30 đ.

— **Mưa đêm cuối năm** tập truyện của Võ Phiến do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng — Sách dày 160 trang gồm 4 truyện: *Mưa đêm cuối năm*, *Lỡ Làng*, *Kề trong đêm khuya*, *Bắn khoãn*. In lần thứ 2, với phụ bản của Phạm Tăng. Giá 52 đ.

— **Hồi chuông tắt lửa** truyện của Thế Nguyên, do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 96 trang, in lần thứ hai, bản đặc biệt. — Bản thường giá 40 đ.

Giáo-sư Đại-học với vấn-đề chuyên-ngữ

Việc chuyên ngữ Đại Học hiện còn đặt ra vì, cho đến nay, vấn đề giảng dạy bằng tiếng Việt vẫn chưa được hoàn tất tại các phân khoa khoa học và các trường cao đẳng kỹ thuật. Đề chu toàn công cuộc đó Hội Khoa học Kỹ thuật Việt-Nam đã đứng ra tổ chức buổi Hội thảo : *«Vấn đề thực hiện tiếng Việt làm chuyên ngữ tại Đại-Học»* vào sáng chủ nhật 15-1-1967 tại thính phòng trường Quốc-gia âm-nhạc.

Mở đầu Bác sĩ Hội trưởng Trần văn Du giới thiệu đề-tài và nhấn mạnh đến khía cạnh khoa học kỹ thuật của vấn đề. Sau đó giáo sư Nguyễn chủng Tú, Khoa trưởng Đại Học Khoa Học trình bày bài thuyết trình đầu tiên. Giáo sư đưa ra 4 phương pháp tạo danh từ : (1) dùng tiếng Việt tương đương với danh từ ngoại quốc, (2) phiên âm danh từ quốc tế theo lối đọc Việt-Nam, (3) tạo một danh từ mới, ta chưa có, nhưng ưu tiên dành cho chữ nôm, chỉ dùng chữ Hán-Việt khi bó buộc, (4) đề nguyên và đọc theo đúng âm tiếng nước đó những tên danh nhân, tỉnh được dùng làm tên đơn vị đo lường hay dụng cụ khoa học. Giáo sư cho vấn đề thống nhất danh từ hiện nay vô cùng cấp bách, và giáo sư đề nghị nhà cầm quyền cho thành lập một Ủy ban Quốc gia thống nhất danh-từ.

Về vấn đề học sinh ngữ, giáo sư quan niệm : thể hệ trẻ cũng phải có khả năng về ngoại ngữ để đặt và dịch danh từ mới vì công việc này không bao giờ hoàn tất trong khi khoa học kỹ thuật tiến bộ không ngừng.

Trong bài thuyết trình thứ hai, giáo sư Đặng vũ Biền, phụ tá Khoa trưởng Đại Học Dược Khoa, trình bày những kinh nghiệm về việc chuyên ngữ ở riêng Dược Khoa. Giáo sư cho biết kể từ niên khóa 1964-1965, trường Dược bắt đầu dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ và cứ lần lần tiến hành lên các lớp trên từng năm một. Trong niên khóa 1966-1967, các năm thứ nhất, thứ nhì và thứ ba, đã hoàn toàn dùng Việt ngữ.

Hiện Trường Dược đang lập một Ủy ban nghiên cứu và soạn thảo danh-từ. Ủy ban này hiện do giáo sư Nguyễn văn Dương làm trưởng ban.

Giáo sư cho biết là ông quan niệm : sinh viên tốt nghiệp rồi vẫn phải trau dồi thêm bằng cách tham khảo sách báo ngoại quốc để thấu thập kinh nghiệm quốc tế. Vì thế, việc trau dồi sinh ngữ là việc đương nhiên.

Bài thuyết trình thứ ba của kỹ sư Bùi huy Thục, xử lý giám đốc Cao đẳng Nông lâm súc. Giáo sư cho biết, vì sinh viên ở nội trú, nên trong thời gian còn giảng dạy bằng tiếng Pháp, giáo sư đã được mục kích lối học bài tiếng Pháp một cách « đau khổ » của sinh viên.

Giáo sư cho biết, bằng vào kinh nghiệm của trường Nông lâm súc : việc đặt và dịch danh từ ban đầu tuy khó khăn nhưng khi những trở ngại ban đầu vượt qua, thì đã thành nếp, công việc tiếp tục dễ dàng.

Trong lãnh vực kỹ thuật cao đẳng nông nghiệp, giáo sư thấy cần phải huấn luyện sinh viên thông thạo một hay nhiều ngoại ngữ. Hai ngoại ngữ

chính thường dùng là Anh và Pháp.

Kỹ sư Nguyễn duy Thu Lương giáo sư tại Trung tâm kỹ-thuật Phú-Thọ trình bày bài thuyết-trình thứ tư. Giáo sư mô tả tỉ mỉ những giai đoạn trong việc đặt hay dịch danh từ. Đề hợp lý hóa danh từ, giáo sư thấy có một cách khá hay : đặt chữ mới tìm vào trong hệ thống danh từ chuyên môn và trong nhiều câu văn. Giáo sư cho biết, riêng giới kỹ thuật hay dùng tiếng của người lao động. Nếu phải dùng tới danh từ Hán-Việt, ta phải chọn chữ cho đúng để có được âm hưởng Việt-Nam và có nghĩa được nhiều người hiểu. Có khi mới đầu nghe kỳ cục, nhưng sau rồi sẽ quen dần. Trong những bản văn khoa-học kỹ thuật, ta phải chú ý đến hai tính cách cần thiết : *khúc chiết* và *chính xác* cho bài văn tránh được lúng túng, khó hiểu, làm mất tính cách khoa học. Có làm như thế, ta mới có thể tạo được một *“nền văn chương kỹ thuật”*.

Bài thuyết trình thứ năm và cũng là bài cuối cùng của giáo sư Nguyễn văn Trung, Đại Học Văn Khoa. Phần đầu tiên giáo sư đưa ra những nhận xét liên quan đến danh từ khoa học nhân văn.

Giáo sư phân biệt hai loại danh từ : danh từ về khoa học toán vật lý hóa và danh từ về khoa học nhân văn.

Danh từ khoa học toán vật lý hóa nhằm bày tỏ cái tổng quát, chân xác, rõ rệt, nên thường chỉ có một nghĩa. Danh từ khoa học nhân văn thường diễn tả cái cá tính, riêng biệt, chủ quan nên mỗi từ có một lịch sử, nghĩa là có thể mặc nhiều nghĩa theo sự diễn tiến của lịch sử, nhất là từ triết học. Cho nên từ *hình vuông* ai cũng hiểu giống nhau mà từ *être, transcendance* có nhiều nghĩa khác nhau, đôi khi trái ngược tùy theo mỗi tác giả. Do đó khi dịch ta phải định nghĩa, giải thích.

Sau khi trình bày về tiêu chuẩn dịch, những tiêu-chuẩn dịch liên quan đến quy luật ngữ vựng, nhân khi nhắc đến danh từ Sử, Địa và thiện chí của Nhóm nghiên cứu Sử Địa không được hưởng ứng rộng rãi, G. s. Nguyễn văn Trung có nhận xét rằng : *“không phải chỉ có thiện chí, cố gắng là làm được chuyên môn, nếu không có một hoàn cảnh xã hội, một chế-độ chính-trị thuận tiện”*. Và ông kết luận : *“Chỉ nguyên sự kiện đến bây giờ mà vẫn còn phải đặt vấn đề chuyên ngữ, và cũng chỉ mới đặt vấn đề thôi, chứng tỏ sự cần thiết phải ý thức được việc thực hiện chuyên môn trước hết là một vấn đề chính trị, một vấn đề tranh đấu chính trị nhằm thiết lập một hoàn cảnh thuận tiện để đương nhiên vấn đề chuyên ngữ ở Đại-Học không đặt ra nữa”*.

Những ý nghĩ cuối cùng này của giáo sư Trung, theo đúng thứ tự đã được phát biểu sau khi giáo sư Nguyễn văn Dương, Bác sĩ Đặng văn Chiêu, tiến sĩ Nguyễn đăng Liêm, giáo sư Vũ quốc Thông cùng ký giả Việt-Băng và nhiều sinh viên khác tham góp ý kiến.

Phần tổng kết ý kiến được dành cho giáo sư Âu trường Thanh. Trong phần tóm tắt ý kiến này, giáo sư Thanh đã nhấn mạnh tới ý nghĩa phải thực hiện bằng được công cuộc chuyên ngữ và đề ra nguyện vọng chính quyền giúp đỡ phương tiện và tài chánh.

TRẦN TRIỆU LUẬT

Hội thảo về Phê bình văn-nghệ

Sáng chủ nhật 15-1-67, đáp lời mời của Hội Ban trẻ em Việt Nam, Hiệp-Hội văn học Nghệ thuật, Hội đồng Bảo vệ tinh thần thanh thiếu nhi, tạp chí Bách-Khoa, tạp chí Tin văn, trên 250 nhân sĩ, trí thức, ký giả văn nghệ sĩ, sinh viên, học sinh và những người quan tâm đến văn học nghệ thuật đã đến dự cuộc hội thảo về Phê bình văn nghệ tổ chức tại trụ sở Hội kỹ sư và Kỹ thuật gia Việt Nam, số 65, đại lộ Hồng Bàng Chợ Lớn.

Trong số các người đến dự, người ta thấy có các nhà văn Hiếu Chân, Nhật Tiến, Thế Nguyên, Văn Trang, Minh Quân, Vũ Hạnh, Vũ Duy, các nhà giáo như ông Bùi hữu Sung, Lê Ngọc Diệp, Thiên Giang, Trần thế Kỳ, bà Tố Tâm, Linh Mục Nguyễn ngọc Lan, ông Trần văn Xuân, Đặng văn Nhâm, các ký giả Hoàng Lan, Thái Bạch, Trần Chi Lăng, Hoài Trinh, Thanh Việt Thanh..

Luật sư Bùi chánh Thời tuyên bố lý do buổi họp, nói rõ là cuộc hội thảo về Phê bình văn nghệ không liên quan gì đến một vấn đề thời sự là vụ đả kích giữa tạp chí Tin văn và nhật báo Sống.

Cuộc hội thảo này nhằm một mục đích cao hơn, lâu dài hơn, là đi tìm một số nguyên tắc hợp lý để làm nền tảng cho sinh hoạt phê bình văn nghệ. Đó là một cách xây dựng văn học và nghệ thuật cụ thể và hợp lý trong giai đoạn hiện tại, đồng thời đó là sự bảo đảm dân chủ trong sinh - hoạt văn nghệ. Luật sư Bùi chánh Thời đã nhấn mạnh hai kỷ luật trong thảo luận là «tuyệt đối không đả động đến đời tư hay chỉ trích một cá nhân nào» và «chỉ chấp nhận mọi ý kiến về văn học nghệ thuật chứ không đề cập đến vấn đề thuộc sinh- hoạt chính trị».

Hai thuyết trình viên là nhà văn Nhật Tiến và ông Nguyễn-ngọc-Lương, chủ-nhiệm Tin Văn.

Nhà văn Nhật Tiến nói về *Vị trí của phê bình văn nghệ*. Ông xác định chỗ đứng của người phê bình là không thể hoàn toàn ở về phía độc giả nghĩa là không thể theo đuôi quần chúng, không thể hoàn toàn ở về phía tác giả, nghĩa là chỉ bợ đỡ và thù tạc, cũng không thể lấy cá nhân của mình làm tiêu-chuẩn để bày tỏ những ý-kiến chủ quan, lệch lạc. Nhiệm vụ của nhà phê bình phải cụ thể, thích hợp với yêu cầu của thực trạng xã hội và lý tưởng văn nghệ, do đó hiện nay nhà phê bình phải hướng về sự phát triển văn hóa dân tộc, chống lại mọi biểu hiện đồi trụy. Như thế nhà phê bình phải vô tư, can đảm, có kiến thức rộng rãi, có lý tưởng văn học nhiệt tình và có nhân cách đảm bảo.

Bài của ông Nguyễn Ngọc Lương nói về dân chủ trong phê - bình phân tích các hiện - tượng phê - bình đã qua và đặt

nặng vấn đề phát triển một phong trào phê bình đúng đắn để xây dựng văn học và nghệ-thuật.

Cuộc góp ý khá sôi nổi và phong phú. Linh mục Nguyễn Ngọc Lan cho rằng : « Sự chụp mũ, vu cáo là những hiện tượng quá lỗi thời và quá xưa cũ, vì nạn nhân đầu tiên của trò chụp mũ dơ bẩn, là Chúa Ki Tô ». Linh mục xác định vấn đề phê bình văn nghệ muốn phát triển không thể tách rời khỏi vấn-đề tự-do ngôn luận được. Giáo sư Bùi Hữu Sùng đặt nặng, « sự cần thiết của phê bình và sự phê bình không chỉ phát triển văn nghệ mà còn phát triển nhân cách nữa ». Nhà văn Hiếu Chân cho rằng phê bình là một công việc khó khăn bậc bèo, song không vì thế mà từ chối nó. « Muốn xây dựng phê bình phải chấm dứt các hiện tượng quái ác của vu cáo, chụp mũ, bôi lọ đời tư » mà ông cũng là nạn nhân dưới chế độ Ngô đình Diệm về phê bình. Ông Đặng Văn Nhâm, chủ nhiệm báo Tiến, xác nhận « mọi hiện tượng xấu xa trong văn học sẽ bị phủ nhò, đào thải, » ký giả Hoài-Trình lên án những ngòi bút lung lạc thanh thiếu niên, đưa đầy lớp trẻ vào con đường cuồng loạn, vô-luân và kêu gọi nhiệm-vụ khẩn cấp của các nhà phê bình. Ký giả Trần chi Lăng minh định rằng ông không thể tuyên bố như một số người là « trong mọi cuộc tranh luận không đứng hẳn về bên nào » mà ông thấy mình « dứt khoát đứng hẳn về một bên, và chỉ một bên mà thôi đó là phía chính nghĩa, phía lẽ phải phía chống đối đời trụy ». Bà Vân-Trang đòi hỏi các nhà phê bình phải có thái độ thận trọng ra sao, phải can đảm như thế nào, phải nhiệt thành vì lý tưởng văn-học và dân tộc. Cựu Đại úy chiến-binh Nguyễn-Hương tuyên bố : « Chiến sĩ hi-sinh là để xây dựng một xã-hội mạnh lành, tiến bộ. Nhà phê bình phải làm nhiệm vụ ấy và chống lại mọi biểu hiện phản bội văn nghệ và dân tộc là gieo rắc dâm ô, hỗn loạn tục-tù vô luân : Ông nói tiếp : « Chúng ta sẽ chiến đấu đến cùng để chống đối tất cả sự dơ bẩn ấy do một bọn đội lốt văn nghệ và báo chí reo rắc trên mảnh đất này. Vì chiến sĩ đã hy sinh và chết trên mảnh đất ấy, phải chết trên mảnh đất của sự trong sạch... »

Cuối cùng tất cả đều đồng ý với nhau rằng : một trong những nguyên nhân làm cho nền văn nghệ miền Nam ngày càng trở nên nghèo nàn, hiện tượng dâm ô đời-trụy ngày càng trở nên trầm trọng là do thiếu một phong trào phê bình sáng tác và phê bình biểu diễn một cách đúng đắn. Đồng ý với nhau rằng có phê bình, văn nghệ mới phát triển, có tranh luận văn học, chân lý mới sáng tỏ, tự do dân chủ trong văn nghệ mới được bảo đảm.

Do đó, toàn thể đã đi đến ba quyết-nghị như sau :

1) Xác nhận sự cần thiết của một phong trào phê-bình văn-nghệ, trong đó mọi

sự trao đổi ý kiến được tự do thực hiện với thái độ khách quan, theo tinh thần tôn trọng nhân cách và phát-huy chân-lý.

2) Hoan nghênh và hậu thuẫn trong mọi hoàn cảnh cho tất cả tác-giả các bài phê bình văn nghệ đã qua; hiện nay và sắp tới, không phân biệt quan điểm và trường phái nghệ thuật, nhằm phát huy nền văn học lành mạnh và tiến bộ, chống đối mọi biểu-hiện dâm ô và đồi trụy, trong ý-hướng bảo tồn và phát triển dân tộc.

3) Yêu cầu chính quyền nhận lấy trách nhiệm về nạn chụp mũ, vu khống và bôi nhọ hiện đã manh nha và đang phát triển trong văn-nghệ giới.

THẾ NHÂN

ĐƯỜNG LÊN

thơ HOÀNG-HUYỀN-THOẠI

*Sương trùng mờ lối bóng cây
 Gió về ru những cánh mây cuối mùa
 Đường lên thác lũ băng quơ
 Ngựa rong bước một — hồn ngơ ngác buồn
 Chênh vênh đồi núi cô đơn
 Trùng sâu hun hút chiều phơn phớt vàng
 Có con chim lạ về ngàn
 Mỗi đôi cánh mỏng bóng hoàng hôn rơi
 Lỡ chiều sợ khách lẻ loi
 Xin buông chậm chậm chiều ôi là chiều*

HỘP THƯ

Bách khoa TD. đã nhận được :

Phủ nhận (Lữ-Hoài Trọng-Ký) — Tưởng niệm (Anh-Trúc — 3 đoàn tâm ca (Đoàn văn Bì) — Vòng trời trôi đi (Huỳnh-ngọc-Hòa) — Tiếng hát (Vinh-Khuê) — Mùa Xuân trên tóc ; Thơ viết trong mùa Xuân, (Hoàng-Đình Huy-Quan) — Anh lùn ở ngã ba thành phố (Trần-quí-Sách) — Chính sách dân vận trong kinh tế (Nguyễn Bá Long) — Khúc hát của nàng; Khúc hát của chàng ; Thôi em về đi; Hát nữa đi em, Điệp khúc ; Thoảng nhạt ; Bài Tuy Hòa — Lời tự-thuật của Thu; Những quả đi (Thành Văn) — Bèo bọt (Lương-Trọng-Minh) — Mấy lần Xuân ; Thư Xuân về mẹ (Thu-Khanh) — Trí tưởng làm người; Hiền trạng ; Cho còn lại; Rồi vậy (Tô-Đình-Sự) — Mùa Xuân hồn mê; Mùa Xuân trong nỗi suy tư (Tần-Hoài Dạ-Vũ) — Lạc lối; Tiếng hát mù sương; Tàn phai (Nguyễn-đông-Thạch) Tư-Sánh và con kiến (Trần-sách-Đặc. Tạ ơn đời, Mẹ Việt-Nam (Minh-Đường). Thèm về (Lê-Nguyễn) Nhập cuộc, Tâm sự (Trần quí Sách) Mang mang, Lâu ngày gặp bạn, buồn riêng, Hẹn xuân, (Nguyễn-Tịnh-Đông). Người đàn bà và đời sống, Âm hưởng 4000 năm, Xin chút đời vui (Liêu-thiên Hoàng Kha). Người đi tìm mùa xuân, Mùa Xuân ở quá khứ (Hoàng-Lộc). Giai nhân, Đề làm gì, Hình ảnh, Trường chinh (Lê-việt-Bằng). Chiều rừng (Lê-chiêu-Hoàng). Nước mắt trong đá, Mùa xuân không hoa (Trường-Thy). Hải băng (Hải Bằng). Viễn ảnh của cuộc chiến-tranh văn-hóa dân-tộc (Hồ-thường-Quân). Giọt buồn trong thơ sáu tám, 5 bài mừng tuổi, Mùa xuân trên cao xa, «Mè Kung».

Xin trân cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ **Thơ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

— *Ô. Vương văn Ký* (Tây ninh). Đã nhận được thư và bài. Rất cảm ơn ông về những nhận xét và lời khen tặng trong thư. «Phủ nhận» bi quan và cảm hận quá sợ khó mà đăng lên được.

— *Ô. Đoàn văn Bì* (Tân Uyên). Sẽ xin trả lời bằng thư riêng.

— *Ô. Hoàng-Đình Huy-Quan* (Tuy Hoà) sẽ đăng lần lần các bài thơ của anh.

— *Ô. Phạm văn Tuấn* (Gia Định). Trân trọng mời ông ghé qua tòa soạn Bách khoa vào những giờ làm việc để được hội ý với ông về mấy bài đã nhận được.

— *Anh Đỗ Tấn* : Đã nhận được thư của anh và rất cảm ơn anh. Hai bài thơ không đăng được vì lý do ngoài ý muốn của Tòa soạn, mong anh thông cảm cho.